

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**  
**(Bachelor program specification)**  
**NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**

*(Ban hành theo Quyết định số 1985<sup>a</sup> /QĐ-ĐHĐT, ngày 03 tháng 9 năm 2019  
của Hiệu trưởng trường Đại học Đồng Tháp)*

**Đồng Tháp, năm 2019**

# MỤC LỤC

Trang

## PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về đơn vị đào tạo và đơn vị cấp bằng
2. Một số thông tin về chương trình đào tạo
3. Mục tiêu đào tạo
4. Thông tin tuyển sinh
5. Điều kiện nhập học
6. Điều kiện tốt nghiệp
7. Ngày tháng phát hành/chỉnh sửa bản mô tả
8. Nơi phát hành

## PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Kiến thức
2. Kỹ năng
3. Phẩm chất đạo đức
4. Mức tự chủ và trách nhiệm
5. Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

## PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy
2. Khung chương trình đào tạo chi tiết
3. Các học phần hình thành kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức theo chuẩn đầu ra đã công bố
4. Kế hoạch đào tạo theo thời gian được thiết kế
5. Hình thức đào tạo và phương pháp giảng dạy
6. Cách thức đánh giá kết quả học tập
7. Điều kiện thực hiện chương trình
8. Hướng dẫn thực hiện và tổ chức chương trình đào tạo

## **PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Thông tin về đơn vị đào tạo và đơn vị cấp bằng**

- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Đồng Tháp
- Đơn vị đào tạo: Khoa Văn hóa - Du lịch

### **2. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

- Tên ngành: Công tác xã hội

Tiếng Việt: Công tác xã hội

Tiếng Anh: Social Work

- Mã số ngành đào tạo: 7760101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Chương trình tham khảo trong và ngoài nước: Chương trình đào tạo ngành CTXH của trường Đại học Mở Tp.HCM, trường Đại học KHXH&NV Tp.HCM
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Cử nhân Công tác xã hội
- Thông tin về kiểm định chất lượng:

### **3. Mục tiêu đào tạo**

Chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội được biên soạn để sinh viên tốt nghiệp nắm vững và thực hành các phương pháp CTXH như: CTXH cá nhân, CTXH nhóm, phát triển cộng đồng. Bên cạnh đó, sinh viên còn có các kiến thức xã hội như Chính sách xã hội, An sinh xã hội và các vấn đề xã hội, Tâm lý học xã hội, Tâm lý học phát triển, các lý thuyết CTXH, ... rèn luyện được các kỹ năng tham vấn với các đối tượng như người cao tuổi, trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người nhiễm HIV, ... người học sẽ có một nền tảng vững chắc để làm việc và nghiên cứu trong lĩnh vực CTXH.

### **4. Thông tin tuyển sinh**

#### **4.1. Đối tượng tuyển sinh:**

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học; người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ GDĐT;

Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được UBND tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hoá học là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học: Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

Quân nhân hoặc công an nhân dân tại ngũ chỉ được dự tuyển khi được cấp có thẩm quyền cho phép đi học; Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau.

4.2. *Phạm vi tuyển sinh:* Cả nước

4.3. *Phương thức tuyển sinh:*

4.3.1. Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia

4.3.2. Xét tuyển theo kết quả học bạ lớp 12 THPT

4.3.3. Xét tuyển kết hợp thi tuyển

4.3.4. Xét tuyển thẳng các ngành sư phạm

## 5. Điều kiện nhập học

Người học nộp các giấy tờ, hồ sơ theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng Đảm bảo chất lượng tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định công nhận người học là sinh viên chính thức của trường.

## 6. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

i) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức độ đình chỉ học tập;

ii) Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo;

iii) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên;

iv) Có giấy chứng nhận Giáo dục quốc phòng - An ninh và giấy chứng nhận Giáo dục thể chất;

v) Có chứng chỉ Ngoại ngữ và chứng chỉ Tin học theo quy định của Nhà trường;

vi) Phải tham gia ít nhất 8 ngày công tác xã hội;

vii) Trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc tốt nghiệp muộn so với thời gian thiết kế của khóa học, sinh viên phải làm đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp;

viii) Hằng năm, Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp vào tháng 2, tháng 6, tháng 8 và tháng 11. Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ vào các quy định về điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách trình Hội đồng xét tốt nghiệp và đề nghị Hiệu trưởng ký Quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Lễ tốt nghiệp được tổ chức vào tháng 7 và tháng 1.

**7. Thời điểm phát hành/chỉnh sửa bản mô tả:** ngày tháng 8 năm 2019

**8. Nơi phát hành:** Trường Đại học Đồng Tháp

## **PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Kiến thức**

- 1.1. Hiểu biết về vai trò, chức năng và cấu trúc hệ thống phúc lợi xã hội; nắm được một cách hệ thống các dịch vụ xã hội được cung cấp ở mức tác nghiệp của hệ thống phúc lợi xã hội.
- 1.2. Hiểu biết về lịch sử phát triển của ngành công tác xã hội trên thế giới và ở Việt Nam với tư cách vừa là một ngành khoa học và vừa là một nghề chuyên môn trong một xã hội phát triển.
- 1.3. Nhận thức được sự phát triển của con người ở các mặt thể chất, nhận thức và tâm lý xã hội qua các giai đoạn phát triển khác nhau; lý giải được mối liên hệ mật thiết giữa hành vi con người và môi trường xã hội.
- 1.4. Am hiểu và vận dụng các lý thuyết công tác xã hội căn bản cũng như các phương pháp thực hành công tác xã hội tổng quát vào quá trình hỗ trợ các hệ thống thân chủ khác nhau như cá nhân, gia đình, nhóm, tổ chức và cộng đồng.
- 1.5. Nắm vững các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp cũng như các yêu cầu về tư cách đạo đức nghề nghiệp công tác xã hội; và biết cách thể hiện chúng quá trình thực hành công tác xã hội.
- 1.6. Có kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học cũng như các phương pháp nghiên cứu công tác xã hội cụ thể bao gồm cả những phương pháp nghiên cứu định lượng lẫn định tính ở mức căn bản.
- 1.7. Am hiểu các vấn đề xã hội trong bối cảnh phát triển của Việt Nam và thế giới; có kiến thức về chính sách xã hội và phân tích được sự tác động của nó thông qua hệ thống các dịch vụ xã hội nhằm giúp giải quyết các vấn đề xã hội.

### **2. Kỹ năng**

#### **2.1. Kỹ năng nghề nghiệp**

- 2.1.1. Có khả năng mô tả và giải thích lịch sử phát triển ngành công tác xã hội trên thế giới cũng như ở Việt Nam cùng những cấu trúc và các chủ đề hiện thời. Có khả năng áp dụng những kiến thức và kỹ năng thực hành công tác xã hội tổng quát đối với cá nhân, gia đình, nhóm, tổ chức và cộng đồng có nhu cầu.
- 2.1.2. Có khả năng làm việc và hỗ trợ các đối tượng yếu thế như trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt, người già, người khuyết tật, ... bằng phương pháp công tác xã hội. Có khả năng áp dụng các quy điều và nguyên tắc đạo đức của nghề công tác xã hội một cách phù hợp trong các hoạt động nghề nghiệp công tác xã hội.
- 2.1.3. Có khả năng áp dụng các kỹ năng tư duy khoa học và tư duy phản biện trong bối cảnh thực hành và nghiên cứu công tác xã hội chuyên nghiệp. Có khả năng đánh giá các kết quả nghiên cứu và xem xét áp dụng chúng một cách phù hợp

vào quá trình can thiệp hoặc hỗ trợ các đối tượng có nhu cầu.

- 2.1.4. Có khả năng tham gia xây dựng và quản lý các dự án liên quan đến phát triển xã hội, bình đẳng giới, phát triển cộng đồng cũng như xóa đói giảm nghèo.
- 2.1.5. Có khả năng tham gia thực hiện các nghiên cứu về an sinh xã hội, chính sách xã hội và thực hành công tác xã hội trong đó bao gồm cả phát triển cộng đồng.
- 2.1.6. Có khả năng thích nghi và hòa nhập với những môi trường nghề nghiệp công tác xã hội, phát triển cộng đồng có tính đa dạng về văn hóa và chủng tộc. Có khả năng kết nối với các tổ chức trong mạng lưới hoạt động chuyên môn nhằm nối kết và chia sẻ tài nguyên phục vụ cho các hoạt động nghề nghiệp.

## 2.2. *Kỹ năng mềm*

- 2.2.1. Có trình độ tin học tương đương trình độ B; sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng như Word, Excel, PowerPoint và phần mềm xử lý số liệu thống kê SPSS; sử dụng thành thạo các công cụ truy tìm dữ liệu và giao tiếp qua mạng máy tính như Google, Email,...
- 2.2.2. Có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trở lên; có kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp xã hội thông thường và trong giao tiếp nghề nghiệp ở mức căn bản.
- 2.2.3. Có kỹ năng giao tiếp xã hội và chuyên môn trong môi trường làm việc với nhiều hình thức khác nhau như lắng nghe và trao đổi trực tiếp, soạn thảo các văn bản chuyên môn, hội họp, thuyết trình, thảo luận nhóm và thương lượng. Có kỹ năng tổ chức, lãnh đạo và làm việc trong nhóm chuyên môn cũng như trong nhóm đa ngành.

## 3. **Phẩm chất đạo đức**

- 3.1. Có phẩm chất chính trị, đạo đức và ý thức phục vụ nhân dân; có ý thức và trách nhiệm công dân; sống và làm việc theo pháp luật.
- 3.2. Có ý thức, đạo đức, trách nhiệm và thái độ đúng đắn đối với nghề nghiệp; có tính trung thực, kỷ luật, cầu tiến, năng động và sáng tạo trong công việc.
- 3.3. Có tinh thần dấn thân của một nhân viên công tác xã hội vì sự phát triển của con người và công bằng xã hội trong quá trình hoạt động nghề nghiệp.

## 4. **Mức tự chủ và trách nhiệm**

- 4.1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- 4.2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
- 4.3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
- 4.4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các

hoạt động.

#### **5. Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp**

Làm nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp trong các lĩnh vực như: sức khỏe, giáo dục, pháp luật, kinh tế, văn hoá - xã hội, hôn nhân và gia đình, môi trường, dân số, truyền thông trong các cơ quan của Nhà nước và của các tổ chức quốc tế.

Làm công chức văn hóa tại các xã, phường, thị trấn. Công chức trong lĩnh vực LĐTĐ&XH tại Sở, Phòng LĐTĐ&XH.

Làm nhân viên CTXH trong lĩnh vực y tế.

Làm nhân viên CTXH trong lĩnh vực giáo dục.

Cung cấp các dịch vụ xã hội và tham vấn tâm lý độc lập.

Giảng dạy và nghiên cứu Công tác xã hội. Nghiên cứu và phân tích chính sách xã hội.

Tham gia thực hiện, điều phối các dự án xã hội và phát triển. Đánh giá tác động các dự án xã hội và phát triển.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường: Học thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành CTXH, xã hội học, ...



### PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy:** 136, trong đó:

- Khối kiến thức đại cương: 30 Bắt buộc: 14 TC  
Tự chọn: 16/26TC
- Khối kiến thức chuyên nghiệp: 90
- Cơ sở ngành: Bắt buộc: 25 TC  
Tự chọn: 24/35 TC
- Chuyên ngành: Bắt buộc: 9 TC  
Tự chọn: 8/18TC
- Thực hành, thực tập nghề nghiệp: 18 TC
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế: 6 TC

**2. Khung chương trình đào tạo chi tiết**

| TT  | Mã HP  | Tên học phần   | Số TC     | Giờ tín chỉ |    | Học phần điều kiện |    |    |
|---|--------|--|-----------|-------------|----|--------------------|----|----|
|   |        |  |           | LT          | TH | HT                 | SH | TQ |
| A. Kiến thức giáo dục đại cương             |        |  | <b>46</b> |             |    |                    |    |    |
| 1.1. Ngoại ngữ                              |        |  | <b>5</b>  |             |    |                    |    |    |
| 1   | GE4410 | Tiếng Anh 1  | 3         |             |    |                    |    |    |
| 2   | GE4411 | Tiếng Anh 2  | 2         |             |    | GE4410             |    |    |
| 1.2. Giáo dục quốc phòng                    |        |  | <b>8</b>  |             |    |                    |    |    |
| 1   | GE4150 | Công tác quốc phòng, an ninh                                 | 2         |             |    | GE4149             |    |    |
| 2   | GE4149 | Đường lối quân sự của Đảng                                   | 3         |             |    |                    |    |    |
| 3   | GE4153 | Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK | 3         |             |    | GE4150             |    |    |
| 1.3. Giáo dục thể chất                      |        |  | <b>3</b>  |             |    |                    |    |    |
| 1.3.1. Học phần bắt buộc                    |        |  | <b>1</b>  |             |    |                    |    |    |
| 1   | GE4306 | Giáo dục thể chất 1  | 1         |             |    |                    |    |    |
| 1.3.2. Học phần tự chọn (chọn ít nhất 2 TC) |        |  | <b>2</b>  |             |    |                    |    |    |
| 1   | GE4321 | Bóng đá  | 2         |             |    | GE4306             |    |    |
| 2   | GE4323 | Cầu lông   | 2         |             |    | GE4306             |    |    |
| 3   | GE4327 | Cờ vua   | 2         |             |    | GE4306             |    |    |
| 4   | GE4322 | Bóng chuyền  | 2         |             |    | GE4306             |    |    |
| 5   | GE4324 | Khiêu vũ thể thao  | 2         |             |    | GE4306             |    |    |
| 6   | GE4326 | Võ thuật Karatedo  | 2         |             |    | GE4306             |    |    |
| 7   | GE4325 | Võ thuật Vovinam   | 2         |             |    | GE4306             |    |    |
| 8   | GE4331 | Bơi lội  | 2         |             |    | GE4306             |    |    |
| 1.4. Đại cương chung                        |        |  | <b>30</b> |             |    |                    |    |    |
| 1.4.1 Học phần bắt buộc                     |        |  | <b>14</b> |             |    |                    |    |    |
| 1   | GE4091 | Triết học Mác - Lênin  | 3         | 45          |    |                    |    |    |
| 2   | GE4092 | Kinh tế chính trị Mác- Lênin                                 | 2         | 30          |    | GE4091             |    |    |

|   |         |   |           |    |    |        |  |  |
|---|---------|---|-----------|----|----|--------|--|--|
| 3   | GE4093  | Chủ nghĩa xã hội khoa học                 | 2         | 30 |    | GE4092 |  |  |
| 4   | GE4094  | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam            | 2         | 30 |    | GE4093 |  |  |
| 5   | GE4056  | Tư tưởng Hồ Chí Minh                      | 2         | 30 |    | GE4092 |  |  |
| 6   | SO4450  | Nhập môn nghề nghiệp                      | 3         | 45 |    |        |  |  |
| 1.4.2 Học phần tự chọn (chọn ít nhất 16 TC) |         |   | <b>16</b> |    |    |        |  |  |
| 1   | GE4045  | Tâm lý học đại cương                      | 2         | 30 |    |        |  |  |
| 2   | GE4049  | Tiếng việt thực hành                      | 2         | 30 |    |        |  |  |
| 3   | SO4046  | Thống kê xã hội                           | 2         | 30 |    |        |  |  |
| 4   | GE4003  | Cơ sở văn hóa Việt Nam                    | 2         | 30 |    |        |  |  |
| 5   | GE4028  | Lôgic học đại cương                       | 2         | 30 |    |        |  |  |
| 6   | GE4022  | Khoa học giao tiếp đại cương              | 2         | 30 |    |        |  |  |
| 7   | GE4027  | Lịch sử Việt Nam đại cương                | 2         | 30 |    |        |  |  |
| 8   | MHM     | CTXH với người có tôn giáo                | 2         | 30 |    |        |  |  |
| 9   | GE4061  | Xã hội học đại cương                      | 2         | 30 |    |        |  |  |
| 10  | GE4026  | Lịch sử văn minh thế giới                 | 2         | 30 |    |        |  |  |
| 11  | GE4006  | Dân tộc học                               | 2         | 30 |    |        |  |  |
| 12  | MH mới  | Truyền thông đại chúng                    | 2         | 30 |    |        |  |  |
| 13  | GE4039  | Pháp luật Việt Nam đại cương              | 2         | 30 |    |        |  |  |
| B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp    |         |   | 90        |    |    |        |  |  |
| 1. Kiến thức cơ sở ngành                    |         |   | 49        |    |    |        |  |  |
| 1.1 Học phần bắt buộc                       |         |   | <b>25</b> |    |    |        |  |  |
| 1   | SO4101  | An sinh xã hội và những vấn đề xã hội     | 3         | 45 |    |        |  |  |
| 2   | SO4013  | Các lý thuyết trong công tác xã hội       | 2         | 30 |    |        |  |  |
| 3   | SO4102  | Chính sách xã hội                         | 3         | 45 |    |        |  |  |
| 4   | SO4444  | Khởi nghiệp                               | 3         | 45 |    |        |  |  |
| 5   | SO4375  | Tham vấn                                  | 3         | 45 |    |        |  |  |
| 6   | SO4107  | Sức khỏe tâm thần                         | 3         | 45 |    |        |  |  |
| 7   | SO4002  | Gia đình học                              | 3         | 45 |    |        |  |  |
| 8   | SO4008  | Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu xã hội | 3         | 45 |    |        |  |  |
| 9   | SO4004N | Hành vi con người và MT xã hội            | 2         | 30 |    |        |  |  |
| 1.2 Học phần tự chọn ( Chọn ít nhất 24 TC)  |         |   | <b>24</b> |    |    |        |  |  |
| 1   | SO4001  | Công tác xã hội với trẻ em                | 2         | 30 |    |        |  |  |
| 2   | SO4016N | Công tác xã hội với người cao tuổi        | 3         | 45 |    |        |  |  |
| 3   | MH mới  | Thực hành công tác xã hội trong bệnh viện | 2         | 15 | 30 |        |  |  |
| 4   | SO4105  | Phần mềm xử lý SPSS                       | 2         | 15 | 30 |        |  |  |
| 5   | SO4106  | Quản lý dự án                             | 3         | 45 |    |        |  |  |
| 6   | SO4108  | Tâm lý học phát triển                     | 2         | 30 |    |        |  |  |
| 7   | SO4109  | Tâm lý học xã hội                         | 2         | 30 |    |        |  |  |
| 8   | MH mới  | Sức khỏe cộng đồng                        | 2         | 30 |    |        |  |  |
| 9   | SO4476  | Công tác xã hội trong trường học          | 3         | 45 |    |        |  |  |

|   |         |   |            |    |     |  |  |
|---|---------|---|------------|----|-----|--|--|
| 10  | SO4113  | Công tác xã hội với người<br>nghịên                   | 3          | 45 |     |  |  |
| 11  | SO4113  | Công tác xã hội trong bệnh viện                       | 3          | 45 |     |  |  |
| 12  | SO4003N | Giới và phát triển                                    | 2          | 30 |     |  |  |
| 13  | SO4018  | Quản lý ca  | 2          | 30 |     |  |  |
| 14  | SO4100N | An sinh nhi đồng và gia đình                          | 2          | 30 |     |  |  |
| 15  | SO4117  | Giáo dục giới tính và sức khỏe<br>sinh sản            | 2          | 30 |     |  |  |
| <b>II. Kiến thức chuyên ngành</b>                   |         |   | <b>17</b>  |    |     |  |  |
| 2.1. Nhóm bắt buộc                                  |         |   | <b>9</b>   |    |     |  |  |
| 1   | SO4272  | Công tác xã hội với cá nhân                           | 3          | 45 |     |  |  |
| 2   | SO4374  | Công tác xã hội nhóm                                  | 3          | 45 |     |  |  |
| 3   | SO4271N | Tổ chức và phát triển cộng đồng                       | 3          | 45 |     |  |  |
| 2.2. Học phần tự chọn                               |         |   | <b>8</b>   |    |     |  |  |
| 2.2.1. Nhóm tự chọn 1 (chọn ít nhất 2 TC)           |         |   | 2          |    |     |  |  |
| 1   | MH mới  | Kỹ năng thuyết trình và làm việc<br>nhóm              | 2          | 30 |     |  |  |
| 2   | MH mới  | Kỹ năng quản trò                                      | 2          | 30 |     |  |  |
| 3   | MH mới  | Kỹ năng dẫn chương trình                              | 2          | 30 |     |  |  |
| 2.2.2. Nhóm tự chọn 2 (chọn ít nhất 2 TC)           |         |   | 2          |    |     |  |  |
| 1   | SO4007N | Phát triển học  | 2          | 30 |     |  |  |
| 2   | SO4000  | Công tác xã hội với người<br>khuyết tật               | 2          | 30 |     |  |  |
| 3   | SO4010N | Quản trị trong công tác xã hội                        | 2          | 30 |     |  |  |
| 2.2.3. Nhóm tự chọn 3 (chọn ít nhất 4 TC)           |         |   | 4          |    |     |  |  |
| 1   | SO4116  | Công tác xã hội với khỏe tâm<br>thần thanh thiếu niên | 2          | 30 |     |  |  |
| 2   | SO4110  | Tham vấn người bị nhiễm<br>HIV/AIDS                   | 2          | 30 |     |  |  |
| 3   | MH mới  | CTXH với trẻ em tự kỷ                                 | 2          | 30 |     |  |  |
| <b>II. Thực hành, thực tập nghề nghiệp</b>          |         |   | <b>18</b>  |    |     |  |  |
| 1   | SO4400N | Rèn luyện nghiệp vụ 1                                 | 2          | 30 |     |  |  |
| 2   | SO4401N | Rèn luyện nghiệp vụ 2                                 | 2          | 30 |     |  |  |
| 3   | SO4402  | Thực hành CTXH 1                                      | 3          | 15 | 60  |  |  |
| 4   | SO4403  | Thực hành CTXH 2                                      | 3          | 15 | 60  |  |  |
| 5   | SO4404N | Thực tập tốt nghiệp                                   | 6          |    | 180 |  |  |
| 6   | SO4405  | Thực tế chuyên môn 1                                  | 1          |    | 30  |  |  |
| 7   | SO4406  | Thực tế chuyên môn 2                                  | 1          |    | 30  |  |  |
| <b>III. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế</b> |         |   | <b>6</b>   |    |     |  |  |
| 3.1. Khóa luận tốt nghiệp                           |         |   | 6          |    |     |  |  |
| 1   | SO4298  | Khóa luận tốt nghiệp                                  | 6          |    | 180 |  |  |
| 3.2. Học phần thay thế                              |         |   | 6          |    |     |  |  |
| 1   | MH mới  | CTXH với cộng đồng LGBT                               | 2          | 30 |     |  |  |
| 2   | SO4118  | Công tác xã hội với tội phạm                          | 2          | 30 |     |  |  |
| 3   | SO4119  | Kiểm huấn trong CTXH                                  | 2          | 30 |     |  |  |
| <b>Tổng số TCTL</b>                                 |         |   | <b>136</b> |    |     |  |  |

**3. Các học phần hình thành kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức theo chuẩn đầu ra đã công bố (theo thứ tự các học phần của CTĐT)**

| TT  | Mã HP  | Tên học phần   | Chuẩn đầu ra |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
|---|--------|--|--------------|---|---|---|---|---|---|---------|-----|-----|-----|-----|-----|-----------|---|---|--|
|   |        |  | Kiến thức    |   |   |   |   |   |   | Kỹ năng |     |     |     |     |     | Phẩm chất |   |   |  |
|   |        |  | 1            | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 1.1     | 1.2 | 1.3 | 1.4 | 1.5 | 1.6 | 1         | 2 | 3 |  |
| A. Kiến thức giáo dục đại cương             |        |  |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 1.1. Ngoại ngữ                              |        |  |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 1   | GE4410 | Tiếng Anh 1  |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 2   | GE4411 | Tiếng Anh 2  |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 1.2. Giáo dục quốc phòng                    |        |  |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 1   | GE4150 | Công tác quốc phòng, an ninh                                 |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 2   | GE4149 | Đường lối quân sự của Đảng                                   |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 3   | GE4153 | Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 1.3. Giáo dục thể chất                      |        |  |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 1.3.1. Học phần bắt buộc                    |        |  |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 1   | GE4306 | Giáo dục thể chất 1  |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 1.3.2. Học phần tự chọn (chọn ít nhất 2 TC) |        |  |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 1   | GE4321 | Bóng đá  |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 2   | GE4323 | Cầu lông   |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 3   | GE4327 | Cờ vua   |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 4   | GE4322 | Bóng chuyền  |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 5   | GE4324 | Khiêu vũ thể thao  |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 6   | GE4326 | Võ thuật Karatedo  |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 7   | GE4325 | Võ thuật Vovinam   |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 8   | GE4331 | Bơi lội  |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 1.4. Đại cương chung                        |        |  |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 1.4.1 Học phần bắt buộc                     |        |  |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 1   | GE4091 | Triết học Mác - Lênin  |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 2   | GE4092 | Kinh tế chính trị Mác- Lênin                                 |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 3   | GE4093 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                                    |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |
| 4   | GE4094 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                               |              |   |   |   |   |   |   |         |     |     |     |     |     |           |   |   |  |

|   |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |
|---|---------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|---|---|---|
| 5   | GE4056  | Tư tưởng Hồ Chí Minh                      |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |
| 6   | SO4450  | Nhập môn nghề nghiệp                      | 5 | 4 |   |   |   |   | 5 | 3 |   |   |   |  |   | 5 | 5 |
| 1.4.2 Học phần tự chọn (chọn ít nhất 17 TC) |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |
| 1   | GE4045  | Tâm lý học đại cương                      |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |
| 2   | GE4049  | Tiếng việt thực hành                      |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |
| 3   | SO4046  | Thống kê xã hội                           |   |   | 4 | 5 |   |   |   | 3 |   |   |   |  |   |   | 3 |
| 4   | GE4003  | Cơ sở văn hóa Việt Nam                    |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |
| 5   | GE4028  | Lôgic học đại cương                       |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |
| 6   | GE4022  | Khoa học giao tiếp đại cương              |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |
| 7   | GE4027  | Lịch sử Việt Nam đại cương                |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |
| 8   | MHM     | CTXH với người có tôn giáo                |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |
| 9   | GE4061  | Xã hội học đại cương                      |   | 4 |   |   |   | 4 |   |   | 3 | 4 |   |  |   |   | 4 |
| 10  | GE4026  | Lịch sử văn minh thế giới                 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |
| 11  | GE4006  | Dân tộc học                               |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |
| 12  | MH mới  | Truyền thông đại chúng                    |   | 3 |   | 4 |   |   |   |   | 3 |   |   |  | 4 |   | 4 |
| 13  | GE4039  | Pháp luật Việt Nam đại cương              |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |
| B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp    |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |
| 1. Kiến thức cơ sở ngành                    |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |
| 1.1 Học phần bắt buộc                       |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |
| 1   | SO4101  | An sinh xã hội và những vấn đề xã hội     | 6 | 5 |   |   |   |   |   |   | 3 |   |   |  | 4 |   | 4 |
| 2   | SO4013  | Các lý thuyết trong công tác xã hội       | 4 | 5 |   |   |   |   |   | 3 |   |   |   |  | 4 | 3 | 4 |
| 3   | SO4102  | Chính sách xã hội                         | 6 |   |   |   |   | 4 |   |   | 3 |   |   |  | 4 |   | 4 |
| 4   | SO4444  | Khởi nghiệp                               |   |   |   |   | 3 | 4 |   |   |   | 4 | 4 |  |   |   | 4 |
| 5   | SO4375  | Tham vấn                                  |   |   |   | 5 | 4 |   |   |   | 4 | 3 |   |  |   | 3 |   |
| 6   | SO4107  | Sức khỏe tâm thần                         |   |   |   |   | 5 | 4 |   |   |   | 3 | 4 |  |   | 3 | 4 |
| 7   | SO4002  | Gia đình học                              |   |   |   | 4 | 4 |   |   | 4 | 3 |   |   |  | 4 | 4 |   |
| 8   | SO4008  | Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu xã hội |   |   |   |   |   | 5 | 4 |   |   |   | 3 |  | 4 |   | 3 |
| 9   | SO4004N | Hành vi con                               |   |   | 6 | 4 |   |   |   |   |   | 3 |   |  |   | 4 | 3 |

|  |         |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |
|--|---------|---|--|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|---|---|---|
|  |         | người và MT xã hội                        |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |
| 1.2 Học phần tự chọn ( Chọn ít nhất 24 TC) |         |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   | 3 |
| 1  | SO4001  | Công tác xã hội với trẻ em                |  | 6 |   |   | 5 |   | 4 |   |   |   |   |  |  |  |   |   | 3 |
| 2  | MH mới  | Công tác xã hội với người cao tuổi        |  | 4 |   |   | 4 |   |   | 5 |   |   |   |  |  |  |   |   | 3 |
| 3  | MH mới  | Thực hành công tác xã hội trong bệnh viện |  | 4 |   |   | 5 |   |   |   | 5 |   |   |  |  |  |   |   | 3 |
| 4  | SO4105  | Phần mềm xử lý SPSS                       |  |   |   |   | 5 |   | 4 |   |   |   | 4 |  |  |  |   |   | 4 |
| 5  | SO4106  | Quản lý dự án                             |  | 4 |   |   | 5 |   |   |   | 4 |   |   |  |  |  |   |   | 4 |
| 6  | SO4108  | Tâm lý học phát triển                     |  |   |   | 4 | 4 |   |   |   |   |   | 5 |  |  |  |   |   | 4 |
| 7  | SO4109  | Tâm lý học xã hội                         |  |   |   | 4 | 5 |   |   |   |   |   | 5 |  |  |  |   |   | 4 |
| 8  | MH mới  | Sức khỏe cộng đồng                        |  |   |   | 4 | 4 | 3 | 4 |   |   |   | 5 |  |  |  |   |   | 4 |
| 9  | MH mới  | Công tác xã hội trong trường học          |  | 4 |   |   | 5 |   |   |   |   |   |   |  |  |  | 5 |   | 4 |
| 10   | MH mới  | Công tác xã hội với người nghiện          |  |   |   | 4 | 5 |   |   |   |   |   | 5 |  |  |  |   |   | 4 |
| 11   | SO4113  | Công tác xã hội trong bệnh viện           |  |   |   | 4 | 5 |   |   |   | 4 |   |   |  |  |  |   |   | 4 |
| 12   | SO4003N | Giới và phát triển                        |  |   |   | 4 |   |   | 4 |   |   |   | 5 |  |  |  |   |   | 4 |
| 13   | SO4018  | Quản lý ca                                |  |   |   | 4 | 5 |   |   | 4 |   |   |   |  |  |  |   |   | 3 |
| 14   | SO4100N | An sinh nhi đồng và gia đình              |  | 4 |   |   |   |   | 4 |   |   |   |   |  |  |  | 5 |   | 3 |
| 15   | SO4117  | Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản   |  | 4 |   |   |   |   | 5 |   |   |   |   |  |  |  | 4 | 4 |   |
| II. Kiến thức chuyên ngành                 |         |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |
| 2.1. Nhóm bắt buộc                         |         |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |
| 1  | SO4272  | Công tác xã hội với cá nhân               |  | 4 | 5 |   |   |   |   | 4 |   |   |   |  |  |  |   |   | 3 |
| 2  | SO4374  | Công tác xã hội nhóm                      |  |   | 5 |   | 5 |   |   |   | 4 |   |   |  |  |  |   |   | 3 |
| 3  | SO4271N | Tổ chức và phát triển cộng đồng           |  |   | 4 |   | 4 |   |   |   |   | 3 |   |  |  |  |   |   | 3 |
| 2.2. Học phần tự chọn                      |         |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |
| 2.2.1. Nhóm tự chọn 1 (chọn ít nhất 2 TC)  |         |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |
| 1  | MH mới  | Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm     |  | 3 | 4 |   |   |   |   | 3 |   | 3 |   |  |  |  |   |   | 4 |
| 2  | MH mới  | Kỹ năng quản trò                          |  |   | 4 | 4 |   |   |   |   |   | 4 | 3 |  |  |  |   |   | 4 |
| 3  | MH mới  | Kỹ năng dẫn chương trình                  |  |   |   | 4 | 3 |   |   |   |   | 4 | 4 |  |  |  |   |   | 4 |
| 2.2.2. Nhóm tự chọn 2 (chọn ít nhất        |         |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |   |   |   |

|  |         |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|--|---------|--|--|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 TC)  |         |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1  | SO4007N | Phát triển học                                     |  | 3 | 4 |   |   |   |   | 3 |   |   |   |   |   |   |   | 3 |   |
| 2  | SO4000  | Công tác xã hội với người khuyết tật               |  |   | 4 | 4 |   |   |   | 3 |   |   |   |   |   |   |   |   | 3 |
| 3  | SO4010N | Quản trị trong công tác xã hội                     |  |   |   | 4 | 3 |   |   |   | 4 |   |   |   |   |   |   |   | 3 |
| 2.2.3. Nhóm tự chọn 3 (chọn ít nhất 4 TC)    |         |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1  | SO4116  | Công tác xã hội với khỏe tâm thần thanh thiếu niên |  |   |   | 4 |   |   | 4 |   | 3 |   |   |   |   | 4 |   | 3 |   |
| 2  | SO4110  | Tham vấn người bị nhiễm HIV/AIDS                   |  |   |   |   | 4 |   | 4 |   |   | 4 | 3 |   |   |   |   |   | 3 |
| 3  | MH mới  | CTXH với trẻ em tự kỷ                              |  |   |   |   | 3 | 4 |   |   |   |   | 3 | 4 |   |   |   | 3 |   |
| II. Thực hành, thực tập nghề nghiệp          |         |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1  | SO4400N | Rèn luyện nghiệp vụ 1                              |  |   |   |   | 5 |   | 4 |   | 3 |   |   |   |   |   |   | 4 |   |
| 2  | SO4401N | Rèn luyện nghiệp vụ 2                              |  |   |   |   | 4 | 4 |   |   |   | 3 |   |   |   |   |   |   | 4 |
| 3  | SO4402  | Thực hành CTXH 1                                   |  |   |   |   | 4 |   | 4 |   |   |   | 4 | 3 |   |   |   |   | 3 |
| 4  | SO4403  | Thực hành CTXH 2                                   |  |   |   |   | 4 |   | 4 |   |   |   |   | 3 |   |   |   |   | 3 |
| 5  | SO4404N | Thực tập tốt nghiệp                                |  |   |   |   | 4 |   | 4 |   |   |   |   |   | 4 |   |   |   | 3 |
| 6  | SO4405  | Thực tế chuyên môn 1                               |  |   |   |   |   | 4 | 4 |   |   |   |   |   |   |   | 5 |   | 3 |
| 7  | SO4406  | Thực tế chuyên môn 2                               |  |   |   |   |   | 4 | 4 |   |   |   |   |   | 3 |   |   |   | 4 |
| III. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế |         |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3.1. Khóa luận tốt nghiệp                    |         |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1  | SO4298  | Khóa luận tốt nghiệp                               |  |   |   |   | 4 |   |   | 4 |   |   |   | 4 | 3 |   |   |   | 4 |
| 3.2. Học phần thay thế                       |         |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1  | MH mới  | CTXH với cộng đồng LGBT                            |  |   |   |   | 4 |   |   | 3 |   | 3 | 3 |   |   |   |   | 4 |   |
| 2  | SO4118  | Công tác xã hội với tội phạm                       |  |   |   |   |   | 4 |   | 5 |   |   | 3 | 4 |   |   |   |   | 4 |
| 3  | SO4119  | Kiểm huấn trong CTXH                               |  |   |   |   |   |   | 4 | 3 |   |   |   |   | 3 | 4 |   | 4 |   |
| <b>Tổng số TCTL</b>                          |         |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

#### 4. Kế hoạch đào tạo theo thời gian

| TT | Mã HP   | Tên học phần   | Số TC | Học kỳ |   |   |   |   |   |   |   |  |  |
|----|---------|--|-------|--------|---|---|---|---|---|---|---|--|--|
|    |         |  |       | 1      | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |  |  |
| 1  | SO4450  | Nhập môn nghề nghiệp   | 3     | 3      |   |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 2  | GE4306  | Giáo dục thể chất 1  | 1     | 1      |   |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 3  | GE4410  | Tiếng Anh 1  | 3     | 3      |   |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 4  | GE4003  | Cơ sở văn hóa Việt Nam                                       | 2     | 2      |   |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 5  | GE4028  | Lôgic học đại cương  | 2     | 2      |   |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 6  | GE4022  | Khoa học giao tiếp đại cương                                 | 2     | 2      |   |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 7  | SO4101  | An sinh xã hội và những vấn đề xã hội                        | 3     | 3      |   |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 8  | GE4045  | Tâm lý học đại cương   | 2     | 2      |   |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 9  | GE4049  | Tiếng việt thực hành   | 2     | 2      |   |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 10 | GE4091  | Triết học Mác - Lênin  | 3     | 3      |   |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 11 | GE4061  | Xã hội học đại cương   | 2     | 2      |   |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 12 | GE4026  | Lịch sử văn minh thế giới                                    | 2     | 2      |   |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 13 | GE4411  | Tiếng Anh 2  | 2     |        | 2 |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 14 | GE4149  | Đường lối quân sự của Đảng                                   | 3     |        | 3 |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 15 | GE4321  | Bóng đá  | 2     |        | 2 |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 16 | GE4323  | Cầu lông   | 2     |        | 2 |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 17 | GE4327  | Cờ vua   | 2     |        | 2 |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 18 | GE4322  | Bóng chuyền  | 2     |        | 2 |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 19 | GE4324  | Khiêu vũ thể thao  | 2     |        | 2 |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 20 | GE4326  | Võ thuật Karatedo  | 2     |        | 2 |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 21 | GE4325  | Võ thuật Vovinam   | 2     |        | 2 |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 22 | GE4331  | Bơi lội  | 2     |        | 2 |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 23 | GE4092  | Kinh tế chính trị Mác- Lênin                                 | 2     |        | 2 |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 24 | SO4046  | Thống kê xã hội  | 2     |        | 2 |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 25 | MHM     | CTXH với người có tôn giáo                                   | 2     |        | 2 |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 26 | GE4006  | Dân tộc học  | 2     |        | 2 |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 27 | GE4039  | Pháp luật Việt Nam đại cương                                 | 2     |        | 2 |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 28 | SO4400N | Rèn luyện nghiệp vụ 1  | 2     |        | 2 |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 29 | SO4405  | Thực tế chuyên môn 1   | 1     |        | 1 |   |   |   |   |   |   |  |  |
| 30 | GE4150  | Công tác quốc phòng, an ninh                                 | 2     |        |   | 2 |   |   |   |   |   |  |  |
| 31 | GE4093  | Chủ nghĩa xã hội khoa học                                    | 2     |        |   | 2 |   |   |   |   |   |  |  |
| 32 | GE4056  | Tư tưởng Hồ Chí Minh   | 2     |        |   | 2 |   |   |   |   |   |  |  |
| 33 | GE4027  | Lịch sử Việt Nam đại cương                                   | 2     |        |   | 2 |   |   |   |   |   |  |  |
| 34 | MH mới  | Nhập môn truyền thông đại chúng                              | 2     |        |   | 2 |   |   |   |   |   |  |  |
| 35 | SO4105  | Phần mềm xử lý SPSS  | 2     |        |   | 2 |   |   |   |   |   |  |  |
| 36 | SO4108  | Tâm lý học phát triển  | 2     |        |   | 2 |   |   |   |   |   |  |  |
| 37 | SO4271N | Tổ chức và phát triển cộng đồng                              | 3     |        |   | 3 |   |   |   |   |   |  |  |
| 38 | SO4401N | Rèn luyện nghiệp vụ 2  | 2     |        |   | 2 |   |   |   |   |   |  |  |
| 39 | SO4402  | Thực hành CTXH 1   | 3     |        |   |   | 3 |   |   |   |   |  |  |
| 40 | SO4375  | Tham vấn   | 3     |        |   |   | 3 |   |   |   |   |  |  |
| 41 | GE4153  | Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK | 3     |        |   |   | 3 |   |   |   |   |  |  |
| 42 | GE4094  | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                               | 2     |        |   |   | 2 |   |   |   |   |  |  |
| 43 | SO4008  | Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu xã hội                    | 3     |        |   |   | 3 |   |   |   |   |  |  |



|    |         |  |   |  |  |  |   |  |   |   |
|----|---------|--|---|--|--|--|---|--|---|---|
| 44 | SO4406  | Thực tế chuyên môn 2                                   | 1 |  |  |  | 1 |  |   |   |
| 45 | SO4272  | Công tác xã hội với cá nhân                            | 3 |  |  |  | 3 |  |   |   |
| 46 | SO4374  | Công tác xã hội nhóm                                   | 3 |  |  |  | 3 |  |   |   |
| 47 | SO4106  | Quản lý dự án  | 3 |  |  |  | 3 |  |   |   |
| 48 | SO4109  | Tâm lý học xã hội                                      | 2 |  |  |  | 2 |  |   |   |
| 49 | SO4002  | Gia đình học   | 3 |  |  |  | 3 |  |   |   |
| 50 | SO4003N | Giới và phát triển                                     | 2 |  |  |  | 3 |  |   |   |
| 51 | SO4117  | Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản                | 2 |  |  |  | 5 |  |   |   |
| 52 | MH mới  | Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm                  | 2 |  |  |  | 2 |  |   |   |
| 53 | MH mới  | Kỹ năng quản trò                                       | 2 |  |  |  | 2 |  |   |   |
| 54 | MH mới  | Kỹ năng dẫn chương trình                               | 2 |  |  |  | 2 |  |   |   |
| 55 | SO4403  | Thực hành CTXH 2                                       | 3 |  |  |  |   |  | 3 |   |
| 56 | SO4018  | Quản lý ca   | 2 |  |  |  |   |  | 2 |   |
| 57 | SO4100N | An sinh nhi đồng và gia đình                           | 2 |  |  |  |   |  | 2 |   |
| 58 | MH mới  | Sức khỏe cộng đồng                                     | 2 |  |  |  |   |  | 2 |   |
| 59 | SO4115  | Công tác xã hội trong trường học                       | 3 |  |  |  |   |  | 3 |   |
| 60 | SO4476  | Công tác xã hội với người nghiện                       | 3 |  |  |  |   |  | 3 |   |
| 61 | MH mới  | Thực hành công tác xã hội trong bệnh viện              | 2 |  |  |  |   |  | 2 |   |
| 62 | SO4001  | Công tác xã hội với trẻ em                             | 2 |  |  |  |   |  | 2 |   |
| 63 | SO4013  | Các lý thuyết trong công tác xã hội                    | 2 |  |  |  |   |  | 2 |   |
| 64 | SO4102  | Chính sách xã hội                                      | 3 |  |  |  |   |  | 3 |   |
| 65 | SO4444  | Khởi nghiệp  | 3 |  |  |  |   |  | 3 |   |
| 66 | SO4007N | Phát triển học   | 2 |  |  |  |   |  | 2 |   |
| 67 | SO4000  | Công tác xã hội với người khuyết tật                   | 2 |  |  |  |   |  | 2 |   |
| 68 | SO4010N | Quản trị trong công tác xã hội                         | 2 |  |  |  |   |  | 2 |   |
| 69 | SO4107  | Sức khỏe tâm thần                                      | 3 |  |  |  |   |  |   | 3 |
| 70 | SO4004N | Hành vi con người và MT xã hội                         | 2 |  |  |  |   |  |   | 2 |
| 71 | MH mới  | Công tác xã hội với người cao tuổi                     | 3 |  |  |  |   |  |   | 3 |
| 72 | SO4113  | Công tác xã hội trong bệnh viện                        | 3 |  |  |  |   |  |   | 3 |
| 73 | SO4116  | Công tác xã hội với sức khỏe tâm thần thanh thiếu niên | 2 |  |  |  |   |  |   | 2 |
| 74 | SO4110  | Tham vấn người bị nhiễm HIV/AIDS                       | 2 |  |  |  |   |  |   | 2 |
| 75 | SO4111  | Tham vấn trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn            | 2 |  |  |  |   |  |   | 2 |
| 76 | MH mới  | CTXH với trẻ em tự kỷ                                  | 2 |  |  |  |   |  |   | 2 |
| 77 | SO4404N | Thực tập tốt nghiệp                                    | 6 |  |  |  |   |  |   | 6 |
| 78 | SO4298  | Khóa luận tốt nghiệp                                   | 6 |  |  |  |   |  |   | 6 |
| 79 | MH mới  | CTXH với cộng đồng LGBT                                | 2 |  |  |  |   |  |   | 2 |
| 80 | SO4118  | Công tác xã hội với tội phạm                           | 2 |  |  |  |   |  |   | 2 |
| 81 | SO4119  | Kiểm huấn trong CTXH                                   | 2 |  |  |  |   |  |   | 2 |

## 5. Hình thức đào tạo và phương pháp giảng dạy

### 5.1. Hình thức đào tạo: Chính quy

## 5.2. Phương pháp giảng dạy <sup>(4)</sup>

Phương pháp giảng dạy chủ động lấy người học làm trung tâm, chú trọng rèn luyện phương pháp tự học, phối hợp hoạt động học tập cá nhân và làm việc nhóm. Giảng viên là người hướng dẫn, tổ chức hoạt động. Kết hợp đánh giá kết quả học tập của giảng viên và tự đánh giá của sinh viên. Cụ thể gồm các phương pháp cơ bản như sau:

Phương pháp động não

Phương pháp suy nghĩ – từng cặp – chia sẻ

Phương pháp học tập dựa trên vấn đề

Phương pháp hoạt động nhóm

Phương pháp đóng vai

Một số phương pháp giảng dạy giúp học tập qua trải nghiệm: tham quan thực tế chuyên môn; học dựa vào dự án; mô phỏng; nghiên cứu tình huống; phương pháp học tập phục vụ cộng đồng; thực hành tại cộng đồng.

## 6. Cách thức đánh giá kết quả học tập

Thực hiện theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy sửa đổi ban hành theo Quyết định 1465/QĐ-ĐHĐT ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp.

## 7. Điều kiện thực hiện chương trình

### 7.1. Đề cương chi tiết học phần <sup>(5)</sup>

### 7.2 Đội ngũ giảng viên (xem Phụ lục)

### 7.3 Cơ sở vật chất phục vụ dạy và học

| STT | Tên                                | Danh mục trang thiết bị chính  |
|-----|------------------------------------|--|
| 1   | Phòng học, phòng tự học            | Máy chiếu<br>Máy vi tính phục vụ tự học, tìm kiếm tài liệu   |
| 2   | Cơ sở thực hành, thực tập, thực tế | Ký kết hợp tác hỗ trợ đào tạo, hướng dẫn thực hành, thực tập với các cơ quan Nhà nước, cơ quan bảo trợ xã hội;<br>Các dự án của chính phủ và các tổ chức |

|     |                              |   |
|-----|------------------------------|---|
|     |                              | quốc tế                                   |
| 3   | Giáo trình, Tài liệu học tập | Tài liệu tại thư viện<br>Tài liệu điện tử |
| ... |                              |   |

### **8. Hướng dẫn thực hiện và tổ chức chương trình đào tạo**

- Chương trình đào tạo này áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2019 trở đi.
- Tỷ lệ giờ lý thuyết (bài tập, thảo luận), thực hành, thí nghiệm, tự học được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần. Đề cương chi tiết học phần là cơ sở để giảng viên, sinh viên thực hiện đầy đủ các nội dung của học phần.
- Việc phân kỳ trong chương trình đào tạo là cơ sở để bộ môn lập kế hoạch dạy học cụ thể của từng học kỳ, phòng Đào tạo có trách nhiệm mở các lớp học phần cho sinh viên đăng ký.
- Các học phần Giáo dục quốc phòng – an ninh, Giáo dục Thể chất không chuyên, Kiến tập sư phạm, Thực tập tốt nghiệp được tổ chức dạy và học theo quy định riêng.
- Việc tổ chức dạy và học được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy sửa đổi ban hành theo Quyết định 1465/QĐ-ĐHĐT ngày 23 tháng 10 năm 2018 và Quy chế Tổ chức thi kết thúc học phần ban hành theo Quyết định số 828/QĐ-ĐHĐT ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp.

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH <sup>(6)</sup>**

| ST<br>T | Họ và tên               | Năm<br>sinh | Giới tính |    | Học<br>vị | Chuyên ngành    | Nơi đào tạo<br>(Bằng cao<br>nhất) | Đơn vị                  | Học phần<br>phụ trách <sup>(7)</sup>  |
|---------|-------------------------|-------------|-----------|----|-----------|-----------------|-----------------------------------|-------------------------|---|
|         |                         |             | Nam       | Nữ |           |                 |                                   |                         |   |
| 1       | Kiều Văn Tu             | 1980        | x         |    | ThS       | Xã hội học      | ĐHKHXH&<br>NV Tp.HCM              | Khoa Văn hóa du<br>lịch | Các lý thuyết trong<br>công tác xã hội<br>Hành vi con người và<br>MT xã hội<br>Phần mềm xử lý<br>SPSS<br>Thực tế chuyên môn<br>2            |
| 2       | Nguyễn Thị<br>Bích Hưng | 1983        |           | x  | ThS       | Công tác xã hội | Philippine                        | Khoa Văn hóa du<br>lịch | Tham vấn<br>Giáo dục phát triển<br>Công tác xã hội với<br>cá nhân<br>Thực hành CTXH 1   |
| 3       | Trần Kim Ngọc           | 1982        |           | x  | ThS       | Xã hội học      | ĐHKHXH&<br>NV Tp.HCM              | Khoa Văn hóa du<br>lịch | Xã hội học đại cương<br>Chính sách xã hội<br>Gia đình học<br>Nhập môn công tác<br>xã hội<br>Phương pháp và kỹ<br>thuật nghiên cứu xã<br>hội |
| 4       | Đỗ Thị Thảo             | 1979        |           | x  | ThS       | Công tác xã hội | Philippine                        | Khoa Văn hóa du<br>lịch | An sinh xã hội và<br>những vấn đề xã hội<br>Công tác xã hội trong<br>bệnh viện<br>Sức khỏe tâm thần   |

|    |                    |      |   |   |     |                   |                  |                             |   |
|----|--------------------|------|---|---|-----|-------------------|------------------|-----------------------------|---|
| 5  | Dương Văn Khánh    | 1987 | x |   | ThS | Công tác xã hội   | Trung Quốc       | Khoa Văn hóa du lịch        | Công tác xã hội nhóm<br>Tổ chức và phát triển cộng đồng<br>Công tác xã hội trong trường học<br>Thực tế chuyên môn 1<br>Thực hành CTXH 2 |
| 6  | Trần Văn Luận      | 1986 | x |   | ThS | Công tác xã hội   | Học viện KHXH    | Phòng Thanh tra pháp chế    | Công tác xã hội với trẻ em<br>Công tác xã hội với người cao tuổi<br>Quản lý dự án<br>Quản trị trong công tác xã hội                     |
| 7  | Trần Minh Hải      |      |   |   |     | Công tác xã hội   | Thạc sỹ          | Trung tâm Tương Lai – TPHCM | Khởi nghiệp   |
| 8  | Đinh Thị Minh Hiếu | 1965 |   | x | ThS | Tâm lý học        |                  | Khoa THMN                   | Tâm lý học phát triển<br>Tâm lý học xã hội  |
| 9  | Nguyễn Chí Gót     |      | x |   | ThS | Giáo dục đặc biệt |                  | Phòng Thanh tra pháp chế    | Công tác xã hội với người khuyết tật  |
| 10 | Lê Minh Tiến       | 1976 | x |   | ThS | Xã hội học        | Thạc sỹ          | ĐH Mở                       | Thống kê xã hội   |
| 11 | Nguyễn Minh Tuấn   | 1979 | x |   | TS  | Xã hội học        | ĐHKHXH NV Hà Nội | ĐH LĐTĐBXH                  | Tham vấn người bị nhiễm HIV/AIDS  |
| 12 | Huỳnh Văn Chấn     | 1966 | x |   | TS  | Tâm lý học        | ĐH SP TpHCM      | ĐHKHXH NV TpHCM             | Tham vấn người bị nhiễm HIV/AIDS<br>Các lý thuyết trong công tác xã hội   |
|    |                    |      |   |   |     |                   |                  |                             |   |

## **GHI CHÚ: Cách trình bày một số nội dung của Bản mô tả CTĐT**

(Lưu ý: Lược bỏ phần Ghi chú này và các con số chỉ nội dung ghi chú trên các trang trước khi in hoặc công bố)

(1) Số lượng cột ở mục này phải tương thích với thông tin ở mục 1. Kiến thức, Phần II: Chuẩn đầu ra của CTĐT (trang 5), ở đây giả định có 06 thông tin. Đối với từng học phần trong CTĐT, thầy/cô điền vào mức độ nhận thức theo thang Bloom (chọn một con số), cụ thể như sau:

- Mức 1. Biết/Nhớ
- Mức 2. Hiểu
- Mức 3. Vận dụng
- Mức 4. Phân tích
- Mức 5. Đánh giá
- Mức 6. Sáng tạo

*Chú ý: Không điền vào mức độ nhận thức đối với các học phần mà khoa không phụ trách giảng dạy.*

(2) Số lượng cột ở mục này phải tương thích với thông tin ở mục 2.1 Kỹ năng nghề nghiệp, Phần II: Chuẩn đầu ra của CTĐT (trang 5), ở đây giả định có 07 thông tin. Đối với từng học phần trong CTĐT, thầy/cô điền vào mức độ kỹ năng theo thang Bloom (chọn một con số), cụ thể như sau:

- Mức 1. Bất chước
- Mức 2. Thao tác
- Mức 3. Chuẩn xác
- Mức 4. Thành thạo
- Mức 5. Tự động hóa

*Chú ý: Không điền vào mức độ kỹ năng đối với các học phần mà khoa không phụ trách giảng dạy.*

(3) Số lượng cột ở mục này phải tương thích với thông tin ở mục 3. Phẩm chất đạo đức, Phần II: Chuẩn đầu ra của CTĐT (trang 5), ở đây giả định có 03 thông tin.

Đối với từng học phần trong CTĐT, thầy/cô điền vào mức độ cảm xúc, thái độ theo thang Bloom (chọn một con số), cụ thể như sau:

- Mức 1. Tiếp nhận
- Mức 2. Hồi đáp
- Mức 3. Đánh giá
- Mức 4. Tổ chức
- Mức 5. Tính cách hóa

*Chú ý: Không điền vào mức độ cảm xúc, thái độ đối với các học phần mà khoa không phụ trách giảng dạy.*

(4) Mô tả ngắn gọn các phương pháp giảng dạy được áp dụng nhằm đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT.

(5) Đề cương chi tiết học phần của CTĐT được sắp xếp theo thứ tự các học phần trong Khung chương trình đào tạo chi tiết ở mục 2, Phần III: Nội dung CTĐT (trang 7-8).

(6) Đối với các học phần mà khoa không phụ trách giảng dạy thì để trống thông tin về giảng viên.

(7) Trình bày theo thứ tự các học phần trong Khung chương trình đào tạo chi tiết ở mục 2, Phần III: Nội dung CTĐT (trang 7-8).

# **TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**

**Khoa: Văn hóa – Du lịch**

**Bộ môn: Công tác xã hội**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

### **1. Thông tin về học phần**

Tên học phần: Nhập môn nghề nghiệp

Mã lớp học phần: SO4450

Số tín chỉ: 03

Số tiết tín chỉ: 45/0/90

Học phần điều kiện (*nếu có*):

Học kỳ: I

Năm học: 2019-2020

### **2. Thông tin về giảng viên**

#### **2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Trần Văn Luận

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Đơn vị công tác: Phòng Thanh tra - Pháp chế

- Điện thoại: 0947272224

- Email: tvluan@dthu.edu.vn

#### **2.2. Giảng viên 2**

- Họ và tên: Lê Anh Tuấn

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Đơn vị công tác: Phòng Đào tạo

- Điện thoại:

- Email: latuan@dthu.edu.vn

### **3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần**

**Môn học cung cấp cho sinh viên hai nội dung trọng tâm cần đạt được:**



**Thứ nhất:** Trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về trường, khoa Văn hóa du lịch về ngành nghề Công tác xã hội đang theo học; chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo; quy chế đào tạo, rèn luyện; những kỹ năng cần thiết giúp sinh viên thích nghi với môi trường đại học, qua đó hình thành niềm say mê, lòng tâm huyết, niềm tự hào với ngành nghề để phấn đấu có kết quả tốt trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường.

**Thứ hai:** cung cấp những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển Công tác xã hội trên thế giới và Việt Nam, cơ sở khoa học của ngành công tác xã hội, Giúp sinh viên có được những kiến thức nền tảng, cơ bản nhất của ngành công tác xã hội để tiếp cận các môn học chuyên ngành khác sâu hơn.

#### **4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra**

##### **4.1 Kiến thức:**

- 4.1.1. Trình bày về lịch sử, vị thế của trường, khoa Văn hóa du lịch; Giải thích chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo của ngành Công tác xã hội;
- 4.1.2. Diễn giải quy chế đào tạo, quy chế rèn luyện;
- 4.1.3. Hiểu được đây là một ngành học, một khoa học, một nghề chuyên môn đã hình thành khá lâu trên thế giới và ở Việt Nam.
- 4.1.4. Hiểu được định nghĩa, sứ mạng, mục đích, chức năng, giá trị ngành, đạo đức nghề nghiệp, các quan điểm cơ bản, các nguyên tắc hướng dẫn hành động của CTXH.
- 4.1.5. Tiếp cận tiến trình giải quyết vấn đề (của thân chủ) trong CTXH.
- 4.1.6. Nắm bắt một cách cơ bản các phương pháp CTXH và những phương pháp thực hành CTXH.
- 4.1.7. Hiểu biết về các lĩnh vực xã hội có thể ứng dụng khoa học CTXH.

##### **4.2 Kỹ năng:**

- 4.2.1 Vận dụng tốt các quy chế liên quan trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường; Sử dụng thành thạo các quy trình quản lý đào tạo;
- 4.2.2 Xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện của bản thân nhằm đạt hiệu quả cao.
- 4.2.3 Diễn giải được những kỹ năng cần thiết đối với sinh viên.
- 4.2.4 Rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích các chức năng xã hội của ngành nghề, trang bị cho người học một số nội dung cơ bản về phương pháp nghiên cứu chung và các phương pháp riêng mang tính đặc thù của CTXH.

4.2.5 Người học được làm quen với kỹ năng và phương pháp học tập chuyên ngành công tác xã hội.

#### 4.3.Thái độ:

4.3.1 Sẵn sàng học tập, rèn luyện, tuân thủ nghiêm túc quy chế, quy trình đào tạo của trường;

4.3.2 Say mê, tự hào với việc học tập tại trường, với ngành nghề đang theo học.

4.3.3 Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học, không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao năng lực bản thân và có nhận thức tích cực về nghề công tác xã hội.

### 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

#### 5.1. Phần 1. Tổng quan về trường, khoa và những quy định đối với sinh viên (1 tín chỉ)

| Chương/Chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học                        | Chuẩn bị của sinh viên             |
|---|---------|--------------|--|------------------------------------|
| <b>Chương 1. Giới thiệu về trường, khoa Văn hóa du lịch</b><br>1.1 Về trường<br>1.2 Về khoa Văn hóa du lịch   | 03      | 4.1.1;       | GV thuyết trình<br>Làm bài tập cá nhân, nhóm | SV nghiên cứu và đọc Tài liệu số 9 |
| <b>Chương 2. Chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo của ngành Công tác xã hội</b><br>3.1 Chuẩn đầu ra<br>3.2 Khung chương trình đào tạo                 | 04      | 4.1.1        | GV thuyết trình<br>Làm bài tập cá nhân, nhóm | SV nghiên cứu và đọc tài liệu số 9 |
| <b>Chương 3. Quy chế đào tạo và quy chế công tác sinh viên</b><br>4.1 Quy chế đào tạo<br>4.2 Quy chế công tác sinh viên                                     | 04      | 4.2.1        | GV thuyết trình<br>Làm bài tập cá nhân, nhóm | SV nghiên cứu và đọc tài liệu số 9 |
| <b>Chương 4. Quy trình sử dụng các phần mềm quản lý học tập tại trường</b><br>5.1 Đăng ký học phần<br>5.2 Đóng học phí<br>5.3 Xem lịch thi, kết quả học tập | 04      | 4.2.2        | GV thuyết trình<br>Làm bài tập cá nhân, nhóm | SV nghiên cứu và đọc tài liệu số 9 |

|                            |           |  |  |  |
|----------------------------|-----------|--|--|--|
| 5.4 Đăng ký xét tốt nghiệp |           |  |  |  |
| <b>Tổng</b>                | <b>15</b> |  |  |  |

## 5.2. Phần 2. Nội dung nhập môn công tác xã hội (02 tín chỉ)

| Chương/Chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra   | Phương pháp dạy – học                          | Chuẩn bị của sinh viên  |
|---|---------|----------------|--|---|
| <p><b>CHƯƠNG 1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI</b></p> <p>1.1. Khái niệm CTXH</p> <p>1.2. Phân biệt CTXH chuyên nghiệp với công tác từ thiện</p> <p>1.3. Mối quan hệ của CTXH với các khoa học và lĩnh vực khác</p> <p>1.3.1. CTXH và Xã hội học</p> <p>1.3.2. CTXH và Tâm lý học</p> <p>1.3.3. CTXH và Nhân học</p> <p>1.3.4. CTXH với lĩnh vực An sinh xã hội</p> <p>1.4. CTXH với tư cách là một nghề trong xã hội</p> <p>1.5. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển công tác xã hội</p> <p>1.5.1. Lịch sử công tác xã hội trên thế giới</p> <p>1.5.2. Lịch sử công tác xã hội ở Việt Nam</p> | 6       | 4.1.3<br>4.1.4 | GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo. | <p><b>SV nghiên cứu và đọc</b> [1, tr. 9 – 21; tr. 33 – 48; tr. 50 - 61]; [2, tr. 7 - 20]; [3, tr. 5 – 15; tr. 18 - 26]; [4, tr. 11 – 18; tr. 42 – 66; tr. 70 - 89]; [5, tr. 6 - 7]; [6, tr. 5 - 21]; [8, tr. 13 – 23; tr. 149 - 188]; [9, tr. 11 – 34; tr. 38 – 46; tr. 77 - 99], thực hiện các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phân tích các khái niệm về CTXH chuyên nghiệp.</li> <li>2. Vì sao người ta lại nói công tác xã hội là một nghề chuyên nghiệp và trình bày vai trò của công tác xã hội trong hệ thống an sinh xã hội?</li> <li>3. Anh/Chị đã làm công tác xã hội bao giờ chưa? Từ trước tới nay, Anh/Chị hiểu thế nào là công tác xã hội? Hãy kể tên một số hoạt động đang diễn ra trong đời sống xã hội dưới góc độ công tác xã hội.</li> <li>4. Trình bày mối quan hệ của CTXH với ASXH. So sánh điểm giống và khác nhau giữa CTXH với XHH và Tâm lý học. Phân biệt CTXH và từ thiện.</li> </ol> |

|  |          |       |  |  |
|--|----------|-------|--|--|
|  |          |       |  | <p>5. Tại sao nói CTXH có cơ sở và nguồn gốc từ hành động nhân đạo, từ thiện?</p> <p>6. Nêu những nhận xét của bản thân về sự giúp đỡ người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn bằng các hình thức nhân đạo, từ thiện, cứu trợ xã hội?</p> <p>7. Những điều kiện dẫn tới sự ra đời và phát triển CTXH trên thế giới và ở VN.</p> <p>8. Sưu tầm những câu tục ngữ, ca dao, những câu chuyện kể, truyền thuyết dân gian thể hiện tinh thần tương thân tương ái.</p> <p>9. Tại sao nói CTXH góp phần thực hiện hoá mục đích của ASXH và tham gia xây dựng một xã hội phát triển ổn định, lành mạnh? Cho ví dụ và phân tích.</p> <p>10. Trình bày các phạm trù, thuật ngữ thường dùng trong CTXH.</p> <p><b><i>BÀI TẬP THỰC TẾ:</i></b><br/> <b><i>Chia thành 3 nhóm, tiến hành phỏng vấn 10 đối tượng khác nhau trong cộng đồng về sự hiểu biết CTXH, mối liên hệ giữa CTXH và Từ thiện.</i></b></p> |
| <p><b>CHƯƠNG 2. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI</b></p> <p>2.1. Mục đích của CTXH</p> <p>2.2. Chức năng của CTXH</p> <p>2.3. Nhiệm vụ của CTXH</p> <p>2.4. Sứ mạng của CTXH</p> | <b>4</b> | 4.1.4 | GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo. | SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 23 - 29]; [2, tr. 41 - 46]; [3, tr. 16 - 17]; [4, tr. 19 - 23; tr. 96 - 108]; [5, tr. 21]; [8, tr. 28 - 30; tr. 46 - 61]; [9, tr. 47 - 53; tr. 64 - 70], trả  |

|  |                 |              |   |  |
|--|-----------------|--------------|---|--|
| <p>2.5. Phạm vi hoạt động và các thành tố của CTXH</p> <p>2.6. Một số phạm trù, thuật ngữ trong CTXH</p>   |                 |              |   | <p><b>lời các câu hỏi sau:</b></p> <p>1. Phân tích mục đích, chức năng, nhiệm vụ, sứ mạng của CTXH.</p> <p>2. Nhóm yếu tố (Nhóm bị thương tổn) là gì? Những đối tượng nào được liệt vào nhóm yếu tố?</p>   |
| <p><b>CHƯƠNG 3. QUY ĐIỀU ĐẠO ĐỨC TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI</b></p> <p>3.1. Triết lý cơ bản của nghề công tác xã hội</p> <p>3.2. Các giá trị của nghề công tác xã hội</p> <p>3.3. Chuẩn mực đạo đức trong công tác xã hội</p> <p>3.3.1. Quy điều đạo đức trong công tác xã hội là gì</p> <p>3.3.2. Yêu cầu về phẩm chất đạo đức, kiến thức và kỹ năng của Nhân viên xã hội (NVXH)</p> <p>3.4. Vai trò và trách nhiệm của NVXH</p> | <p><b>4</b></p> | <p>4.3.3</p> | <p>GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo.</p> | <p><b>SV nghiên cứu và đọc</b> [1, tr. 97 – 121]; [2, tr. 57 - 60]; [3, tr. 54 – 58]; [4, tr. 109 – 116]; [5, tr. 7 - 9]; [7 tr. 23 - 30]; [8, tr. 62]; [9, tr. 59 – 61; tr. 115 - 125], thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1. Phân tích nền tảng triết lý cơ bản, giá trị và chuẩn mực đạo đức trong CTXH.</p> <p>2. Thế nào là nhân viên xã hội chuyên nghiệp? Vai trò và trách nhiệm của nhân viên xã hội là gì? NVXH cần có những phẩm chất đạo đức và kiến thức kỹ năng chuyên môn gì để làm tốt những vai trò đó? Đưa ra một tình huống cụ thể về cùng tham gia giải quyết vấn đề của đối tượng cần giúp đỡ và chỉ ra nhiệm vụ cụ thể của NVXH trong tình huống đó.</p> <p>3. Quan điểm nghề nghiệp có thay đổi theo thời gian không? Những yếu tố nào ảnh hưởng đến quan điểm nghề nghiệp?</p> <p>4. Liệu một hành động không tốt về mặt đạo đức</p> |

|  |                 |  |  |  |
|--|-----------------|--|--|--|
|  |                 |  |  | <p>nghề nghiệp thì có thể tốt về mặt trị liệu không?<br/>Tại sao?</p> <p>5. So sánh và chỉ ra sự giống và khác nhau giữa quy điều đạo đức CTXH của Mỹ và Philippine.<br/>Nêu ý kiến nhận xét của bản thân về phác thảo quy điều đạo đức nghề CTXH ở VN.</p>  |
| <p><b>CHƯƠNG 4. NGUYÊN TẮC NGHỀ NGHIỆP, PHƯƠNG PHÁP VÀ CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ TRONG THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI</b></p> <p>4.1. Các nguyên tắc hành động trong CTXH</p> <p>4.1.1. Một số nguyên tắc trong giải quyết vấn đề xã hội</p> <p>4.1.2. Một số nguyên tắc trong mối quan hệ giúp đỡ</p> <p>4.2. Các phương pháp trong CTXH</p> <p>4.2.1. CTXH với cá nhân</p> <p>4.2.2. CTXH với nhóm</p> <p>4.2.3. CTXH với phát triển cộng đồng</p> <p>4.2.4. Quản trị trong CTXH</p> <p>4.2.5 Quản lý ca trong CTXH</p> <p>4.3. Một số kỹ năng trong CTXH</p> <p>4.4. Một số kỹ thuật trong CTXH</p> | <p><b>8</b></p> | <p>4.1.4</p> <p>4.1.6</p> <p>4.2.4</p> | <p>GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo; Xử lý bài tập tình huống mà GV đưa ra.</p> | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 132 – 234]; [2, tr. 61 – 65; tr. 73 - 82]; [3, tr. 64 – 80]; [4, tr. 118 – 121; tr. 220 - 250]; [5, tr. 10 – 14; tr. 18 – 20; tr. 27 - 48]; [7, tr. 42 – 53; tr. 61 - 70]; [8, tr. 115 - 120]; thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p>1. Anh/Chị hãy phân tích/trình bày/giải thích những nguyên tắc hành động (Hoặc Anh/Chị hãy phân tích/trình bày/giải thích nguyên tắc hành động.....) trong CTXH? Cho VD minh họa. Theo anh/chị nguyên tắc hành động nào là quan trọng nhất? Vì sao?</p> <p>2. Các phương pháp trong CTXH. Mối tương quan giữa các phương pháp của CTXH.</p> <p>3. CTXH cá nhân là gì? Phân tích các cách tiếp cận; thành tố; tiến trình trong CTXH cá nhân.</p> <p>4. Vì sao người ta lại cho rằng CTXH cá nhân là</p> |

|   |          |                           |  |   |
|---|----------|---------------------------|--|---|
|   |          |                           |  | <p>phương pháp thực hành sớm nhất của các phương pháp trong CTXH?</p> <p>5. Trình bày và phân tích các khái niệm CTXH nhóm.</p> <p>6. Có mấy loại nhóm trong CTXH? Phân tích và cho ví dụ với từng loại hình nhóm đó?</p> <p>7. Trình bày các bước trong tiến trình CTXH nhóm.</p> <p>8. Hãy nêu một số định nghĩa về PTCĐ. Trình bày các nguyên lý PTCĐ. Đối với mỗi nguyên lý PTCĐ, lấy ví dụ và rút ra cho bản thân những bài học kinh nghiệm.</p> <p>9. Phân tích vai trò và chức năng của quản lý ca. Cho ví dụ minh họa.</p> <p>10. Trình bày tiến trình quản lý ca.</p> <p>11. Quản trị ngành CTXH là gì? Trình bày các cấp độ của quản trị.</p> |
| <p><b>CHƯƠNG 5. TIẾN TRÌNH CAN THIỆP VÀ CÁC LĨNH VỰC ÁP DỤNG TRONG CTXH</b></p> <p>6.1. Tiến trình trong công tác xã hội</p> <p>6.2. Một số lĩnh vực hoạt động trong CTXH</p> <p>6.2.1. CTXH với trẻ em</p> <p>6.2.2. CTXH với gia đình</p> <p>6.2.3. CTXH trong lĩnh vực y tế</p> <p>6.2.4. CTXH với người nghèo</p> <p>6.2.5. CTXH với người cao tuổi</p> <p>6.2.6. CTXH với người khuyết tật</p> | <b>8</b> | <p>4.1.5</p> <p>4.3.2</p> | <p>GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo; Xử lý bài tập tình huống mà GV đưa ra.</p> | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 238 - 298]; [2, tr. 66 – 70; tr. 89 - 128]; [3, tr. 82 - 114]; [4, tr. 128 – 143; tr. 255 - 344]; [6, tr. 201 - 221]; [7, tr. 73 - 108], trả lời các câu hỏi sau:</b></p> <p>1. Tại sao người ta lại xem hoạt động thực hành CTXH như một tiến trình giải quyết vấn đề?</p> <p>2. Thế nào là tiến trình CTXH? Trình bày các</p>  |

|   |           |  |  |  |
|---|-----------|--|--|--|
| 6.2.7. CTXH trong trường học<br>6.2.8. CTXH nông thôn |           |  |  | giai đoạn của tiến trình CTXH. Thực hiện một bài tập thực hành về tiến trình CTXH.<br>3. Anh/Chị hãy liệt kê/trình bày/phân tích/giải thích: Tiến trình giải quyết vấn đề trong CTXH? Anh/chị hãy phân tích bước:...trong tiến trình giải quyết vấn đề của CTXH?<br>4. Các lĩnh vực ứng dụng CTXH: Sinh viên làm việc nhóm và báo cáo trước lớp. Chia nhóm và tự chọn lĩnh vực sau: CTXH Trường học, CTXH gia đình, CTXH trẻ em, CTXH nông thôn. |
| <b>TỔNG</b>   | <b>30</b> |  |  |  |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả       | Tên tài liệu  | Năm xuất bản | Nhà xuất bản    | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|-------------------|---|--------------|-----------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                   |   |              |                 |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Nguyễn Hồi Loan   | Giáo trình Công tác xã hội đại cương                | 2010         | ĐHQG Hà Nội     | Thư viện                   | x                |           |
| 2   | Lê Chí An         | Tài liệu hướng dẫn học tập công tác xã hội nhập môn | 2006         | ĐH Mở BC TP.HCM | Thư viện                   |                  | x         |
| 3   | Mai Thị Kim Thanh | Giáo trình Nhập môn công tác xã hội                 | 2011         | LĐ-XH           | Thư viện                   |                  | x         |
| 4   | Bùi Thị Xuân Mai  | Giáo trình Nhập môn công tác xã hội                 | 2010         | LĐ-XH           | Thư viện                   |                  | x         |
| 5   | Nguyễn Thị Oanh   | Công tác xã hội đại cương                           | 1998         | ĐH Mở BC        | Thư viện                   |                  | x         |



|   |                 |   |      |                 |          |          |          |
|---|-----------------|---|------|-----------------|----------|----------|----------|
|   |                 |   |      | TP.HCM          |          |          |          |
| 6 | Trần Đình Tuấn  | Công tác xã hội – Lý thuyết và thực hành, | 2010 | ĐHQG Hà Nội     | Thư viện |          | <b>x</b> |
| 7 | Nguyễn Ngọc Lâm | Sách bỏ túi cho nhân viên xã hội          | 1998 | ĐH Mở BC TP.HCM | Thư viện |          | <b>x</b> |
| 8 | Lê Văn Phú      | Công tác xã hội                           | 2004 | ĐHQG Hà Nội     | Thư viện |          | <b>x</b> |
| 9 | ĐH Đồng Tháp    | Sổ tay sinh viên                          | 2018 | ĐHĐT            | Thư viện | <b>x</b> |          |

### 7. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự ít nhất 80% số tiết học phần mới được dự thi kết thúc học phần;
- Không sử dụng điện thoại trong giờ học;
- Tham gia thảo luận, thực hành đầy đủ, vắng không phép sẽ không được tính điểm.

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá  | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)  | Chuẩn đầu ra                     | Trọng số |
|--------------|---------------------|---|----------------------------------|----------|
| 01           | Điểm chuyên cần     | Tham dự lớp đầy đủ (45/45); Tích cực thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến, quan điểm. | 4.3                              | 0.1      |
| 01           | Kiểm tra viết lần 1 | Kết thúc phần 1   | 4.1.1<br>4.1.2                   | 0.3      |
| 02           | Kiểm tra viết lần 2 | Kết thúc chương 1,2 phần 2  | 4.1.3<br>4.1.4                   | 0.1      |
| 03           | Kiểm tra viết lần 3 | Kết thúc chương 5 phần 2.   | 4.1.4<br>4.1.5<br>4.1.6<br>4.3.2 |          |
| 04           | Thi kết thúc môn    |   |                                  | 0,5      |

|  |  |                     |            |  |
|--|--|---------------------|------------|--|
|  | (tự luận 90 phút, đề không sử dụng tài liệu) | Nội dung thi Phần 2 | 4.1<br>4.2 |  |
|--|--|---------------------|------------|--|

*Đồng Tháp, ngày tháng năm 2019*

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Giảng viên**

Nguyễn Thị Song Thương

Trần Kim Ngọc

Trần Văn Luận

Lê Anh Tuấn

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

**Khoa Văn hóa – Du lịch**

**Bộ môn Công tác xã hội**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: THỐNG KÊ XÃ HỘI (SOCIAL STATISTICS)

Mã lớp học phần: GE4046

Số tín chỉ: 2

Số tiết tín chỉ: 30

Học phần điều kiện:

Học kỳ: 2

Năm học: 2019 - 2020

### 2. Thông tin về giảng viên:

#### Giảng viên 1

Họ và tên: Lê Trung Hiếu  
tiền sĩ

Chức danh, học vị: Trưởng bộ môn, Giảng viên,

Điện thoại: 0985.572.881.

Email: [lthieu@dthu.edu.vn](mailto:lthieu@dthu.edu.vn)

Đơn vị công tác: Khoa SP Toán

#### Giảng viên 2

Họ và tên: KIỀU VĂN TU

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0982013342

Email: [kvtu@dthu.edu.vn](mailto:kvtu@dthu.edu.vn)

Đơn vị: Khoa Văn hóa du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần

Môn học trình bày một số nội dung cơ bản về lí thuyết xác suất nhằm làm công cụ cho phân thống kê gồm khái niệm biến cố, xác suất của biến cố, biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng.

Môn học trình bày các nội dung thống kê ứng dụng gồm Tổ chức dữ liệu, Các loại đo lường thống kê mô tả; lí thuyết mẫu, bài toán ước lượng, bài toán kiểm định, tương quan, hồi quy tuyến tính và một số ứng dụng để giải quyết các vấn đề của thực tế của ngành học.

Các kiến thức và kĩ năng thu được từ học phần giúp sinh viên có thể vận dụng tốt trong học tập nghiên cứu chuyên ngành và phục vụ công tác sau này.

### 4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức

4.1.1 Ghi nhớ được những khái niệm và ý nghĩa của những khái niệm cơ bản về xác suất, biến ngẫu nhiên, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng.

4.1.2 Biết được một số thuật ngữ chuyên ngành cơ bản bằng tiếng Anh trong xác suất và thống kê.

4.1.3 Vận dụng được một số dạng toán về phân tích và xử lý số liệu thực nghiệm bao gồm bài toán ước lượng điểm, ước lượng khoảng, kiểm định giả thiết, phân tích tương quan và hồi quy tuyến tính.

#### 4.2. Kỹ năng

4.2.1 Minh họa cụ thể được những khái niệm và tính chất cơ bản về xác suất, biến ngẫu nhiên, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng.

4.2.2 Giải được bài tập cũng như giải quyết một số bài toán thống kê thuộc lĩnh vực khoa học xã hội trong thực tế.

4.2.3 Xử lý được số liệu thực nghiệm bằng máy tính cầm tay và phần mềm Microsoft Excel.

#### 4.3. Thái độ

4.3.1 Ý thức được tầm quan trọng của học phần đối với chuyên ngành học. Có cách nhìn khoa học về các hiện tượng ngẫu nhiên.

4.3.2 Nghiêm túc trong học tập; có tinh thần học tập sáng tạo, thái độ kiên trì, tôn trọng kỷ luật tập thể.

### 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

#### 5.1. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra   | Phương pháp dạy – học                        | Chuẩn bị của sinh viên  |
|--|---------|--|--|---|
| <b>CHƯƠNG 1 – DẪN NHẬP</b><br>1. Thống kê là gì?<br>2. Các loại thống kê<br>2.1 Thống kê mô tả<br>2.2 Thống kê suy diễn<br>3. Các thuật ngữ<br>3.1 Tổng thể và mẫu .<br>3.2 Phần tử, biến, quan sát và tập dữ liệu<br>4. Các loại biến<br>5. Dữ liệu theo thành phần và theo thời gian<br>6. Nguồn dữ liệu<br>Bài tập Chương 1 | 2       | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.1.3<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết trình<br>Làm bài tập cá nhân, nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1,2, từ trang 6 đến trang 20                            |
| <b>CHƯƠNG 2 – TỔ CHỨC DỮ LIỆU</b><br>1. Dữ liệu thô<br>2. Tổ chức và lập biểu đồ dữ liệu   | 2       | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.1.3<br>4.2.1                                     | GV thuyết trình<br>Làm bài tập cá nhân, nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1, từ trang 20 đến trang 40, tham khảo tài liệu số 2-4, |

|  |          |  |  |  |
|--|----------|--|--|--|
| định tính<br>2.1 Phân phối tần suất<br>2.2 Tần suất tương đối và phần trăm tần suất<br>2.3 Biểu đồ dữ liệu định tính<br>3. Tổ chức và lập biểu đồ dữ liệu định lượng<br>3.1 Phân phối tần suất<br>3.2 Tần suất tương đối và phần trăm tần suất<br>3.3 Biểu đồ dữ liệu định lượng<br>3.4 Đường cong phân phối tần suất<br>4. Hình dáng biểu đồ tần suất<br>5. Phân phối tần suất tích lũy<br>6. Hiện thị thân và lá<br>Bài tập Chương 2   |          | 4.2.2<br>4.2.3<br>4.3.1<br>4.3.2                                     |  |  |
| <b>CHƯƠNG 3 – CÁC ĐẠI LƯỢNG THỐNG KÊ MÔ TẢ</b><br>1. Các đại lượng đo lường độ tập trung<br>1.1 Trung bình<br>1.2 Trung vị<br>1.3 Yếu vị<br>1.4 Quan hệ giữa trung bình, trung vị và yếu vị<br>2. Các đại lượng đo lường độ phân tán<br>2.1 Khoảng biến thiên<br>2.2 Phương sai và độ lệch chuẩn<br>3. Tham số tổng thể và thống kê mẫu<br>4. Các đại lượng thống kê mô tả đối với dữ liệu được phân lớp<br>4.1 Trung bình của tập dữ liệu được phân lớp<br>4.2 Phương sai và độ lệch chuẩn của tập dữ liệu được phân lớp<br>5. Sử dụng trung bình và độ lệch chuẩn<br>5.1 Định lý Chebyshev<br>5.2 Quy tắc thực nghiệm<br>5.3 Hệ số biến thiên<br>6. Các đại lượng đo lường vị trí<br>6.1 Các điểm tứ phân<br>6.2 Các điểm bách phân<br>7. Biểu đồ hộp và râu | <b>4</b> | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.1.3<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết trình<br>Làm bài tập cá nhân, nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 40 đến trang 60, tham khảo tài liệu số 2-4, |

|  |          |  |  |   |
|--|----------|--|--|---|
| Bài tập Chương 3   |          |  |  |   |
| <b>CHƯƠNG 4 – XÁC SUẤT</b><br>1. Phép thử, không gian mẫu và biến cố<br>2. Khái niệm xác suất và tính toán xác suất<br>2.1 Xác suất cổ điển<br>2.2 Tần suất tương đối<br>2.3 Xác suất chủ quan<br>3. Xác suất lề và xác suất có điều kiện<br>3.1 Xác suất lề<br>3.2 Xác suất có điều kiện<br>4. Biến cố loại trừ lẫn nhau, biến cố độc lập và biến cố phụ thuộc, biến cố bù<br>4.1 Biến cố loại trừ lẫn nhau<br>4.2 Biến cố độc lập và biến cố phụ thuộc<br>4.3 Biến cố bù<br>5. Giao các biến cố và quy tắc nhân<br>5.1 Giao các biến cố<br>5.2 Qui tắc nhân<br>6. Hợp các biến cố và quy tắc cộng<br>6.1 Hợp các biến cố<br>6.2 Qui tắc cộng<br>Bài tập Chương 4 | <b>4</b> | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.1.3<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết trình<br>Làm bài tập cá nhân, nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 60 đến trang 70, tham khảo tài liệu số 4-9,  |
| <b>CHƯƠNG 5 – BIẾN NGẪU NHIÊN RỜI RẠC VÀ PHÂN PHỐI XÁC SUẤT</b><br>1. Biến ngẫu nhiên<br>2. Phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc<br>3. Trung bình của biến ngẫu nhiên rời rạc<br>4. Độ lệch chuẩn của biến ngẫu nhiên rời rạc<br>5. Giai thừa và tổ hợp<br>6. Phân phối xác suất nhị thức<br>6.1 Phép thử nhị thức<br>6.2 Phân phối xác suất nhị thức<br>6.3 Trung bình và độ lệch chuẩn của phân phối xác suất nhị thức<br>7. Phân phối xác suất Poisson<br>Bài tập Chương 5  | <b>6</b> | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.1.3<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết trình<br>Làm bài tập cá nhân, nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 70 đến trang cuối, tham khảo tài liệu số 5-9, Nghiên cứu các trường hợp, tình huống trong thực tế<br>Làm các bài tập cuối chương |

|   |          |  |  |   |
|---|----------|--|--|---|
| <b>CHƯƠNG 6 – BIẾN NGẪU<br/>NHIÊN LIÊN TỤC VÀ PHÂN<br/>PHỐI CHUẨN</b><br>1. Phân phối xác suất biến ngẫu<br>nhiên liên tục<br>2. Phân phối chuẩn<br>3. Phân phối chuẩn tiêu chuẩn<br>4. Tiêu chuẩn hóa phân phối chuẩn  | <b>6</b> | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.1.3<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết<br>trình<br>Làm bài tập<br>cá nhân, nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1<br>từ trang 70 đến trang cuối,<br>tham khảo tài liệu số 5-9,<br>Nghiên cứu các trường<br>hợp, tình huống trong thực<br>tế<br>Làm các bài tập cuối<br>chương |
| <b>CHƯƠNG 7 – PHÂN PHỐI<br/>MẪU</b><br>1. Phân phối tổng thể và phân phối<br>mẫu<br>1.1 Phân phối tổng thể<br>1.2 Phân phối mẫu<br>2. Sai số mẫu và sai số không do<br>lấy mẫu<br>3. Trung bình và độ lệch chuẩn<br>của $x$<br>4. Hình dáng phân phối mẫu của $x$<br>4.1 Mẫu rút từ tổng thể có phân<br>phối chuẩn<br>4.2 Mẫu rút từ tổng thể có phân<br>phối không chuẩn<br>5. Ứng dụng phân phối mẫu của $x$<br>6. Tỷ lệ tổng thể và tỷ lệ mẫu<br>7. Trung bình, độ lệch chuẩn và<br>hình dáng phân phối mẫu của $p$<br>8. Ứng dụng phân phối mẫu của $p$<br>Bài tập Chương 7 | <b>2</b> | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.1.3<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết<br>trình<br>Làm bài tập<br>cá nhân, nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1<br>từ trang 70 đến trang cuối,<br>tham khảo tài liệu số 5-9,<br>Nghiên cứu các trường<br>hợp, tình huống trong thực<br>tế<br>Làm các bài tập cuối<br>chương |
| <b>CHƯƠNG 8 – ƯỚC LƯỢNG<br/>TRUNG BÌNH VÀ TỶ LỆ</b><br>1. Bài toán ước lượng<br>2. Ước lượng điểm và ước lượng<br>khoảng<br>2.1 Ước lượng điểm<br>2.2 Ước lượng khoảng<br>3. Ước lượng khoảng trung bình<br>tổng thể: Mẫu lớn<br>4. Ước lượng khoảng trung bình<br>tổng thể: Mẫu nhỏ<br>5. Ước lượng điểm và ước lượng<br>khoảng tỷ lệ tổng thể: Mẫu lớn<br>5.1 Ước lượng điểm tỷ lệ tổng thể<br>5.2 Ước lượng khoảng tỷ lệ tổng<br>thể   | <b>2</b> | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.1.3<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết<br>trình<br>Làm bài tập<br>cá nhân, nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1<br>từ trang 70 đến trang cuối,<br>tham khảo tài liệu số 5-9,<br>Nghiên cứu các trường<br>hợp, tình huống trong thực<br>tế<br>Làm các bài tập cuối<br>chương |

|  |           |  |  |   |
|--|-----------|--|--|---|
| 6. Xác định độ lớn mẫu đối với ước lượng trung bình<br>7. Xác định độ lớn mẫu đối với ước lượng tỷ lệ<br>Bài tập Chương 8  |           |  |  |   |
| <b>CHƯƠNG 9 – KIỂM ĐỊNH GIẢ THUYẾT ĐỐI VỚI TRUNG BÌNH VÀ TỶ LỆ .</b><br>1. Dẫn nhập<br>1.1 Kiểm định giả thuyết là gì?<br>1.2 Hai giả thuyết<br>1.3 Miền bác bỏ và miền chấp nhận<br>1.4 Hai loại sai lầm<br>1.5 Kiểm định hai đuôi và một đuôi<br>2. Kiểm định giả thuyết trung bình đối với mẫu lớn: Dùng cách tiếp cận giá trị p<br>3. Kiểm định giả thuyết đối với trung bình tổng thể: Mẫu lớn<br>4. Kiểm định giả thuyết đối với trung bình tổng thể: Mẫu nhỏ<br>5. Kiểm định giả thuyết đối với tỷ lệ tổng thể: Mẫu lớn<br>Bài tập Chương 9 | <b>2</b>  | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.1.3<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết trình<br>Làm bài tập cá nhân, nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 70 đến trang cuối, tham khảo tài liệu số 5-9, Nghiên cứu các trường hợp, tình huống trong thực tế<br>Làm các bài tập cuối chương |
| <b>Tổng</b>  | <b>30</b> |  |  |   |

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả               | Tên tài liệu                       | Năm xuất bản | Nhà xuất bản             | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|---------------------------|------------------------------------|--------------|--------------------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                           |                                    |              |                          |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Bài giảng của giảng viên, | Thống kê xã hội                    | 2013         | Tài liệu Lưu Hành nội bộ | Thư viện                   | x                |           |
| 2   | Đào Hữu Hồ,               | Giáo trình thống kê xã hội học,    | 2007         | NXB Giáo dục             | Thư viện                   | x                |           |
| 3   | Nguyễn Phụng Hoàng,       | Thống kê xác suất trong nghiên cứu | 1997         | NXB Giáo dục             | Thư viện                   |                  | x         |



|   |                                |  |       |                             |          |  |   |
|---|--------------------------------|--|-------|-----------------------------|----------|--|---|
|   |                                | giáo dục và khoa học xã hội,             |       |                             |          |  |   |
| 4 | Đào Hữu Hồ,                    | Xác suất thống kê,                       | 2005  | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội | Thư viện |  | x |
| 5 | Đặng Hân                       | Xác suất thống kê,                       | 1996  | NXB Thống kê                | Thư viện |  | x |
| 6 | Trần Lộc Hùng                  | Lý thuyết xác suất và thống kê toán học, | 1998. | NXB Giáo dục,               | Thư viện |  | x |
| 7 | Phạm Văn Kiều                  | Xác suất thống kê,                       | 2005  | NXB Đại học Sư phạm         | Thư viện |  | x |
| 8 | Tổng Đình Quý                  | Giáo trình xác suất thống kê,            | 2005  | NXB Bách khoa Hà Nội        | Thư viện |  | x |
| 9 | MH. DeGroot and MJ. Schervish, | Probability and statistics,              | 1986  | Addison Wiley,              | Thư viện |  |   |

### 7. Quy định đối với sinh viên

Không được vắng học quá 20% số giờ, nếu vi phạm sẽ bị cấm thi

Thưởng điểm những sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các hoạt động thực hành chuyên môn, hoạt động tự nguyện tại cộng đồng có hiệu quả (được cộng điểm hệ số từ 0.1 đến 0.4)

Trừ điểm những sinh viên có những hành vi vi phạm các qui định của Nhà trường, vi phạm đạo đức với giảng viên và sinh viên trong lớp học và tại các cơ sở thực hành liên quan đến nội dung môn học; không làm các bài tập của giảng viên yêu cầu (trừ điểm hệ số từ 0.1 đến 0.4)

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)   | Chuẩn đầu ra  | Trọng số |
|--------------|--------------------|--|---|----------|
| 1            | Điểm danh          | Số tiết tham dự học/tổng số tiết   | 4.1.1;4.1.2<br>4.2.1;4.2.2<br>4.3.1;4.3.2             | 0,1      |
| 2            | Kiểm tra           | Kiểm tra: Tự luận (50 phút)  | 4.1.1;4.1.2;4.1.3<br>4.2.1;4.2.2;4.2.3<br>4.3.1;4.3.2 | 0.2      |
| 3            | Thảo luận nhóm     | - Làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà<br>- Phát biểu xây dựng bài, trả lời câu hỏi trên lớp | 4.1.1;4.1.2;4.1.3<br>4.2.1;4.2.2;4.2.3<br>4.3.1;4.3.2 | 0.1      |

|   |                      |  |   |     |
|---|----------------------|--|---|-----|
|   |                      | - Kỹ năng thực hành bấm máy và sử dụng phần mềm<br>- Báo cáo nhóm và bài tự học (nếu có)         |   |     |
| 4 | Thi kết thúc môn học | - Thi: Tự luận (90 phút)<br>- Điều kiện dự thi: Tham dự đủ 80% tiết lí thuyết<br>Bắt buộc dự thi | 4.1.1;4.1.2;4.1.3<br>4.2.1;4.2.2;4.2.3<br>4.3.1;4.3.2 | 0.6 |

*Đông Tháp, ngày      tháng      năm*

**TRƯỞNG KHOA**

**P.TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Kiều Văn Tu**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**  
**KHOA: VĂN HÓA – DU LỊCH**  
**BỘ MÔN: CÔNG TÁC XÃ HỘI**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần**

Tên học phần: Công tác xã hội với người có tôn giáo

Mã lớp học phần:

Số tín chỉ: 02

Số tiết tín chỉ: 20/20/60

Học phần điều kiện:

Học kỳ: 2

Năm học: 2019-2020

**2. Thông tin về giảng viên:**

Họ và tên: Trần Hoàng Phong  
sĩ

Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Điện thoại: 0979.242401

Email: hphongdhspdt@gmail.com

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

**3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần**

Trình bày những lí luận cơ bản về tín ngưỡng, tôn giáo. Giúp sinh viên hiểu rõ hơn về tín điều, giáo lí, giáo luật cũng như những điều cấm kị của các tôn giáo lớn đang tồn tại ở Việt Nam. Nhận thức đầy đủ về đặc điểm, tính chất, những mặt tích cực và hạn chế của các loại hình tôn giáo. Từ đó có cách nhìn nhận, đánh giá và ứng xử phù hợp khi tiếp xúc, làm việc với các đối tượng công tác xã hội có tôn giáo.

**4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra**

*4.1. Kiến thức*

4.1.1. Nắm được nguồn gốc phát sinh, phát triển, chức năng của các hình thức tôn giáo chính trong đời sống hiện nay.

4.1.2. Nắm được những nội dung cơ bản về tín điều, giáo lí, giáo luật, tổ chức và những điều cấm kị của các tôn giáo hiện nay.

*4.2. Kỹ năng*

4.2.1. Nhận thức được mặt tích cực, tiêu cực trong giáo lí, giáo luật của các tôn giáo.

4.2.2. Phân biệt các hình thức tín ngưỡng, tôn giáo trong thực tế; phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng với các hình thức mê tín dị đoan; hình thành kỹ năng làm việc phù hợp với các đối tượng có tôn giáo.

*4.3. Thái độ*

4.3.1. Có thái độ đúng đắn đối với các loại hình tôn giáo, tín ngưỡng và mê tín dị đoan trong xã hội.

4.3.2. Tôn trọng sự khác biệt về niềm tin giữa các tôn giáo khác nhau.

**5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học**

**5.1. Lý thuyết**

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|

|   |   |                                   |  |  |
|---|---|-----------------------------------|--|--|
| <p><b>BÀI 1: KHÁI LUẬN VỀ TÔN GIÁO</b></p> <p><b>1.1. KHÁI NIỆM TÔN GIÁO</b></p> <p><b>1.2. NGUỒN GỐC CỦA TÔN GIÁO</b></p> <p>1.2.1. Nguồn gốc xã hội</p> <p>1.2.2. Nguồn gốc nhận thức</p> <p>1.2.3. Nguồn gốc tâm lí</p> <p><b>1.3. CHỨC NĂNG CỦA TÔN GIÁO</b></p> <p>1.3.1. Chức năng thế giới quan</p> <p>1.3.2. Chức năng đền bù hư ảo</p> <p>1.3.3. Chức năng điều chỉnh</p> <p>1.3.4. Chức năng liên kết</p> | 2 | 4.1.1                             | Thuyết trình kết hợp với nêu vấn đề, vấn đáp   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu 9 từ trang 7 đến trang 16.</li> <li>- Đọc tài liệu 10 từ trang 3 đến trang 21.</li> <li>- Đọc tài liệu 3 từ trang 23 đến trang 54.</li> <li>- Thực hiện theo hướng dẫn GV trên lớp.</li> <li>- Đọc tài liệu 2 từ trang 11 đến trang 18.</li> <li>- Đọc tài liệu 10 từ trang 7 đến trang 15.</li> <li>- Đọc tài liệu 3 từ trang 85 đến trang 104, từ trang 137 đến trang 149.</li> <li>- Đọc tài liệu 7 từ trang 26 đến trang 33.</li> <li>- Thực hiện theo hướng dẫn GV trên lớp.</li> <li>- Đọc tài liệu 2 từ trang 21 đến trang 23.</li> <li>- Đọc tài liệu 7 từ trang 35 đến trang 37</li> <li>- Đọc tài liệu 3 từ trang 123 đến trang 136.</li> <li>- Đọc tài liệu 10 từ trang 26 đến trang 28.</li> </ul> |
| <p><b>BÀI 2: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TÍN ĐỒ PHẬT GIÁO</b></p> <p><b>2.1. Khái quát quá trình hình thành và phát triển của Phật giáo</b></p> <p>2.1.1. Sự ra đời của Phật giáo</p> <p>2.1.2. Quá trình phát triển của Phật giáo</p> <p><b>2.2. Giáo lí, giáo luật</b></p>  | 3 | 4.1.2, 4.2.1, 4.2.2, 4.3.1, 4.3.2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhóm 1 và 2: chơi trò chơi: sắp xếp các hình ảnh về cuộc đời Phật Thích Ca theo thứ tự.</li> <li>- Nhóm 3 và 4: chơi trò chơi viết các thuật ngữ Phật giáo càng nhiều càng tốt.</li> <li>- Chia nhóm lại: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhóm 1: phân biệt Nam tông, Bắc tông.</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu 2 từ trang 91 đến trang 138.</li> <li>- Đọc tài liệu 3 từ trang 229 đến trang 246.</li> <li>- Đọc tài liệu 4 từ trang 296 đến trang 380.</li> <li>- Đọc tài liệu 6 từ trang 44 đến trang 106.</li> <li>- Đọc tài liệu 7 từ trang 47 đến trang 67.</li> <li>- Đọc tài liệu 9 từ trang 16 đến trang 35.</li> </ul>   |

|  |   |                                   |  |   |
|--|---|-----------------------------------|--|---|
| <p><b>và tổ chức Phật giáo</b></p> <p><b>2.2.1. Giáo lí</b></p> <p><b>2.2.2. Giáo luật</b></p> <p><b>2.2.3. Tổ chức</b></p> <p><b>2.3. Phật giáo ở Việt Nam</b></p> <p><b>2.3.1. Quá trình du nhập</b></p> <p><b>2.3.2. Các tông phái Phật giáo ở Việt Nam</b></p>   |   |                                   | <p>+ Nhóm 2: các tông phái Phật giáo ở VN.</p> <p>+ Nhóm 3: cơ cấu tổ chức GHPGVN từ TW đến cơ sở.</p> <p>+ Nhóm 4: Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử.</p> <p>- Nhóm 1 và 2: chơi trò chơi nhìn hình đoán chữ.</p> <p>- Nhóm 3 và 4: Ghi tên các bài hát có ảnh hưởng tư tưởng Phật giáo (viết vào giấy A0, bí mật).</p>  | <p>- Đọc tài liệu 10 từ trang 48 đến trang 58.</p> <p>- Thực hiện hướng dẫn của GV trên lớp.</p>  |
| <p><b>BÀI 3: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TÍN ĐỒ CÔNG GIÁO</b></p> <p><b>3.1. Sự hình thành và phát triển của Công giáo</b></p> <p>3.1.1. Kitô giáo và sự hình thành Công giáo</p> <p>3.1.2. Các giai đoạn phát triển chính của Kitô giáo</p> <p><b>3.2. Giáo lí, giáo luật, tổ chức của Công giáo</b></p> <p>3.2.1. Kinh Thánh</p> <p>3.2.2. Giáo lí, giáo luật</p> <p>3.2.3. Tổ chức</p> <p><b>3.3. Công giáo ở Việt Nam</b></p> <p><b>3.3.1. Sự du nhập Công giáo vào Việt Nam</b></p> <p><b>3.3.2. Công giáo với văn hóa Việt Nam</b></p> | 3 | 4.1.2, 4.2.1, 4.2.2, 4.3.1, 4.3.2 | <p>- Nhóm 1: vẽ sơ đồ tóm lược cuộc đời chúa Jesus.</p> <p>- Nhóm 2: vẽ sơ đồ quá trình phát triển từ Kitô giáo đến Công giáo, Tin Lành.</p> <p>- Nhóm 3: Giải thích tên gọi Công giáo và Tin Lành.</p> <p>- Nhóm 4: Vẽ sơ đồ hệ thống phẩm trật trong Công giáo từ Giáo hoàng đến Tín đồ.</p> <p>- Nhóm 5: kể hai câu chuyện về hai vụ án (của J. Bruno và J.T.Scopes).</p> <p>- Chia 3 nhóm:</p> <p>+ Nhóm 1: trình bày các ngày lễ chính trong Công giáo, lý giải các tính ngày lễ Phục Sinh.</p> | <p>- Đọc tài liệu 2 từ trang 139 đến trang 195.</p> <p>- Đọc tài liệu 3 từ trang 247 đến trang 277.</p> <p>- Đọc tài liệu 5 từ trang 7 đến trang 81.</p> <p>- Đọc tài liệu 6 từ trang 216 đến trang 259.</p> <p>- Đọc tài liệu 7 từ trang 69 đến trang 91.</p> <p>- Đọc tài liệu 9 từ trang 35 đến trang 60</p> <p>- Đọc tài liệu 10 từ trang 59 đến trang 71.</p> <p>- Thực hiện theo hướng dẫn GV trên lớp.</p> |

|   |   |   |   |  |
|---|---|---|---|--|
|   |   |   | + Nhóm 2: khái lược những giá trị văn hóa của Công giáo đóng góp cho văn hóa VN.  |  |
| <b>BÀI 4: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TÍN ĐỒ TIN LÀNH</b><br><b>4.1. Sự hình thành và phát triển đạo Tin Lành</b><br>4.1.1. Cải cách Kháng cách và sự ra đời đạo Tin Lành<br>4.1.2. Sự phát triển của đạo Tin Lành  | 3 | 4.1.2,<br>4.2.1,<br>4.2.2,<br>4.3.1,<br>4.3.2 | Thuyết trình kết hợp với nêu vấn đề, vấn đáp.   | - Đọc tài liệu 2 từ trang 196 đến trang 234.<br>- Đọc tài liệu 3 từ trang 277 đến trang 308.<br>- Đọc tài liệu 5 từ trang 82 đến trang 101.<br>- Đọc tài liệu 6 từ trang 260 đến trang 265.<br>- Đọc tài liệu 7 từ trang 92 đến trang 92.<br>- Đọc tài liệu 9 từ trang 60 đến trang 68.<br>- Đọc tài liệu 10 từ trang 72 đến trang 76.<br>Thực hiện theo hướng dẫn của GV. |
| <b>4.2. Giáo lí, giáo luật, tổ chức đạo Tin Lành</b><br>4.2.1. Giáo lí, giáo luật<br>4.2.2. Tổ chức<br><b>4.3. Đạo Tin Lành ở Việt Nam</b><br><b>4.3.1. Quá trình du nhập đạo Tin Lành vào Việt Nam</b><br><b>4.3.2. Thực trạng đạo Tin Lành tại Việt Nam</b> |   |   | - Nhóm 1: so sánh Công giáo và Tin Lành.<br>- Nhóm 2: quá trình tu học để trở thành Linh mục và Mục sư.<br>- Nhóm 3: suy nghĩ của anh (chị) khi Linh mục Công giáo không được lập gia đình, Mục sư Tin lành thì được. | - Đọc tài liệu tương tự phần trên.<br>- Làm theo HD của GV.  |
| <b>BÀI 5. CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TÍN ĐỒ HỒI GIÁO</b><br><b>5.1. Quá trình hình thành và phát triển của Hồi giáo</b><br>5.1.1. Quá trình hình thành Hồi giáo<br>5.1.2. Quá trình phát   | 3 | 4.1.2,<br>4.2.1,<br>4.2.2,<br>4.3.1,<br>4.3.2 | Làm dự án về Hồi giáo và cuộc sống người tín đồ Hồi giáo.   | - Đọc tài liệu 2 từ trang 235 đến trang 254.<br>- Đọc tài liệu 5 từ trang 114 đến trang 124.<br>- Đọc tài liệu 6 từ trang 299 đến trang 311.<br>- Đọc tài liệu 7 từ trang 93 đến trang 107.<br>- Đọc tài liệu 9 từ trang 76 đến  |

|  |   |   |  |  |
|--|---|---|--|--|
| triển của Hồi giáo<br><b>5.2. Giáo lí, giáo luật và tổ chức của Hồi giáo</b><br>5.2.1. Giáo lí, giáo luật<br>5.2.2. Tổ chức<br><b>5.3. Hồi giáo ở Việt Nam</b><br>5.3.1. Sự du nhập Hồi giáo vào Việt Nam<br>5.3.2. Đặc điểm các cộng đồng Hồi giáo ở Việt Nam                           |   |   |  | trang 84.<br>- Đọc tài liệu 10 từ trang 77 đến trang 86.<br>- Thực hiện theo hướng dẫn GV trên lớp.  |
| <b>BÀI 6. CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TÍN ĐỒ ĐẠO CAO ĐÀI</b><br><b>6.1. Bối cảnh ra đời và quá trình phát triển đạo Cao Đài</b><br>6.1.1. Bối cảnh ra đời<br>6.1.2. Quá trình phát triển<br><b>6.2. Giáo lí, giáo luật và tổ chức đạo Cao Đài</b><br>6.2.1. Giáo lí, giáo luật<br>6.2.2. Tổ chức | 3 | 4.1.2,<br>4.2.1,<br>4.2.2,<br>4.3.1,<br>4.3.2 | + Nhóm 1: hoàn cảnh ra đời đạo Cao Đài, tên gọi đạo Cao Đài, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ độ.<br>+ Nhóm 2: các phương pháp “Thông công” trong đạo Cao Đài.<br>+ Nhóm 3: giáo lí, giáo luật, lễ nghi, tổ chức đạo Cao Đài.<br>+ Nhóm 4: về bức tranh “Tam thánh ký hòa ước” và các tổ chức của đạo Cao Đài hiện nay.<br>Chia nhóm lại, các “chuyên gia” các nhóm thuyết minh cho nhóm khác. | - Đọc tài liệu 2 từ trang 255 đến trang 277.<br>- Đọc tài liệu 4 từ trang 399 đến trang 405.<br>- Đọc tài liệu 6 từ trang 266 đến trang 274.<br>- Đọc tài liệu 7 từ trang 145 đến trang 156.<br>- Đọc tài liệu 9 từ trang 84 đến trang 90.<br>- Đọc tài liệu 10 từ trang 87 đến trang 94.<br>- Đọc tài liệu 12.<br>- Thực hiện theo hướng dẫn GV trên lớp. |
| <b>7. CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TÍN ĐỒ PHẬT GIÁO HÒA HẢO</b><br><b>7.1. Bối cảnh ra đời và quá trình phát triển Phật giáo Hòa Hảo</b>  | 3 | 4.1.2,<br>4.2.1,<br>4.2.2,<br>4.3.1,<br>4.3.2 | Nhóm 1: tính chất “đậm đà bản sắc dân tộc” của đạo Hòa Hảo thông qua: kinh kệ, nghi thức thờ cúng, giáo lí, giáo luật.<br>Nhóm 2: hiện tượng   | - Đọc tài liệu 2 từ trang 278 đến trang 295.<br>- Đọc tài liệu 4 từ trang 382 đến trang 388.<br>- Thực hiện theo hướng dẫn GV trên lớp.<br>- Đọc tài liệu 6 từ trang 266 đến   |

|  |  |  |  |   |
|--|--|--|--|---|
| 7.1.1. Bối cảnh ra đời<br>7.1.2. Quá trình phát triển<br>7.2. Giáo lí, giáo luật và tổ chức đạo Cao Đài<br>7.2.1. Giáo lí, giáo luật<br>7.2.2. Tổ chức |  |  | các “ông đạo” ở miền Nam vào thế kỷ XIX. | trang 274.<br>- Đọc tài liệu 7 từ trang 156 đến trang 166,<br>- Đọc tài liệu 9 từ trang 90 đến trang 94.<br>- Đọc tài liệu 10 từ trang 94 đến trang 98.<br>- Đọc tài liệu 13. |
|--|--|--|--|---|

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra    | Phương pháp dạy – học         | Chuẩn bị của sinh viên  |
|--|---------|-----------------|-------------------------------|---|
| 2.4. Những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động công tác xã hội với tín đồ Phật giáo   | 2       | 4.1.2,<br>4.3.2 | Đi thực tế tại cơ sở tôn giáo | Đọc tài liệu, chuẩn bị các câu hỏi, thực hiện công việc do giảng viên phân công, tham gia chuyến đi đầy đủ. |
| 3.4. Những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động công tác xã hội với tín đồ Công giáo   | 1       | 4.1.2,<br>4.3.2 | Đi thực tế tại cơ sở tôn giáo | Đọc tài liệu, chuẩn bị các câu hỏi, thực hiện công việc do giảng viên phân công, tham gia chuyến đi đầy đủ. |
| 4.4. Những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động công tác xã hội với tín đồ Tin Lành    | 1       | 4.1.2,<br>4.3.2 | Đi thực tế tại cơ sở tôn giáo | Đọc tài liệu, chuẩn bị các câu hỏi, thực hiện công việc do giảng viên phân công, tham gia chuyến đi đầy đủ. |
| 5.4. Những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động công tác xã hội với tín đồ Hồi giáo    | 2       | 4.1.2,<br>4.3.2 | Đi thực tế tại cơ sở tôn giáo | Đọc tài liệu, chuẩn bị các câu hỏi, thực hiện công việc do giảng viên phân công, tham gia chuyến đi đầy đủ. |
| 6.3. Những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động công tác xã hội với tín đồ đạo Cao Đài | 2       | 4.1.2,<br>4.3.2 | Đi thực tế tại cơ sở tôn giáo | Đọc tài liệu, chuẩn bị các câu hỏi, thực hiện công việc do giảng viên phân công, tham gia chuyến đi đầy đủ. |



|   |   |                 |                               |   |
|---|---|-----------------|-------------------------------|---|
| <b>7.3. Những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động công tác xã hội với tín đồ đạo Phật giáo Hòa Hảo</b> | 2 | 4.1.2,<br>4.3.2 | Đi thực tế tại cơ sở tôn giáo | Đọc tài liệu, chuẩn bị các câu hỏi, thực hiện công việc do giảng viên phân công, tham gia chuyến đi đầy đủ. |
|---|---|-----------------|-------------------------------|---|

### 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả                  | Tên tài liệu  | Năm xuất bản | Nhà xuất bản        | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|------------------------------|---|--------------|---------------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                              |   |              |                     |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Ngô Đức Thịnh                | Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam           | 2012         | Trẻ                 | Thư viện LVH               | x                |           |
| 2   | Nguyễn Đức Lữ                | Lý luận về tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam | 2007         | Tôn Giáo            | Thư viện LVH               | x                |           |
| 3   | Đỗ Minh Hợp                  | Tôn giáo học nhập môn                                 | 2009         | Tôn giáo            | Thư viện LVH               |                  | x         |
| 4   | Toan Ánh                     | Tín ngưỡng Việt Nam, T. 1                             | 2000         | Văn nghệ TPHCM      | Thư viện LVH               |                  | x         |
| 5   | Toan Ánh                     | Tín ngưỡng Việt Nam, T. 2                             | 2000         | Văn nghệ TPHCM      | Thư viện LVH               |                  | x         |
| 6   | Nguyễn Hồng Dương            | Tôn giáo trong văn hóa Việt Nam                       | 2013         | Văn hóa – Thông tin | Thư viện LVH               |                  | x         |
| 7   | Trần Đăng Sinh, Đào Đức Doãn | Giáo trình tôn giáo học                               | 2006         | ĐHSP                | Thư viện LVH               |                  | x         |
| 8   | Hoàng Tâm Xuyên              | 10 tôn giáo lớn trên thế giới                         | 2014         | CTQG                | Thư viện LVH               |                  | x         |
| 9   | Trương Thìn                  | 101 điều cần biết về tín ngưỡng và phong tục VN       | 2007         | Hà Nội              | Thư viện LVH               |                  | x         |
| 10  | Lê Thanh Hà,                 | Đề cương bài giảng tôn                                | 2004         | Lưu                 | Thư                        |                  | x         |

|    |                   |  |      |                |                    |  |   |
|----|-------------------|--|------|----------------|--------------------|--|---|
|    | Nguyễn Thị Nhu    | giáo học   |      | hành<br>nội bộ | viện<br>LVH        |  |   |
| 11 | Nguyễn Văn<br>Hầu | Nhận thức Phật giáo Hòa<br>Hảo                   | 1968 | Hương<br>Sen   | Thư<br>viện<br>LVH |  | x |
| 12 | Lê Anh Dũng       | Lịch sử đạo Cao Đài thời<br>kỳ tiềm ẩn 1920-1926 | 1996 | Thuận<br>Hóa   | Thư<br>viện<br>LVH |  | x |
| 13 | Nguyễn Văn<br>Hầu | Nửa tháng trong miền Thất<br>Sơn                 | 2006 | Trẻ            | Thư<br>viện<br>LVH |  | x |
| 14 | Internet          | Các tài liệu về các tôn giáo<br>bản địa Nam bộ   |      |                | Internet           |  | x |

### 7. Quy định đối với sinh viên

- Vắng học không quá 20% số tiết (06 tiết/30 tiết lí thuyết).
- Làm việc nhóm tích cực, luân phiên trình bày vấn đề thảo luận.
- Tham dự các buổi đi thực tế do GV tổ chức, vắng 01 buổi trừ 02 điểm.
- Chuẩn bị vấn đề thảo luận trên máy tính hoặc giấy A0 trước khi lên lớp.

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần<br>đánh<br>giá | Hình thức<br>đánh giá              | Nội dung được đánh giá<br>(Chương/Chủ đề)                  | Chuẩn đầu ra                  | Trọng<br>số |
|--------------------|------------------------------------|--|-------------------------------|-------------|
| 1                  | Thường<br>kì/Trắc<br>nghiệm        | Bài 1, 2, 3, 4   | 4.1.1, 4.1.2,<br>4.2.1, 4.2.2 | 0.1         |
| 2                  | Thường<br>kì/Trắc<br>nghiệm        | Bài 5, 6, 7  | 4.1.2, 4.2.2,<br>4.3.1        | 0.2         |
| 3                  | Thường<br>xuyên                    | Dựa trên các phát biểu, góp ý trong<br>các buổi thảo luận  | Tất cả                        | 0.1         |
| 4                  | Thực tế                            | Dựa trên các ý kiến phát biểu trong<br>các buổi đi thực tế | Tất cả                        | 0.1         |
| 5                  | Kết thúc<br>học<br>phần/Vấn<br>đáp | Tất cả các chương<br>(Bộ câu hỏi cho trước)                | Tất cả                        | 0.5         |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**P.TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Trần Hoàng Phong**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Khoa: Văn hóa – Du lịch

Bộ môn: CTXH

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Xã hội học đại cương

Mã lớp học phần: GE4061

Số tín chỉ: 02

Số tiết tín chỉ: 30/0/60

Học phần điều kiện:

Học kỳ: 1

Năm học: 2019 - 2020

### 2. Thông tin về giảng viên:

#### 2.1. Giảng viên 1:

Họ và tên: Trần Kim Ngọc

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0983 605 208

Email: kimngoc208@gmail.com

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

#### 2.1. Giảng viên 2:

Họ và tên: Đỗ Thị Thảo

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0905712945

Email: [lethanhtaonguyen88@yahoo.com](mailto:lethanhtaonguyen88@yahoo.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt / Tổng quan về học phần

Môn học cung cấp cho người học kiến thức khái lược về xã hội học; giới thiệu tổng quan về các phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội học; cung cấp kiến thức về một số chuyên đề xã hội học: xã hội và văn hóa, quá trình xã hội hóa, vị trí và vai trò xã hội, tổ chức xã hội, phân tầng và di động xã hội, kiểm soát xã hội và lệch lạc xã hội, thiết chế xã hội, hành vi tập thể và phong trào xã hội, biến chuyển xã hội. Thông qua môn học người học sẽ có được nhãn quan xã hội học khi đánh giá, phân tích các vấn đề xã hội. Làm giám định kiến xã hội, hướng đến thực hiện các hành vi và giải pháp nhằm xây dựng xã hội phát triển công bằng, bền vững.

### 4. Mục tiêu học phần / Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức:

4.1.1. Vận dụng và trình bày các kiến thức cơ bản về xã hội học.

4.1.2. Nhận biết nguồn gốc của sự ra đời và phát triển của xã hội học

4.1.3. Trình bày về đối tượng nghiên cứu và nhãn quan xã hội học

4.1.4. Nhận biết về các phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội học.

4.1.5. Vận dụng và trình bày các vấn đề văn hóa và xã hội dưới quan điểm xã hội học

4.1.6. Vận dụng và trình bày về quá trình xã hội hóa và các vị trí, vai trò trong xã hội

4.1.7. Hiểu được sự phân tầng và di động trong xã hội hiện nay

4.1.8. Hiểu được sự cố kết của nhóm, định chế và những hành vi lệch lạc xã hội

4.1.9. Hiểu được các phong trào xã hội và sự biến chuyển xã hội qua thời gian.

#### 4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Đánh giá phân tích các vấn đề xã hội

- 4.2.2. Giải thích được các vấn đề xã hội nảy sinh trong xã hội hiện nay.
- 4.2.3. Phân tích được quá trình xã hội hóa cá nhân trong xã hội
- 4.2.4. Có hành vi ứng xử phù hợp khi tiếp xúc với các nền văn hóa khác
- 4.2.5. Giải thích được sự phân tầng và di động của cá nhân trong xã hội hiện nay
- 4.2.6. Có các hành vi ứng xử phù hợp khi tham gia vào các nhóm xã hội khác nhau.
- 4.2.7. Có hành vi tuân thủ các thiết chế xã hội
- 4.2.8. Giải thích được các vấn đề lệch lạc trong xã hội, có được các hành vi phù hợp tránh được sự lệch lạc, góp phần kiểm soát xã hội.
- 4.2.9. Đề xuất các giải pháp xây dựng và củng cố xã hội

### 4.3. Thái độ:

- 4.3.1. Hiểu được lợi ích của nhân quan xã hội học
- 4.3.2. Hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học
- 4.3.3. Rèn luyện, học hỏi và vận dụng những kiến thức từ môn học để trang bị cho bản thân một cách nhìn đúng đắn về các hiện tượng xã hội ở Việt Nam.
- 4.3.4. Tìm kiếm các giải pháp để giải quyết vấn đề, góp phần phát triển xã hội.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/ Chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra   | Phương pháp dạy – học  | Chuẩn bị của sinh viên   |
|--|---------|--|--|--|
| 1.Xã hội học là gì ?<br>1.1.Xã hội học: một bộ môn khoa học xã hội<br>1.1.1.Từ nguyên và định nghĩa<br>1.1.2.Hai khuynh hướng chính về đối tượng xã hội học.<br>1.1.3.“Nhân quan” xã hội học<br>1.2.Từ tư tưởng xã hội đến khoa học xã hội<br>1.2.1.Những tiền đề và điều kiện ra đời xã hội học<br>1.2.2.Các nhà xã hội học tiên phong.<br>1.3.Xã hội học đương đại và các lý thuyết của nó<br>1.3.1. Mô hình lý thuyết tương tác biểu tượng.<br>1.3.2.Mô hình lý thuyết cơ cấu – chức năng | 06      | 4.1.1;<br>4.1.2;<br>4.1.3<br>4.2.1;<br>4.2.2.<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3;<br>4.3.4 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>- Sử dụng máy chiếu, bảng. | Đọc [1, 5-37], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:<br>1.Xã hội học là gì? Hãy phân tích đối tượng nghiên cứu của xã hội học.<br>2.Thế nào là nhân quan xã hội học? Nêu lợi ích của nhân quan xã hội học. Cho ví dụ.<br>3.Phân tích những tiền đề và điều kiện ra đời của môn Xã hội học.<br>4.Phân tích sự đóng góp của E.Durkheim, A.Comte, M.Weber vào việc sáng lập ra môn xã hội học<br>5.Nêu ngắn gọn các mô hình lý thuyết tương tác biểu tượng, lý thuyết cơ cấu chức năng, lý thuyết mâu thuẫn. Mô hình nào tốt hơn? Vì sao?<br>6.Ví dụ: định kiến do lối nghĩ thông thường (common sense). |

|   |    |   |   |  |
|---|----|---|---|--|
| 1.3.3.Mô hình lý thuyết mâu thuẫn xã hội.<br>1.4.Các lãnh vực nghiên cứu của xã hội học.  |    |   |   | 7.Dùng ba lối tiếp cận chính của xã hội học để tìm hiểu hiện tượng phụ nữ ĐBSCL lấy chồng nước ngoài.  |
| 2. Tổng quan về các phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội học<br>2.1. Các bước đi để thực hiện một nghiên cứu khoa học<br>2.1.1. Xác định đề tài nghiên cứu và hình thành các câu hỏi đặc thù.<br>2.1.2. Bước nghiên cứu thăm dò và xem lại thư tịch.<br>2.1.3.Xây dựng một mô hình phân tích (xây dựng khung khái niệm)<br>2.2. Thu thập dữ kiện & Kiểm chứng giả thiết:<br>* Tương quan và mối liên hệ nhân quả<br>2.3. Các phương pháp, kỹ thuật cơ bản trong nghiên cứu xã hội học:<br>2.3.1. Quan sát:<br>2.3.2. Các thử nghiệm:<br>2.3.3. Nghiên cứu điều tra (survey research):<br>2.3.4. Phân tích thứ cấp (secondary analysis):<br>* So sánh ưu khuyết của các phương pháp | 02 | 4.1.4.<br>4.2.7<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3;<br>4.3.4          | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>- Sử dụng máy chiếu, bảng. | Đọc [1, 38-59], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:<br>1.Phân biệt khái niệm tương quan và mối liên hệ nhân quả trong nghiên cứu xã hội học? Bằng hai khái niệm trên hãy nhận định câu nói:"Xem phim bạo lực nhiều là nguyên nhân của tính hung hãn ở thanh thiếu niên".<br>2.Tìm hiểu thực trạng sử dụng thời gian nhàn rỗi của sinh viên tại Đại học Đồng Tháp. |
| 3. Xã hội và văn hóa<br>3.1. Xã hội<br>3.1.1. Xã hội là gì?<br>3.1.2. Các loại hình xã hội<br>3.1.3. Những thành tố của xã hội<br>3.2. Văn hóa<br>3.2.1. Ý nghĩa của văn  | 04 | 4.1.5<br>4.2.4;<br>4.2.9<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3;<br>4.3.4 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>- Sử dụng máy chiếu, bảng. | Đọc [1, 60-82], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:<br>1.Nêu ý nghĩa của văn hóa, các thái độ đối với văn hóa và các khả năng khi hai nền văn hóa tiếp xúc nhau. Cho ví dụ minh họa.<br>2.Nêu các thành phần của văn hóa và phân tích tính đa dạng  |

|   |    |  |   |   |
|---|----|--|---|---|
| <p>hóa</p> <p>3.2.2. Thái độ đối với các nền văn hóa khác nhau.</p> <p>3.2.3. Tiếp xúc văn hóa và biến chuyển văn hóa.</p> <p>3.2.4. Các lý thuyết nghiên cứu và giải thích về văn hóa.</p>   |    |  |   | <p>của văn hóa. Cho ví dụ minh họa.</p> <p>3. Ứng dụng các lý thuyết giải thích về văn hóa.</p> <p>4. Khi nền văn hoá VIỆT NAM gặp nền văn hoá Tây phương, nói chung, bộ phận nào trong văn hoá VIỆT NAM có sự giao lưu, bộ phận nào bị đồng hoá và bộ phận nào có sự thích nghi văn hoá (tinh thần tương đối)?</p>   |
| <p>4. Quá trình xã hội hóa. Vị trí và vai trò xã hội</p> <p>4.1. Quá trình xã hội hóa</p> <p>4.1.1. Định nghĩa</p> <p>4.1.2. Con người với tư cách là một sinh vật xã hội</p> <p>4.1.3. Các lý thuyết về sự phát triển nhân cách và quá trình xã hội hóa.</p> <p>4.1.4. Các giai đoạn và môi trường của quá trình xã hội hóa</p> <p>4.2. Khuôn mẫu hành vi, vị trí và vai trò xã hội</p> <p>4.2.1. Khuôn mẫu hành vi</p> <p>4.2.2. Vị trí xã hội, vai trò xã hội.</p> <p>4.2.3. Những lý thuyết về vai trò và cơ cấu xã hội</p> | 04 | <p>4.1.6</p> <p>4.2.2;</p> <p>4.2.3;</p> <p>4.2.9</p> <p>4.3.1;</p> <p>4.3.2;</p> <p>4.3.3;</p> <p>4.3.4</p> | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>- Kể chuyện</p> <p>- Sử dụng máy chiếu, bảng.</p> | <p>Đọc [1, 83-103], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1. Hãy trình bày sự hiểu biết của mình về vị trí xã hội và vai trò xã hội. Cho ví dụ minh họa.</p> <p>2. Thế nào là khuôn mẫu hành vi? Nêu các tiêu chuẩn của khuôn mẫu hành vi. Cho ví dụ minh họa.</p> <p>3. Nêu khái niệm vị trí xã hội, vị thế xã hội, địa vị xã hội và vai trò xã hội.</p> <p>4. Thế nào là vai trò xã hội? Nêu các khái niệm xung đột và căng thẳng vai trò. Nêu những kỳ vọng nơi vai trò và sự chệch tài của xã hội.</p> <p>5. Hãy phân tích quá trình xã hội hóa. Nêu các giai đoạn và môi trường xã hội hóa.</p> <p>6. Nêu khái niệm, nhiệm vụ và ý nghĩa của quá trình xã hội hóa.</p> <p>7. Nếu nền văn hoá tác động lên nhân cách của các cá nhân trong cùng một xã hội, làm thế nào giải thích sự khác biệt giữa các nhân cách cá nhân?</p> |
| <p>5. Tổ chức xã hội</p> <p>5.1. Nhóm xã hội</p> <p>5.2. Các lý thuyết về nhóm</p> <p>5.3. Năng động nhóm</p> <p>5.4. Các loại hình tổ</p>  | 02 | <p>4.1.8;</p> <p>4.1.9;</p> <p>4.2.6;</p> <p>4.2.9</p> <p>4.3.1;</p> <p>4.3.2;</p>                           | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>-Sử dụng máy chiếu, bảng.</p>                     | <p>Đọc [1, 104-123], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1. Định nghĩa nhóm xã hội, phân loại nhóm xã hội. Nêu vai trò của nhóm xã hội. Trong xã hội ta hiện nay loại</p>   |

|  |           |  |   |   |
|--|-----------|--|---|---|
| <p>chức quy mô lớn<br/>5.5. Tổ chức chính thức và quan hệ sơ cấp trong xã hội hiện đại.</p>  |           | <p>4.3.3;<br/>4.3.4</p>  |   | <p>nhóm xã hội nào quan trọng hơn? Vì sao?<br/>2. Phân tích các loại hình tổ chức xã hội.<br/>3. Anh chị thích mô hình tổ chức chính thức của Tây phương hay Nhật? Tại sao?<br/>4. Theo suy nghĩ của anh chị, mô hình tổ chức chính thức Nhật Bản có thể áp dụng ở Việt Nam không?<br/>5. Bài học lớn nào được rút ra, theo suy nghĩ của anh chị từ mô hình tổ chức chính thức của Nhật?</p>  |
| <p>6. Phân tầng xã hội và di động xã hội<br/>6.1. Một số khái niệm<br/>6.2. Mối tương quan giữa phân tầng xã hội và chính trị, văn hóa, kinh tế.<br/>6.3. Di động xã hội trong xã hội hiện đại<br/>6.4. Các lý thuyết giải thích về phân tầng xã hội<br/>6.5. Biến chuyển của phân tầng xã hội</p> | <p>04</p> | <p>4.1.7<br/>4.2.5;<br/>4.2.9<br/>4.3.1;<br/>4.3.2;<br/>4.3.3;<br/>4.3.4</p> | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.<br/>-Sử dụng máy chiếu, bảng</p> | <p>Đọc [1, 124-143], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:<br/>1.Thế nào là bất bình đẳng xã hội? Bất bình đẳng xã hội liên quan như thế nào đến phân tầng xã hội?<br/>2.Thế nào là phân tầng xã hội? Những nguyên nhân nào dẫn đến phân tầng xã hội?<br/>3.Hãy trình bày cách hiểu của mình về “di động xã hội”. Trong thực tế xã hội ta hiện nay di động xã hội được biểu hiện như thế nào? Vai trò của chính sách đối với di động xã hội.<br/>4.Ứng dụng các mô hình lý thuyết giải thích sự phân tầng xã hội.<br/>5.Hãy trình bày sự hiểu biết của mình về “di động xã hội”. Phân tích nguyên nhân, vai trò và những yếu tố ảnh hưởng đến di động xã hội. Cho ví dụ minh họa.<br/>6.Tục ngữ Việt Nam có câu: "Bần cùng sinh đạo tặc". Anh chị hãy dùng các lối tiếp cận xã hội học để giải thích và nhận định câu tục ngữ trên. Có tương quan nào giữa sự phân tầng xã hội, sự nghèo</p> |



|   |    |   |  |  |
|---|----|---|--|--|
|   |    |   |  | đổi và các hành vi lệch lạc trong xã hội không?<br>7.Hãy trình bày các yếu tố tác động đến sự phân tầng xã hội của những cá nhân và những hệ luận của phân tầng xã hội lên đời sống của họ?  |
| 7. Định chế xã hội<br>7.1. Phân tích định chế xã hội<br>7.1.1. Khái niệm<br>7.1.2. Một số nét đặc trưng của định chế xã hội<br>7.1.3. Kết cấu định chế<br>7.1.4. Chức năng định chế<br>7.1.5. Quan hệ giữa các định chế<br>7.1.6. Biến chuyển định chế<br>7.2. Định chế trong các xã hội hiện đại | 02 | 4.1.8;<br>4.1.9<br>4.2.7;<br>4.2.9<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3;<br>4.3.4 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng. | Đọc [1, 144-160], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:<br>1.Nêu khái niệm về định chế xã hội.<br>2.Phân tích đặc trưng, kết cấu và chức năng của định chế xã hội.  |
| 8. Kiểm soát xã hội và lệch lạc xã hội<br>8.1. Khái niệm kiểm soát xã hội và lệch lạc xã hội<br>8.2. Các lý thuyết về sự lệch lạc xã hội  | 02 | 4.1.8;<br>4.1.9<br>4.2.8;<br>4.2.9<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3;<br>4.3.4 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng. | Đọc [1, 161-171], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:<br>1.Nêu khái niệm về kiểm soát xã hội .<br>2.Nêu khái niệm về lệch lạc xã hội  |
| 9. Hành vi tập thể và phong trào xã hội<br>9.1. Hành vi tập thể<br>9.2. Phong trào xã hội   | 02 | 4.1.8;<br>4.1.9<br>4.2.8;<br>4.2.9<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3;<br>4.3.4 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng. | Đọc [1, 172-198], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:<br>1.Phân biệt ba khái niệm: nhóm (group), đám đông (crowd), quần chúng (mass). Ba khái niệm này khác nhau trên những khía cạnh nào?<br>2.Chọn một ví dụ về phong trào xã hội và cho thấy các giai đoạn phát sinh và phát triển của nó. |
| 10. Biến chuyển xã hội và quá trình hiện đại hóa<br>10.1. Biến chuyển xã hội<br>10.1.1. Định nghĩa  | 02 | 4.1.8;<br>4.1.9<br>4.2.8;<br>4.2.9<br>4.3.1;                              | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Sử dụng máy chiếu,       | Đọc [1, 199-240], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:<br>1.Nêu những nhân tố và điều kiện của sự chuyển biến xã hội.  |

|  |  |                           |       |  |
|--|--|---------------------------|-------|--|
| 10.1.2. Phân biệt biến chuyển và biến cố<br>10.1.3. Các yếu tố đưa đến biến chuyển xã hội<br>10.2. Quá trình hiện đại hóa<br>10.2.1. Định nghĩa<br>10.2.2. Các lãnh vực của quá trình hiện đại hóa<br>10.2.3. Các lý thuyết giải thích về quá trình hiện đại hóa |  | 4.3.2;<br>4.3.3;<br>4.3.4 | bảng. | 2. Nêu khái niệm và đặc điểm của biến chuyển xã hội. |
|--|--|---------------------------|-------|--|

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả                          | Tên tài liệu         | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|--------------------------------------|----------------------|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                                      |                      |              |              |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 01  | Nguyễn Xuân Nghĩa                    | Xã hội học           | 2006         | ĐH Mở-TP.HCM | Thư viện                   | x                |           |
| 02  | Trần Thị Kim Xuyên                   | Nhập môn xã hội học  | 2006         | ĐHQG TPHCM   | Thư viện                   |                  | x         |
| 03  | John J. Macionis                     | Xã hội học           | 2004         | Thống Kê HN  | GV                         |                  | x         |
| 04  | Nguyễn Sinh Huy                      | Xã hội học đại cương | 1998         | ĐHQG - HN    | Thư viện                   |                  | x         |
| 05  | GS. Phạm Tất Dong – TS. Lê Ngọc Hùng | Xã hội học           | 1999         | GD-HN        | Thư viện                   |                  | x         |

## 7. Quy định đối với sinh viên:

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 5.

## 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức Đánh giá | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề) | Chuẩn đầu ra | Trọng số |
|--------------|--------------------|--|--------------|----------|
|              |                    |  |              |          |

|    |                 |  |   |     |
|----|-----------------|--|---|-----|
| 01 | Điểm chuyên cần | Tham dự lớp đầy đủ (30/30);<br>Tích cực thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến, quan điểm. | 4.3   | 0.1 |
| 02 | Kiểm tra        | Chương 1, 3, 4, 6  | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.1.6; 4.1.7<br>4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.2.4;<br>4.2.5                      | 0.3 |
| 03 | Thi             | Từ chương 1, 3,4, 5, 6, 7, 8   | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.1.6; 4.1.7<br>4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.2.4;<br>4.2.5; 4.2.6; 4.2.7; 4.2.8 | 0.6 |

*Đồng Tháp, ngày tháng năm*

**TRƯỞNG KHOA**

**P.TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Trần Kim Ngọc**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**  
**KHOA VĂN HÓA DU LỊCH**  
**BỘ MÔN CÔNG TÁC XÃ HỘI**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần**

Tên học phần: Truyền thông đại chúng

Mã lớp học phần:

Số tín chỉ: **02**

Số tiết tín chỉ: **30 tiết (30/0/60)**

Học kỳ:

Năm học:

**2. Thông tin về giảng viên:**

**2.1. Giảng viên 1**

Họ và tên: Kiều Văn Tu

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0982103342

Email: [kieuvantu@gmail.com](mailto:kieuvantu@gmail.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

**2.2. Giảng viên 2**

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng  
sĩ

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0989216484  
nguyenbichhung82@gmail.com

Email:

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

**3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần**

Môn học cung cấp một số khái niệm về truyền thông, các phương tiện truyền thông đại chúng, công chúng truyền thông; một số hướng tiếp cận xã hội học về truyền thông đại chúng (theo quan điểm cấu trúc chức năng; dựa trên quan điểm phê phán...); nghiên cứu về vai trò xã hội của đội ngũ truyền thông (nhà báo, nhà truyền thông, các tổ chức truyền thông...); phương pháp nghiên cứu nội dung truyền thông (phương pháp nội dung thực nghiệm, phương pháp nội dung tín hiệu học...); ảnh hưởng xã hội của truyền thông đại chúng.

**4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra**

**4.1 Kiến thức**

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1.1. Vận dụng những lý thuyết về truyền thông để thúc đẩy các tiến trình can thiệp cá nhân, nhóm và cộng đồng

4.1.2. Nâng cao khả năng áp dụng các kiến thức nền tảng về truyền thông qua thực hành các kỹ năng giao tiếp, truyền thông đối với cá nhân và nhóm.

## 4.2. Kỹ năng

4.2.1. Phát hiện, nghiên cứu về những vấn đề của các đối tượng xã hội, phân tích được những nội dung, yêu cầu truyền thông

4.2.2. Vận dụng kiến thức đã học để có thể liên hệ thực tế, phân tích được vấn đề của các đối tượng được truyền thông, nhằm giúp thân chủ tự giải quyết vấn đề và nâng cao nhận thức.

## 4.3. Thái độ

4.3.1. Sinh viên học tập chuyên cần, và hiểu được vai trò của mình đối với thân chủ và nhóm thân chủ thông qua việc tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và các nguyên tắc hành động trong công tác xã hội.

4.3.2. Thái độ tích cực khi làm việc với cộng đồng nghèo, cộng đồng yếu thế. Xây dựng tinh thần tự giác, làm việc nhóm cao.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra                              | Phương pháp dạy – học   | Chuẩn bị của sinh viên  |
|--|---------|---|---|---|
| <b>1.Tìm hiểu khái niệm truyền thông</b><br>1.1. Truyền thông<br>1.2 Truyền thông đại chúng<br>1.3. Đại chúng<br>1.4. Quá trình truyền thông<br><i>Giai đoạn phát tin (emission)</i><br><i>Giai đoạn truyền tin (transmission)</i><br><i>Giai đoạn nhận tin (reception)</i><br>1.5. Truyền thông liên các nhân và truyền thông đại chúng | 4       | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm;<br>Xử lý bài tập tình huống mà GV đưa ra. | <b>SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:</b><br>Làm rõ quá trình truyền thông<br>Truyền thông có những giai đoạn nào |
| <b>2.Lịch sử ra đời chủ các phương tiện truyền thông đại</b>   | 4       | 4.1.1<br>4.1.2                            | GV thuyết trình; SV thảo  | <b>SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực</b>   |

|  |                 |   |   |   |
|--|-----------------|---|---|---|
| <p><b>chúng. Một định chế xã hội mới</b></p> <p>2.1. Những phương tiện truyền thông đại chúng cổ truyền</p> <p>2.1.1. Kỹ thuật ấn loát</p> <p>2.1.2. Những tờ báo đầu tiên</p> <p>2.2. Các kỹ thuật truyền thông và các phương tiện truyền thông đại chúng.</p> <p>2.4. Định chế truyền thông đại chúng</p> <p>2.5. Xã hội học về truyền thông đại chúng</p> |                 | <p>4.2.1</p> <p>4.2.2</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> | <p>luận nhóm và báo cáo;</p>                          | <p><b>hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p><b>Phân tích sự ra đời của các phương tiện truyền thông</b></p>  |
| <p><b>3. Các lý thuyết về truyền thông đại chúng</b></p> <p>3.1. Hướng tiếp cận theo quan điểm chức năng luận</p> <p>3.2. Các lý thuyết phê phán</p> <p>3.3. Một vài hướng tiếp cận khác</p>   | <p><b>4</b></p> |   | <p>GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo;</p> | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p><b>Làm rõ những lý thuyết về truyền thông đại chúng</b></p>   |
| <p><b>4. Nghiên cứu công chúng</b></p> <p>4.1. Những đặc điểm của công chúng</p> <p>4.2. Ứng xử truyền thông của công chúng</p> <p>4.3. Cách sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng nơi các tầng lớp công chúng</p>  | <p><b>4</b></p> |   | <p>GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo;</p> | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p><b>Làm sáng tỏ mối quan hệ công chúng và truyền thông</b></p> |
| <p><b>5. Nghiên cứu các nhà truyền thông</b></p> <p>5.1. Các nhà truyền thông làm nghề báo</p> <p>5.2. Lao động của nhà báo</p> <p>5.3. Bộ máy tòa soạn</p> <p>5.4. Những áp lực trong nghề nghiệp</p>   | <p><b>4</b></p> |   |   | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p><b>Làm sáng tỏ Nhà truyền thông</b></p>                       |
| <p><b>6. Nghiên cứu nội dung truyền thông</b></p> <p>6.1. Văn phong báo chí</p>  | <p><b>4</b></p> |   |   | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:</b></p>  |

|  |           |  |  |  |
|--|-----------|--|--|--|
| 6.2. Phân tích nội dung truyền thông<br>6.3. Phương pháp phân tích nội dung thực nghiệm<br>6.4. Phương pháp phân tích nội dung tín hiệu học      |           |  |  | <b>Làm sáng tỏ nội dung truyền thông</b>   |
| <b>7. Những tác động xã hội của truyền thông đại chúng</b><br>7.1. Tác động đến cá nhân<br>7.2. Tác động đến nhóm<br>7.3. Tác động đến cộng đồng | <b>6</b>  |  |  | <b>SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:<br/>Làm sáng tỏ tác động xã hội của truyền thông</b> |
|  | <b>30</b> |  |  |  |

### 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

### 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả  | Tên tài liệu                      | Năm xuất bản | Nhà xuất bản                       | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|--|-----------------------------------|--------------|------------------------------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |  |                                   |              |                                    |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Trần Hữu Quang,                                      | Truyền thông đại chúng,           | 2010         | Trường Đại học KHXH và NV Tp. HCM, | Phòng BM                   | x                |           |
| 2   | Kiều Văn Tu  | Bài giảng Truyền thông đại chúng, | 2014         | Lưu hành nội bộ                    | Phòng BM                   | x                |           |
| 3   | Trần Hữu Quang,                                      | Xã hội học báo chí                | 2014         | ĐHQG                               | Phòng BM                   |                  | x         |
| 4   | Philippe Breton, Serge Proulx, (Vũ Đình Phòng dịch), | Bùng nổ truyền thông.             | 1996         | Văn hóa-thông tin,                 | Internet                   |                  | x         |

## 7. Quy định đối với sinh viên

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể.

## 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá         | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)  | Chuẩn đầu ra   | Trọng số |
|--------------|----------------------------|---|--|----------|
| 1            | Điểm chuyên cần            | Tham dự lớp đầy đủ (30/30); Tích cực thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến, quan điểm. | 4.3.1; 4.3.2; 4.3.3                                  | 0.1      |
| 2            | Báo cáo nhóm; Tiểu luận.   | Chương 1; 3; 4;   | 4.1.1; 4.1.2; 4.2.3; 4.1.4; 4.1.5; 4.1.6; 4.1.7; 4.2 | 0.1      |
| 3            | Điểm kiểm tra giữa kỳ      | Chương 3; 4   | 4.1.1; 4.1.2; 4.2.3; 4.1.4; 4.1.5; 4.1.6; 4.1.7; 4.2 | 0.2      |
| 4            | Điểm thi kết thúc học phần | Chương 1; 3; 4;   | 4.1.1; 4.1.2; 4.2.3; 4.1.4; 4.1.5; 4.1.6; 4.1.7; 4.2 | 0.6      |

*Đồng Tháp, ngày tháng năm*

**P. TRƯỞNG KHOA**

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Kiều Văn Tu**



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

**Khoa: Văn hóa-Du lịch**

**Bộ môn: Công tác xã hội**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

### **1.Thông tin về học phần**

Tên học phần: An sinh xã hội và Những vấn đề xã hội

Mã lớp học phần: SO4101

Số tín chỉ: 3

Số tiết tín chỉ: 45

Học phần điều kiện (*nếu có*): không

Học kỳ:

Năm học:

### **2.Thông tin về giảng viên**

#### **Giảng viên 1:**

Họ và tên:Đỗ Thị Thảo Chức danh, học vị:Ths.Giảng viên

Điện thoại: 0939212945 E-mail:[lethanhthaonguyen88@yahoo.com](mailto:lethanhthaonguyen88@yahoo.com)

Đơn vị: Tổ bộ môn Công tác xã hội- Khoa Văn hóa-Du lịch

#### **Giảng viên 2:**

Họ và tên: Trần Kim Ngọc Chức danh, học vị:Ths.Giảng viên

Điện thoại: 0983605208 E-mail: kimngoc208@gmail.com

Đơn vị: Tổ bộ môn Công tác xã hội- Khoa Văn hóa-Du lịch

### **3.Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần**

An sinh xã hội và các vấn đề xã hội là môn khoa học xã hội, là môn học bắt buộc, chính yếu trong chương trình đào tạo Đại học chuyên ngành Công tác xã hội được đưa vào giảng dạy ở các trường Đại học ở nhiều nước trên thế giới.

### **4.Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra**

Sau khi hoàn tất chương trình môn học sinh viên đạt được các kết quả sau:

#### **4.1. Kiến thức**

4.1.1. Sinh viên trình bày được khái niệm trong lĩnh vực an sinh xã hội;

4.1.2. Sinh viên trình bày được lịch sử hình thành, phát triển của khoa học an sinh xã hội;

4.1.3. Sinh viên vẽ được hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam,

4.1.4. Sinh viên trình bày và phân tích được bản chất các chính sách an sinh xã hội cơ bản của quốc gia;

4.1.5. Sinh viên trình bày khái niệm, nguyên nhân và phân tích hậu quả của các vấn đề xã hội: Nạn mai dâm, Nghiện ma túy, Bệnh HIV/AIDS, Người khuyết tật, Người cao tuổi, Bạo lực gia đình đối với phụ nữ, Trẻ em lao động sớm; Nghèo đói; Tội phạm.

4.1.6. Sinh viên trình bày và áp dụng được các phương thức giải quyết các vấn đề xã hội nêu trên.

## 4.2. Kỹ năng

4.2.1. Trình bày, phân tích được các vấn đề trước đám đông;

4.2.2. Nhận diện và Phân tích khoa học về các vấn đề xã hội;

4.2.3. Xây dựng được kế hoạch tham gia vào giải quyết các vấn đề xã hội trên cơ sở hệ thống chính sách An sinh xã hội.

## 4.3. Thái độ

4.3.1. Không phân biệt đối xử đối với các đối tượng nhiễm HIV/AIDS, tệ nạn xã hội;

4.3.2. Nâng cao trách nhiệm bản thân trong lĩnh vực nghề nghiệp công tác xã hội;

4.3.3. Tích cực tham gia các hành động xã hội, hướng tới sự giúp đỡ và sự phát triển bền vững xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

# 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

## 5.1. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra  | Phương pháp dạy - học                          | Chuẩn bị của sinh viên   |
|--|---------|---|--|--|
| <p><b>Chương 1. An sinh xã hội-hệ thống thiết yếu trong hệ thống tổ chức nhà nước</b></p> <p>1.1. Khái niệm về an sinh xã hội</p> <p>1.2. Sự nảy sinh các vấn đề xã hội</p> <p>1.3. Sự hình thành và chuyển biến của tổ chức ASXH trên thế giới</p> <p>1.4. Cơ sở khoa học của an sinh xã hội</p> <p>1.5. Bản chất của an sinh xã hội</p> <p>1.6. Hệ thống An sinh xã hội</p> <p>1.7. Một số nguyên tắc xây dựng ASXH</p> <p>1.8. Cơ chế tài chính của hệ thống ASXH</p> <p>1.9. Hệ thống tổ chức ASXH ở</p> | 6       | <p>4.1.1</p> <p>4.1.2</p> <p>4.1.3</p> <p>4.1.4</p> | <p>Hỏi đáp- giải thích</p> <p>Thuyết giảng</p> | <p><b>Đọc [1, 5-27], [2,7-18] [4,47-51] trả lời các câu hỏi sau:</b></p> <p>1. An sinh xã hội là gì? Cơ sở lý luận của An sinh xã hội?</p> <p>2. Vì sao nói An sinh xã hội là một hệ thống thiết yếu của tổ chức nhà nước</p> <p>3. An sinh xã hội hình thành và phát triển như thế nào?</p> <p>4. Vì sao An sinh xã hội được xem như là mạng lưới xã hội quan trọng trong việc đảm bảo nhu cầu an toàn cho con người?</p> |

|  |          |   |  |   |
|--|----------|---|--|---|
| <p>Việt Nam</p> <p>1.10. Mối quan hệ giữa ASXH và công tác xã hội</p>  |          |   |  | <p>5. An sinh xã hội có mối quan hệ như thế nào đối với các môn khoa học xã hội Xã hội học, Tâm lý học, Tâm thần học, Chính trị học, Công tác xã hội?</p>   |
| <p><b>Chương 2. Chính sách Bảo hiểm xã hội</b></p> <p>2.1. Khái niệm về Bảo hiểm xã hội</p> <p>2.2. Tính chất của Bảo hiểm xã hội</p> <p>2.3. Chức năng của Bảo hiểm xã hội</p> <p>2.4. Vị trí, vai trò của Bảo hiểm xã hội trong hệ thống An sinh xã hội</p> <p>2.5. Các nguyên tắc Bảo hiểm xã hội</p> <p>2.6. Các chế độ Bảo hiểm xã hội</p> <p>2.7. Bảo hiểm thất nghiệp</p> <p>2.7. Tài chính Bảo hiểm xã hội</p> <p>2.8. Hồ sơ Bảo hiểm xã hội</p> | <p>6</p> | <p>4.1.1</p> <p>4.1.2</p> <p>4.1.3</p> <p>4.1.4</p> | <p>Hỏi đáp- giải thích</p> <p>Thuyết giảng</p> <p>Bài tập tình huống</p> | <p><b>Đọc [2, 97-235] trả lời các câu hỏi sau:</b></p> <p>1. Bảo hiểm xã hội là gì? Đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội là ai?</p> <p>2. Nguyên tắc cơ bản của bảo hiểm xã hội?</p> <p>3. Mục đích của các chế độ bảo hiểm Ốm đau; Thai sản; Tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp; Hưu trí; Tử tuất; Thất nghiệp; Y tế.</p> <p>4. Cách thức tính các chế độ Bảo hiểm nêu trên ?</p> <p>5. Tài chính Bảo hiểm xã hội là gì? Quỹ Bảo hiểm xã hội được hình thành như thế nào?</p> <p>6. Nguyên tắc và cơ chế quản lý tài chính Bảo hiểm xã hội</p> <p>7. Vì sao Bảo hiểm xã hội được xem là trụ cột trong hệ thống an sinh xã hội.</p> |
| <p><b>Chương 3. Chính sách Cứu trợ xã hội</b></p> <p>2.1. Khái niệm về Cứu trợ xã hội</p> <p>2.2. Đặc trưng của cứu trợ xã hội</p> <p>2.3. Chức năng của cứu trợ xã hội</p> <p>2.5. Các quan điểm cơ bản về cứu trợ xã hội</p> <p>2.6. Đối tượng cứu trợ xã hội</p>  | <p>3</p> | <p>4.1.1</p> <p>4.1.2</p> <p>4.1.3</p> <p>4.1.4</p> | <p>Hỏi đáp- giải thích</p> <p>Thuyết giảng</p> <p>Bài tập tình huống</p> | <p><b>Đọc [2, 311-329], trả lời các câu hỏi sau:</b></p> <p>1. Cứu trợ xã hội là gì?</p> <p>2. Đối tượng cứu trợ xã hội ?</p> <p>3. Các hình thức cơ bản trong</p>  |

|  |   |                                  |   |   |
|--|---|----------------------------------|---|---|
| 2.7. Các hình thức cứu trợ xã hội<br>2.7. Tài chính cứu trợ xã hội   |   |                                  |   | chính sách cứu trợ xã hội?<br><br>4. Tài chính cứu trợ xã hội hình thành như thế nào?<br><br>5. Các chế độ trong cứu trợ xã hội được tính và thực hiện như thế nào?<br><br>6. Trình tự, thủ tục để được hưởng chính sách cứu trợ xã hội?  |
| <b>Chương 4. Chính sách ưu đãi xã hội</b><br>2.1. Khái niệm về Ưu đãi xã hội<br>2.2. Mục đích của chính sách ưu đãi xã hội<br>2.3. Đối tượng hưởng ưu đãi xã hội<br>2.4. Các hình thức cứu trợ xã hội<br>2.5. Các chế độ ưu đãi xã hội<br>2.6. Tài chính ưu đãi xã hội   | 3 | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.1.3<br>4.1.4 | Hỏi đáp- giải thích<br>Thuyết giảng<br>Bài tập tình huống | <b>Đọc [2, 311-329], trả lời các câu hỏi sau:</b><br><br>1. Chế độ ưu đãi xã hội là gì?<br><br>2. Mục đích của việc thực hiện chế độ ưu đãi xã hội?<br><br>3. Đối tượng nào được hưởng ưu đãi xã hội?   |
| <b>Chương 5. Chính sách - Xóa đói giảm nghèo</b><br>2.1. Khái niệm Chính sách xóa đói giảm Nghèo<br>2.2. Mục tiêu của chính sách xóa đói giảm Nghèo<br>2.3. Đối tượng hưởng Chính sách xóa đói giảm Nghèo<br>2.4. Các hình thức Chính sách xóa đói giảm Nghèo<br>2.5. Các chế độ Chính sách xóa đói giảm Nghèo<br>2.6. Tài chính Chính sách xóa đói giảm Nghèo | 3 | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.1.3<br>4.1.4 | Hỏi đáp- giải thích<br>Thuyết giảng<br>Bài tập tình huống | <b>Đọc [2, 267-303], [1,51-75] Đọc [2, 311-329],</b> Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo trả lời các câu hỏi sau:<br><br>1. Chế độ hưởng được tính như thế nào?)<br><br>2. Thủ tục để được hưởng chế độ ưu đãi xã hội?<br><br>3. Nguồn tài chính ưu đãi xã hội?<br><br>4. Chính sách xóa đói giảm nghèo là gì?<br><br>5. Mục tiêu của chính sách xóa đói giảm nghèo? |
| <b>Chương 6 . Tổng quan về vấn đề xã hội</b>   | 3 | 4.1.1<br>4.1.2                   | Hỏi đáp- giải thích<br>Thuyết giảng                       | <b>Đọc [2, 311-329],[1,5-8]</b><br><br>1. Xã hội là gì?   |

|   |          |   |  |   |
|---|----------|---|--|---|
| <p>6.1. Khái niệm</p> <p>6.1.1.Xã hội</p> <p>6.1.2.Vấn đề xã hội</p> <p>6.1.3.Tệ nạn xã hội</p> <p>6.2.Một số vấn đề xã hội của Việt Nam hiện nay</p> <p>6.3. Phương châm giải quyết vấn đề xã hội</p> <p>6.4. Công tác xã hội và vấn đề xã hội</p>   |          | <p>4.1.3</p> <p>4.1.4</p>   | <p>Bài tập tình huống</p>  | <p>Vấn đề xã hội là gì?</p> <p>2. Tệ nạn xã hội là gì?</p> <p>3. Nêu các vấn đề xã hội ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>4.Phương châm giải quyết vấn đề xã hội của Nhà nước như thế nào?</p> <p>5. Công tác xã hội đóng vai trò gì trong giải quyết các vấn đề xã hội?</p>   |
| <p><b>Chương 7. Vấn đề Nghiện ma túy</b></p> <p>7..1 Khái niệm</p> <p>7.1.1. Ma túy,</p> <p>7.1.2. Nghiện Ma túy</p> <p>7.2 Phân loại ma túy</p> <p>7.3 Nguyên nhân dẫn đến nghiện ma túy</p> <p>7.4 Tác hại của nghiện ma túy đến cá nhân, gia đình và xã hội</p> <p>7.5 Dấu hiệu nhận diện người nghiện ma túy</p> <p>7.6 Các giai đoạn của quá trình cai nghiện</p> <p>7.7 Tâm lý của người nghiện ma túy</p> <p>7.8.Vai trò của NVXH trong việc hỗ trợ cai nghiện ma túy.</p> | <p>3</p> | <p>4.1.5</p> <p>4.1.6</p> <p>4.1.3</p> <p>4.1.4</p> <p>4.2.1</p> <p>4.2.2</p> <p>4.2.3</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> <p>4.3.3</p> | <p>Hỏi đáp- giải thích</p> <p>Thuyết giảng</p> <p>Bài tập tình huống</p> | <p><b>Đọc [1,176-198] [7] [1,155-175] trả lời câu hỏi</b></p> <p>1. Ma túy là gì?</p> <p>2. Ma túy được phân loại như thế nào?</p> <p>3.Nghiện ma túy là gì?</p> <p>4. Nguyên nhân nào dẫn đến việc nghiện ma túy?</p> <p>5. Nghiện ma túy tác hại của đến cá nhân, gia đình người nghiện và xã hội như thế nào?</p> <p>6. Những dấu hiệu nào giúp chúng ta nhận diện người nghiện ma túy?</p> <p>7. Cai nghiện ma túy cần được thực hiện như thế nào?</p> <p>8. Đặc điểm tâm lý chung của người nghiện ma túy?</p> <p>9. NVXH có vai trò gì trong việc hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy.</p> |
| <p><b>Chương 8. Vấn đề Mại dâm</b></p> <p>8.1 Khái niệm Mại dâm</p> <p>8.2 Nguyên nhân dẫn đến vấn đề Mại dâm</p>   | <p>3</p> | <p>4.1.5</p> <p>4.1.6</p> <p>4.1.3</p> <p>4.1.4</p>   | <p>Hỏi đáp- giải thích</p> <p>Thuyết giảng</p> <p>Bài tập tình huống</p> | <p><b>Đọc [1,176-198] [7] [1,155-175] trả lời câu hỏi</b></p> <p>1.Mại dâm là gì?</p> <p>2. Nguyên nhân nào</p>   |

|  |   |   |  |   |
|--|---|---|--|---|
| <p>8..2.1Yếu tố kinh tế</p> <p>8.2.2Yếu tố xã hội</p> <p>8.2.3.Yếu tố chính trị và quyền lực</p> <p>8.3.Các loại hình mại dâm</p> <p>8.4..Tình hình mại dâm ở Việt Nam</p> <p>8.5.Tâm lý gái mại dâm</p> <p>8.6. Giải quyết vấn đề</p> <p>8.6.1.Quan điểm Giải quyết vấn đề</p> <p>8.6..2 Biện pháp phòng chống mại dâm</p> <p>8.6.3.Nguyên tắc phòng chống Mại Dâm</p> <p>8.6.3.Các biện pháp ngăn chặn nạn mại dâm</p> <p>8.6.4.Vận động liên kết các tổ chức quần chúng, lực lượng xã hội phòng chống mại dâm</p> <p>8.7.Vai trò then chốt của nhân viên CTXH trong giải quyết vấn đề Mại dâm</p> |   | <p>4.2.1</p> <p>4.2.2</p> <p>4.2.3</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> <p>4.3.3</p>   |  | <p>đến xuất hiện, tồn tại và phát triển của vấn nạn Mại dâm ?</p> <p>3. Tình hình mại dâm ở Việt Nam hiện nay như thế nào?</p> <p>4. Đặc điểm tâm lý chung của người bán dâm như thế nào?</p> <p>5. Quan điểm, nguyên tắc, các biện pháp của nhà nước trong phòng chống và ngăn chặn vấn nạn Mại dâm như thế nào?</p> <p>6. Nhân viên CTXH có vai trò gì trong giải quyết vấn đề Mại dâm?</p> |
| <p><b>Chương 9. HIV/AIDS</b></p> <p>9.1. Những kiến thức cơ bản về người có HIV/AIDS</p> <p>9.2. Phương thức lây truyền HIV và cách phòng tránh</p> <p>9.3. Thực trạng HIV trên thế giới và ở Việt Nam</p> <p>9.3.1.Thực trạng HIV trên thế giới</p> <p>9.3.2.Thực trạng HIV ở Việt Nam</p> <p>9.4. Các thay đổi tâm lý đối với người nhiễm HIV/AIDS</p> <p>9.5. Các nhu cầu của người có HIV</p> <p>9.6. Công tác xã hội với người có HIV/AIDS</p>  | 3 | <p>4.1.5</p> <p>4.1.6</p> <p>4.1.3</p> <p>4.1.4</p> <p>4.2.1</p> <p>4.2.2</p> <p>4.2.3</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> <p>4.3.3</p> | <p>Hỏi đáp- giải thích</p> <p>Thuyết giảng</p> <p>Bài tập tình huống</p> | <p><b>Đọc [1,200-208] [7] trả lời các câu hỏi sau:</b></p> <p>1.HIV/AIDS là gì, phương thức lây truyền HIV và cách phòng tránh?</p> <p>2. Tình hình HIV trên thế giới và ở Việt Nam?</p> <p>3. Đặc điểm tâm lý của người nhiễm HIV/AIDS</p> <p>4. Người nhiễm HIV có những nhu cầu gì cần được đáp ứng?</p> <p>5. Vai trò của công tác xã hội đối với người nhiễm</p>                         |

|   |   |   |  | HIV/AIDS.   |
|---|---|---|--|---|
| <p><b>Chương 10. Nghèo đói</b></p> <p>10.1. Các khái niệm về nghèo đói.</p> <p>10.2. Xác định mức nghèo( hay chuẩn nghèo).</p> <p>10.3. Tình hình nghèo đói trên thế giới.</p> <p>10.4. Nghèo đói trong bối cảnh Việt Nam.</p> <p>10.4.1. Nguyên nhân dẫn đến nghèo đói ở Việt Nam.</p> <p>10.4.2. Đặc điểm của nghèo đói ở nước ta.</p> <p>10.4.3. Tâm lý của người nghèo</p> <p>10.4.4. Nạn nhân của nghèo đói</p>  | 2 | <p>4.1.5</p> <p>4.1.6</p> <p>4.1.3</p> <p>4.1.4</p> <p>4.2.1</p> <p>4.2.2</p> <p>4.2.3</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> <p>4.3.3</p> | <p>Hỏi đáp- giải thích</p> <p>Thuyết giảng</p> <p>Bài tập tình huống</p> | <p>Đọc [2, 311-329], Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo, trả lời các câu hỏi sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nghèo đói là gì?</li> <li>2. Nguyên nhân nào dẫn đến vấn đề nghèo đói?</li> <li>3. Chuẩn nghèo là gì, các chuẩn nghèo được xây dựng trên các tiêu chí nào?</li> <li>4. Tình hình nghèo đói trên thế giới và Việt Nam hiện nay như thế nào?</li> <li>5. Đặc điểm tâm lý chung của người nghèo như thế nào?</li> <li>6. Ai bị ảnh hưởng nặng nề của nghèo đói?</li> </ol>           |
| <p><b>Chương 11. Bạo lực trong gia đình đối với phụ nữ</b></p> <p>11.1. Gia đình với sự phát triển của xã hội</p> <p>11.1.1 Vị trí, vai trò của gia đình</p> <p>11.1.2. Chức năng cơ bản của gia đình</p> <p>11.2. Thực trạng bạo lực gia đình</p> <p>11.3. Một số vấn đề cơ bản về bạo lực gia đình</p> <p>11.3.1. Khái niệm bạo lực gia đình</p> <p>11.3.2. Các hình thức bạo lực gia đình</p> <p>11.3.3. Nguyên nhân bạo lực gia đình</p> <p>11.3.4. Hậu quả bạo lực gia đình</p> <p>11.3.5. Những chính sách của Nhà nước</p> <p>11.4. Công tác phòng chống</p> | 2 | <p>4.1.5</p> <p>4.1.6</p> <p>4.1.3</p> <p>4.1.4</p> <p>4.2.1</p> <p>4.2.2</p> <p>4.2.3</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> <p>4.3.3</p> | <p>Hỏi đáp- giải thích</p> <p>Thuyết giảng</p> <p>Bài tập tình huống</p> | <p><b>Đọc [6] [7], trả lời các câu hỏi</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Định nghĩa gia đình, gia đình có vị trí, vai trò, chức năng cơ bản gì?</li> <li>2. Bạo lực gia đình là gì, các hình thức của bạo lực gia đình?</li> <li>3. Những nguyên nhân nào dẫn đến bạo lực gia đình, hậu quả bạo lực để lại cho phụ nữ và các thành viên khác?</li> <li>4. Tình hình bạo lực gia đình hiện nay như thế nào?</li> <li>5. Quan điểm, biện pháp của nhà nước trong phòng chống bạo lực gia đình như thế nào?</li> </ol> |

|  |   |  |   |   |
|--|---|--|---|---|
| bao lục gia đình ở tỉnh  |   |  |   |   |
| <b>Chương 12. Người khuyết tật</b><br>12.1. Khái niệm về khuyết tật<br>12.2. Phân biệt khuyết tật với tàn tật.<br>12.3. Thực trạng vấn đề khuyết tật<br>12.4. Nguyên nhân khuyết tật<br>12.5. Những khó khăn và ảnh hưởng của người khuyết tật<br>12.6. Quan niệm và phản ứng của xã hội đối với người khuyết tật.<br>12.7. Phục hồi xã hội cho người khuyết tật<br>12.7.1. Ý nghĩa của phục hồi xã hội cho người khuyết tật<br>12.7.2. Mục đích của phục hồi xã hội cho người khuyết tật<br>12.7.3. Phục hồi xã hội cho người khuyết tật tại cộng đồng<br>12.8. Vai trò của xã hội trong việc phục hồi xã hội cho người khuyết tật<br>12.8.1. Vai trò của cộng đồng<br>12.8.2. Vai trò của gia đình<br>12.8.3. Vai trò của Nhân viên xã hội | 2 | 4.1.5<br>4.1.6<br>4.1.3<br>4.1.4<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.3.1<br>4.3.2<br>4.3.3 | Hỏi đáp- giải thích<br>Thuyết giảng<br>Bài tập tình huống | <b>Đọc [1,114-128], trả lời các câu hỏi sau:</b><br>1. Khuyết tật là gì? Có bao nhiêu loại khuyết tật, nguyên nhân nào dẫn đến khuyết tật của cá nhân?<br>2. Thực trạng vấn đề khuyết tật hiện nay như thế nào?<br>3. Người khuyết tật gặp phải những khó khăn gì trong cuộc sống?<br>4. Quan niệm và phản ứng của xã hội đối với người khuyết tật như thế nào<br>5. Phục hồi xã hội là gì, ý nghĩa và tiến hành hoạt động này như thế nào đối với cá nhân người khuyết tật ?<br>6. Vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc phục hồi xã hội cho người khuyết tật<br>7. Vai trò của Nhân viên xã hội đối với người khuyết tật |
| <b>Chương 13 .Người cao tuổi</b><br>13.1. Khái niệm<br>13.2. Những vấn đề của người cao tuổi<br>13.2.1. Những thay đổi không có lợi cho người cao tuổi<br>13.2.2. Về đặc điểm tâm, sinh lý<br>13.2.3. Đặc điểm về mối quan hệ xã hội<br>13.3. Tình hình và các biện pháp chăm sóc người cao tuổi trên thế giới<br>13.4. Đặc điểm và tình hình  | 2 | 4.1.5<br>4.1.6<br>4.1.3<br>4.1.4<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.3.1<br>4.3.2<br>4.3.3 | Hỏi đáp- giải thích<br>Thuyết giảng<br>Bài tập tình huống | <b>Đọc [1,98-112] [1,29-50], [6] trả lời các câu hỏi sau</b><br>1. Khái niệm người cao tuổi?<br>2. Người cao tuổi gặp phải những vấn đề về sinh lý, tâm lý-xã hội, kinh tế như thế nào?<br>3. Quan điểm, biện pháp giải quyết các vấn đề của người cao tuổi của Nhà nước.   |



|  |   |  |   |  |
|--|---|--|---|--|
| người cao tuổi ở Việt Nam<br>13.5. CTXH với người cao tuổi   |   |  |   |  |
| <b>Chương 14. Trẻ em lao động sớm</b><br>14.1. Định nghĩa trẻ lao động sớm<br>14.2. Thực trạng trẻ lao động sớm<br>14.3. Phân loại<br>14.4. Nguyên nhân<br>14.5. Các biện pháp nhằm hạn chế trẻ lao động sớm             | 2 | 4.1.5<br>4.1.6<br>4.1.3<br>4.1.4<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.3.1<br>4.3.2<br>4.3.3 | Hỏi đáp- giải thích<br>Thuyết giảng<br>Bài tập tình huống | <b>Đọc [1,29-50], [6], [1,129-152], trả lời các câu hỏi sau</b><br>1. Định nghĩa trẻ em, trẻ em lao động sớm<br>2. Các hình thức, thời gian lao động của trẻ em như thế nào?<br>3. Thực trạng trẻ lao động sớm và những vấn đề phát triển tâm-sinh lý-xã hội của trẻ<br>4. Nguyên nhân nào khiến cho trẻ em phải tham gia lao động sớm?<br>5. Có biện pháp nào để hạn chế việc trẻ em lao động sớm; giúp trẻ em lao động sớm giảm thiểu đến mức thấp nhất cá rủi ro trong quá trình tham gia lao động sớm. |
| <b>Chương 15. Tội phạm</b><br>15.1. Khái niệm về tội phạm<br>15.2. Phân loại tội phạm<br>15.3. Nguyên nhân phát sinh tội phạm<br>15.4. Các biện pháp xử lý tội phạm<br>15.4.1.Đối với người lớn<br>15.4.2.Đối với trẻ em | 2 | 4.1.5<br>4.1.6<br>4.1.3<br>4.1.4<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.3.1<br>4.3.2<br>4.3.3 | Hỏi đáp- giải thích<br>Thuyết giảng<br>Bài tập tình huống | <b>Đọc [1,129-152], trả lời các câu hỏi sau</b><br>1. Tội phạm là gì? Có những loại tội phạm cơ bản nào trên thực tế?<br>2.Nguyên nhân nào phát sinh tội phạm?<br>3. Các biện pháp dụng xử lý tội phạm trẻ em, người lớn hiện nay? Hệ quả của áp dụng biện pháp đó như thế nào?<br>4. Vai trò nhân viên công tác xã hội trong lĩnh vực tư pháp, trại giam, trường giáo dưỡng.  |

### 4.3. Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có)

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy - học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |
|               |         |              |                       |                        |

### 5. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả                     | Tên tài liệu   | Năm xuất bản | Nhà xuất bản     | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|---------------------------------|--|--------------|------------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                                 |  |              |                  |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Trường Đại học luật Hà Nội      | Giáo trình Luật An sinh xã hội   | 2007         | NXB Tư pháp.     | Giảng viên                 | x                |           |
| 2   | Nguyễn Thị Oanh và nhóm tác giả | An sinh xã hội và các vấn đề xã hội  |              | ĐH mở bán công   | Giảng viên                 |                  | x         |
| 3   | Lê Văn Phú                      | Công tác xã hội  | 2004         | NXB ĐHQG Hà Nội. | Giảng viên                 |                  | x         |
| 4   |                                 | <a href="http://www.vdic.org.vn">http://www.vdic.org.vn</a> (Trung tâm thông tin phát triển Việt Nam)<br><a href="http://www.home/vnn.vn/chuyende">http://www.home/vnn.vn/chuyende</a> (Các chuyên đề)<br><a href="http://www.heroin-aids.com">http://www.heroin-aids.com</a> (Về người nghiện ma túy)<br><a href="http://www.unaids.org.vn">http://www.unaids.org.vn</a> (Tổ chức phòng chống AIDS)<br><a href="http://www.dscp.gov.vn">http://www.dscp.gov.vn</a> (Cục |              |                  | Các trang Website          |                  | x         |

|  |  |                                  |  |  |  |  |  |
|--|--|----------------------------------|--|--|--|--|--|
|  |  | <u>phòng chống tệ nạn xã hội</u> |  |  |  |  |  |
|--|--|----------------------------------|--|--|--|--|--|

## 6. Quy định đối với sinh viên

Tham dự lớp học đầy đủ.

Khi vắng mặt phải báo cáo cho giảng viên biết trước, lý do vắng mặt được chấp nhận, không giảm điểm chuyên cần là : bản thân bị bệnh/tai nạn có giấy tờ chứng minh; thân nhân (cha/me/anh/chị em ruột/con) bị bệnh nhập viện không có ai chăm sóc thay thế.

Không làm việc riêng trong giờ học;

Không sử dụng các phương tiện: điện thoại, Laptop trong giờ học cho các việc không phục vụ học tập.

Tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài.

Vắng mặt từ 10 tiết trở lên. Sinh viên không được đánh giá kết quả học tập.

Sinh viên bắt buộc phải đăng kí học lại môn học.

Đánh giá tự học, tự nghiên cứu sinh viên thực hiện bài tập do giảng viên giao cho cá nhân

Sinh viên bắt buộc phải tham gia làm bài tập nhóm. Nhóm trưởng giao nhiệm vụ cho thành viên, nếu sinh viên không hoàn thành nhiệm vụ nhóm giao cho không được tính điểm Bài tập nhóm.

## 7. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá     | Nội dung được đánh giá<br>(Chương/Chủ đề)   | Chuẩn đầu ra  | Trọng số |
|--------------|------------------------|---|---|----------|
| 1            | Kiểm tra trắc nghiệm   | Chương 2, 3, 4  | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4  | 10%      |
| 2            | Kiểm tra trắc nghiệm   | Chương 5,6,7  | 4.1.5; 4.1.6; 4.1.3; 4.1.4<br>4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.3.1<br>4.3.2; 4.3.3; | 10%      |
| 3            | Kiểm tra viết          | Chương 8,9,10   | 4.1.5; 4.1.6; 4.1.3; 4.1.4<br>4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.3.1<br>4.3.2; 4.3.3  | 20%      |
| 3            | Thi kết thúc học phần. | - Thi viết 90 phút)<br>- Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành<br>- Bắt buộc dự thi | 4.1.5; 4.1.6; 4.1.3; 4.1.4<br>4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.3.1<br>4.3.2; 4.3.3  | 60%      |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Giảng viên**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Đỗ Thị Thảo**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Khoa Văn hóa – Du lịch

Bộ môn Công tác xã hội

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: CÁC LÝ THUYẾT TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI

Mã lớp học phần:

Số tín chỉ: 2

Số tiết tín chỉ: 30

Học phần điều kiện:

Học kỳ: 2

Năm học: 2019- 2020

### 2. Thông tin về giảng viên:

#### Giảng viên 1:

-Họ và tên KIỀU VĂN TU

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0982013342

Email: [kvtu@dthu.edu.vn](mailto:kvtu@dthu.edu.vn)

Đơn vị: Khoa Văn hóa du lịch

#### Giảng viên 2:

-Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng

Chức danh, học vị: Giảng viên,Thạc sĩ

Điện thoại: 0989216484

Email: [ntbhung@dthu.edu.vn](mailto:ntbhung@dthu.edu.vn)

Đơn vị công tác: Khoa Văn hóa du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần

Nghiên cứu những lý thuyết như: lý thuyết hệ thống, sinh thái, lý thuyết chức năng, lý thuyết hành vi, thuyết phân tâm học, thuyết gắn bó...

Nghiên cứu những ứng dụng của các lý thuyết trên vào thực hành công tác xã hội.

### 4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức

4.1.1 Hiểu được các khái niệm cơ bản của lý thuyết công tác xã hội như: mạng lưới xã hội, mối quan hệ tương tác giữa con người và môi trường, tăng quyền năng cho phụ nữ, tính đa dạng của phụ nữ, mối quan hệ đối thoại, nhân tố chủ động,...

4.1.2 Phân biệt được những quan điểm khác nhau trong các lý thuyết như: lý thuyết hệ thống, các lý thuyết nữ quyền, lý thuyết vai trò cơ cấu chức năng, lý thuyết vai trò sân khấu, lý thuyết kiến tạo xã hội, lý thuyết khủng hoảng, lý thuyết hành vi, ...

#### 4.2. Kỹ năng

4.2.1 Vận dụng các lý thuyết đã học để phân tích được các mối tương quan trong các vấn đề xã hội, đề ra các hướng giải quyết vấn đề cho thân chủ.

4.2.2 Phân tích các vấn đề xã hội dựa trên quan điểm của các lý thuyết ứng dụng trong CTXH

### 4.3. Thái độ

4.3.1 Tự tin ứng dụng kiến thức đã học để thực hành những trường hợp cụ thể

4.3.2 Giúp đỡ các đối tượng trẻ em có hoàn cảnh trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra                                       | Phương pháp dạy – học             | Chuẩn bị của sinh viên  |
|--|---------|--|-----------------------------------|---|
| <b>Chương 1: CÁC QUAN ĐIỂM HỆ THỐNG VÀ SINH THÁI</b><br>Quan điểm chính trị của lý thuyết hệ thống<br>Mô hình đời sống<br>Cách tiếp cận sinh thái-xã hội: sinh thái phê phán - mạng lưới và những hệ thống hỗ trợ xã hội | 5       | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.2<br>4.3.2                   | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1, chương 1,2; tham khảo tài liệu số 2-4              |
| <b>Chương 2: QUAN ĐIỂM NỮ QUYỀN</b><br>Các khái niệm<br>Nội dung của lý thuyết<br>Ứng dụng vào thực hành công tác xã hội   | 5       | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.3.1                   | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 2,3;, tham khảo tài liệu số 2-4,<br>Kiểm tra |
| <b>Chương 3 : TÂM LÝ XÃ HỘI VÀ KIẾN TẠO XÃ HỘI</b><br>Các khái niệm<br>Nội dung của lý thuyết<br>Ứng dụng vào thực hành công tác xã hội  | 5       | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 3,4;, tham khảo tài liệu số 2-4,             |
| <b>Chương 4: LÝ THUYẾT KHỦNG HOẢNG</b><br>Các khái niệm<br>Nội dung của lý thuyết<br>Ứng dụng vào thực hành công tác xã hội  | 5       | 4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2                            | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 4,5;, tham khảo tài liệu số 2-4,             |

|   |           |  |   |  |
|---|-----------|--|---|--|
| <b>Chương 5: LÝ THUYẾT HÀNH VI</b><br>Các khái niệm<br>Nội dung của lý thuyết<br>Ứng dụng vào thực hành công tác xã hội | 5         | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm                 | SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 5; tham khảo tài liệu số 5-7,<br>Nghiên cứu các trường hợp, tình huống trong thực tế  |
| Ôn tập, thực hành và thảo luận  | 5         | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3.1<br>4.3.2 | Bài tập cá nhân và bài tập nhóm<br>Thảo luận nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 5; tham khảo tài liệu số 5-7,<br>Nghiên cứu các trường hợp, tình huống trong thực tế<br>Sinh viên làm các bài tập<br>Ôn tập |
| <b>Tổng</b>   | <b>30</b> |  |   |  |

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả                    | Tên tài liệu  | Năm xuất bản | Nhà xuất bản    | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|--------------------------------|---|--------------|-----------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                                |   |              |                 |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Trần Đình Tuấn                 | Các lý thuyết trong công tác xã hội thực hành,      | 2013         | NXB ĐHQG Hà Nội | Thư viện                   | x                |           |
| 2   | Juliane Sagebiel, Ngân Nguyễn, | Một số lý thuyết Công tác xã hội ở Việt Nam và Đức, | 2012         | NXB Thanh Niên  | Thư viện                   | x                |           |
| 3   | Patricia                       | Các lý thuyết về tâm lý                             | 2003         | NXB Văn         | Phòng                      |                  | x         |

|   |                              |                             |      |                             |              |  |          |
|---|------------------------------|-----------------------------|------|-----------------------------|--------------|--|----------|
|   | H.Miler                      | học phát triển              |      | hóa Thông tin               | đọc BM       |  |          |
| 4 | Lê Văn Phú                   | Công tác xã hội             | 2007 | NXB Đại học Quốc gia        | Thư viện     |  | <b>x</b> |
| 5 | Lê Chí An                    | Công tác xã hội             | 2007 | NXB Đại Học Mở – BC         | Thư viện     |  | <b>x</b> |
| 6 | Nguyễn Thị Oanh,             | Công tác xã hội đại cương,  | 1998 | NXB Đại Học Mở – BC         | Thư viện     |  | <b>x</b> |
| 7 | Nguyễn Thị Nhẫn (dịch 2001). | Công tác xã hội với trẻ em. | 2001 | Đại học Mở Bán công tp HCM. | Phòng đọc BM |  | <b>x</b> |
|   |                              |                             |      |                             |              |  |          |

### 7. Quy định đối với sinh viên

Không được vắng học quá 20% số giờ, nếu vi phạm sẽ bị cấm thi

Thưởng điểm những sinh viên tham gia các hoạt động liên quan đến nội dung môn học như nghiên cứu khoa học, các hoạt động thực hành chuyên môn, hoạt động tự nguyện tại cộng đồng... có hiệu quả (được cộng điểm hệ số từ 0.1 đến 0.4)

Trừ điểm những sinh viên có những hành vi vi phạm các qui định của Nhà trường, vi phạm đạo đức với giảng viên và sinh viên trong lớp học và tại các cơ sở thực hành liên quan đến nội dung môn học; không làm các bài tập của giảng viên yêu cầu (trừ điểm hệ số từ 0.1 đến 0.4)

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)                          | Chuẩn đầu ra                              | Trọng số |
|--------------|--------------------|---|---|----------|
| 1            | Kiểm tra           | Lý thuyết hành vi<br>Lý thuyết gắn bó<br>Lý thuyết phân tâm học | 4.1.1;4.1.2<br>4.2.1;4.2.2<br>4.3.1;4.3.2 | 0,2      |
| 2            | Điểm danh          | Chuyên cần, đạo đức, ý thức tham gia học tập                    | 4.3.1;4.3.2                               | 0.1      |
| 3            | Thảo luận          | Chương 2,3  | 4.1.1;4.1.2                               | 0.1      |



|   |                      |                |   |     |
|---|----------------------|----------------|---|-----|
|   | nhóm                 |                | 4.2.1;4.2.2<br>4.3.1;4.3.2                |     |
| 4 | Thi kết thúc môn học | Chương 2,3,4,5 | 4.1.1;4.1.2<br>4.2.1;4.2.2<br>4.3.1;4.3.2 | 0.6 |

*Đồng Tháp, ngày      tháng      năm*

**TRƯỞNG KHOA**

**P.TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Kiều Văn Tu**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Khoa: Văn hóa – Du lịch

Bộ môn: CTXH

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Chính sách xã hội

Mã lớp học phần: SO4102

Số tín chỉ: 03

Số tiết tín chỉ: 45/0/90

Học phần điều kiện:

Học kỳ: 2

Năm học: 2019 - 2020

### 2. Thông tin về giảng viên:

#### 2.1. Giảng viên 1:

Họ và tên: Trần Kim Ngọc

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0983 605 208

Email: kimngoc208@gmail.com

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

#### 2.2. Giảng viên 2:

Họ và tên: Đỗ Thị Thảo

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0905712945

Email: [lethanhtaonguyen88@yahoo.com](mailto:lethanhtaonguyen88@yahoo.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt / Tổng quan về học phần

Học phần giới thiệu lịch sử hình thành chính sách xã hội ở Việt Nam, giới thiệu phương pháp luận về chính sách xã hội ở nước ta như đối tượng, nội dung, nhiệm vụ và các mối quan hệ của chính sách xã hội; những quan điểm trong việc hoạch định và thực thi các chính sách xã hội; một số chính sách xã hội cơ bản như chính sách dân số; chính sách lao động và việc làm, chính sách giáo dục và đào tạo; chính sách xã hội về phân phối thu nhập trong nền kinh tế thị trường; chính sách xã hội đối với phụ nữ; chính sách văn hóa; chính sách dân tộc; chính sách phòng chống tệ nạn xã hội. Thông qua đó, người học nắm vững một số chính sách xã hội cơ bản hiện hành ở Việt Nam, từ đó hướng đến việc kết nối các chính sách với các đối tượng thụ hưởng trong lĩnh vực nghề nghiệp của mình.

### 4. Mục tiêu học phần / Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức:

4.1.1. Trình bày và phân tích được các khái niệm cơ bản, các quan điểm của Đảng, Nhà nước về chính sách xã hội; Luật chính sách và các chương trình về chính sách xã hội của Nhà nước;

4.1.2. Biết về chu trình chính sách xã hội, vai trò của nhân viên công tác xã hội trong vận động chính sách.

#### 4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Vận dụng các chính sách xã hội vào việc thực hành nghề công tác xã hội;

4.2.2. Thực hành phân tích các vấn đề chính sách xã hội

### 4.3. Thái độ:

4.3.1. Nhận thức được vị trí và tầm quan trọng của chính sách xã hội trong quá trình phát triển xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội;

4.3.2. Tin tưởng vào chính sách xã hội của Đảng, Nhà nước;

4.3.3. Tích cực đóng góp phần hoàn thiện, thực thi có hiệu quả các chính sách xã hội được trong cuộc sống.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/ Chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra                                   | Phương pháp dạy – học  | Chuẩn bị của sinh viên   |
|--|---------|--|--|--|
| 1. Các vấn đề lý luận cơ bản về chính sách xã hội<br>1.1. Khái niệm<br>1.2. Chức năng của Chính sách xã hội<br>1.3. Yêu cầu đối với Chính sách xã hội<br>1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành của hệ thống chính sách xã hội<br>1.5. Quy trình của chính sách xã hội<br>1.6. Các chính sách cấu thành hệ thống chính sách xã hội ở Việt Nam<br>1.7. Chính sách xã hội trong các mối quan hệ<br>1.8. Khái quát về quá trình phát triển chính sách xã hội trên thế giới và Việt Nam | 05      | 4.1.1;<br>4.2.2;<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3. | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>- Sử dụng máy chiếu, bảng. | Đọc [1, 7-74], thực hiện các yêu cầu sau:<br>1.Trình bày khái niệm “chính sách Nhà nước” và “chính sách xã hội”.<br>2.Chính sách xã hội có mấy chức năng? Hãy phân tích các chức năng đó.<br>3.Chính sách xã hội cần phải đáp ứng những yêu cầu nào? Hãy phân tích các yêu cầu đó.<br>4.Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành hệ thống chính sách xã hội.<br>5.Nêu và phân tích quy trình chính sách xã hội.<br>6.Phân tích các chính sách cấu thành hệ thống chính sách xã hội ở Việt Nam.<br>7.Trình bày quá trình phát triển chính sách xã hội ở Việt Nam. |
| 2. Hoạch định chính sách xã hội<br>2.1. Khái niệm, vai trò của hoạch định chính sách xã hội<br>2.2. Cơ sở của hoạch định chính sách xã hội<br>2.3. Quy trình hoạch định chính sách xã hội  | 05      | 4.1.1;<br>4.2.2;<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3. | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>- Sử dụng máy chiếu, bảng. | Đọc [1, 75-104], thực hiện các yêu cầu sau:<br>1.Trình bày khái niệm và vai trò của việc hoạch định chính sách xã hội.<br>2.Hoạch định chính sách xã hội dựa trên những cơ sở (căn cứ) nào? Phân tích những cơ sở (căn cứ) đó.<br>3.Phân tích quá trình  |

|   |    |  |   |   |
|---|----|--|---|---|
|   |    |  |   | hoạch định chính sách xã hội.   |
| <p>3. Tổ chức thực hiện chính sách xã hội</p> <p>3.1. Khái niệm, vị trí của tổ chức thực hiện chính sách xã hội</p> <p>3.2. Các yếu tố chính ảnh hưởng đến tổ chức thực hiện chính sách xã hội</p> <p>3.3. Các điều kiện cần thiết để thực hiện chính sách xã hội</p> <p>3.4. Nội dung của tổ chức thực hiện chính sách xã hội</p> <p>3.5. Các hình thức và phương pháp tổ chức thực hiện chính sách xã hội</p> | 05 | 4.1.1;<br>4.2.2;<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3.                     | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>-Thảo luận nhóm, báo cáo.</p> <p>- Sử dụng máy chiếu, bảng.</p>                 | <p>Đọc [1, 105-140], thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1.Trình bày khái niệm, vị trí của tổ chức thực hiện chính sách xã hội.</p> <p>2.Phân tích các yếu tố chính ảnh hưởng đến tổ chức thực hiện CSXH.</p> <p>3.Phân tích các điều kiện cần thiết để thực thi CSXH đạt hiệu quả.</p> <p>4.Phân tích nội dung của tổ chức thực hiện CSXH.</p> <p>5.Phân tích các hình thức và phương pháp tổ chức thực hiện CSXH.</p> |
| <p>4. Phân tích chính sách xã hội</p> <p>4.1. Khái niệm, sự cần thiết cho phân tích chính sách xã hội</p> <p>4.2. Yêu cầu và nhiệm vụ của Phân tích chính sách xã hội</p> <p>4.3. Các điều kiện cần thiết cho phân tích chính sách xã hội</p> <p>4.4. Các bước phân tích chính sách xã hội</p> <p>4.5. Một số công cụ phân tích chính sách xã hội</p> <p>4.6. Thực hiện phân tích chính sách xã hội</p>         | 05 | 4.1.1;<br>4.2.2;<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3.                     | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>-Thảo luận nhóm, báo cáo.</p> <p>-Sử dụng máy chiếu, bảng.</p>                  | <p>Đọc [1, 141-176], thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1.Nêu khái niệm và sự cần thiết của phân tích chính sách xã hội.</p> <p>2.Phân tích các yêu cầu và nhiệm vụ của phân tích chính sách xã hội.</p> <p>3.Phân tích các điều kiện cần thiết cho phân tích chính sách xã hội.</p> <p>4.Trình bày các bước phân tích chính sách xã hội.</p> <p>5.Nêu một số công cụ phân tích chính sách xã hội.</p>                 |
| <p>5. Chính sách dân số</p> <p>5.1. Khái niệm, mục tiêu chính sách dân số</p> <p>5.2. Các loại chính sách dân số</p> <p>5.3. Các biện pháp đạt được mục tiêu chính sách dân số</p> <p>5.4. Thực trạng thực hiện chính sách dân số ở nước ta</p> <p>5.5. Nhiệm vụ cơ bản của quản lý Nhà nước về dân số-kế</p>   | 03 | 4.1.1;<br>4.1.2;<br>4.2.1;<br>4.2.2;<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3. | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>-Thảo luận nhóm, báo cáo.</p> <p>-Sử dụng máy chiếu, bảng.</p> <p>-Xem Clip</p> | <p>Đọc [1, 179-212], thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1.Nêu khái niệm, mục tiêu của chính sách dân số.</p> <p>2.Trình bày các loại chính sách dân số.</p> <p>3.Nêu các biện pháp để đạt mục tiêu của chính sách dân số.</p> <p>4.Phân tích thực trạng thực hiện chính sách dân</p>   |

|  |    |  |  |   |
|--|----|--|--|---|
| hoạch hóa gia đình   |    |  |  | số ở Việt Nam.<br>5.Trình bày một số giải pháp cơ bản để hoàn thiện chính sách dân số ở Việt Nam.   |
| 6. Chính sách việc làm<br>6.1. Khái niệm, vai trò của chính sách việc làm<br>6.2. Một số chính sách việc làm và thực hiện chính sách việc làm ở nước ta<br>6.3. Qua điểm và giải pháp hoàn thiện chính sách việc làm   | 03 | 4.1.1;<br>4.1.2;<br>4.2.1;<br>4.2.2;<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3. | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng.<br>-Xem Clip | Độc [1, 213-238], thực hiện các yêu cầu sau:<br>1.Trình bày khái niệm, vai trò của chính sách việc làm.<br>2.Trình bày khái quát về thực trạng việc làm ở nước ta hiện nay.<br>3.Phân tích những vấn đề đặt ra cho chính sách việc làm ở nước ta hiện nay.<br>4.Trình bày quan điểm, giải pháp hoàn thiện chính sách việc làm của Nhà nước.         |
| 7. Chính sách giáo dục và đào tạo<br>7.1. Khái niệm, vai trò của chính sách giáo dục và đào tạo<br>7.2. Một số chính sách giáo dục và đào tạo<br>7.3.Thực trạng thực hiện chính sách giáo dục, đào tạo<br>7.4.Quan điểm và phương hướng phát triển sự nghiệp giáo dục-đào tạo ở nước ta                        | 03 | 4.1.1;<br>4.1.2;<br>4.2.1;<br>4.2.2;<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3. | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng.              | Độc [1, 239-260], thực hiện các yêu cầu sau:<br>1.Trình bày khái niệm, vai trò của chính sách giáo dục và đào tạo.<br>2.Trình bày thực trạng thực hiện chính sách giáo dục và đào tạo.<br>3.Phân tích quan điểm đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo của nước ta.<br>4.Trình bày phương hướng hoàn thiện chính sách giáo dục và đào tạo ở nước ta. |
| 8. Chính sách xã hội về phân phối thu nhập trong nền kinh tế thị trường<br>8.1.Khái niệm, bản chất và phân loại chính sách xã hội về phân phối thu nhập<br>8.2.Vai trò của chính sách phân phối thu nhập<br>8.3.Thực trạng thực hiện chính sách phân phối thu nhập ở Việt Nam<br>8.4. Định hướng về hoàn thiện | 03 | 4.1.1;<br>4.1.2;<br>4.2.1;<br>4.2.2;<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3. | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng.              | Độc [261- 310], thực hiện các yêu cầu sau:<br>1.Trình bày khái niệm, bản chất chính sách xã hội về phân phối thu nhập.<br>2.Hãy phân loại chính sách phân phối thu nhập.<br>3.Nêu vai trò của chính sách phân phối thu nhập.<br>4.Phân tích thực trạng thực hiện chính sách phân phối thu nhập ở nước ta  |

|   |    |  |  |  |
|---|----|--|--|--|
| chính sách phân phối thu nhập.  |    |  |  | hiện nay.<br>5.Trình bày định hướng hoàn thiện chính sách phân phối thu nhập của Nhà nước.   |
| 9. Chính sách xã hội đối với phụ nữ<br>9.1. Khái niệm, vai trò của chính sách xã hội đối với phụ nữ<br>9.2. Một số chính sách xã hội đối với phụ nữ<br>9.3. Thực trạng thực hiện chính sách xã hội đối với phụ nữ<br>9.4. Quan điểm hoàn thiện chính sách xã hội đối với phụ nữ | 03 | 4.1.1;<br>4.1.2;<br>4.2.1;<br>4.2.2;<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3. |  | Độc [1, 311-332], thực hiện một số yêu cầu sau:<br>1.Khái niệm, vai trò của chính sách xã hội đối với phụ nữ.<br>2.Nêu một số chính sách xã hội đối với phụ nữ ở nước ta.<br>3.Phân tích thực trạng thực hiện chính sách xã hội đối với phụ nữ ở nước ta.<br>4.Trình bày quan điểm hoàn thiện chính sách xã hội đối với phụ nữ của Đảng và Nhà nước ta.                                |
| 10. Chính sách văn hóa<br>10.1. Khái niệm, vai trò của chính sách Văn hóa<br>10.2. Tình hình thực hiện chính sách văn hóa<br>10.3. Định hướng hoàn thiện chính sách văn hóa trong nền kinh tế thị trường  | 03 | 4.1.1;<br>4.1.2;<br>4.2.1;<br>4.2.2;<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3. |  | Độc [1, 333-363], thực hiện các yêu cầu sau:<br>1.Trình bày khái niệm văn hóa và chính sách văn hóa.<br>2.Phân tích vị trí, vai trò của chính sách văn hóa trong đời sống xã hội.<br>3.Nêu một số chính sách văn hóa ở Việt Nam.<br>4.Phân tích tình hình thực hiện chính sách văn hóa ở nước ta hiện nay.<br>5.Trình bày định hướng hoàn thiện chính sách văn hóa của Đảng, Nhà nước. |

|  |    |   |  |   |
|--|----|---|--|---|
| <p>11. Chính sách dân tộc</p> <p>11.1. Khái niệm, vai trò của chính sách Dân tộc</p> <p>11.2. Một số đặc điểm cơ bản về các tộc người ở nước ta ảnh hưởng đến chính sách dân tộc</p> <p>11.3. Một số chính sách dân tộc</p> <p>11.4. Thực trạng thực hiện chính sách dân tộc</p> <p>11.5. Định hướng hoàn thiện chính sách xã hội đối các dân tộc.</p> | 03 | <p>4.1.1;</p> <p>4.1.2;</p> <p>4.2.1;</p> <p>4.2.2;</p> <p>4.3.1;</p> <p>4.3.2;</p> <p>4.3.3.</p> |  | <p>Độc [1, 364-395], thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1.Trình bày khái niệm, vai trò của chính sách dân tộc.</p> <p>2.Nêu một số đặc điểm cơ bản về các tộc người ở nước ta ảnh hưởng đến chính sách dân tộc.</p> <p>3.Nêu một số chính sách dân tộc ở nước ta.</p> <p>4.Phân tích thực trạng thực hiện chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay.</p> <p>5.Trình bày định hướng hoàn thiện chính sách xã hội đối với các dân tộc thiểu số trong thời gian tới của Đảng và Nhà nước.</p> |
| <p>12. Chính sách phòng chống tệ nạn xã hội</p> <p>12.1. Khái niệm, phân loại chính sách</p> <p>12.2. Một số chính sách phòng chống mại dâm, ma túy</p> <p>12.3. Quản lí nhà nước về tệ nạn ma túy và mại dâm</p> <p>12.4. Định hướng hoàn thiện chính sách xã hội về phòng chống tệ nạn xã hội, mại dâm và ma túy.</p>                                | 04 | <p>4.1.1;</p> <p>4.1.2;</p> <p>4.2.1;</p> <p>4.2.2;</p> <p>4.3.1;</p> <p>4.3.2;</p> <p>4.3.3.</p> |  | <p>Độc [1, 396-431], thực hiện một số yêu cầu sau:</p> <p>1.Nêu khái niệm tệ nạn xã hội, tệ nạn ma túy, tệ nạn mại dâm.</p> <p>2.Nêu một số chính sách phòng chống mại dâm và ma túy ở nước ta.</p> <p>3.Phân tích thực trạng thực hiện chính sách phòng chống tệ nạn xã hội về ma túy và mại dâm.</p> <p>4.Trình bày định hướng hoàn thiện chính sách xã hội về phòng, chống tệ nạn xã hội và ma túy, mại dâm của Đảng và Nhà nước.</p>  |

### 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

### 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất | Nhà xuất bản | Địa chỉ | Mục đích sử dụng |
|-----|-------------|--------------|----------|--------------|---------|------------------|
|     |             |              |          |              |         |                  |

|    |  |   | <b>bản</b> |                         | <b>khai thác tài liệu</b> | <b>Tài liệu chính</b> | <b>Tham khảo</b> |
|----|--|---|------------|-------------------------|---------------------------|-----------------------|------------------|
| 01 | PGS.TS. Nguyễn Tiệp, ThS Nguyễn Hồng Trang, ThS. Nguyễn Lê Trang | Giáo trình Chính sách xã hội,   | 2011       | LĐ - XH                 | Thư viện                  | x                     |                  |
| 02 | Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng                                   | Tài liệu học tập Các văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa XII  | 2018       | CTQG Sự thật HN         | Tủ sách CTXH              | x                     |                  |
| 03 | Lê Chí An  | Chính sách xã hội   | 2005       | TL giảng dạy            | Tủ sách CTXH              |                       | x                |
| 04 | Bùi Đình Thanh   | Xã hội học và Chính sách Xã hội   | 2004       | Khoa học Xã hội, Hà nội | Tủ sách CTXH              |                       | x                |
| 05 | Lê Đăng Doanh, Nguyễn Minh Tú (chủ biên)                         | Tăng trưởng kinh tế và chính sách xã hội ở Việt Nam trong quá trình chuyển đổi từ năm 1991 đến nay - Kinh nghiệm của các nước ASEAN | 2013       | LĐXH                    | Tủ sách CTXH              |                       | x                |
| 06 | Phạm Xuân Nam  | Quản lý phát triển xã hội trên nguyên tắc tiến bộ và công bằng xã hội   | 2001       | ĐHQG Hà Nội             | Tủ sách CTXH              |                       | x                |

### 7. Quy định đối với sinh viên:

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 5.

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| <b>Lần đánh giá</b> | <b>Hình thức Đánh giá</b> | <b>Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)</b> | <b>Chuẩn đầu ra</b> | <b>Trọng số</b> |
|---------------------|---------------------------|---|---------------------|-----------------|
| 1                   | Điểm chuyên cần           | Tham dự lớp đầy đủ (45/45);                   | 4.3                 | 0.1             |



|   |                            |   |  |     |
|---|----------------------------|---|--|-----|
|   |                            | Tích cực thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến, quan điểm. |  |     |
| 2 | Báo cáo nhóm; (giữa kỳ)    | Chủ đề 5; 6; 7; 8; 9; 10; 11; 12                      | 4.1.1; 4.1.2; 4.2.1; 4.2.2;                            | 0.3 |
| 4 | Điểm thi kết thúc học phần | Chủ đề 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 11; 12; 13      | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4; 4.1.5; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 | 0.6 |

*Đông Tháp, ngày tháng năm*

**TRƯỞNG KHOA**

**P.TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Trần Kim Ngọc**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

**Khoa: Văn hóa – Du lịch**

**Bộ môn: Công tác xã hội**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 7. Thông tin về học phần

Tên học phần: Khởi Nghiệp

Mã lớp học phần: SO4444

Số tín chỉ: 03

Số tiết tín chỉ: 25/40/90

Học phần điều kiện (*nếu có*):

Học kỳ:

Năm học:

### 8. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Kiều Văn Tu

Chức danh, học vị: Thạc sĩ

Điện thoại: 0766883688

E-mail: [kvtu@dthu.edu.vn](mailto:kvtu@dthu.edu.vn)

Đơn vị: Khoa Văn hóa du lịch

### 9. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học bắt đầu một công việc kinh doanh mới. Trên cơ sở các kiến thức được tiếp thu này, sau khi ra trường tích lũy được đủ điều kiện sinh viên có thể tự mình khởi sự một hoạt động kinh doanh cụ thể. Học xong học phần này, người học sẽ nắm được các kiến thức và kỹ năng cơ bản về xác định, đánh giá và lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp, lập được kế hoạch marketing, kế hoạch sản xuất, kế hoạch nhân sự, kế hoạch tài chính, cũng như trang bị các kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện việc tạo lập một doanh nghiệp,... từ đó hình thành nên năng lực khởi nghiệp kinh doanh.

### 10. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra

#### 1.1. Kiến thức

- 1.1.1. Giải thích được lý do vì sao cần phải tiến hành khởi nghiệp.
- 1.1.2. Nhận biết được những đặc trưng và tố chất cần có của một doanh nhân.
- 1.1.3. Biết cách đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức khi khởi nghiệp.
- 1.1.4. Biết cách xây dựng một ý tưởng kinh doanh;
- 1.1.5. Lập được một kế hoạch kinh doanh.
- 1.1.6. Xác định được tính khả thi của dự án kinh doanh.
- 1.1.7. Nhận biết loại hình doanh nghiệp và các thủ tục đăng ký kinh doanh.

#### 1.2. Kỹ năng

- 1.2.1. Giải thích được cơ sở lựa chọn ý tưởng kinh doanh theo nhu cầu thị trường.

- 1.2.2. Hình thành kỹ năng nghiên cứu và phân tích thị trường theo các công cụ marketing.
- 1.2.3. Có khả năng tổng hợp các nội dung trong marketing để tạo ra những chiến lược riêng cho sản phẩm/dịch vụ.
- 1.2.4. Vận dụng được các kiến thức về sản xuất trong thiết kế quy trình sản xuất, hoạch định nhu cầu vật tư, trang thiết bị,...
- 1.2.5. Có khả năng phân tích công việc, xác định nhu cầu nhân sự, lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo.
- 1.2.6. Thực hiện thuần thục các thao tác trong lập và phân tích tài chính dự án đầu tư.
- 1.2.7. Tự thực hiện được việc nhận diện các rủi ro mà dự án gặp phải và đề xuất các phương án phòng ngừa và hạn chế rủi ro.
- 1.2.8. Đánh giá và lựa chọn được các phương thức huy động vốn phù hợp và hình thành khả năng kết nối, tìm kiếm nhà đầu tư.
- 1.2.9. Vận dụng được các kiến thức về luật trong triển khai việc tạo lập doanh nghiệp.

### 1.3. Thái độ

- 1.3.1. Có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu học phần
- 1.3.2. Có nhận thức đúng đắn về vai trò và tầm quan trọng của việc khởi nghiệp.
- 1.3.3. Có tinh thần, tác phong làm việc chuyên nghiệp.
- 1.3.4. Tích cực học hỏi, nghiên cứu các mô hình khởi nghiệp thành công.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

| Chương/Chủ đề  | Số tiết          | Chuẩn đầu ra     | Phương pháp dạy – học                        | Chuẩn bị của sinh viên                                   |
|--|------------------|------------------|--|--|
| Chương 1<br><b>KÍCH HOẠT TINH THẦN KHỞI NGHIỆP</b><br>1.1. Tổng quan về khởi nghiệp<br>1.2. Các phương thức khởi nghiệp  | 03 LT            | 4.1.1;           | GV thuyết trình<br>Làm bài tập cá nhân, nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1,2, từ trang 7 đến trang 40   |
| Chương 2<br><b>HÌNH THÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ LỰA CHỌN Ý TƯỞNG KHỞI NGHIỆP</b><br>2.1. Nghiên cứu thị trường và giải mã nhu cầu khách hàng<br>2.2. Đánh giá và lựa chọn ý tưởng<br>1. | 04 LT +<br>04 TL | 4.1.2;<br>4.3.3; | GV thuyết trình<br>Làm bài tập cá nhân, nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 3, từ trang 5 đến trang 30     |
| Chương 3<br><b>PHẦN IV: LẬP KẾ HOẠCH MARKETING</b><br>3.1. Quyết định liên quan đến sản phẩm<br>3.2. Định giá bán sản phẩm<br>3.3. Xúc tiến bán hàng                           | 04 LT +<br>08 TL | 4.1.3;<br>4.2.3; | GV thuyết trình<br>Làm bài tập cá nhân, nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1,2,3 từ trang 30 đến trang 50 |

|  |                  |                                      |  |  |
|--|------------------|--------------------------------------|--|--|
| 3.4. Thiết lập và quản trị kênh phân phối  |                  |                                      |  |  |
| <p>Chương 4<br/>LẬP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, CUNG CẤP DỊCH VỤ</p> <p>4.1. Dự báo nhu cầu sản phẩm, dịch vụ<br/>4.2. Bố trí sản xuất, cung cấp dịch vụ<br/>4.3. Thiết kế sản phẩm/dịch vụ<br/>4.4. Thiết kế quy trình sản xuất<br/>4.5. Lựa chọn nhà cung cấp<br/>4.6. Hoạch định nhu cầu vật tư, trang thiết bị<br/>4.7. Chiến lược sản xuất và điều hành qua giai đoạn của một chu kỳ sống sản phẩm</p> | 02 LT +<br>04 TL | 4.1.4;<br>4.2.1;<br>4.3.2;           | GV thuyết trình<br>Làm bài tập cá nhân, nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1,2,3 từ trang 30 đến trang 50 |
| <p>Chương 5<br/>LẬP KẾ HOẠCH NHÂN SỰ</p> <p>5.1. Hoạch định nhân lực<br/>5.2. Phân tích công việc - công cụ của quản lý nguồn nhân lực<br/>5.3. Tuyển mộ và tuyển chọn nhân lực.<br/>5.4. Đào tạo và phát triển nhân lực<br/>5.5. Tổ chức công tác tiền lương trong DN, tổ chức xã hội.</p>  | 02 LT +<br>04 TH | 4.1.5;<br>4.2.2;                     | GV thuyết trình<br>Làm bài tập cá nhân, nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1                              |
| <p>Chương 6<br/>LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN KINH DOANH</p> <p>6.1. Mục đích, vai trò và yêu cầu của việc lập kế hoạch tài chính của dự án kinh doanh<br/>6.2. Một số thông số cơ bản khi tiến hành lập kế hoạch tài chính của dự án<br/>6.3. Dự tính tổng vốn đầu tư ban đầu của dự án<br/>6.4. Dự tính nguồn vốn huy động cho dự án<br/>6.5. Lập bảng báo cáo kết</p>                        | 4 LT + 12<br>TL  | 4.1.5;<br>4.2.3;<br>4.3.1;<br>4.3.3; | GV thuyết trình<br>Làm bài tập cá nhân, nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 2,3                            |

|  |                       |                                      |  |                               |
|--|-----------------------|--------------------------------------|--|-------------------------------|
| quả hoạt động kinh doanh cho dự án<br>6.6. Lập bảng báo cáo dòng tiền cho dự án<br>6.7. Phân tích tài chính của dự án<br>6.8. Phân tích rủi ro của dự án<br>6.9. Phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án   |                       |                                      |  |                               |
| Chương 7<br><b>TRIỂN KHAI VIỆC TẠO LẬP DOANH NGHIỆP</b><br>7.1. Các loại hình doanh nghiệp<br>7.2. Điều kiện thành lập doanh nghiệp<br>7.3. Đăng ký kinh doanh<br>7.4. Thiết kế và xây dựng trụ sở<br>7.5. Các phương thức huy động vốn khởi nghiệp<br>7.6. Kỹ năng kết nối nhà đầu tư | 4LT+4TL               | 4.1.5;<br>4.2.3;<br>4.3.1;<br>4.3.3; | GV thuyết trình<br>Làm bài tập cá nhân, nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 2,3 |
| CHƯƠNG 8<br><b>HƯỚNG DẪN VIẾT BÁO CÁO ĐỀ ÁN</b><br>8.1. Cấu trúc báo cáo đề án<br>8.2. Các lưu ý khi viết báo cáo đề án<br>8.3. Thực hành viết báo cáo đề án   | 2LT+4TL               | 4.1.5;<br>4.2.3;<br>4.3.1;<br>4.3.3; | GV thuyết trình<br>Làm bài tập cá nhân, nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 2,3 |
| <b>Tổng</b>  | <b>25LT<br/>+40TL</b> |                                      |  |                               |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả              | Tên tài liệu                   | Năm xuất bản | Nhà xuất bản                 | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|--------------------------|--------------------------------|--------------|------------------------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                          |                                |              |                              |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 01  | Nguyễn Ngọc Huyền        | Giáo trình Khởi sự kinh doanh, | 2012         | NXB Đại học Kinh tế quốc dân | Thư viện                   | X                |           |
| 02  | Dan Senior & Saul Singer | Quốc gia khởi nghiệp           | 2013         | NXB Thế Giới.                | Thư viện                   | X                |           |

|    |              |                      |      |               |          |   |  |
|----|--------------|----------------------|------|---------------|----------|---|--|
| 03 | Eric's Ries, | Khởi nghiệp tinh gọn | 2012 | NXB Thời đại, | Thư viện | X |  |
| 04 |              |                      |      |               |          |   |  |

### 7. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự ít nhất 80% số tiết học phần mới được dự thi kết thúc học phần;
- Không sử dụng điện thoại trong giờ học;
- Tham gia thảo luận, thực hành đầy đủ, vắng không phép sẽ không được tính điểm.

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá                  | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)                    | Chuẩn đầu ra                         | Trọng số |
|--------------|-------------------------------------|---|--------------------------------------|----------|
| 01           | Kiểm tra giữa kỳ                    | Chương 2,3  | 4.1.2;<br>4.3.3;<br>4.1.3;<br>4.2.3; | 20%      |
| 02           | Thảo luận nhóm và thuyết trình nhóm | Quy trình sử dụng các phần mềm quản lý học tập tại trường | 4.1.5;<br>4.2.2;                     | 30%      |
| 03           | Bài thu hoạch cá nhân hoặc nhóm     | Chương 1-8  | 4.1.5;<br>4.2.3;<br>4.3.1;<br>4.3.3; | 50%      |

*Đồng Tháp, ngày tháng năm 2019*

**Trưởng khoa**

**P.Trưởng bộ môn**

**Giảng viên**

Nguyễn Thị Song Thương

Trần Kim Ngọc

Kiều Văn Tu

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Khoa: Văn hóa – Du lịch

Bộ môn: Công tác xã hội

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: THAM VẤN

Mã lớp học phần: SO4375

Số tín chỉ: 03

Số tiết tín chỉ: 45/0/90

Học phần điều kiện:

Học kỳ: 2

Năm học: 2018 - 2019

### 2. Thông tin về giảng viên:

#### 2.1. Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0989 216 484

Email: [nguyenbichhung82@gmail.com](mailto:nguyenbichhung82@gmail.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

#### 2.2. Giảng viên 2:

Họ và tên: Kiều Văn Tu

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

sĩ

Điện thoại: 0982.103.342

Email:

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt / Tổng quan về học phần

Môn học trang bị cho sinh viên hiểu được đặc điểm tâm lý của từng nhóm thân chủ, hiểu được các bước tiến hành tham vấn, những nguyên tắc, những giá trị đạo đức, những phẩm chất cần có của nhân viên công tác xã hội trong quá trình tham vấn. Đồng thời cung cấp cho người học những kỹ năng tham vấn như kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phản hồi, kỹ năng tóm tắt để sử dụng trong tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm và tham vấn gia đình.

### 4. Mục tiêu học phần / Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức:

4.1.1. Hiểu được các khái niệm, mục đích, tiến trình tham vấn

4.1.2. Trình bày được các kỹ năng sử dụng trong tham vấn

4.1.3. Làm rõ được các nguyên tắc đạo đức, vai trò của nhà tham vấn

4.1.4. Nhận thức được những đặc điểm của cá nhân, nhóm và gia đình.

#### 4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Phân tích được tình huống của thân chủ

4.2.2. Sử dụng được kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phản hồi, kỹ năng tóm tắt.

4.2.3. Phát huy khả năng làm việc nhóm, sắm vai, giải quyết tình huống.

#### 4.3. Thái độ:

4.3.1. Sinh viên học tập chuyên cần, và hiểu được vai trò của mình đối với việc tham vấn cho thân chủ,

4.3.2 Sinh viên thấu hiểu được những khó khăn của thân chủ, và có thể chia sẻ, giúp đỡ thân chủ.

### 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

| Chương/ Chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra                                       | Phương pháp dạy – học                                  | Chuẩn bị của sinh viên   |
|--|---------|--|--|--|
| <b>CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ THAM VẤN</b><br>1.1. Các khái niệm<br>1.2. Giá trị đạo đức<br>1.3. Các nguyên tắc tham vấn<br>1.4. Những phẩm chất của tham vấn viên<br>1.5. Vai trò của tham vấn  | 5       | 4.1.1<br>4.1.3<br>4.3.1;<br>4.3.2.                 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo. | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:<br>[1,tr.10-84]<br>[2, 159-171]<br>[3, 84-91]<br>[4, 1-270]<br>[5, 1-11]<br>[6, 7-57]<br>[7,242-246]                       |
| <b>CHƯƠNG 2. CÁC KỸ NĂNG TRONG THAM VẤN</b><br>2.1 Kỹ năng giao tiếp không lời<br>2.2 Kỹ năng lắng nghe<br>2.3 Kỹ năng phản hồi<br>2.4. Kỹ năng thấu hiểu<br>2.5. Kỹ năng tóm lược<br>2.6. Kỹ năng khuyến khích làm rõ ý<br>2.7. Kỹ năng giúp thân chủ trực diện vấn đề<br>2.8 Kỹ năng xử lý im lặng<br>2.9 Kỹ năng chia sẻ bản thân<br>2.10 Kỹ năng cung cấp thông tin<br>2.11 Kỹ năng giao nhiệm vụ về nhà | 10      | 4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.3.1<br>4.3.2 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo. | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:<br>[1, 84-99]<br>[4,271-349]<br>[5, 23-29]<br>[6, 63-101]  |
| <b>CHƯƠNG 3. THAM VẤN CÁ NHÂN</b><br>3.1 Tạo lập mối quan hệ và lòng tin<br>3.2 Xác định vấn đề<br>3.3 Lựa chọn giải pháp<br>3.4 Triển khai giải pháp<br>3.5 Lượng giá và kết thúc<br>3.2 Theo dõi   | 10      | 4.1.3<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.3.1<br>4.3.2 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo. | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:<br>[1, tr. 130-204]<br>[3, 92-130]<br>[4, 355-384]<br>[5, tr.10-14;<br>35-39]<br>[9, 1-249]<br>[10,139-173]<br>[11, 11-68] |



|  |    |  |  |   |
|--|----|--|--|---|
| CHƯƠNG 4. THAM VẤN GIA ĐÌNH<br>4.1 Những vấn đề chung<br>4.2 Một số mô hình can thiệp trong tham vấn gia đình<br>4.3. Quy trình tham vấn trong gia đình<br>4.4. Một số kỹ năng trong tham vấn gia đình   | 10 | 4.1.1<br>4.2.3<br>4.2.6<br>4.3.1<br>4.3.2<br>4.3.3 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo. | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:<br>[3, 137-272]<br>[4, 87-194]<br>[5, 37-40]      |
| CHƯƠNG 5. THAM VẤN NHÓM<br>5.1 Khái quát về tham vấn nhóm<br>5.2 Một số lý thuyết trong tham vấn nhóm<br>5.3 Quá trình phát triển nhóm<br>5.4 Tiến trình tham vấn nhóm<br>5.5 Một số công cụ tạo sự tham gia của các thành viên trong quá trình tham vấn nhóm. | 10 | 4.1.3<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.3.1<br>4.3.2 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo. | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:<br>[1, 210-273]<br>[6, tr.1-35]<br>[7, tr.13-183] |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả       | Tên tài liệu   | Năm xuất bản | Nhà xuất bản           | Địa chỉ khai thác tài liệu   | Mục đích sử dụng |           |
|-----|-------------------|--|--------------|------------------------|------------------------------|------------------|-----------|
|     |                   |  |              |                        |                              | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 01  | Bùi Thị Xuân Mai  | Giáo trình Tham vấn  | 2008         | Nxb Lao động – Xã hội  | Thư viện ĐH ĐT 158           | X                |           |
| 02  | Vũ Nhi Công       | Tham vấn cha mẹ và trẻ em về những vấn đề gia đình có ảnh hưởng tới trẻ em | 2005         | ĐH Mở TPHCM            | Thư viện ĐH ĐT 362.82        |                  | X         |
| 03  | Trần Đình Tuấn    | Tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình  | 2013         | Nxb ĐH Quốc Gia Hà Nội | (158. TH104V) TV ĐHĐT        |                  | X         |
| 04  | Trần Thị Minh Đức | Giáo trình tham vấn tâm lý   | 2014         | Nxb ĐH Quốc Gia Hà Nội | Thư viên ĐHĐT (158 GI 108TR) |                  | X         |
| 05  | Nguyễn Thu Hà     | Bài giảng Tham vấn   | 2006         | ĐH Mở tp HCM           | Thư viện ĐHĐT (158.B103GI)   |                  | X         |

|    |                 |  |      |                |                      |  |   |
|----|-----------------|--|------|----------------|----------------------|--|---|
| 06 | Hoàng Anh Phước | Kĩ năng Tham vấn học đường. Những vấn đề lí luận và thực tiễn        | 2016 | Nxb ĐH Sư Phạm | Thư viện ĐHĐT 370.15 |  | X |
| 07 | Trần Thị Giông  | Tham vấn tâm lý – xã hội cho trẻ em/thanh niên có hoàn cảnh đặc biệt | 2007 |                |                      |  | X |
| 08 | Nguyễn Thơ Sinh | Tư vấn tâm lý cơ bản   | 2006 | Lao động       |                      |  | X |
| 09 | Nguyễn Thị Oanh | Tư vấn tâm lý học đường  | 2008 | Nxb Trẻ        | Thư viện ĐHĐT        |  | X |
| 10 | Lê Sơn          | Tư vấn tâm lý học đường, Những vấn đề căn bản, tập 1                 | 2016 | Nxb Thanh niên | Thư viện ĐHĐT 370.15 |  | X |
| 11 | Lê Sơn          | Tư vấn tâm lý học đường, Những vấn đề căn bản, tập 1                 | 2016 | Nxb Thanh niên | Thư viện ĐHĐT 370.15 |  | X |

### 7. Quy định đối với sinh viên:

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có).

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức Đánh giá                  | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)  | Chuẩn đầu ra  | Trọng số |
|--------------|-------------------------------------|---|---|----------|
| 1            | Điểm chuyên cần                     | Tham dự lớp đầy đủ (30/30);   | 4.3   | 0.1      |
| 2            | Điểm kiểm tra đánh giá thường xuyên | 1. Bài tập tham vấn cá nhân<br>2. Bài tập tham vấn gia đình<br>3. Bài tập tham vấn nhóm | 4.2.1, 4.2.2, 4.2.3, 4.2.4<br>4.3.1, 4.3.2                        | 0.3      |
| 3            | Thi kết thúc học phần               | Đề đóng, thời gian làm bài 90 phút  | 4.1.1, 4.1.2, 4.1.3<br>4.2.1, 4.2.2, 4.2.3, 4.2.4<br>4.3.1, 4.3.2 | 0.6      |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**P.TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**TS. Nguyễn Thị Song Thương**

**Ths Trần Kim Ngọc**

**Ths. Nguyễn Thị Bích Hưng**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

**Khoa: Văn hóa - Du lịch**

**Bộ môn: Công tác xã hội**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Sức khỏe tâm thần

Mã lớp học phần: SO4107

Số tín chỉ: 3

Số tiết tín chỉ: 45

Học phần điều kiện (*nếu có*): không

Học kỳ: I

Năm học: 2019-2020

### 2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

Họ và tên: Đỗ Thị Thảo

Chức danh, học vị: Ths.GV

Điện thoại: 0939212945

E-mail: lethanhthaonguyen88@yahoo.com

Đơn vị: Bộ môn Công tác xã hội, Khoa Văn hóa - Du lịch

Giảng viên 2:

Họ và tên: Trần Kim Ngọc

Chức danh, học vị: Ths.GV

Điện thoại: 0983605208

E-mail: kimngoc208@gmail.com

Đơn vị: Bộ môn Công tác xã hội, Khoa Văn hóa - Du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần

Môn học cung cấp một cái nhìn tổng quan về các triệu chứng rối loạn tâm thần. Lịch sử phát triển khoa học điều trị rối loạn tâm thần. Phân loại, chẩn đoán, phương pháp điều trị và thực hành công tác xã hội trong hỗ trợ người có các triệu chứng rối loạn tâm thần.

### 4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra

Sau khi học xong môn học sinh viên đạt được

#### 4.1. Kiến thức

Hiểu, trình bày được các vấn đề cơ bản về sức khỏe tâm thần bao gồm:

4.1.1. Khái niệm sức khỏe, sức khỏe tâm thần, cảm giác, rối loạn cảm giác, tri giác, rối loạn tri giác, tư duy, rối loạn tư duy, ý thức, rối loạn ý thức, trí nhớ, rối loạn trí nhớ, cảm xúc, rối loạn cảm xúc lưỡng cực, trầm cảm, hưng cảm stress, tâm thần phân liệt, nghiện ma túy, nghiện rượu, tăng động, chú ý, giảm chú ý, rối loạn chú ý, trí tuệ, rối loạn trí tuệ...

4.1.2. Trình bày được các dấu hiệu biểu hiện bệnh tâm thần, nguyên nhân dẫn đến bệnh tâm thần.

4.1.3. Phân tích được các giai đoạn biến chuyển bệnh tâm thần.

4.1.4. Áp dụng liệu pháp tâm lý-xã hội trong việc giúp đỡ bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân tâm thần.

4.1.5. Biết, vận dụng, vận động, thực hành các thủ tục hành chính từ các chính sách an sinh của nhà nước vào giúp đỡ người bệnh tâm thần

#### 4.2. Kỹ năng

4.2.1. Đánh giá tình trạng, nguyên nhân phát sinh bệnh tâm thần;

4.2.2. Có khả năng tiếp cận và tham vấn, hướng dẫn thực hành bài tập trị liệu tâm lý cá nhân, gia đình cho người có một số biểu hiện về bệnh tâm thần và thân nhân người bệnh tâm thần thích ứng với cuộc sống.

### 4.3.Thái độ

Sinh viên có thái độ đúng mực với người bệnh tâm thần, tích cực tham gia vào xóa bỏ định kiến xã hội đối với người mắc bệnh tâm thần.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra                     | Phương pháp dạy - học          | Chuẩn bị của sinh viên  |
|--|---------|----------------------------------|--------------------------------|---|
| <b>Chương 1. Đại cương tâm thần học</b><br>1.1. Sơ lược lịch sử tâm thần học<br>1.2. Nội dung và đối tượng nghiên cứu của tâm thần học<br>1.3. Nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi của bệnh tâm thần<br>1.4. Liên quan giữa bệnh tâm thần và các môn học | 3       | 4.1.1<br>4.1.2                   | Gợi mở-vấn đáp<br>Thuyết giảng | <b>Đọc [1; 7-12] trả lời câu hỏi sau</b><br>1. Tâm thần học là gì?<br>2. Hãy cho biết các nguyên nhân dẫn đến bệnh tâm thần.<br>3. Theo Tổ chức Y tế thế giới sức khỏe tâm thần được định nghĩa như thế nào?<br>4. Sự liên quan giữa bệnh tâm thần và các môn khoa học là gì ?<br>5. Ai là người đầu tiên đã giải phóng người bệnh khỏi xiềng xích? |
| <b>Chương 2. Đại cương các rối loạn thực tổn</b><br>2.1. Khái niệm chung<br>2.2. Nguyên nhân<br>2.3. Đặc điểm lâm sàng<br>2.4. Chuẩn đoán phân biệt<br>2.5. Một số trạng thái mất trí thực tổn thường gặp  | 3       | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.1.3<br>4.1.4 | Gợi mở-vấn đáp<br>Thuyết giảng | <b>Đọc [1; 13] trả lời câu hỏi sau</b><br>1. Hãy cho biết nguyên nhân gây bệnh rối loạn tâm thần thực thể là gì?<br>2. Hãy cho biết biểu hiện lâm sàng của hội chứng sa sút trí tuệ điển ra như thế nào?<br>3. Làm thế nào để phân biệt rối loạn tâm thần thực thể cấp  |

|   |   |   |  |  |
|---|---|---|--|--|
|   |   |   |  | <p>tính và mạn tính?</p> <p>4. Biểu hiện lâm sàng của rối loạn tâm thần thực thể cấp tính là gì?</p> <p>5. Hãy cho biết những ảnh hưởng liên quan đến tâm thần sau chấn thương sọ não.</p>   |
| <p><b>Chương 3. Rối loạn cảm giác-Rối loạn tri giác-Rối loạn tư duy</b></p> <p>3.1. Rối loạn cảm giác</p> <p>3.2. Rối loạn tri giác</p> <p>3.3. Rối loạn tư duy</p> | 5 | <p>4.1.1</p> <p>4.1.2</p> <p>4.1.3</p> <p>4.1.4</p> <p>4.1.5.</p> <p>4.2.1</p> <p>4.2.2</p> | <p>Pháp vấn</p> <p>Thuyết giảng</p> <p>Giải bài tập tình huống</p>       | <p>Đọc [1; 25-32] trả lời câu hỏi sau:</p> <p>Theo anh/ chị sự giống và khác nhau của cảm giác và tri giác là gì?</p> <p>Có bao nhiêu hội chứng về rối loạn tư duy?</p> <p>Hãy cho biết hoang tưởng suy đoán là gì?</p> <p>Theo anh/ chị hoang tưởng tự cao ảnh hưởng gì tới đời sống con người?</p> <p>Hãy cho biết hoang tưởng ảnh hưởng gì trong cuộc sống?</p> |
| <p><b>Chương 4. Rối loạn trí nhớ - Cảm xúc - Ý thức</b></p> <p>4.1. Rối loạn trí nhớ</p> <p>4.2. Rối loạn cảm xúc</p> <p>4.3. Rối loạn ý thức</p>                   | 4 | <p>4.1.1</p> <p>4.1.2</p> <p>4.1.3</p> <p>4.1.4</p> <p>4.1.5.</p> <p>4.2.1</p> <p>4.2.2</p> | <p>Gợi mở-vấn đáp</p> <p>Thuyết giảng</p> <p>Giải bài tập tình huống</p> | <p>Đọc [1; 32-38] trả lời câu hỏi sau:</p> <p>Hãy cho biết có bao nhiêu loại loạn nhớ?</p> <p>Các triệu chứng giảm và mất cảm xúc là gì?</p> <p>Có bao nhiêu hội chứng rối loạn cảm xúc?</p> <p>Có bao nhiêu hội chứng rối loạn ý thức?</p> <p>Hãy cho biết hội chứng lú lẫn là gì?</p>  |

|   |   |   |  |  |
|---|---|---|--|--|
| <p><b>Chương 5. Rối loạn hành vi tác phong - Rối loạn trí tuệ - Rối loạn sự chú ý</b></p> <p>5.1. Rối loạn hành vi tác phong</p> <p>5.2. Rối loạn trí tuệ</p> <p>5.3. Rối loạn sự chú ý</p>   | 5 | <p>4.1.1</p> <p>4.1.2</p> <p>4.1.3</p> <p>4.1.4</p> <p>4.1.5.</p> <p>4.2.1</p> <p>4.2.2</p> | <p>Pháp vấn</p> <p>Thuyết giảng</p> <p>Giải bài tập tình huống</p>       | <p>Đọc [1; 39-43] trả lời câu hỏi sau</p> <p>Hãy cho biết các cơn xung động bản năng là gì?</p> <p>Có bao nhiêu mức độ trong hội chứng chậm phát triển tâm thần?</p> <p>Hãy cho biết hội chứng trí tuệ sa sút là gì?</p>   |
| <p><b>Chương 6. Tâm thần phân liệt, các rối loạn hoang tưởng và các rối loạn phân liệt cảm xúc</b></p> <p>6.1. Tâm thần phân liệt</p> <p>6.2. Rối loạn loại phân liệt</p> <p>6.3. Rối loạn hoang tưởng</p> <p>6.4. Rối loạn phân liệt cảm xúc</p> | 4 | <p>4.1.1</p> <p>4.1.2</p> <p>4.1.3</p> <p>4.1.4</p> <p>4.1.5.</p> <p>4.2.1</p> <p>4.2.2</p> | <p>Thảo luận nhóm</p> <p>Thuyết giảng</p> <p>Giải bài tập tình huống</p> | <p>Đọc [1; 39-43]; [1; 44-67] trả lời câu hỏi sau</p> <p>Hãy cho biết hội chứng bất động căng trương lực ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt như thế nào?</p> <p>Có bao nhiêu hội chứng căng trương lực?</p> <p>Hãy cho biết đặc điểm của đặc điểm lâm sàng của bệnh tâm thần phân liệt.</p> <p>Có thể chẩn đoán chẩn đoán bệnh tâm thần phân liệt khi nào?</p> <p>Hãy cho biết nguyên tắc chẩn đoán rối loạn phân liệt cảm xúc loại hỗn hợp.</p> <p>Liệu pháp tâm lý trong rối loạn hoang tưởng là làm như thế nào?</p> <p>Hãy cho biết chẩn đoán lâm sàng trong rối loạn phân liệt cảm xúc loại</p> |

|  |   |  |   |   |
|--|---|--|---|---|
|  |   |  |   | trầm cảm  |
| <b>Chương 7. Các rối loạn liên quan đến stress - phản ứng với stress</b><br>Đại cương về stress và các rối loạn có liên quan<br>Phản ứng với stress và rối loạn sự thích ứng | 3 | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.1.3<br>4.1.4<br>4.1.5.<br>4.2.1<br>4.2.2 | Gợi mở-vấn đáp<br>Thuyết giảng<br>Giải bài tập tình huống | <u><b>Đọc [1; 44-57] [1; 58-62] / trả lời câu hỏi sau</b></u><br>1. Hãy cho biết các nhân tố gây ra các stress bệnh lý.<br>2. Hãy cho biết rối loạn stress sau sang chấn là gì?<br>3. Hãy cho biết các thể lâm sàng hay gặp trong phản ứng stress cấp.  |
| <b>Chương 8. Các rối loạn phân ly- Rối loạn lo âu</b><br>8.1. Các rối loạn phân ly<br>8.2. Rối loạn lo âu  | 4 | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.1.3<br>4.1.4<br>4.1.5.<br>4.2.1<br>4.2.2 | Gợi mở-vấn đáp<br>Thuyết giảng<br>Giải bài tập tình huống | <u><b>Đọc [1; 58-62]; [1; 63-69] trả lời câu hỏi sau</b></u><br>1. Hãy cho biết các loại tình huống<br>2. Rối loạn stress sau chấn thương xuất hiện khi nào?<br>3. Hãy cho biết đặc điểm lâm sàng của rối loạn phân ly.<br>4. Các rối loạn tâm thần là gì?<br>5. Rối loạn lo âu có biểu hiện như thế nào?<br>6. Rối loạn ám ảnh cưỡng bức được hiểu như thế nào?<br>7. Hãy cho biết cách điều trị rối loạn lo âu lan tỏa. |
| <b>Chương 9. Nghiện ma túy - Lạm dụng rượu và nghiện rượu</b><br>9.1 Nghiện ma túy<br>9.2. Lạm dụng rượu và  | 3 | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.1.3<br>4.1.4<br>4.1.5.                   | Gợi mở-vấn đáp<br>Thuyết giảng<br>Giải bài tập tình huống | <u><b>Đọc [1; 70-80] trả lời câu hỏi sau</b></u><br>1. Hãy cho biết những khái niệm liên quan đến ma túy, các chất gây nghiện.  |



|   |   |  |  |  |
|---|---|--|--|--|
| Nghiện rượu   |   | 4.2.1<br>4.2.2   |  | <ol style="list-style-type: none"> <li>2. Các căn nguyên về nghiện ma túy được hiểu như thế nào?</li> <li>3. Hãy cho biết những hậu quả của nghiện ma túy đối với người nghiện như thế nào?</li> <li>4. Hãy cho biết hậu quả lạm dụng rượu và nghiện rượu ảnh hưởng đến cuộc sống như thế nào?</li> <li>5. Hãy cho biết các biện pháp để phòng ngừa nghiện ma túy và nghiện rượu.</li> </ol>   |
| <p><b>Chương 10. Bệnh tâm thần phân liệt khởi phát của trẻ em</b></p> <p>10.1. Đại cương</p> <p>10.2. Dịch tễ học</p> <p>10.3. Nguyên nhân</p> <p>10.4. Chuẩn đoán và các đặc điểm lâm sàng</p> | 3 | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.1.3<br>4.1.4<br>4.1.5.<br>4.2.1<br>4.2.2 | <p>Gợi mở-vấn đáp</p> <p>Thuyết giảng</p> <p>Giải bài tập tình huống</p> | <p><b><u>Đọc [1; 81-84] trả lời câu hỏi sau</u></b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hãy cho biết bệnh tâm thần tâm liệt khởi phát ở trẻ em là gì?</li> <li>2. Hãy cho biết nguyên nhân gây nên bệnh tâm thần tâm liệt khởi phát ở trẻ em.</li> <li>3. Làm thế nào để chuẩn đoán bệnh tâm thần tâm liệt khởi phát ở trẻ em?</li> <li>4. Hãy cho biết các biểu hiện lâm sàng của tâm thần phân liệt khởi phát ở trẻ em.</li> <li>5. Hãy cho biết có thể phòng ngừa được bệnh tâm thần phân liệt khởi phát ở trẻ em không?</li> </ol> |
| <p><b>Chương 11. Liệu pháp tâm lý - Liệu pháp sốc điện - Cấp cứu tâm thần</b></p> <p>11.1. Liệu pháp tâm lý</p> <p>11.2. Liệu pháp sốc điện</p>   | 4 | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.1.3<br>4.1.4<br>4.1.5.                   | <p>Gợi mở-vấn đáp</p> <p>Thuyết giảng</p> <p>Giải bài tập tình huống</p> | <p><b><u>Đọc [1; 85-97] trả lời câu hỏi sau</u></b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hãy cho biết khái niệm về liệu pháp tâm lý cá nhân, liệu pháp hành vi.</li> </ol>  |

|  |   |                                   |  |  |
|--|---|-----------------------------------|--|--|
| 11.3. Cấp cứu tâm thần   |   | 4.2.1<br>4.2.2                    |  | <p>2. Sốc điện là gì? Có phải ai cũng có thể sử dụng biện pháp sốc điện trong điều trị không?</p> <p>3. Hãy cho biết chống chỉ định trong vấn đề sốc điện là gì?</p> <p>4. Các tai biến thường gặp và cách xử trí khi sốc điện như thế nào?</p> <p>5. Hãy cho biết nguyên nhân kích động tâm thần?</p>   |
| <p><b>Chương 12. Công tác xã hội và sức khỏe tâm thần</b></p> <p>12.1. Công tác xã hội trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần</p> <p>12.2. Chính sách chăm sóc sức khỏe tâm thần</p> | 4 | 4.1.4<br>4.1.5.<br>4.2.1<br>4.2.2 | <p>Gợi mở-vấn đáp</p> <p>Thuyết giảng</p> <p>Giải bài tập tình huống</p> | <p><b><u>Đọc [1; 98 -130] trả lời câu hỏi sau</u></b></p> <p>1. Dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm thần trong bối cảnh Việt Nam như thế nào?</p> <p>2. Trình bày vai trò của nhân viên xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần</p> <p>3. Phân tích các kì thị đối với người bệnh tâm thần.</p> <p>4. Chính sách chăm sóc sức khỏe tâm thần hiện nay như thế nào?</p> <p>5. Trình bày ý nghĩa của các chính sách xã hội khác trong dự phòng, điều trị và hỗ trợ cho người bệnh tâm thần.</p> |

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có)

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy - học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |
|               |         |              |                       |                        |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả                            | Tên tài liệu  | Năm xuất bản             | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu<br>(6) | Mục đích sử dụng |           |
|-----|--|---|--------------------------|--------------|-----------------------------------|------------------|-----------|
|     |  |   |                          |              |                                   | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | ThS. Phạm Thị Thu Thảo,                | Bài giảng Sức khỏe tâm thần   | Trường Đại học Đồng Tháp | 2015         | Thư viện                          | x                |           |
| 2   | World Health Organization              | The ICD-10 classification mental and behavioural  | Bộ Y tế                  |              | Giảng viên                        |                  | x         |
| 3   | Nguyễn Thị Mỹ Lộc-<br>Nguyễn Hồng Kiên | <a href="http://www.socialwork.vn/bai-giang-cong-tac-xa-hoi-trong-cham-soc-suc-khoe-tam-than/">http://www.socialwork.vn/bai-giang-cong-tac-xa-hoi-trong-cham-soc-suc-khoe-tam-than/</a> | Bộ LĐTBXH                |              | Mạng Internet<br>Giảng viên       |                  | x         |

## 7. Quy định đối với sinh viên

Sinh viên phải tham dự lớp học đầy đủ.

Khi vắng mặt phải báo cáo cho giảng viên biết trước, lý do vắng mặt được chấp nhận, không giảm điểm chuyên cần là : bản thân bị bệnh/tai nạn có giấy tờ chứng minh; thân nhân (cha/mẹ/anh/chị em ruột/con) bị bệnh nhập viện không có ai chăm sóc thay thế.

Không làm việc riêng trong giờ học;

Không sử dụng các phương tiện: điện thoại, Laptop trong giờ học cho các việc không phục vụ học tập.

Tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài.

Vắng mặt từ 9 tiết trở lên. Sinh viên không được đánh giá kết quả học tập.

Sinh viên bắt buộc phải đăng kí học lại môn học.

## 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá | Nội dung được đánh giá<br>(Chương/Chủ đề) | Chuẩn đầu ra | Trọng số |
|--------------|--------------------|---|--------------|----------|
|              |                    |   |              |          |

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

| <b>Lần đánh giá</b> | <b>Hình thức đánh giá</b>  | <b>Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)</b>   | <b>Chuẩn đầu ra</b>                                   | <b>Trọng số</b> |
|---------------------|----------------------------|---|---|-----------------|
| 1                   | Chuyên cần                 | Số tiết tham dự học/tổng số tiết, đọc tài liệu, chuẩn bị bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên | 4.3   |                 |
| 2                   | Kiểm tra thường xuyên      | Kiểm tra trắc nghiệm<br>Chương 1,2,3,4  | 4.1.1; 4.1.2<br>4.1.3;4.1.4<br>4.1.5; 4.2.1<br>4.2.2; | 10%             |
| 3                   | Kiểm tra thường xuyên      | Kiểm tra trắc nghiệm<br>Chương 5,6,7  | 4.1.1; 4.1.2<br>4.1.3;4.1.4<br>4.1.5; 4.2.1<br>4.2.2; | 10%             |
| 3                   | Kiểm tra thường xuyên      | Tự luận<br>Chương 8,9,10  | 4.1.1; 4.1.2<br>4.1.3;4.1.4<br>4.1.5; 4.2.1<br>4.2.2; | 20%             |
| 4                   | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi viết (90. phút)<br>- Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết<br>- Bắt buộc dự thi                       | 4.1.1; 4.1.2<br>4.1.3;4.1.4<br>4.1.5; 4.2.1<br>4.2.2; | 60%             |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**Trưởng khoa**

**P. Trưởng bộ môn**

**Giảng viên**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Đỗ Thị Thảo**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Khoa: Văn hóa – Du lịch

Bộ môn: CTXH

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Gia đình học

Mã lớp học phần: SO4002

Số tín chỉ: 03

Số tiết tín chỉ: 45/0/90

Học phần điều kiện: Sinh viên hoàn thành môn học Giới và phát triển

Học kỳ: 1

Năm học:

### 2. Thông tin về giảng viên:

#### 2.1. Giảng viên 1:

Họ và tên: Trần Kim Ngọc

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0983 605 208

Email: kimngoc208@gmail.com

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

#### 2.2. Giảng viên 2:

Họ và tên: Đỗ Thị Thảo

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0905712945

Email: [lethanhtaonguyen88@yahoo.com](mailto:lethanhtaonguyen88@yahoo.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt / Tổng quan về học phần

Môn học cung cấp cho người học kiến thức về đối tượng và phương pháp nghiên cứu về gia đình học; một số khái niệm chuyên môn được dùng để tìm hiểu gia đình; cùng với sự biến đổi của gia đình; những hiểu biết về giới tính và vai trò trong gia đình để từ đó người học có thể thay đổi hành vi thường ngày của mình theo hướng bình đẳng giới; các vấn đề về chọn người bạn đời và tình yêu đôi lứa cũng như sự mật thiết trong đời sống lứa đôi; đường đời và sự phát triển, biến đổi của gia đình theo đường đời; các vấn đề của gia đình hiện nay; phát triển khoa học để củng cố gia đình hiện đại. Qua môn học người học có thể tư vấn, tham vấn các vấn đề liên quan đến gia đình, hướng đến xây dựng gia đình hạnh phúc, bình đẳng, tránh được các khó khăn không đáng có trong đời sống gia đình.

### 4. Mục tiêu học phần / Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức:

4.1.1. Hiểu biết về đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu gia đình

4.1.2. Trình bày khái niệm chuyên môn được dùng để tìm hiểu về gia đình.

4.1.3. Nhận biết sự biến đổi của gia đình theo thời gian và các nguyên nhân của sự biến đổi đó.

4.1.4. Vận dụng và trình bày kiến thức về giới và vai trò giới trong gia đình.

4.1.5. Nhận biết các giai đoạn trong đường đời và sự phát triển biến đổi của gia đình trong đường đời.

4.1.6. Nhận biết các vấn đề của gia đình hiện tại và biết được các giải pháp để củng cố gia đình hiện tại.

4.1.7. Vận dụng và trình bày các kỹ năng ứng xử của vợ chồng trong gia đình nhằm hướng tới một gia đình hạnh phúc.

4.1.8. Nhận biết về xu hướng gia đình trong tương lai.

#### 4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Nghiên cứu khoa học về những vấn đề của gia đình.

4.2.2. Phân tích được vấn đề liên quan đến gia đình thông qua làm bài tập nhóm, thảo luận nhóm.

4.2.3. Thực hành các kỹ năng ứng xử giữa các thành viên trong gia đình nhằm giúp gia đình vượt qua các khó khăn trong các giai đoạn hướng đến hưởng tối đa hạnh phúc trong gia đình.

4.2.4. Giải quyết được các vấn đề nảy sinh trong gia đình.

4.2.5. Vượt qua các biến cố nảy sinh từ trong gia đình và dự đoán được các vấn đề liên quan đến gia đình trong tương lai

4.2.6. Tư vấn, tham vấn cho thân chủ về những vấn đề liên quan đến gia đình như tình yêu, sự mật thiết trong đời sống lứa đôi, ly hôn, bạo hành trong gia đình,... giúp thân chủ giải quyết các vấn đề nảy sinh từ đời sống gia đình.

### 4.3. Thái độ:

4.3.1. Hình thành thái độ, nhận thức đúng đắn về môn học, ngành học.

4.3.2. Phương pháp tư duy khoa học về các vấn đề của gia đình.

4.3.3. Tâm thế đón nhận sự biến đổi của gia đình theo quy luật

4.3.4. Xác lập được các nguyên tắc khi làm việc về những vấn đề liên quan đến gia đình.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/ Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra  | Phương pháp dạy – học  | Chuẩn bị của sinh viên   |
|---|---------|---|--|--|
| 1. Dẫn nhập về gia đình học<br>1.1. Khái niệm gia đình<br>1.2. Khái niệm gia đình học<br>1.3. Đối tượng nghiên cứu của gia đình học<br>1.4. Phương pháp nghiên cứu của gia đình học<br>1.5. Một số khái niệm cơ bản để tìm hiểu gia đình<br>1.6. Ý nghĩa của việc nghiên cứu gia đình | 03      | 4.1.1;4.1.2<br>4.2.1<br>4.3.1;4.3.2;<br>4.3.3;4.3.4       | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>- Sử dụng máy chiếu, bảng. | - Đọc [1, 2-7], [2, 12-52], thực hiện các yêu cầu sau:<br>1.Nêu khái niệm gia đình, gia đình học. Phân biệt khái niệm gia đình, hộ và hộ gia đình.<br>2.Nêu chức năng gia đình và các giai đoạn phát triển của gia đình.<br>- Giấy A0<br>- Bút lông<br>- Báo cáo |
| 2. Sự biến đổi của gia đình<br>2.1. Những biểu hiện của sự biến đổi gia đình<br>2.2. Nguyên nhân của sự chuyển biến gia đình<br>2.3. Gia đình truyền thống Việt Nam và sự chuyển đổi để thích ứng với thời đại mới<br>2.4. Những vấn đề của   | 06      | 4.1.2;4.1.3<br>4.2.1;4.2.2<br>4.3.1;4.3.2;<br>4.3.3;4.3.4 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>- Sử dụng máy chiếu, bảng. | - Đọc [1, 8-19], [2, 53-70], [2, 108-130], thực hiện các yêu cầu sau:<br>1.Nêu những biểu hiện của sự biến đổi gia đình và các nguyên nhân của sự biến đổi đó.<br>2.Phân tích các nguyên nhân của sự biến đổi gia đình.  |

|  |    |  |   |   |
|--|----|--|---|---|
| gia đình đương đại   |    |  |   | <p>3. Nêu những biến đổi của gia đình Việt Nam từ năm 1945 đến nay và phân tích các nguyên nhân của sự biến đổi.</p> <p>4. Liên hệ thực tế địa phương, nêu và phân tích những mặt tích cực và tiêu cực của sự biến đổi trong gia đình.</p> <p>- Giấy A0<br/>- Bút lông<br/>- Báo cáo</p>  |
| <p>3. Chọn người bạn đời và tình yêu đôi lứa</p> <p>3.1. Chọn bạn đời và hôn nhân</p> <p>3.2. Các lý thuyết xung quanh việc lựa chọn</p> <p>3.3. Những xu hướng lệch lạc trong tình yêu</p> <p>3.4. Tình yêu chân chính</p> <p>3.5. Các giai đoạn tìm hiểu dẫn đến tình yêu và hôn nhân</p> <p>3.6. Kết hôn, điều kiện kết hôn và tổ chức kết hôn ở Việt Nam</p>   | 06 | <p>4.1.2; 4.1.3<br/>4.1.4<br/>4.2.1; 4.2.2<br/>4.2.6<br/>4.3.1; 4.3.2;<br/>4.3.3; 4.3.4</p>  | <p>- Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>- Thảo luận nhóm, báo cáo.</p> <p>- Sử dụng máy chiếu, bảng.</p> | <p>- Đọc [1, 20-26], [2, 71-107], thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1. Thế nào là tình yêu chân chính? Tình yêu chân chính được nhận diện như thế nào? Các yếu tố nào tạo nên một tình yêu chân chính?</p> <p>2. Phân tích các giai đoạn tìm hiểu dẫn đến tình yêu và hôn nhân.</p> <p>- Giấy A0<br/>- Bút lông<br/>- Báo cáo<br/>- Kể chuyện</p>                   |
| <p>4. Vai trò giới trong gia đình và sự mật thiết trong đời sống lứa đôi</p> <p>4.1. Vai trò giới trong gia đình</p> <p>4.1.1. Giới tính và giới</p> <p>4.1.2. Vai trò giới</p> <p>4.1.3. Sự chuyển biến về vai trò giới trong gia đình và ngoài xã hội</p> <p>4.1.4. Mâu thuẫn xuất phát từ sự chênh lệch trong nhận thức.</p> <p>4.2. Sự mật thiết trong đời sống lứa đôi</p> <p>4.2.1. Từ hôn nhân thiết chế đến hôn nhân bầu bạn</p> | 06 | <p>4.1.3; 4.1.4<br/>4.1.5; 4.1.6<br/>4.1.7<br/>4.2.1; 4.2.2<br/>4.2.3; 4.2.4<br/>4.2.5; 4.2.6<br/>4.3.1; 4.3.2;<br/>4.3.3; 4.3.4</p> | <p>- Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>- Bài tập tình huống</p> <p>- Sử dụng máy chiếu, bảng.</p>       | <p>- Đọc [1, 27-40], [9, 6-29], [2, 53-70], [2, 71-107], thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1. Nêu định nghĩa và những đặc trưng cơ bản của giới và giới tính.</p> <p>2. Nêu một số lĩnh vực thường xuất hiện mâu thuẫn gia đình và các yếu tố ảnh hưởng đến mâu thuẫn gia đình ở Việt Nam.</p> <p>3. Liên hệ thực tế địa phương, hãy nêu và phân tích những mâu</p> |

|  |    |   |  |  |
|--|----|---|--|--|
| <p>4.2.2. Thế nào là sự mật thiết trong đời sống lứa đôi</p> <p>4.2.3. Lứa đôi cần được trang bị về kỹ năng quan hệ giữa người và người.</p> <p>4.2.4. Mâu thuẫn và xử lý mâu thuẫn</p> <p>4.2.5. Mâu thuẫn vợ chồng trong gia đình Việt Nam</p>   |    |   |  | <p>thuần xảy ra trong gia đình, những yếu tố ảnh hưởng đến mâu thuẫn trong gia đình và đề xuất hướng giải quyết.</p> <p>4.Theo quan niệm truyền thống, việc phân công vai trò giới trong gia đình thì người đàn ông đóng vai trò trụ cột về mặt kinh tế, theo bạn với quan niệm ấy thì người đàn ông có cảm thấy áp lực không? Vì sao? Hãy phân tích rõ?</p> <p>5.Liên hệ thực tế, hãy nêu và phân tích sự chuyển biến vai trò giới trong gia đình và ngoài xã hội?</p> <p>- Giấy A0<br/>- Bút lông<br/>- Báo cáo</p>      |
| <p>5.Giáo dục gia đình</p> <p>5.1. Gia đình là một tác nhân xã hội hóa quan trọng</p> <p>5.2. Đặc điểm của giáo dục gia đình</p> <p>5.3. Vai trò của các thành viên trong việc giáo dục hình thành nhân cách cho trẻ</p> <p>5.4. Mục tiêu và nội dung của giáo dục gia đình</p> <p>5.5. Phương pháp giáo dục con cái</p> <p>5.6. Những yếu tố ảnh hưởng tiêu cực đến giáo dục gia đình.</p> <p>5.7. Gia đình và việc giáo dục giới tính cho trẻ vị thành niên.</p> | 06 | <p>4.1.3; 4.1.4<br/>4.1.5; 4.1.6<br/>4.1.7<br/>4.2.1;4.2.2<br/>4.2.3; 4.2.4<br/>4.2.5; 4.2.6<br/>4.3.1;4.3.2;<br/>4.3.3;4.3.4</p> | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.<br/>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br/>-Sử dụng máy chiếu, bảng.</p> | <p><b>- Đọc [1, 41-53], thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p>1.Tại sao nói gia đình là một tác nhân xã hội hóa quan trọng? Nêu đặc điểm của giáo dục gia đình.</p> <p>2.Giáo dục giới tính là gì? Tại sao phải giáo dục giới tính? Nêu vai trò của cha mẹ trong việc giáo dục giới tính cho trẻ.</p> <p>3.Các vấn đề xã hội nổi bật của trẻ mới lớn ở địa phương là gì, hãy nêu và phân tích ? Nêu và phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến các vấn đề xã hội đó và đề xuất hướng giải quyết.</p> <p>4. Nêu các phương</p> |



|   |    |  |  |  |
|---|----|--|--|--|
|   |    |  |  | <p>pháp giáo dục trẻ ở gia đình tại địa phương?<br/>Phân tích những ưu điểm và hạn chế của nó? Nguyên nhân và hướng giải quyết?</p> <p>- Giấy A0<br/>- Bút lông<br/>- Báo cáo</p>  |
| <p>6. Đường đời và sự phát triển, biến đổi của gia đình theo đường đời</p> <p>6.1. Diễn tiến của gia đình theo đường đời</p> <p>6.2. Gia đình có con nhỏ</p> <p>6.3. Tuổi dậy thì và những thử thách trong gia đình</p> <p>6.4. Các vấn đề xã hội ở tuổi mới lớn</p> <p>6.5. Giai đoạn con ra ở riêng và gia đình trống trải</p> <p>6.6. Tuổi già</p> | 06 | <p>4.1.3; 4.1.4<br/>4.1.5; 4.1.6<br/>4.1.7<br/>4.2.1; 4.2.2<br/>4.2.3; 4.2.4<br/>4.2.5; 4.2.6<br/>4.3.1; 4.3.2;<br/>4.3.3; 4.3.4</p> | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.<br/>- Bài tập tình huống.<br/>-Sử dụng máy chiếu, bảng.<br/>-Xem Clip</p> | <p>- Đọc [1, 41-53], [1, 54-71], [2, 71-107] thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1.Nêu những nhu cầu của trẻ ở từng lứa tuổi và cách đáp ứng của cha mẹ.</p> <p>2.Nêu những đặc điểm của tuổi dậy thì và những thử thách trong gia đình.</p> <p>3.Liên hệ thực tế địa phương, hãy nêu và phân tích các vấn đề xã hội của người già, những yếu tố ảnh hưởng và đề xuất hướng giải quyết.</p> <p>4.Liên hệ thực tế ở địa phương, hãy nêu các hiện trạng trẻ thiếu chăm sóc và bị lạm dụng? Phân tích nguyên nhân và hướng khắc phục?</p> <p>- Giấy A0<br/>- Bút lông<br/>- Báo cáo</p> |
| <p>7. Các vấn đề của gia đình</p> <p>7.1. Ly hôn</p> <p>7.2. Tái kết hôn</p> <p>7.3. Những người mẹ đơn thân</p> <p>7.4. Bạo hành trong gia đình</p>  | 06 | <p>4.1.3; 4.1.4<br/>4.1.5; 4.1.6<br/>4.1.7<br/>4.2.1; 4.2.2<br/>4.2.3; 4.2.4<br/>4.2.5; 4.2.6<br/>4.3.1; 4.3.2;<br/>4.3.3; 4.3.4</p> | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.<br/>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br/>-Sử dụng máy chiếu, bảng.</p>           | <p>-Đọc [1, 65-72], [2, 131-153], thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1.Phân tích quá trình ly hôn và nêu các nguyên nhân dẫn đến quá trình ly hôn.</p> <p>2.Thế nào là bạo hành gia đình? Nêu các loại</p>  |

|   |    |  |  |  |
|---|----|--|--|--|
|   |    |  |  | <p>bao lực gia đình.</p> <p>3.Liên hệ thực tế ở địa phương, hãy nêu các hiện trạng ly hôn và các ảnh hưởng của ly hôn? Phân tích nguyên nhân và hướng khắc phục?</p> <p>4.Liên hệ thực tế ở địa phương, hãy nêu các hiện trạng bạo hành gia đình, hậu quả của nó? Phân tích nguyên nhân và hướng khắc phục?</p> <p>- Giấy A0<br/>- Bút lông<br/>- Báo cáo</p>  |
| <p>8.Tương lai của gia đình và giải pháp để củng cố gia đình hiện đại.</p> <p>8.1. Hôn nhân và gia đình trong tương lai</p> <p>8.1.1. Tuổi kết hôn và phương thức lấy vợ lấy chồng</p> <p>8.1.2. Quan niệm về sinh con và các kiểu sinh</p> <p>8.1.3. Các kiểu hôn nhân và quan hệ hôn nhân</p> <p>8.1.4. Cấu trúc gia đình và chức năng của gia đình</p> <p>8.1.5. Gia đình giải thể và tổ chức lại</p> <p>8.2. Giải pháp để củng cố, phát triển gia đình hiện đại</p> | 06 | <p>4.1.3; 4.1.4<br/>4.1.5; 4.1.6<br/>4.1.7; 4.1.8<br/>4.2.1;4.2.2<br/>4.2.3; 4.2.4<br/>4.2.5; 4.2.6<br/>4.3.1;4.3.2;<br/>4.3.3;4.3.4</p> | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>-Thảo luận nhóm, báo cáo.</p> <p>-Sử dụng máy chiếu, bảng.</p> | <p>-Đọc [1, 73-89], [2, 131-153], thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1.Nhận định về tuổi kết hôn và phương thức lấy vợ lấy chồng cũng như quan niệm sinh con và các kiểu sinh trong tương lai.</p> <p>2.Phân tích cấu trúc và chức năng của gia đình trong tương lai.</p> <p>3.Liên hệ thực tế, hãy nhận định và phân tích xu hướng biến đổi gia đình Việt Nam trong tương lai?</p> <p>- Giấy A0<br/>- Bút lông<br/>- Báo cáo</p> |

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất | Nhà xuất | Địa chỉ khai | Mục đích sử dụng |
|-----|-------------|--------------|----------|----------|--------------|------------------|
|     |             |              |          |          |              |                  |

|    |  |  | bản  | bản                 | thác tài<br>liệu | Tài<br>liệu<br>chính | Tham<br>khảo |
|----|--|--|------|---------------------|------------------|----------------------|--------------|
| 01 | Hà Văn Tác                                   | Gia đình học   | 2006 | ĐHMở-<br>TP.HCM     | Thư<br>viện      | x                    |              |
| 02 | Mai Huy Bích                                 | Giáo trình Xã hội<br>học gia đình                                    | 2009 | ĐHQG<br>HN          | GV               | x                    |              |
| 03 | Vũ Quang<br>Hà                               | Tương lai gia<br>đình  | 2002 | ĐHQG<br>HN          | GV               |                      | x            |
| 04 | PGS.TS.<br>Đặng Cảnh<br>Khanh (biên<br>soạn) | Gia đình, trẻ em<br>và sự kế thừa các<br>giá trị truyền<br>thống     | 2003 | LĐ-XH               | GV               |                      | x            |
| 05 | TS Vũ Tuấn<br>Huy                            | Mâu thuẫn vợ<br>chồng trong gia<br>đình và những<br>yếu tố ảnh hưởng | 2003 | KHXH                | GV               |                      | x            |
| 06 | Nguyễn Thị<br>Hồng Nga                       | Giáo trình Gia<br>đình học   | 2009 | LĐ_XH               | Thư<br>viện      |                      | x            |
| 07 | Huỳnh Minh<br>Hiền                           | Tài liệu hướng<br>dẫn học tập Công<br>tác xã hội gia<br>đình         | 2013 | ĐH Mở<br>TP.<br>HCM | GV               |                      | x            |

### 7. Quy định đối với sinh viên:

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 5.

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần<br>đánh<br>giá | Hình thức<br>Đánh giá          | Nội dung được đánh giá<br>(Chương/Chủ đề)   | Chuẩn đầu ra  | Trọng<br>số |
|--------------------|--------------------------------|---|---|-------------|
| 1                  | Điểm<br>chuyên cần             | Tham dự lớp đầy đủ<br>(45/45);<br>Tích cực thảo luận nhóm,<br>phát biểu ý kiến, quan<br>điểm. | 4.3   | 0.1         |
| 2                  | Báo cáo<br>nhóm;<br>Tiểu luận. | Chương 5; 6; 7  | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.1.6; 4.1.7<br>4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.2.4;<br>4.2.5; 4.2.6 | 0.1         |
| 3                  | Điểm kiểm<br>tra giữa kỳ       | Chủ đề 1; 2; 3; 4; 5  | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.1.6; 4.1.7<br>4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.2.4;                 | 0.2         |

|   |                                  |                               |  |     |
|---|----------------------------------|-------------------------------|--|-----|
|   |                                  |                               | 4.2.5; 4.2.6   |     |
| 4 | Điểm thi<br>kết thúc<br>học phần | Chủ đề 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8 | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.1.6; 4.1.7; 4.1.8<br>4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.2.4;<br>4.2.5; 4.2.6 | 0.6 |

*Đồng Tháp, ngày 17 tháng 8 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**TS. Nguyễn Thị Song Thương**

**ThS. Trần Kim Ngọc**

**Trần Kim Ngọc**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Khoa: Văn hóa – Du lịch

Bộ môn: CTXH

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu xã hội

Mã lớp học phần: SO4008

Số tín chỉ: 03

Số tiết tín chỉ: 45/0/90

Học phần điều kiện: Học song song với học phần Phần mềm xử lý SPSS

Học kỳ: 2

Năm học:

### 2. Thông tin về giảng viên:

#### 2.1. Giảng viên 1:

Họ và tên: Trần Kim Ngọc

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0983 605 208

Email: kimngoc208@gmail.com

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

#### 2.2. Giảng viên 2:

Họ và tên: Kiều Văn Tu

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

sĩ

Điện thoại: 0982103342

Email: [kieuvantu@gmail.com](mailto:kieuvantu@gmail.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt / Tổng quan về học phần

Học phần giới thiệu về đặc điểm và các loại hình nghiên cứu xã hội, hướng dẫn các bước đi trong nghiên cứu xã hội, cách chọn mẫu nghiên cứu, các kỹ thuật xây dựng bản câu hỏi, kỹ thuật phỏng vấn sâu, kỹ thuật thảo luận nhóm, kỹ thuật quan sát, kỹ thuật nghiên cứu tư liệu. Thông qua đó người học thực hiện được việc lựa chọn đề tài nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu và tiến hành nghiên cứu các vấn đề xã hội mình quan tâm.

### 4. Mục tiêu học phần / Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức:

4.1.1. Biết được các loại hình nghiên cứu chính yếu như: nghiên cứu định lượng, nghiên cứu định tính, nghiên cứu tư liệu.

4.1.2. Biết rõ các bước đi, phương pháp, các công cụ và kỹ thuật để thực hiện một nghiên cứu xã hội

#### 4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Vận dụng được những phương pháp, kỹ thuật và công cụ trong nghiên cứu vào nghiên cứu các vấn đề xã hội cụ thể.

4.2.2. Lựa chọn phương pháp nghiên cứu cho từng vấn đề xã hội cụ thể, biết chọn mẫu nghiên cứu, thiết kế bảng câu hỏi với từng đề tài nghiên cứu cụ thể, xử lý thông tin thu thập và viết báo cáo khoa học cho đề tài nghiên cứu.

#### 4.2.3. Thực hành nghiên cứu khoa học

#### 4.3. Thái độ:

4.3.1. Nhận thức được lợi ích của việc nghiên cứu khoa học

4.3.2. Có cách nhìn sâu, rộng về các vấn đề xã hội, hướng đến việc tìm kiếm nguyên nhân và cách giải quyết thông qua quá trình nghiên cứu khoa học

#### 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

##### 5.1. Lý thuyết

| Chương/ Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra   | Phương pháp dạy – học  | Chuẩn bị của sinh viên  |
|---|---------|--|--|---|
| 1.Nghiên cứu xã hội: đặc điểm và loại hình<br>1.1.Tính chất và đặc điểm của nghiên cứu xã hội<br>1.2.Các loại hình nghiên cứu.<br>1.3.Những khía cạnh thực tế và đạo đức của nghiên cứu xã hội  | 02      | 4.1.1;<br>4.2.1;<br>4.3.1;<br>4.3.2                                | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo<br>- Sử dụng máy chiếu, bảng.          | Đọc [1, 15-34], [2, 7-24], [1, 5-25] sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:<br>1.Lựa chọn loại hình nghiên cứu phù hợp với đề tài nghiên cứu của nhóm đã chọn.<br>2.Chọn loại hình nghiên cứu phù hợp với đề tài nghiên cứu của cá nhân đã chọn                     |
| 2. Các bước đi trong nghiên cứu xã hội<br>2.1.Khái quát về các bước đi trong một cuộc nghiên cứu xã hội<br>2.2.Giai đoạn chuẩn bị<br>2.2.1. Xây dựng đề cương nghiên cứu<br>2.2.1.1. Xác định vấn đề nghiên cứu<br>2.2.1.2. Xác định mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu<br>2.2.1.3. Xác định đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu.<br>2.2.1.4. Từ vấn đề nghiên cứu đến câu hỏi nghiên cứu (nội dung nghiên cứu)<br>2.2.1.5. Tổng quan tình hình nghiên cứu<br>2.2.1.6. Xây dựng mô hình | 07      | 4.1.1;<br>4.1.2;<br>4.2.1;<br>4.2.2;<br>4.2.3;<br>4.3.1;<br>4.3.2. | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thực hành bài tập nhóm, báo cáo.<br>- Sử dụng máy chiếu, bảng. | Đọc [1, 35-61], [2, 25-43], [3, 26-57], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:<br>1.Sinh viên thiết kế được đề cương nghiên cứu cho đề tài nghiên cứu của nhóm đã chọn.<br>2.Sinh viên thiết kế được đề cương nghiên cứu cho đề tài nghiên cứu của cá nhân đã chọn. |

|   |    |   |   |   |
|---|----|---|---|---|
| <p>phân tích</p> <p>2.2.1.7. Thiết kế nghiên cứu</p> <p>2.2.2. Kế hoạch và tiến độ của cuộc nghiên cứu</p> <p>2.2.3. Dự trù kinh phí</p> <p>2.3. Giai đoạn tiến hành nghiên cứu</p> <p>2.4. Xử lý, phân tích thông tin và công bố kết quả nghiên cứu.</p>   |    |   |   |   |
| <p>3. Chọn mẫu</p> <p>3.1. Một số thuật ngữ liên quan đến chọn mẫu</p> <p>3.2. Các loại mẫu</p> <p>3.2.1. Các loại mẫu xác suất</p> <p>3.2.2. Các loại mẫu phi xác suất</p> <p>3.3. Qui mô mẫu</p> <p>3.4. Nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính với việc chọn mẫu</p>  | 04 | <p>4.1.1;</p> <p>4.1.2;</p> <p>4.2.1;</p> <p>4.2.2;</p> <p>4.2.3;</p> <p>4.3.1;</p> <p>4.3.2.</p> | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>-Thực hành bài tập nhóm, báo cáo.</p> <p>- Sử dụng máy chiếu, bảng.</p> | <p>Đọc [1, 62-75], [2, 44-57], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1.Sinh viên biết được các bước chọn mẫu và tiến hành chọn mẫu cho một đề tài nghiên cứu nhóm đã chọn.</p> <p>2.Sinh viên tiến hành chọn mẫu cho một đề tài nghiên cứu cá nhân đã chọn.</p> |
| <p>4. Kỹ thuật xây dựng bản hỏi</p> <p>4.1. Xác định biến số và thang đo</p> <p>4.2. Chọn các loại hình bản hỏi thích hợp</p> <p>4.3. Bộ cục của bản hỏi</p> <p>4.4. Các dạng câu hỏi</p> <p>4.5. Những nguyên tắc cơ bản khi xây dựng bản hỏi</p> <p>4.6. Những điểm cần lưu ý khi xây dựng bản hỏi</p> <p>4.7. Hình thức của câu trả lời</p> <p>4.8. Tiếp xúc với người trả lời</p> | 12 | <p>4.1.1;</p> <p>4.1.2;</p> <p>4.2.1;</p> <p>4.2.2;</p> <p>4.2.3;</p> <p>4.3.1;</p> <p>4.3.2.</p> | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>-Thực hành bài tập nhóm, báo cáo.</p> <p>-Sử dụng máy chiếu, bảng.</p>  | <p>Đọc [1, 76-116], [2, 58-74], [3, 58-78], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1.Sinh viên tự thiết kế bản câu hỏi cho một đề tài nghiên cứu mà nhóm đã chọn</p> <p>2.Sinh viên tự thiết kế bản câu hỏi cho một đề tài nghiên cứu mà cá nhân đã chọn</p>     |
| <p><b>5. Phỏng vấn sâu</b></p> <p>5.1. Phỏng vấn sâu là gì?</p> <p>5.2. Các loại phỏng vấn sâu</p> <p>5.3. Kỹ thuật phỏng vấn sâu</p> <p>5.4. Phân tích kết quả</p>   | 08 | <p>4.1.1;</p> <p>4.1.2;</p> <p>4.2.1;</p> <p>4.2.2;</p> <p>4.2.3;</p> <p>4.3.1;</p> <p>4.3.2.</p> | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>-Thực hành bài tập nhóm, báo cáo.</p> <p>-Sử dụng máy chiếu,</p>        | <p>Đọc [1, 117-158], [2, 75-95], [3, 58-78], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1.Sinh viên thiết kế bản phỏng vấn sâu và tiến hành phỏng vấn sâu thử cho đề tài nghiên cứu mà</p>   |

|  |    |  |   |   |
|--|----|--|---|---|
|  |    |  | bảng.   | nhóm đã chọn.<br>2.Sinh viên thiết kế bản phỏng vấn sâu và tiến hành phỏng vấn sâu thử cho đề tài nghiên cứu mà cá nhân đã chọn.  |
| 6.Thảo luận nhóm<br>6.1. Thảo luận nhóm tập trung là gì?<br>6.2. Các bước chuẩn bị<br>6.3. Thực hiện thảo luận nhóm<br>6.4. Phương pháp điều hành thảo luận nhóm<br>6.5. Người điều hành thảo luận nhóm<br>6.6. Xử lý và phân tích kết quả thảo luận nhóm            | 06 | 4.1.1;<br>4.1.2;<br>4.2.1;<br>4.2.2;<br>4.2.3;<br>4.3.1;<br>4.3.2. | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thực hành bài tập nhóm, báo cáo.<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng. | Đọc [3, 58-78], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:<br>Sinh viên thiết kế các tiêu chí thảo luận nhóm và tiến hành thảo luận nhóm thử với đề tài nghiên cứu đã chọn  |
| 7. Phương pháp quan sát<br>7.1. Quan sát là gì?<br>7.1.1. Định nghĩa<br>7.1.2. Khi nào sử dụng quan sát<br>7.1.3. Điểm mạnh và điểm yếu<br>7.2. Các hình thức quan sát<br>7.2.1. Quan sát có tham gia<br>7.2.2. Quan sát phi cấu trúc<br>7.2.3. Quan sát có cấu trúc | 04 | 4.1.1;<br>4.1.2;<br>4.2.1;<br>4.2.2;<br>4.2.3;<br>4.3.1;<br>4.3.2. | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thực hành bài tập nhóm, báo cáo.<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng. | Đọc [1, 159-177], [2, 96-110], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:<br>Sinh viên thiết kế kế hoạch quan sát với đề tài nghiên cứu nhóm đã chọn  |
| 8.Ưu điểm và hạn chế. So sánh phương pháp định tính và định lượng<br>8.1. Ưu điểm và hạn chế của phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng.<br>8.2. So sánh phương pháp định tính và định lượng   | 02 | 4.1.1;<br>4.1.2;<br>4.2.1;<br>4.2.2;<br>4.2.3;<br>4.3.1;<br>4.3.2. | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thực hành bài tập nhóm, báo cáo.<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng. | Đọc [1, 62-75], [1, 234-264], [2, 142-162], [3, 79-98], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:<br>1.Sinh viên lựa chọn phương pháp thu thập thông tin phù hợp với đề tài nghiên cứu mà nhóm đã chọn.<br>2.Sinh viên lựa chọn phương pháp thu thập thông tin phù hợp với đề tài nghiên cứu mà cá nhân đã chọn.<br>3.Viết báo cáo nghiên cứu cho đề tài nghiên cứu nhóm đã chọn<br>4.Viết báo cáo |



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  | nghiên cứu cho đề tài nghiên cứu cá nhân đã chọn |
|--|--|--|--|--|

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả                       | Tên tài liệu   | Năm xuất bản | Nhà xuất bản             | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|-----------------------------------|--|--------------|--------------------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                                   |  |              |                          |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 01  | Trần Kim Ngọc                     | Bài giảng Phương pháp nghiên cứu khoa học (giảng dạy cho sinh viên nghiên cứu khoa học ngành CTXH) | 2013         | Lưu hành nội bộ          | Tủ sách CTXH Thư viện      | x                |           |
| 02  | Nguyễn Xuân Nghĩa                 | Phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội  | 2006         | ĐH Mở - Bán công Tp.HCM. | Tủ sách CTXH               | x                |           |
| 03  | Nguyễn Xuân Nghĩa                 | Tài liệu hướng dẫn học tập Phương pháp nghiên cứu Xã hội học                                       | 2006         | ĐH Mở - Bán công Tp.HCM  | Tủ sách CTXH               | x                |           |
| 04  | Vũ Cao Đàm                        | Phương pháp luận Nghiên cứu khoa học   | 2005         | Khoa học và Kỹ thuật     | Tủ sách CTXH               |                  | x         |
| 05  | Phạm Văn Quyết – Nguyễn Quý Thanh | Phương pháp nghiên cứu xã hội học  | 2001         | ĐHQG-HN                  | Tủ sách CTXH               |                  | x         |
| 06  | Therese Baker                     | Thực hành nghiên cứu xã hội (bản dịch)   | 1998         | Chính trị Hà Nội         | Tủ sách CTXH               |                  | x         |

## 7. Quy định đối với sinh viên:

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 5.

## 8. Đánh giá kết quả học tập

| <b>Lần đánh giá</b> | <b>Hình thức Đánh giá</b> | <b>Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)</b>  | <b>Chuẩn đầu ra</b>            | <b>Trọng số</b> |
|---------------------|---------------------------|--|--------------------------------|-----------------|
| 1                   | Điểm chuyên cần           | Tham dự lớp đầy đủ (45/45);<br>Tích cực thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến, quan điểm. | 4.3                            | 0.1             |
| 2                   | Báo cáo nhóm (giữa kỳ)    | Chương 1; 2; 3;  | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.2.1; 4.2.2; | 0.3             |
| 4                   | Báo cáo nhóm (cuối kỳ)    | Chương 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7;  | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.2.1; 4.2.2; | 0.6             |

*Đông Tháp, ngày 17 tháng 8 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**TS. Nguyễn Thị Song Thương**

**ThS. Trần Kim Ngọc**

**Trần Kim Ngọc**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Khoa Văn hóa – Du lịch

Bộ môn Công tác xã hội

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: HÀNH VI CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

Mã lớp học phần:

Số tín chỉ: 2

Số tiết tín chỉ: 30

Học phần điều kiện:

Học kỳ:

Năm học:

### 2. Thông tin về giảng viên:

Họ và tên KIỀU VĂN TU

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0982013342

Email: [kvту@dthu.edu.vn](mailto:kvту@dthu.edu.vn)

Đơn vị: Khoa Văn hóa du lịch

Họ và tên: Dương Văn Khánh

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0936780877

Email: [dvkhanh@dthu.edu.vn](mailto:dvkhanh@dthu.edu.vn)

Đơn vị công tác: Khoa Văn hóa du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần

Cung cấp những kiến thức cơ bản về HVCN và MTXH (các khái niệm hành vi, hành vi con người, môi trường, môi trường xã hội). Đề cập đến một số khái niệm liên quan như: hệ thống, sinh thái, sơ đồ sinh thái, cùng các mối quan hệ, tương tác của nó với hành vi con người. Hành vi lệch chuẩn và những hành vi lệch chuẩn phổ biến.

### 4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức

4.1.1 Trình bày được các kiến thức cơ bản về HVCN và MTXH (các khái niệm hành vi, hành vi con người, môi trường, môi trường xã hội).

4.1.2 Vận dụng một số khái niệm liên quan như: hệ thống, sinh thái, sơ đồ sinh thái, cùng các mối quan hệ, tương tác của nó với hành vi con người.

#### 4.2. Kỹ năng

4.2.1 Tiếp cận và hỗ trợ cá nhân, nhóm, gia đình một cách hiệu quả.

#### 4.2.2 Vận động các nguồn lực để hỗ trợ các thân chủ

### 4.3. Thái độ

Đánh giá đầy đủ các hành vi cá nhân dựa trên các quan điểm, các lý thuyết hành vi một cách khoa học.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra                   | Phương pháp dạy – học             | Chuẩn bị của sinh viên   |
|--|---------|--------------------------------|-----------------------------------|--|
| Chương 1: Những vấn đề chung về hành vi con người và môi trường xã hội<br>Hành vi con người<br>Khái niệm hành vi con người<br>Phân loại hành vi<br>Lịch sử phát triển của ngành nghiên cứu hành vi<br>Môi trường xã hội<br>Khái niệm môi trường<br>Phân loại môi trường<br>Khái niệm về môi trường xã hội<br>Hệ thống  | 8       | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.3 | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1, từ trang 6 đến trang 20                             |
| Chương 2: Một số nghiên cứu hành vi con người và môi trường xã hội<br>Phân biệt 2 khái niệm<br>Hành vi (behavior)<br>Hoạt động của tâm trí (mental process)<br>Lý thuyết nghiên cứu hành vi từ cuối thế kỷ 19 đến cuối thế kỷ 20<br>Xung đột về lý luận và phương pháp nghiên cứu<br>Một số lý thuyết khác nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến hành vi con người<br>Thuyết phân tâm của S.Freud (Psychodynamic)<br>Thuyết về phát triển nhận thức<br>Thuyết phát triển tâm lý xã hội (Psychodynamic Development)<br>E.Erikson<br>Thuyết tâm lý nhân văn Abraham Maslow<br>Thuyết quan hệ cá nhân – xã hội | 6       | 4.2.1<br>4.2.2<br>4.3          | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 20 đến trang 40, tham khảo tài liệu số 2-4, |

|   |           |   |   |  |
|---|-----------|---|---|--|
| của Harry Starr Sullivan<br>Thuyết tương tác biểu trưng<br>Thuyết trao đổi và lựa chọn hợp lý<br>Lý thuyết gắn bó của Bowlby<br>Bài tập: Làm việc nhóm<br>Mỗi nhóm ít nhất 5 sinh viên,<br>chọn 1 trong các lý thuyết để phân tích và chứng minh các khía cạnh mà nhóm hiểu được.<br>Mỗi nhóm có 30 phút trình bày bằng power point, 15 phút cho các nhóm đặt câu hỏi |           |   |   |  |
| Chương 3: Mối quan hệ giữa hành vi con người và môi trường xã hội<br>Các giai đoạn phát triển của con người và sự tác động của môi trường xã hội đến hành vi của con người<br>Vai trò văn hóa trong môi trường xã hội và hành vi con người<br>Vai trò công tác xã hội với những vấn đề trong gia đình và xã hội   | <b>6</b>  | 4.2.1<br>4.2.2<br>4.3                   | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm                 | SV nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 40 đến trang 60, tham khảo tài liệu số 2-4,   |
| Chương 4 Các lý thuyết về nhân cách   | <b>4</b>  | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3 | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm                 | SV nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 60 đến trang 70, tham khảo tài liệu số 2-4,   |
| Chương 5 Hành vi lệch chuẩn   | <b>4</b>  | 4.2.1<br>4.2.2<br>4.3                   | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm                 | SV nghiên cứu tài liệu số 1 từ trang 70 đến trang cuối, tham khảo tài liệu số 5-8, Nghiên cứu các trường hợp, tình huống trong thực tế |
| Bài Tập và Ôn tập   | <b>2</b>  | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3 | Bài tập cá nhân và bài tập nhóm<br>Thảo luận nhóm | Sinh viên làm các bài tập  |
| <b>Tổng</b>   | <b>30</b> |   |   |  |

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm | Nhà xuất | Địa chỉ | Mục đích |
|-----|-------------|--------------|-----|----------|---------|----------|
|-----|-------------|--------------|-----|----------|---------|----------|

|   |                        |   | xuất bản | bản                       | khai thác tài liệu | sử dụng        |           |
|---|------------------------|---|----------|---------------------------|--------------------|----------------|-----------|
|   |                        |   |          |                           |                    | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | Phạm Thị Thu Thảo      | <i>Bài giảng Hành vi con người và môi trường xã hội,</i>                        | 2013     | Tài liệu Lưu Hành nội bộ  | Thư viện           | x              |           |
| 2 | Đại học Fordham Hoa Kỳ | Tài liệu tập huấn Hành vi con người và môi trường xã hội,                       | 1997     | Đại học Mở bán công TpHCM | Thư viện           |                | x         |
| 3 | Lê Văn Phú             | Nhập môn công tác xã hội  | 2005     | NXB ĐH Quốc gia           | Thư viện           |                | x         |
| 4 | Phạm Minh Hằng         | Nhập môn Tâm lý học –   | 2005     | NXB Giáo dục              | Thư viện           |                | x         |
| 5 | Đặng Phương Kiệt       | Cơ sở Tam lý học ứng dụng   | 2001     | NXB Đại học Quốc gia      | Thư viện           |                | x         |
| 6 | Patricia H.Miler       | Các lý thuyết về tâm lý học phát triển  | 2003     | NXB Văn hóa Thông tin     | Thư viện           |                | x         |
| 7 | Stephen Sheldon Colvin | Human Behavior – A fist book in psychology for teachers                         | 2006     | Great Courses             | Phòng đọc BM       |                | x         |
| 8 | Stewart Paton          | Human behavior in relation to study of educational social, and ethical problem. | 2003     | Great Courses             | Phòng đọc BM       |                | x         |

### 7. Quy định đối với sinh viên

Không được vắng học quá 20% số giờ, nếu vi phạm sẽ bị cấm thi

Thưởng điểm những sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các hoạt động thực hành chuyên môn, hoạt động tự nguyện tại cộng đồng có hiệu quả (được cộng điểm hệ số từ 0.1 đến 0.4)

Trừ điểm những sinh viên có những hành vi vi phạm các qui định của Nhà trường, vi phạm đạo đức với giảng viên và sinh viên trong lớp học và tại các cơ sở thực hành liên quan đến nội dung môn học; không làm các bài tập của giảng viên yêu cầu (trừ điểm hệ số từ 0.1 đến 0.4)

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề) | Chuẩn đầu ra | Trọng số |
|--------------|--------------------|--|--------------|----------|
|--------------|--------------------|--|--------------|----------|

|   |                      |  |   |     |
|---|----------------------|--|---|-----|
| 1 | Kiểm tra             | Hành vi lệch chuẩn                           | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3 | 0,2 |
| 2 | Điểm danh            | Chuyên cần, đạo đức, ý thức tham gia học tập | 4.3                                     | 0.1 |
| 3 | Thảo luận nhóm       | Chương 2,3                                   | 4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3          | 0.1 |
| 4 | Thi kết thúc môn học | Chương 2,3,4,5                               | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3 | 0.6 |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Kiều Văn Tu**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Khoa Văn hóa – Du lịch

Bộ môn Công tác xã hội

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TRẺ EM

Mã lớp học phần:

Số tín chỉ: 2

Số tiết tín chỉ: 30

Học phần điều kiện:

Học kỳ:

Năm học:

### 2. Thông tin về giảng viên:

-Họ và tên KIỀU VĂN TU

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0982013342

Email: [kvту@dthu.edu.vn](mailto:kvту@dthu.edu.vn)

Đơn vị: Khoa Văn hóa du lịch

-Họ và tên: Trần Văn Luận

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0947272224

Email: [tvluan@dthu.edu.vn](mailto:tvluan@dthu.edu.vn)

Đơn vị công tác: Phòng Thanh tra pháp chế

### 3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần

Công tác xã hội với trẻ em là một bộ phận trong ngành công tác xã hội chuyên nghiệp. Nó được hình thành trong bối cảnh mạng lưới phát triển của hệ thống an sinh xã hội nói chung và an sinh nhi đồng và gia đình nói riêng.

Môn học này sẽ cung ứng một số hướng dẫn về lý thuyết và thực hành để nhân viên xã hội có được ý nghĩa rõ ràng về :

Nhân viên xã hội cần biết gì trước khi làm việc với trẻ em.

Nhân viên xã hội cần biết gì trước khi làm việc với đứa trẻ đặc biệt trong những hoàn cảnh đặc biệt này.

Nhân viên xã hội và trẻ có thể cùng làm gì với nhau.

Làm thế nào để trở thành người làm việc tốt hơn với trẻ.

### 4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức

4.1.1 Làm rõ những vấn đề tổng quan của công tác xã hội với trẻ em như hiểu biết về sự phát triển tâm lý của trẻ, các nguyên tắc hành động trong CTXH với trẻ em.

4.1.2 Hiểu rõ tiến trình giải quyết vấn đề, các kỹ năng cần có trong thực hành.

#### 4.2. Kỹ năng



4.2.1 Phân tích vấn đề từng trường hợp của công tác xã hội với trẻ em.

4.2.2 Đánh giá vấn đề đối với từng trường hợp của công tác xã hội với trẻ em.

### 4.3. Thái độ

4.3.1 Tự tin ứng dụng kiến thức đã học để thực hành những trường hợp cụ thể

4.3.2 Giúp đỡ các đối tượng trẻ em có hoàn cảnh trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra                                       | Phương pháp dạy – học             | Chuẩn bị của sinh viên  |
|---|---------|--|-----------------------------------|---|
| <p>Chương 1 BẢO VỆ TRẺ EM – DỊCH VỤ BẢO VỆ TRẺ EM</p> <p>I. Bảo vệ trẻ em</p> <p>II. Công tác bảo vệ trẻ em</p> <p>III. Dịch vụ bảo vệ trẻ em</p>   | 5       | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.2<br>4.3.2                   | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1, chương 1,2; tham khảo tài liệu số 2-4          |
| <p>Chương 2 CÔNG TÁC XÃ HỘI TRẺ EM</p> <p>I. Công tác xã hội với trẻ em</p> <p>II. Tiến trình công tác xã hội với trẻ em</p>  | 5       | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.3.1                   | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 2,3; tham khảo tài liệu số 2-4, Kiểm tra |
| <p>Chương 3 QUY TRÌNH CAN THIỆP, TRỢ GIÚP TRẺ EM TRONG TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP</p> <p>I. Trẻ em trong tình trạng khẩn cấp</p> <p>II. Nhu cầu can thiệp, trợ giúp đối với nhóm trẻ em trong tình trạng khẩn cấp</p> <p>III. Quy trình can thiệp, trợ giúp trẻ em trong tình trạng khẩn cấp</p> | 5       | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 3,4; tham khảo tài liệu số 2-4,          |
| <p>Chương 4 TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT</p>  | 5       | 4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2                            | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 4,5; tham khảo tài liệu số 2-4,          |

|  |           |  |   |   |
|--|-----------|--|---|---|
| Chương 5 CHĂM SÓC TRẺ EM<br>I. Khái niệm chăm sóc trẻ em<br>II. Quan điểm và một số giải pháp chiến lược về chăm sóc trẻ em trong tình hình mới<br>III. Chăm sóc trẻ em trong một số trường hợp cơ bản | 5         | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm                 | SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 5,6; tham khảo tài liệu số 5-7,<br>Nghiên cứu các trường hợp, tình huống trong thực tế                                     |
| Chương 6 MỘT SỐ KỸ NĂNG THÚC ĐẨY SỰ THAM GIA CỦA TRẺ EM VÀO CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI   | 5         | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3.1<br>4.3.2 | Bài tập cá nhân và bài tập nhóm<br>Thảo luận nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 5,6; tham khảo tài liệu số 5-7,<br>Nghiên cứu các trường hợp, tình huống trong thực tế<br>Sinh viên làm các bài tập Ôn tập |
| <b>Tổng</b>  | <b>30</b> |  |   |   |

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả | Tên tài liệu               | Năm xuất bản | Nhà xuất bản                                       | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|-------------|----------------------------|--------------|--|----------------------------|------------------|-----------|
|     |             |                            |              |  |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Kiều Văn Tu | Bài giảng CTXH với trẻ em. | 2015         | Trường Đại học Đồng Tháp. Tài liệu Lưu Hành nội bộ | Thư viện                   | x                |           |

|   |                              |  |      |                             |              |  |          |
|---|------------------------------|--|------|-----------------------------|--------------|--|----------|
| 2 | Nguyễn Ngọc Lâm              | Công tác xã hội với trẻ em và gia đình.  | 2005 | Đại học Mở bán công TpHCM   | Thư viện     |  | <b>x</b> |
| 3 | Dự án Cầu Vòng               | Công tác xã hội với trẻ em bị nhiễm HIV. | 2012 | Dự án Cầu Vòng, Tổ chức WWO | Thư viện     |  | <b>x</b> |
| 4 | Lê Văn Phú                   | Công tác xã hội                          | 2007 | NXB Đại học Quốc gia        | Thư viện     |  | <b>x</b> |
| 5 | Trần Đình Tuấn.              | Công tác xã hội lý thuyết và thực hành   | 2010 | NXB Đại học Quốc gia        | Thư viện     |  | <b>x</b> |
| 6 | Nguyễn Thị Oanh,             | <i>Công tác xã hội đại cương,</i>        | 1998 | NXB Đại Học Mở – BC         | Thư viện     |  | <b>x</b> |
| 7 | Nguyễn Thị Nhẫn (dịch 2001). | Công tác xã hội với trẻ em.              | 2001 | Đại học Mở Bán công tp HCM. | Phòng đọc BM |  | <b>x</b> |
|   |                              |  |      |                             |              |  |          |

### 7. Quy định đối với sinh viên

Không được vắng học quá 20% số giờ, nếu vi phạm sẽ bị cấm thi

Thưởng điểm những sinh viên tham gia các hoạt động liên quan đến nội dung môn học như nghiên cứu khoa học, các hoạt động thực hành chuyên môn, hoạt động tự nguyện tại cộng đồng... có hiệu quả (được cộng điểm hệ số từ 0.1 đến 0.4)

Trừ điểm những sinh viên có những hành vi vi phạm các qui định của Nhà trường, vi phạm đạo đức với giảng viên và sinh viên trong lớp học và tại các cơ sở thực hành liên quan đến nội dung môn học; không làm các bài tập của giảng viên yêu cầu (trừ điểm hệ số từ 0.1 đến 0.4)

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)                               | Chuẩn đầu ra               | Trọng số |
|--------------|--------------------|--|----------------------------|----------|
| 1            | Kiểm tra           | Tiến trình công tác xã hội với trẻ em<br>Kỹ năng làm việc với trẻ em | 4.1.1;4.1.2<br>4.2.1;4.2.2 | 0,2      |

|   |                      |  |   |     |
|---|----------------------|--|---|-----|
|   |                      |  | 4.3.1;4.3.2                               |     |
| 2 | Điểm danh            | Chuyên cần, đạo đức, ý thức tham gia học tập | 4.3.1;4.3.2                               | 0.1 |
| 3 | Thảo luận nhóm       | Chương 2,3                                   | 4.1.1;4.1.2<br>4.2.1;4.2.2<br>4.3.1;4.3.2 | 0.1 |
| 4 | Thi kết thúc môn học | Chương 2,3,4,5,6                             | 4.1.1;4.1.2<br>4.2.1;4.2.2<br>4.3.1;4.3.2 | 0.6 |

*Đông Tháp, ngày      tháng      năm*

**TRƯỞNG KHOA**

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Kiều Văn Tu**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI**
  - Mã lớp học phần: SO4016N
  - Số tín chỉ: 3
  - Học phần điều kiện: Công tác xã hội nhập môn, Công tác xã hội cá nhân
  - Học kỳ: thu
- Số tiết tín chỉ: 450 (45/0/90)  
Năm học: 2019-2020

### 2. Thông tin về giảng viên

#### 2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Văn Luận
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: Phòng Thanh tra - Pháp chế
- Điện thoại: 0947272224
- Email: [Tranvanluan08@gmail.com](mailto:Tranvanluan08@gmail.com)

#### 2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Kiều Văn Tu
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: Khoa Văn hóa du lịch
- Điện thoại: 0982103342
- Email: Kvtu@dthu.edu.vn

### 3. Mô tả tóm tắt/tổng quan học phần

Học phần này cung cấp kiến thức cho người học về những vấn đề liên quan đến người cao tuổi. Nội dung học phần này gồm 5 chương, bao gồm những nội dung cơ bản như: khái niệm, đặc điểm tâm sinh lý của người cao tuổi, một số vấn đề liên quan đến người cao tuổi, kiến thức chung về CTXH làm việc với người cao tuổi, một số mô hình và các lĩnh vực CTXH với người cao tuổi, già hóa dân số và các chính sách pháp luật đối với người cao tuổi ở Việt Nam... Thông qua môn học sẽ cung cấp cho các em sinh viên những kiến thức, kỹ năng từ khái quát đến cụ thể, từ học thuật hàn lâm đến thực hành trong CTXH với người cao tuổi.

### 4. Mục tiêu học phần/chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức

Sau khi học xong môn học này sinh viên sẽ:

4.1.1. Nêu được các khái niệm cơ bản về người cao tuổi, khái niệm sự lão hóa ở người cao tuổi. Phân biệt được lão hóa thành công lão hóa thông thường và lão hóa bệnh lý.

4.1.2. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi đặc biệt là bệnh mất trí nhớ ở người cao tuổi.

- 4.1.3. Phân tích được những đặc điểm tâm lý cơ bản của người cao tuổi và đặc biệt các vấn đề liên quan đến trầm cảm và các liệu pháp điều trị trầm cảm ở người cao tuổi.
- 4.1.4. Đánh giá được những nhu cầu cơ bản của người cao tuổi để vận dụng trong quá trình làm việc với người cao tuổi.
- 4.1.5. Hiểu được các mối quan hệ của người cao tuổi và tầm quan trọng của người cao tuổi trong gia đình và ngoài xã hội.
- 4.1.6. Phân tích được nguyên nhân và thực trạng của vấn đề bạo hành ngược đãi ở người cao tuổi từ đó đưa ra giải pháp.
- 4.1.7. Vận dụng kiến thức công tác xã hội để thực hành đối với người cao tuổi
- 4.1.8. Trang bị những kiến thức cơ bản để sinh viên có thể làm việc với hệ thống hỗ trợ người cao tuổi.
- 4.1.9. Hiểu được một số mô hình công tác xã hội đối với người cao tuổi từ đó đề xuất những ý tưởng mô hình tại Việt Nam.
- 4.1.10. Phân tích được thực trạng già hóa dân số ở Việt Nam, hiểu những chính sách pháp luật về Người cao tuổi ở Việt Nam từ đó đưa ra các đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng an sinh xã hội cho người cao tuổi ở Việt Nam.

## **4.2. Kỹ năng**

- 4.2.1. Rèn luyện kỹ năng tư duy phân tích các vấn đề liên quan đến người cao tuổi.
- 4.2.2. Người học được trang bị kỹ năng giao tiếp và làm việc với người cao tuổi.
- 4.2.3. Rèn luyện những kỹ thuật cơ bản trong tiếp cận đánh giá giải quyết vấn đề đối với người cao tuổi

## **4.3. Thái độ**

- 4.3.1. Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học. Không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của bản thân trong việc tiếp cận nội dung và phương pháp học tập môn học cũng như tăng cường phương pháp làm việc nhóm.
- 4.3.2. Có thái độ đúng mực khi nhìn nhận về người cao tuổi, nhìn nhận vấn đề người cao tuổi như là một tất yếu của xã hội và người cao tuổi là đối tượng cần được quan tâm, hỗ trợ của cộng đồng, xã hội.

## **5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học**

| Chương/chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra            | Phương pháp dạy học             | Chuẩn bị của sinh viên   |
|---|---------|-------------------------|---------------------------------|--|
| <p><b>CHƯƠNG 1. KHÁI NIỆM VÀ CÁC ĐẶC ĐIỂM TÂM SINH LÝ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI</b></p> <p><b>1.1. Khái niệm về người cao tuổi</b></p> <p><b>1.2. Một số đặc điểm tâm sinh lý của người cao tuổi</b></p> <p>1.1.1. Đặc điểm sinh lý</p> <p>1.1.1.1. Sự lão hóa</p> <p>1.1.1.2. Những bệnh thường gặp ở người cao tuổi</p> <p>1.1.2. Đặc điểm tâm lý</p> <p>1.1.2.1. Một số thay đổi tâm lý của người cao tuổi</p> <p>1.1.2.2. Trầm cảm ở NCT</p> | 9       | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.1.3 | Thuyết trình;<br>Thảo luận nhóm | <p><b>- Đọc [1, tr9-26], [2, tr 2-3]</b></p> <p><b>Trả lời câu hỏi:</b></p> <p>+ Tại sao công tác xã hội nhìn nhận Người cao tuổi như đối tượng yếu thế của xã hội?</p> <p>+ Những bệnh thường gặp ở người cao tuổi?</p> <p>+ Phân biệt lão hóa thành công và lão hóa bệnh lý? Làm thế nào để lão hóa thành công ở người cao tuổi?</p> <p>+ Trường hợp bà Huyền; Trường hợp Jim và Path</p> <p><b>- Đọc [1, tr 27-32], [2, 17-26]</b></p> <p><b>Trả lời các câu hỏi:</b></p> <p>+ Nghỉ hưu có tác động như thế nào đến tâm lý người cao tuổi? tại sao?</p> <p>+ Nắm vững đặc điểm tâm lý của người cao tuổi có ý nghĩa như thế nào đối với nhân viên xã hội?</p> |
| <p><b>CHƯƠNG 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI CAO TUỔI</b></p> <p><b>2.1. Nhu cầu của người cao tuổi</b></p> <p><b>2.2. Các mối quan hệ của người cao tuổi</b></p> <p>2.2.1. Mối quan hệ giữa người cao tuổi và con cái</p> <p>2.2.2. Mối quan hệ giữa người cao tuổi với con cháu</p> <p>2.2.3. Mối quan hệ chị em, anh em và bạn bè</p>   | 9       | 4.1.4<br>4.1.5<br>4.1.6 | Thuyết trình;<br>Thảo luận nhóm | <p><b>- Đọc [1, tr 33-36], [2, tr28-32]</b></p> <p><b>Trả lời các câu hỏi:</b></p> <p>+ Những nhu cầu cơ bản của người cao tuổi trong cuộc sống. Theo anh/chị, nhu cầu nào là nhu cầu quan trọng nhất của người cao tuổi.</p> <p>+ Vai trò của người cao tuổi trong gia đình và xã hội được thể hiện như thế nào? Anh/chị hãy nêu các giải pháp để nâng</p>  |

|  |           |   |  |
|--|-----------|---|--|
| <p>2.2.4. Tình bạn già</p> <p><b>2.3. Vai trò của người cao tuổi</b></p> <p>2.3.1. Vai trò của người bà trong gia đình</p> <p>2.3.2. Vai trò của người ông trong gia đình</p> <p><b>2.4. Vấn đề bạo hành ngược đãi người cao tuổi</b></p> <p>2.4.1. Khái niệm về bạo hành người cao tuổi</p> <p>2.4.2. Những thay đổi dẫn đến người cao tuổi bị bạo hành</p> <p>2.4.3. Tại sao bạo lực gia đình là một vấn nạn</p> <p>2.4.4. Các loại bạo hành người cao tuổi</p> <p>2.4.5. Đẩy lùi bạo hành và bỏ bê người cao tuổi</p> |           |   | <p>cao vai trò của người cao tuổi trong gia đình và xã hội trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>+ Mỗi quan hệ của người cao tuổi với con cháu.</p> <p>- Đọc [2, tr36-38]</p> <p>Trả lời các câu hỏi:</p> <p>+ Câu hỏi thảo luận “Những yếu tố nào gây ngăn cản người chứng kiến trình báo hành vi bạo hành người cao tuổi? Làm thế nào để ngăn chặn có hiệu quả hành vi này để bảo vệ người cao tuổi?</p> <p>+ Quy trình trình báo khi phát hiện người cao tuổi bị bạo hành.</p>             |
| <p><b>CHƯƠNG 3. KIẾN THỨC CHUNG VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG LĨNH VỰC TRỢ GIÚP NGƯỜI CAO TUỔI</b></p> <p><b>3.1. Khái niệm công tác xã hội với người cao tuổi</b></p> <p><b>3.2. Vai trò của nhân viên xã hội</b></p> <p>3.2.1. Người tạo khả năng</p> <p>3.2.2. Người điều phối – kết nối dịch vụ</p> <p>3.2.3. Người giáo dục</p> <p>3.2.4. Người biện hộ</p> <p>3.2.5. Người tạo môi trường thuận lợi</p> <p>3.2.6. Người đánh giá và giám sát</p>  | <p>11</p> | <p>4.1.7</p> <p>4.1.8</p> <p>Thuyết trình;<br/>Thảo luận nhóm</p> | <p><b>- Đọc [1, tr73-74], [2, tr 39-44]</b></p> <p><b>Trả lời các câu hỏi:</b></p> <p>+ Phân tích vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trợ giúp người cao tuổi.</p> <p>+ Trường hợp bà Lê Vân, Ông T</p> <p><b>- Đọc [1, tr 110-131], [2, tr 50-66]</b></p> <p><b>Trả lời các câu hỏi:</b></p> <p>+ Theo anh chị những kỹ năng nào cần nhất cho nhân viên xã hội khi làm việc với người cao tuổi? tại sao?</p> <p>+ Theo anh chị những kỹ thuật nào cần nhất cho nhân viên xã</p> |



|  |  |              |  |  |
|--|--|--------------|--|--|
| <p><b>3.3. Làm việc với hệ thống hỗ trợ người cao tuổi</b></p> <p>3.3.1. Những người chăm sóc gia đình</p> <p>3.3.2. Hiểu và đối mặt với căng thẳng của người chăm sóc</p> <p>3.3.3. Các triệu chứng căng thẳng và kiệt sức của người chăm sóc</p> <p>3.3.4. Đối phó với sự căng thẳng và kiệt sức của người chăm sóc</p> <p><b>3.4. Chăm sóc giai đoạn cuối đời mất mát đau buồn và chết</b></p> <p>3.4.1. Sự đau buồn hay sự chết</p> <p>3.4.2. Nhận thức về cái chết</p> <p>3.4.3. Hỗ trợ cho gia quyến của người cao tuổi</p> <p>3.4.3.1. Trước cái chết</p> <p>3.4.3.2. Sau cái chết</p> <p><b>3.5. Một số kỹ năng áp dụng trong công tác xã hội với người cao tuổi</b></p> <p><b>3.6. Một số kỹ thuật áp dụng trong công tác xã hội với người cao tuổi</b></p> |  |              |  | <p>hội khi làm việc với người cao tuổi? tại sao?</p>   |
| <p><b>CHƯƠNG 4. MỘT SỐ MÔ HÌNH HỖ TRỢ VÀ CÁC LĨNH VỰC CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI</b></p> <p><b>4.1. Một số mô hình hỗ trợ người cao tuổi</b></p> <p>4.1.1. Kinh nghiệm quốc tế về chăm sóc người cao tuổi</p> <p>4.1.2. Một số mô hình hỗ trợ người cao tuổi ở Việt Nam</p>  |  | <p>4.1.9</p> | <p>Semina<br/>Nghiên cứu tài liệu<br/>Báo cáo nhóm</p> | <p><b>Đọc [2, tr 69-80], [1, tr140-147]</b></p> <p><b>Trả lời các câu hỏi:</b></p> <p>+ Hãy trình bày đặc điểm chính của các mô hình chăm sóc, trợ giúp người cao tuổi ở Việt Nam. Dưới góc độ của một người làm công tác xã hội, hãy đánh giá và đưa ra giải pháp để nâng cao</p> |

|  |   |        |  |
|--|---|--------|--|
| <p>4.1.2.1. Các mô hình Câu lạc bộ của người cao tuổi</p> <p>4.1.2.2. Các loại hình chăm sóc người cao tuổi</p> <p><b>4.2. Các lĩnh vực công tác xã hội đối với người cao tuổi</b></p> <p>4.2.1. Công tác xã hội với người cao tuổi tại nhà</p> <p>4.2.2. Công tác với người cao tuổi tại các cơ sở bảo trợ xã hội</p> <p><i>1.1.1.1 4.2.3. Công tác xã hội với người cao tuổi tại bệnh viện</i></p>   | 9 |        | <p>hiệu quả các mô hình đó.</p> <p>+ Theo anh/chị, những mô hình chăm sóc của các nước có những ưu và nhược điểm gì. Phân tích và đánh giá khả năng áp dụng mô hình đó tại Việt Nam.</p> <p>+ Trình bày các hoạt động chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại trung tâm bảo trợ xã hội và tại bệnh viện.</p> <p>+ Anh chị đánh giá như thế nào về các dịch vụ chăm sóc cho người cao tuổi hiện nay ở Việt Nam?</p>                    |
| <p><b>CHƯƠNG 5. GIÀ HÓA DÂN SỐ VÀ CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT, CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM</b></p> <p><b>5.1. Sự già hóa dân số</b></p> <p>5.1.1. Khái niệm già hóa dân số</p> <p>5.1.2. Thực trạng già hóa dân số trên thế giới</p> <p>5.1.3. Thực trạng già hóa dân số ở Việt Nam</p> <p>5.1.4. Những thách thức đối với Việt Nam khi dân số già hóa</p> <p>5.1.5. Cần làm gì khi dân số già</p> <p><b>5.2. Các văn bản pháp luật và chính sách liên quan đến người cao tuổi ở Việt Nam</b></p> | 7 | 4.1.10 | <p><b>Đọc [2, tr97-104]</b></p> <p><b>Trả lời các câu hỏi:</b></p> <p>+ Già hóa là gì? Thách thức khi dân số già?</p> <p>+ Ngay từ bây giờ chúng ta cần làm gì để đối phó với vấn đề già hóa dân số trong tương lai?</p> <p>+ Hãy trình bày những chính sách của Đảng và Nhà nước về người cao tuổi. Vai trò của những chính sách đó trong việc thực hành công tác xã hội với người cao tuổi?</p> <p>Ôn tập khái quát nội dung</p> |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả                        | Tên tài liệu  | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|------------------------------------|---|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                                    |   |              |              |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 01  | Nguyễn Thị Kim Hoa                 | Tài liệu CTXH trợ giúp người cao tuổi theo đề án 32 | 2012         | LĐ-XH        | Thư viện                   | x                |           |
| 02  | Trần Văn Luận                      | Bài giảng CTXH với người cao tuổi                   | 2018         |              | Giảng viên                 | x                |           |
| 03  | Trần Đình Tuấn                     | CTXH lý thuyết và thực hành                         | 2010         | ĐHQG HN      | Thư viện                   |                  | x         |
| 04  | Nguyễn Hồi Loan-Nguyễn Thị Kim Hoa | CTXH Đại cương                                      | 2015         | ĐHQG HN      | Thư viện                   |                  | x         |
| 05  | Phạm Thị Hải Lý                    | Bài giảng CTXH với người cao tuổi                   | 2012         | ĐH Quy Nhơn  | Giảng viên                 |                  | x         |
| 06  | Nguyễn Thế Huệ                     | Người cao tuổi và bạo lực gia đình                  | 2007         | Tư Pháp      | Giảng viên                 |                  | x         |

## 7. Quy định đối với sinh viên

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 5;

Sinh viên thực hiện nghiêm túc, hoặc không chấp hành tốt những nội quy tùy vào mức độ giảng viên có hình thức xử lý phù hợp (cộng hoặc trừ điểm chuyên cần theo quy định tại mục 8).

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá          | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)   | Chuẩn đầu ra                                | Trọng số |
|--------------|-----------------------------|--|---|----------|
| 1            | Điểm chuyên cần             | Tham dự lớp đầy đủ (45/45);<br>Tích cực thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến, quan điểm. | 4.3   | 0.1      |
| 2            | Điểm kiểm tra giữa kỳ       | Chương 1,2   | 4.1.1;4.1.2;<br>4.1.3;4.1.4;<br>4.1.5;4.1.6 | 0.1      |
| 3            | Báo cáo nhóm;<br>Tiểu luận. | Chương 3; 4,5  | 4.1.7;4.1.8<br>4.1.9; 4.1.10                | 0.2      |
| 4            | Điểm thi kết thúc học phần  | Chương 1; 2; 3; 4;5  | 4.1; 4.2                                    | 0.6      |

Đồng Tháp, ngày tháng 8 năm 2019

**P. TRƯỞNG KHOA**

**P.TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Trần Văn Luận**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Khoa: Văn hóa-Du lịch

Bộ môn: Công tác xã hội

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 11. Thông tin về học phần

Tên học phần: Thực hành công tác xã hội trong bệnh viện

Mã lớp học phần:

Số tín chỉ: 2

Số tiết tín chỉ: 30

Học phần điều kiện: Công tác xã hội bệnh viện, Sức khỏe tâm thần

Học kỳ:

Năm học:

### 12. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Đỗ Thị Thảo Chức danh, học vị: ThS- Giảng viên

Điện thoại: 0939212945 E-mail: lethanhthaonguyen88@yahoo.com

Đơn vị: Tổ Bộ môn Công tác xã hội- Khoa Văn hóa-Du lịch

### 13. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần

Thực hành công tác xã hội trong bệnh viện được chia là ba giai đoạn với những nhiệm vụ sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên và kiểm huấn viên cơ sở. Phần đầu, sinh viên được hướng dẫn yêu cầu thực hành cùng các kỹ năng, kiến thức cùng các công cụ phục vụ cho thực hành trực tiếp tại bệnh viện. Phần thứ hai, sinh viên trực tiếp thực hành các kỹ năng công tác xã hội vào giải quyết các vấn đề của bệnh nhân tại bệnh viện. Phần cuối cùng sinh viên phải hoàn thiện các báo cáo thực hành theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn và tham gia đánh giá, rút kinh nghiệm thực hành.

### 14. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức:

4.1.1. Sinh viên hiểu và vận dụng lý thuyết hành vi sức khỏe; lý thuyết về thay đổi hành vi sức khỏe.

4.1.2. Sinh viên áp dụng thực hành để giúp đỡ các cá nhân, gia đình và các nhóm bệnh nhân có tính chất đa dạng về giới tính, tuổi tác, dân tộc, khuynh hướng tình dục và tình trạng sức khỏe. trong các môi trường chăm sóc sức khỏe khác nhau (bệnh viện, trung tâm chăm sóc hô hấp, tại gia đình),

4.1.4. Thực hành đúng tiến trình, sử dụng các biểu mẫu thực hành trong đánh giá điểm yếu, điểm mạnh, nguồn lực, giải pháp giúp bệnh nhân được áp dụng chung với tất cả các nhóm bệnh nhân.

4.1.5. Sinh viên có hiểu tầm quan trọng của phương pháp đánh giá khi thực hành nghiệp vụ với các bệnh nhân, thân nhân và nhóm bệnh nhân có vấn đề như bệnh hiểm nghèo, mất người thân, khủng hoảng,... thông qua đón giúp bệnh nhân quản lý căng thẳng; giải quyết, can thiệp khủng hoảng tâm lý-xã hội cho bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân.

4.1.6. Sinh viên nâng cao hiểu biết kiến thức về tài nguyên cộng đồng, sử dụng tài nguyên cộng đồng trong tham vấn, hợp tác, vận động, giới thiệu và hỗ trợ khách hàng kết nối với tài nguyên cộng đồng.

4.1.7. Cung cấp cho sinh viên cơ hội thể hiện nhận thức về bản thân vì nó tác động đến thực tiễn nghề nghiệp và ra quyết định đạo đức thông qua việc áp dụng phương pháp tiếp cận điểm mạnh / khả năng phục hồi để phân tích vai trò của nhân viên xã hội.

## 4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Giao tiếp hiệu quả với bệnh nhân, thân nhân, nhóm liên ngành;

4.2.2. Sử dụng thành thạo các công cụ thu thập thông tin, đánh giá, xác định vấn đề, lập kế hoạch, ra quyết định cho người bệnh, thân nhân người bệnh..

## 4.3. Thái độ:

4.3.1. Chủ động trong học tập, nghiên cứu và thực hành;

4.3.2. Có nhu cầu cập nhật thường xuyên các kiến thức về nguồn tài nguyên cộng đồng để áp dụng thực hành nghề nghiệp nhanh nhạy, chuyên nghiệp, giúp bệnh nhân nhanh hơn.

# 15. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

## 15.1. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra   | Phương pháp dạy - học  | Chuẩn bị của sinh viên  |
|---|---------|--|--|---|
| <b>Phần 1.</b><br><b>HƯỚNG DẪN TRƯỚC KHI ĐI THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN</b><br><b>1.1. Hệ thống kiến thức, kỹ năng</b><br>1.1.1 Đặc trưng công tác xã hội bệnh viện<br>1.1.2. Tiến trình, vai trò | 5       | 4.1.1.<br>4.1.2.<br>4.1.3.<br>4.1.4.<br>4.1.5.<br>4.1.6.<br>4.1.7.<br>4.2.1.<br>4.2.2.<br>4.3.1.<br>4.3.2. | Thuyết giảng<br><br>Hỏi đáp-giải thích<br><br>Tình huống mẫu | <b>Đọc [1;1-68] trả lời các câu hỏi sau:</b><br>1. Lĩnh vực thực hành công tác xã hội bệnh viện (CTXHBV) trong bối cảnh Việt Nam có gì khác biệt với CTXHBV ở các nước phát triển.<br>2. Tình trạng mối quan hệ liên ngành trong cùng lĩnh vực thực |

|  |  |  |  |   |
|--|--|--|--|---|
| <p>nhân viên xã hội trong bệnh viện</p> <p>1.1.3. Các kỹ năng thực hành trong công tác xã hội bệnh viện.</p> <p>1.1.4 Các lý thuyết ứng dụng trong công tác xã hội bệnh viện</p> <p><b>1.2. Phổ biến kế hoạch thực hành</b></p> <p>1.2.1. Mục đích, yêu cầu</p> <p>1.2.2. Hình thức tổ chức thực hiện</p> <p>1.2.3. Thời gian, địa điểm</p> <p>1.2.4 Công tác chuẩn bị</p> <p><b>1.3. Hướng dẫn chuyên môn</b></p> <p>1.3.1. Hướng dẫn lập kế hoạch thực hành cá nhân</p> <p>1.3.2 Hướng dẫn triển khai kế hoạch thực hành</p> <p>1.3.3. Hướng dẫn viết nhật kí thực hành và báo cáo thực hành</p> <p>1.3.4. Giải đáp các thắc mắc của sinh viên</p> |  |  |  | <p>hành CTXH Trường học, Bệnh viện, Tư pháp, Thực thi chính sách xã hội, người cao tuổi, người nhiễm HIV, người bệnh tâm thần...trong bối cảnh Việt Nam.</p> <p>3. Vai trò của nhân viên công tác xã hội bệnh viện được hiểu như thế nào?</p> <p>4. Tham vấn là gì?</p> <p>5. Trình bày các phương pháp tiếp cận thân chủ trong tham vấn.</p> <p>6. Các bước cơ bản trong tiến trình công tác xã hội cá nhân và gia đình</p> <p>7. Các bước cơ bản trong tiến trình công tác xã hội nhóm.</p> <p>8. Đọc tình huống mẫu</p> <p>9. Quản lí ca mẫu</p> <p>10. Đọc mô hình công tác xã hội nhóm bối cảnh CTXH bệnh viện ở HongKong, Mỹ. Phác thảo ý tưởng áp dụng thí điểm mô hình công tác xã hội nhóm trong bệnh viện.</p> <p>11. Dự thảo kế hoạch thực hành công tác xã hội bệnh viện của sinh viên.</p> |
|--|--|--|--|---|

### 15.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có)

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy - học               | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-------------------------------------|------------------------|
| <b>Phần 2</b> | 30      | 4.1.1.       | Học và thực hành như nhân viên công | Đọc Luật Khám          |

|  |   |  |  |
|--|---|--|--|
| <p><b>THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TẠI BỆNH VIỆN</b></p> <p><b>2.1. Tiếp cận bệnh viện</b></p> <p>2.1.1. Tiếp xúc với lãnh đạo bệnh viện, lãnh đạo phòng công tác xã hội bệnh viện, trình giấy giới thiệu và xin phép được đến thực hành cũng như hướng dẫn thực hành.</p> <p>2.1.2. Liên hệ và thiết lập quan hệ với kiểm huấn viên là nhân viên công tác xã hội tại bệnh viện</p> <p>2.1.3. Lập kế hoạch thực hành công tác xã hội tại bệnh viện của chính sinh viên</p> <p><b>2.2. Nghiên cứu khái quát về bệnh viện</b></p> <p>2.2.1. Tìm hiểu đặc điểm, tình hình chung của bệnh viện có liên quan đến hoạt động công tác xã hội bệnh viện</p> <p>2.2.2. Thực trạng hoạt động công tác xã hội bệnh viện tại nơi sinh viên đến thực hành</p> <p><b>2.3. Thực hành công tác xã hội tại bệnh viện</b></p> <p>2.3.1. Theo sau, quan sát, ghi chép phương pháp, buổi làm việc của nhân viên công tác xã hội bệnh viện với bệnh nhân, và thân nhân bệnh nhân</p> <p>2.3.2. Viết báo cáo trường hợp từ những buổi quan sát, ghi chép buổi</p> | <p>4.1.2.</p> <p>4.1.3.</p> <p>4.1.4.</p> <p>4.1.5.</p> <p>4.1.6.</p> <p>4.1.7.</p> <p>4.2.1.</p> <p>4.2.2.</p> <p>4.3.1.</p> <p>4.3.2.</p> | <p>tác xã hội tập sự tại Phòng công tác xã hội bệnh viện</p> | <p>chữa bệnh</p> <p>Đọc luật BHYT</p> <p>Đọc cơ cấu chức năng của bệnh viện hạng I, hạng II, hạng III.</p> <p>Xin giấy giới thiệu sinh viên.</p> <p>Hoàn thiện kế hoạch thực hành chi tiết cá nhân của sinh viên theo hướng dẫn của giảng viên.</p> <p>In ấn các bảng công cụ đánh giá tâm sinh lí-xã hội của bệnh nhân.</p> <p>Hoàn thiện kế hoạch thực hành chi tiết cá nhân của sinh viên theo hướng dẫn của kiểm huấn viên</p> <p>In ấn các tài liệu liên quan khi được kiểm huấn viên chỉ dẫn.</p> <p>In ấn các biểu mẫu đánh giá tâm lí-xã hội của bệnh viện</p> <p>Thảo luận với Kiểm huấn viên về việc cần được theo quan sát toàn bộ quá trình NVCTXH giúp đỡ bệnh nhân, thân</p> |
|--|---|--|--|



|   |    |   |   |  |
|---|----|---|---|--|
| <p>làm việc của nhân viên công tác xã hội tại bệnh viện bao gồm:</p> <p>2.3.2.1. Thông tin, xác định vấn đề bệnh nhân (có sử dụng công cụ: bảng phân tích mặt mạnh, mặt yếu, sơ đồ phả hệ sơ đồ sinh thái, cây vấn đề) lựa chọn vấn đề ưu tiên.</p> <p>2.3.2.2. Kế hoạch giúp đỡ bệnh nhân mà nhân viên công tác xã hội bệnh viện đã lập và tổ chức thực hiện (theo tiến trình công tác xã hội cá nhân, nhóm)</p> <p>2.3.2.3. Hoạt động lượng giá, kết thúc ca nhân viên công tác xã hội bệnh viện đã tiến hành.</p> <p>2.3.3. Đánh giá của nhân viên công tác xã hội bệnh viện và giảng viên về việc quan sát, ghi nhận của sinh viên.</p> |    |   |   | <p>nhân bệnh nhân đó (ít nhất 2 trường hợp bệnh nhân được hỗ trợ từ phòng CTXHBV từ khâu tiếp nhận cho đến kết thúc ca.</p> <p>Tập luyện kỹ năng nói với bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân.</p> <p>Suy nghĩ cần phải làm gì xử lý trong trường hợp bệnh nhân có thái độ, phản ứng tiêu cực.</p> |
| <p><b>Phần 3</b></p> <p><b>HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI BỆNH VIỆN</b></p> <p>3.1. Tiếp cận bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân và thiết lập mối quan hệ với họ (có phức trình theo mẫu)</p> <p>3.2. Thu thập thông tin bệnh nhân (có sử dụng công cụ: sơ đồ phả hệ, sơ đồ sinh thái, cây vấn đề)</p> <p>3.3. Xác định vấn đề, lựa chọn vấn đề ưu tiên của</p>   | 20 | <p>4.1.1.</p> <p>4.1.2.</p> <p>4.1.3.</p> <p>4.1.4.</p> <p>4.1.5.</p> <p>4.1.6.</p> <p>4.1.7.</p> <p>4.2.1.</p> <p>4.2.2.</p> <p>4.3.1.</p> <p>4.3.2.</p> | <p>Học và thực hành như nhân viên công tác xã hội tập sự tại Phòng công tác xã hội bệnh viện.</p> | <p>Tập luyện kỹ năng nói với bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân.</p> <p>Tập luyện kỹ năng viết nhanh với các công cụ đánh giá, ghi âm các buổi giao tiếp giữa sinh viên với bệnh nhân</p> <p>In ấn các biểu mẫu đánh giá tâm lý-xã hội của bệnh viện</p>   |

|   |  |  |  |  |
|---|--|--|--|--|
| <p>bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân.</p> <p>3.4. Lập kế hoạch trợ giúp bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân</p> <p>3.5. Thực hành phúc trình (theo mẫu) để tiến hành kế hoạch trợ giúp</p> <p>3.6. Lượng giá</p> <p>3.6.1. Lượng giá tiến độ thực hiện công việc theo kế hoạch giúp đỡ bệnh nhân</p> <p>3.6.2. Lượng giá sự biến đổi của bệnh nhân theo mục tiêu và kết quả dự kiến trong bản kế hoạch giúp đỡ</p> <p>3.7. Kết thúc ca</p> <p>3.8. Viết báo cáo thực hành</p> <p>3.8.1. Viết dự thảo báo cáo, thông qua kiểm huấn viên (nhân viên công tác xã hội bệnh viện và giảng viên)</p> <p>3.8.2. Đóng góp ý kiến của Kiểm huấn viên (nhân viên công tác xã hội bệnh viện và giảng viên)</p> <p>3.8.3. Hoàn thiện báo cáo thực hành, nộp báo cáo</p> <p>3.8.4. Đánh giá kết quả thực hành của kiểm huấn viên (nhân viên công tác xã hội bệnh viện và giảng viên)</p> |  |  |  | <p>Thảo luận với Kiểm huấn viên về việc cần được tự làm có sự chỉ dẫn của KHV 01 trường hợp bệnh nhân được hỗ trợ từ phòng CTXHBV từ khâu tiếp nhận cho đến kết thúc ca.</p> |
|---|--|--|--|--|

## 16. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả     | Tên tài liệu   | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu<br>(6) | Mục đích sử dụng |           |
|-----|-----------------|--|--------------|--------------|-----------------------------------|------------------|-----------|
|     |                 |  |              |              |                                   | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | ThS Đỗ Thị Thảo | Tài liệu hướng dẫn thực hành công tác xã hội trong bệnh viện | 2019         |              | Giảng viên                        | x                |           |

### 17. Quy định đối với sinh viên

Sinh viên phải tham dự lớp học đầy đủ.

Khi vắng mặt phải báo cáo cho giảng viên biết trước, lý do vắng mặt được chấp nhận, không giảm điểm chuyên cần là : bản thân bị bệnh/tai nạn có giấy tờ chứng minh; thân nhân (cha/mẹ/anh/chị em ruột/con) bị bệnh nhập viện không có ai chăm sóc thay thế.

Không làm việc riêng trong giờ học;

Không sử dụng các phương tiện: điện thoại, Laptop trong giờ học, thực hành cho các việc không phục vụ học tập.

Sinh viên phải tham gia thực hành đầy đủ theo đúng kế hoạch đã xin phép bệnh viện, Phòng công tác xã hội. Khi vắng phải báo trước ít nhất 1 ngày cho Kiểm huấn viên.

Sinh viên viết báo cáo đầy đủ theo các yêu cầu thực hành đặt ra.

### 18. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá    | Nội dung được đánh giá<br>(Chương/Chủ đề)   | Chuẩn đầu ra   | Trọng số |
|--------------|-----------------------|---|--|----------|
| 1            | Chuyên cần            | Số tiết tham dự học/tổng số tiết, đọc tài liệu, chuẩn bị bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên | 4.3  |          |
| 2            | Kiểm tra thường xuyên | Phần 1.<br>Bài kiểm tra luận  | 4.1.1; 4.1.2<br>4.1.3; 4.1.4<br>4.1.5; 4.2.1<br>4.2.2; | 20%      |

|   |                            |   |  |     |
|---|----------------------------|---|--|-----|
| 3 | Kiểm tra thường xuyên      | Phần 2.<br>Bài báo cáo thực hành có đánh giá của KHV và giảng viên. | 4.1.1; 4.1.2<br>4.1.3; 4.1.4<br>4.1.5; 4.2.1<br>4.2.2; | 40% |
| 4 | Điểm thi kết thúc học phần | Phần 3<br>Bài báo cáo thực tập                                      | 4.1.1; 4.1.2<br>4.1.3; 4.1.4<br>4.1.5; 4.2.1<br>4.2.2; | 40% |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Giảng viên**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Đỗ Thị Thảo**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**  
**KHOA VĂN HÓA DU LỊCH**  
**BỘ MÔN CÔNG TÁC XÃ HỘI**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần**

Tên học phần: **Phần mềm xử lý SPSS**

Mã lớp học phần: **SO4105**

Số tín chỉ: **02**

Số tiết tín chỉ: **30 tiết** (15/30/60)

Học kỳ:

Năm học:

**2. Thông tin về giảng viên:**

**2.1. Giảng viên 1**

Họ và tên: **Kiều Văn Tu**

Chức danh, học vị: **Giảng viên - Thạc sĩ**

Điện thoại: **0982103342**

Email: [kieuvantu@gmail.com](mailto:kieuvantu@gmail.com)

Đơn vị: **Khoa Văn hóa – Du lịch**

**2.2. Giảng viên 2**

Họ và tên: **Nguyễn Văn Cảnh**

Chức danh, học vị: **Giảng viên - Thạc sĩ**

Điện thoại: **0336090890**

Email: [nvcanh@dthu.edu.vn](mailto:nvcanh@dthu.edu.vn)

Đơn vị: **Khoa Văn hóa – Du lịch**

**3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần**

**SPSS (Statistic Package for Social Science)** là một phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và xử lý thống kê chuyên nghiệp, linh hoạt, đa năng và rất mạnh so với các phần mềm có chức năng xử lý thống kê khác như: *Lotus, Quattro, Excel, Stata, Epiinfo ...*; nó ngày càng được sử dụng rộng rãi trong công tác nghiên cứu, xử lý, phân tích dữ liệu thống kê, đặc biệt đối với các ngành khoa học xã hội và nhân văn.

**4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra**

**4.1 Kiến thức**

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1.1. Tạo môi trường thực hành nhằm giúp sinh viên sử dụng thành thạo các số liệu thống kê trong khảo sát và nghiên cứu khoa học.

4.1.2. Nâng cao hiểu biết về vai trò của phần mềm SPSS trong việc thu thập, phân tích dữ liệu trong công tác nghiên cứu khoa học.

**4.2. Kỹ năng**

4.2.1 Giúp học viên có thể thao tác trên máy các khâu từ khởi tạo biến, nhập liệu và phân tích dữ liệu phục vụ cho nghiên cứu khoa học.

4.2.2 Giúp học viên biết cách đọc và sử dụng kết quả phân tích dữ liệu của phần mềm SPSS phục vụ cho nghiên cứu khoa học.

### 4.3. Thái độ

4.3.1 Thái độ tích cực ứng dụng công nghệ và phần mềm phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học xã hội

4.3.2. Sinh viên học tập chuyên cần, và hiểu được vai trò của mình quan trọng khi phân tích các số liệu một cách khách quan, trung thực, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và các nguyên tắc hành động trong công tác xã hội.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề  | Số tiết  | Chuẩn đầu ra   | Phương pháp dạy – học   | Chuẩn bị của sinh viên  |
|--|----------|--|---|---|
| <p>CHƯƠNG I. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ PHẦN MỀM SPSS</p> <p>1- Giới thiệu tổng quát về nghiên cứu khoa học.</p> <p>2- Quy trình nghiên cứu xử lý thông tin.</p> <p>3- Xử lý thông tin trong nghiên cứu khoa học xã hội &amp; nhân văn.</p> <p>4- Ý nghĩa phần mềm SPSS trong xử lý dữ liệu nghiên cứu.</p> <p><b>5- Các thao tác cơ bản trên SPSS.</b></p> | <b>4</b> | <p>4.1.1</p> <p>4.1.2</p> <p>4.2.1</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> | <p>GV thuyết trình; làm mẫu trên máy tính, sinh viên quan sát và làm theo</p> | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p>Chuẩn bị máy tính có cài đặt phần mềm SPSS theo cá nhân hoặc nhóm sinh viên</p> <p>Chuẩn bị 1 bảng hỏi khảo sát trong các đề tài NCKH</p> |
| <p>CHƯƠNG II. CÁC LOẠI DỮ LIỆU VÀ THANG ĐO</p> <p>1- Các loại dữ liệu.</p> <p>2- Các loại thang đo.</p> <p>3- Mối quan hệ giữa các loại dữ liệu, giữa dữ liệu với thang đo.</p>  | <b>3</b> | <p>4.1.1</p> <p>4.1.2</p> <p>4.2.1</p> <p>4.2.2</p> <p>4.3.1</p> | <p>GV thuyết trình; làm mẫu trên máy tính, sinh viên quan sát và làm theo</p> | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p>Chuẩn bị máy tính có cài đặt phần mềm SPSS theo cá nhân hoặc nhóm sinh viên</p> <p>Chuẩn bị 1 bảng</p>                                    |

|  |   |       |  |   |
|--|---|-------|--|---|
|  |   | 4.3.2 |  | hỏi khảo sát trong các đề tài NCKH  |
| <p>CHƯƠNG III. TẠO BIẾN, MÃ HÓA VÀ NHẬP DỮ LIỆU</p> <p>1- Các xác định các loại biến trên bảng câu hỏi.</p> <p>2- Kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu.</p> <p>3- Xác định các thông số của biến và khởi tạo biến trên SPSS.</p> <p>4- Mã hóa biến.</p> <p>5- Cách thực hiện các thao tác và các phép biến đổi trên biến.</p> <p>6- Cách tạo biến Multin.</p> <p>7- Mã hóa lại biến.</p> <p>8- Làm sạch dữ liệu.</p> | 4 |       | GV thuyết trình; làm mẫu trên máy tính, sinh viên quan sát và làm theo | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p>Chuẩn bị máy tính có cài đặt phần mềm SPSS theo cá nhân hoặc nhóm sinh viên</p> <p>Chuẩn bị 1 bảng hỏi khảo sát trong các đề tài NCKH</p> |
| <p>CHƯƠNG IV. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH DỮ LIỆU</p> <p>1- Ý nghĩa của việc phân tích thống kê.</p> <p>2- Bản chất và chức năng của phân tích thống kê.</p> <p><b>1.2. 3- Lựa chọn phương pháp phân tích dữ liệu thích hợp.</b></p>   | 4 |       | GV thuyết trình; làm mẫu trên máy tính, sinh viên quan sát và làm theo | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p>Chuẩn bị máy tính có cài đặt phần mềm SPSS theo cá nhân hoặc nhóm sinh viên</p> <p>Chuẩn bị 1 bảng hỏi khảo sát trong các đề tài NCKH</p> |
| <p>CHƯƠNG V. PHÂN TÍCH THỐNG KÊ MÔ TẢ</p> <p>1- Bảng phân phối tần số (Frequencies ).</p> <p>2- Lập bảng tổng hợp nhiều biến (Descriptives ).</p> <p>3- Lập bảng phân tích mối</p>   |   |       | GV thuyết trình; làm mẫu trên máy tính, sinh viên quan sát và làm theo | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p>Chuẩn bị máy tính có cài đặt phần mềm SPSS theo cá nhân hoặc nhóm sinh viên</p>   |

|  |           |  |   |   |
|--|-----------|--|---|---|
| <p>liên hệ giữa các biến (Basic Tables, Explore, crosstab...).</p> <p>4- Lập bảng phân tích mối liên hệ khi có biến Multil (Multiple Response ).</p>   |           |  |   | <p>Chuẩn bị 1 bảng hỏi khảo sát trong các đề tài NCKH</p>   |
| <p><b>CHƯƠNG VI. KIỂM ĐỊNH GIẢ THUYẾT</b></p> <p>1- Mục đích, ý nghĩa của kiểm định.</p> <p>2- Kiểm định mối liên hệ 2 biến định tính ( kiểm định độc lập):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích của kiểm định độc lập;</li> <li>- Cách phát biểu giả thuyết <math>H_0</math>,</li> <li>- Thao tác kiểm định trên máy,</li> <li>- Cách đọc kết quả và kết luận việc kiểm định.</li> </ul> <p>3- Kiểm định trung bình của tổng thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích của kiểm định trung bình của tổng thể;</li> <li>- Cách phát biểu giả thuyết <math>H_0</math>,</li> <li>- Thao tác kiểm định trên máy,</li> <li>- Cách đọc kết quả và kết luận việc kiểm định.</li> </ul> <p>4-Phân tích nhân tố (Hồi qui, Anova....)</p> |           |  | <p>GV thuyết trình; làm mẫu trên máy tính, sinh viên quan sát và làm theo</p> | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p>Chuẩn bị máy tính có cài đặt phần mềm SPSS theo cá nhân hoặc nhóm sinh viên</p> <p>Chuẩn bị 1 bảng hỏi khảo sát trong các đề tài NCKH</p> |
|  | <b>15</b> |  |   |   |



## 5.2. Thực hành

| Chương/Chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra  | Phương pháp dạy – học  | Chuẩn bị của sinh viên  |
|---|---------|---|--|---|
| <p>TẠO BIẾN, MÃ HÓA VÀ NHẬP DỮ LIỆU</p> <p>PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH DỮ LIỆU</p>  | 5       | <p>4.1.1</p> <p>4.1.2</p> <p>4.2.1</p> <p>4.2.2</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> | <p>Giảng viên thực hành mẫu – giải thích lý giải các ý nghĩa, sinh viên làm theo</p> <p>Giảng viên cung cấp các dữ liệu, bảng hỏi để sinh viên thực hành</p> | <p>SV làm việc nhóm xây dựng bảng câu hỏi</p> <p>SV tự thực hành các thao tác cơ bản trên phần mềm SPSS</p> <p>SV chuẩn bị bài thực hành bảng hỏi số 1, 2 và 3</p> <p>Copy các dữ liệu tự thực hành thêm ở nhà</p> <p>Đọc các tài liệu [1], [2], [3], [4]</p> |
| <p>CHƯƠNG V. PHÂN TÍCH THỐNG KÊ MÔ TẢ</p> <p>1- Bảng phân phối tần số ( Frequencies ).</p> <p>2- Lập bảng tổng hợp nhiều biến ( Descriptives ).</p> <p>3- Lập bảng phân tích mối liên hệ giữa các biến ( Basic Tables, Explore, crosstab... ).</p> <p>4- Lập bảng phân tích mối liên hệ khi có biến Multil ( Multiple Response ).</p> | 10      |   | <p>Giảng viên thực hành mẫu – giải thích lý giải các ý nghĩa, sinh viên làm theo</p>   | <p>SV làm việc nhóm xây dựng bảng câu hỏi</p> <p>SV tự thực hành các thao tác cơ bản trên phần mềm SPSS</p> <p>SV chuẩn bị bài thực hành bảng hỏi số 1, 2 và 3</p> <p>Copy các dữ liệu tự thực hành thêm ở nhà</p> <p>Đọc các tài liệu [1], [2], [3], [4]</p> |
| <p>CHƯƠNG VI. KIỂM ĐỊNH GIẢ THUYẾT</p> <p>1- Mục đích, ý nghĩa của kiểm định.</p> <p>2- Kiểm định mối liên hệ 2 biến định tính ( kiểm định độc</p>  | 10      |   | <p>Giảng viên cung cấp các dữ liệu, bảng hỏi để sinh viên thực hành</p>  | <p>SV làm việc nhóm xây dựng bảng câu hỏi</p> <p>SV tự thực hành các thao tác cơ bản trên phần mềm SPSS</p> <p>SV chuẩn bị bài thực</p>   |

|  |   |  |  |  |
|--|---|--|--|--|
| <p>lập):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích của kiểm định độ lập;</li> <li>- Cách phát biểu giả thuyết <math>H_0</math>,</li> <li>- Thao tác kiểm định trên máy,</li> <li>- Cách đọc kết quả và kết luận việc kiểm định.</li> </ul> <p>3- Kiểm định trung bình của tổng thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích của kiểm định trung bình của tổng thể;</li> <li>- Cách phát biểu giả thuyết <math>H_0</math>,</li> <li>- Thao tác kiểm định trên máy,</li> <li>- Cách đọc kết quả và kết luận việc kiểm định.</li> </ul> <p>4-Phân tích nhân tố (Hồi qui, Anova....)</p> |   |  |  | <p>hành bảng hỏi số 1, 2 và 3</p> <p>Copy các dữ liệu tự thực hành thêm ở nhà</p> <p>Đọc các tài liệu [1], [2], [3], [4]</p> |
| <p>Ôn tập và kiểm tra thực hành</p>  | 5 |  | <p>Đề kiểm tra thực hành trong 60 phút</p> <p>GV đánh giá kết quả cùng với sinh viên trực tiếp trên máy tính</p> |  |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả          | Tên tài liệu                               | Năm xuất bản | Nhà xuất bản         | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|----------------------|--|--------------|----------------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                      |  |              |                      |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | PHẦN V: Đỗ Văn Thắng | Giáo trình sử dụng phần mềm SPSS (dành cho | 2004         | NXB Đại học Quốc gia | Thư viện                   | x                |           |

|   |   |   |      |                         |          |   |   |
|---|---|---|------|-------------------------|----------|---|---|
|   | Phan Thành Huấn, ,  | sinh viên khối khoa học xã hội & nhân văn,                      |      | TP.HCM                  |          |   |   |
| 2 | Giảng viên cung cấp các bảng câu hỏi đã có số liệu điều tra để học viên viên thực hành. | Bảng câu hỏi thực hành SPSS                                     | 2018 | ĐH ĐT (Lưu hành nội bộ) | Phòng BM | x |   |
| 3 | Nguyễn Phụng Hoàng.   | Thống kê xác suất trong nghiên cứu giáo dục và khoa học xã hội. | 1997 | NXB Giáo dục            | Phòng BM |   | x |
| 4 | Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc   | Phân tích số liệu với phần mềm SPSS                             | 2008 | NXB Thống Kê            | Thư viện |   | x |

## 7. Quy định đối với sinh viên

### 7.1. Yêu cầu chung

Sinh viên tham gia học lý thuyết và thực hành đầy đủ (đảm bảo 80% thời gian môn học)

Chấp hành đúng các qui định của phòng máy tính.

### 7.2 Yêu cầu cụ thể

Chuẩn bị máy tính cá nhân hoặc nhóm sinh viên có cài đặt phần mềm SPSS

Phô tô các tài liệu bảng hỏi mẫu giảng viên cung cấp

## 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá          | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề) | Chuẩn đầu ra  | Trọng số |
|--------------|-----------------------------|--|---------------|----------|
| 1            | Điểm chuyên cần             | Tham dự lớp đầy đủ (15/15)             | 4.3.1; 4.3.2  | 0.1      |
| 2            | Báo cáo thực hành theo nhóm | 1 bài/nhóm                             | 4.1.1; 4.1.2; | 0.1      |

|   |                      |                                      |                               |     |
|---|----------------------|--------------------------------------|-------------------------------|-----|
|   |                      |                                      | 4.2.1; 4.2.2                  |     |
| 3 | Kiểm tra thực hành   | Bài kiểm tra thực hành trên máy tính | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.2.1; 4.2.2 | 0.2 |
| 4 | Thi kết thúc môn học | Chương 1,2,3,4,5,6                   | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.2.1; 4.2.2 | 0.6 |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**P. TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Kiều Văn Tu**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

KHOA VĂN HÓA DU LỊCH

BỘ MÔN CÔNG TÁC XÃ HỘI

---

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **QUẢN LÝ DỰ ÁN**
- Mã lớp học phần: SO4106
- Tín chỉ: 3 Số tiết tín chỉ: 45
- Học phần điều kiện:
- Học kỳ: Năm học:

### 2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Văn Luận
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: Phòng Thanh tra - Pháp chế
- Điện thoại: 0947272224; 0783.838318
- Email: Tranvanluan08@gmail.com

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Kiều Văn Tu
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: Khoa Văn hóa du lịch
- Điện thoại: 0982103342
- Email: Kvtu@dthu.edu.vn

### 3. Mô tả tóm tắt/tổng quan học phần

- QLDA giúp người học đánh giá và hiểu được bối cảnh/vấn đề trong một cộng đồng cụ thể, và nhận thức được nhu cầu cần thiết để có những can thiệp. Từ đó, hình thành những ý tưởng để viết một đề xuất DA theo những kỹ thuật, kiến thức thường áp dụng trong lãnh vực phát triển cộng đồng và xã hội.

- QLDA đóng vai trò quan trọng để mang lại lợi ích cho cộng đồng, vì thế, người QL cần có những kiến thức và kỹ năng để biết quản lý thời gian, công việc, mục tiêu, phương pháp, nguồn lực, tài chánh... một cách hiệu quả.

## **4. Mục tiêu học phần/chuẩn đầu ra**

### **4.1. Kiến thức**

Sau khi học xong sinh viên sẽ:

4.1.1. Trình bày được các khái niệm cơ bản về dự án và dự án phát triển cộng đồng; Làm rõ được mối quan hệ giữa chương trình, kế hoạch và dự án; Phân tích được các đặc điểm của dự án; Phân loại được các loại dự án; Phân tích được các bước trong một chu trình của một dự án phát triển xã hội/phát triển cộng đồng.

4.1.2. Trình bày được khái niệm về khung logic; Làm rõ được các nội dung liên quan đến khung logic dự án: Mục đích, mục tiêu, kết quả mong đợi, hoạt động, chỉ số lượng giá giám sát, phương tiện kiểm tra, giả định...

4.1.3. Vận dụng được cách lựa chọn và thiết kế cơ cấu tổ chức dự án; Lựa chọn được thành phần Ban QLDA phù hợp; Phân tích được vai trò và trách nhiệm của các bên liên kết trong việc tham gia vào dự án; Làm rõ được tầm quan trọng của các tổ chức cộng đồng trong triển khai dự án phát triển và sự cần thiết phải xây dựng một quy chế làm việc.

4.1.4. Vận dụng được các vấn đề cơ bản về QLDA như: khái niệm, đặc trưng, mục đích, hoạt động, chức năng... để thực hành quản lý một dự án quy mô nhỏ; Phân tích được các nội dung của QLDA: quản lý tiến độ, quản lý chất lượng, quản lý tài chính, quản lý nhân sự...

4.1.5. Vận dụng được kiến thức liên quan kiểm tra, giám sát dự án để có thể áp dụng thực tế; Phân tích được các nội dung cần đánh giá; Trình bày được một quy trình tổng kết dự án.

### **4.2. Kỹ năng**

4.2.1. Vận dụng được các bước viết đề xuất dự án để có thể thực hành viết được một đề xuất dự án đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức.

4.2.2. Hiểu được yêu cầu cơ bản về kiến thức, kỹ năng của nhà QLDA từ đó thực hành rèn luyện để phát triển kỹ năng cho bản thân;

### **4.3. Thái độ**

4.3.1. Nhận thức về vai trò của quản lý dự án đối với phát triển nghề nghiệp CTXH.

4.3.2. Thái độ nghiêm túc khi học tập và nghiên cứu môn học

4.3.3. Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học, không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của bản thân trong việc tiếp cận nội dung và phương pháp học tập môn học cũng như tăng cường rèn luyện kỹ năng về dự án.

## **5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học**

| Chương/chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra   | Phương pháp dạy học   | Chuẩn bị của sinh viên   |
|--|---------|--|---|--|
| <p>Thảo luận đề cương; thông tin về môn học</p> <p><b>Giới thiệu môn học</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lịch sử và ý nghĩa của môn học</li> <li>2. Nhiệm vụ của môn học</li> </ol> <p>Phương pháp nghiên cứu môn học</p> <p><b>Chương 1. Tổng quan về quản lý dự án</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1.1. Khái niệm về dự án (DA) <ol style="list-style-type: none"> <li>1.1.1. Khái niệm DA</li> <li>1.1.2. Đặc điểm của DA</li> <li>1.1.3. Phân loại DA</li> </ol> </li> <li>1.2. Dự án phát triển cộng đồng <ol style="list-style-type: none"> <li>1.2.1. Dự án phát triển cộng đồng là gì?</li> <li>1.2.2. Các cơ sở hình thành các DA phát triển cộng đồng</li> </ol> </li> <li>1.3. Chu trình DA</li> </ol> |         | <p>Hiểu được khái quát nội dung môn học</p> <p>4.1.1</p> | <p>Thảo luận</p> <p>Thuyết trình;</p> <p>Thảo luận nhóm</p> | <p>Thảo luận trao đổi với giảng viên</p> <p>- Đọc tài liệu của chương, trả lời các câu hỏi ôn tập cuối chương.<br/> Đọc: [1, tr3-10], [2, tr9-12], [3, tr26], trả lời các câu hỏi</p> <p>- Dự án là gì? Đặc điểm của dự án</p> <p>- Dự án phát triển cộng đồng là gì?</p> <p>- Cơ sở nào hình thành dự án phát triển cộng đồng?</p> <p>- Phân loại dự án.<br/> Đọc: [1, tr11-13; tr16-17], [2, tr11-12], [3, tr28-29], trả lời các câu hỏi</p> <p>- Chu trình dự án là gì? Chu trình dự án gồm bao nhiêu bước</p> <p>- Vẽ sơ đồ chu trình dự án.</p> <p>- Bước nào là quan trọng nhất trong chu trình dự án?</p> |

|   |  |                           |   |  |
|---|--|---------------------------|---|--|
| <p><b>Chương 2. Phương pháp xây dựng dự án theo khung logic</b></p> <p>2.1. Khái niệm về Khung logic DA</p> <p>2.2. Các bước để viết một DA phát triển</p> <p>2.2.1. Phân tích các bên liên quan của một DA phát triển</p> <p>2.2.2. Phân tích vấn đề</p> <p>2.2.3. Phân tích mục tiêu</p> <p>2.2.4. Phân tích các khả năng</p> <p>2.2.5. Lập kế hoạch dự án theo khung logic (LFA)</p> <p>2.2.6. Lập kế hoạch thực hiện DA</p> <p>2.2.7. Những nội dung chính của bản đề xuất DA</p> |  | <p>4.1.2</p> <p>4.2.1</p> | <p>Thuyết trình;<br/>Thảo luận nhóm</p> | <p>Đọc: [1, tr17-24], trả lời các câu hỏi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khung logic dự án là gì? các bước viết một đề xuất dự án.</li> <li>- Phân tích các bên liên quan để làm gì?</li> <li>- Nội dung của phân tích các bên liên quan</li> <li>- Các bên liên quan của một dự án phát triển</li> <li>- Phân tích cộng đồng xác định nhu cầu để làm gì?</li> <li>- Những kỹ thuật nào dùng để xác định nhu cầu?</li> <li>- Tại sao phải sắp xếp ưu tiên các nhu cầu?</li> <li>- Cần lưu ý những điểm quan trọng nào khi sắp xếp ưu tiên các nhu cầu?</li> <li>- Sử dụng các công cụ nào để sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhu cầu.</li> </ul> <p>Đọc: [1, tr25-26], [4, tr36-37], [5, tr6-8], trả lời các câu hỏi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích dự án là gì? mục tiêu cụ thể của dự án là gì?</li> <li>- Làm thế nào để viết mục đích, mục tiêu dự án? Mục đích khác mục tiêu như thế nào?</li> <li>- Mục đích và mục</li> </ul> |
|---|--|---------------------------|---|--|



|   |  |       |  |  |
|---|--|-------|--|--|
|   |  |       |  | <p>tiêu có vai trò gì trong dự án?<br/> Đọc: [1, tr27-38], [4, tr43-47] trả lời các câu hỏi sau</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại sao phải phân tích các tiềm lực và trở ngại?</li> <li>- Phát triển các phương án để đạt mục tiêu?</li> <li>- Tại sao phải so sánh các phương án?</li> <li>- Xác định các nguồn lực và trở ngại có vai trò gì trong thực hiện dự án?</li> <li>- Lập kế hoạch theo khung logic gồm những thành phần nào?</li> <li>- Chỉ số giám sát là gì?</li> </ul> |
| <p><b>Chương 3. Tổ chức Bộ máy thực hiện dự án</b></p> <p>3.1. Xây dựng cơ cấu tổ chức dự án</p> <p>3.2. Thành lập ban quản lý dự án</p> <p>3.3. Vai trò trách nhiệm các bên liên quan</p> <p>3.4. Vai trò của các tổ chức cộng đồng trong dự án</p> <p>3.5. Xây dựng quy chế, quy định</p> |  | 4.1.3 | <p>Thuyết trình;<br/> Thảo luận nhóm</p> | <p>- Đọc tài liệu của chương, trả lời các câu hỏi ôn tập cuối chương.</p>  |

|  |  |                            |  |  |
|--|--|----------------------------|--|--|
| <p>Chương 4. Nội dung thực hiện đề quản lý dự án</p> <p>4.1. Khái niệm Quản lý dự án</p> <p>4.2. Quản lý thực hiện dự án</p> <p>4.2.1. Khái niệm tổ chức thực hiện dự án</p> <p>4.2.2. Các lĩnh vực cần quản lý trong dự án</p> <p>1.1.2.1</p> |  | <p>4.1.4.</p> <p>4.2.2</p> | <p>Semina</p> <p>Nghiên cứu tài liệu</p> <p>Báo cáo nhóm</p> | <p>- Đọc tài liệu của chương, trả lời các câu hỏi ôn tập cuối chương.</p> <p>- Thực hành báo cáo</p> |
| <p>Chương 5. Kiểm tra giám sát và đánh giá dự án</p> <p>5.1. Kiểm tra dự án</p> <p>5.2. Giám sát dự án</p> <p>5.3. Đánh giá dự án</p>  |  | 4.1.5.                     | <p>Thuyết trình;</p> <p>Thảo luận nhóm</p>                   | <p>- Đọc tài liệu của chương, trả lời các câu hỏi ôn tập cuối chương.</p>                            |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả  | Tên tài liệu                          | Năm xuất bản | Nhà xuất bản    | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|--|---------------------------------------|--------------|-----------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |  |                                       |              |                 |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 01  | Trần Văn Luận  | Bài giảng                             | 2019         | ĐHĐT            | Thư viện ĐHĐT              | x                |           |
| 02  | TS. Trịnh Thùy Anh, 2009, tài liệu hướng dẫn học quản trị dự án Đại Học Mở Bán Công TP HCM | Tài liệu hướng dẫn học quản trị dự án | 2009         | ĐH Mở BC Tp HCM | Giảng viên                 |                  | x         |

|    |                                     |                                    |      |                    |               |  |   |
|----|-------------------------------------|------------------------------------|------|--------------------|---------------|--|---|
| 03 | Trịnh Thị Chinh                     | Quản trị Công tác xã hội           | 2012 | NXB LĐXH           | Thư viện ĐHĐT |  | x |
| 04 | Từ Quang Hiền                       | Giáo trình quản lý dự án           | 2007 | NXB Nông nghiệp HN | Giảng viên    |  | x |
| 05 | Nguyễn Quốc Chí – Nguyễn Thị Mỹ Lộc | Đại cương khoa học quản lý         | 2010 | NXB ĐH QGHN        | Thư viện ĐHĐT |  | x |
| 06 | Gary R. Heerkens                    | Quản lý dự án                      | 2004 | NXB Thống kê       | Giảng viên    |  | x |
| 07 | Công ty Viet Insight                | Sổ tay hướng dẫn và thiết kế dự án | 2012 |                    | Giảng viên    |  | x |

### 7. Quy định đối với sinh viên

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 5.

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá | Nội dung đánh giá (chương/chủ đề)                    | Chuẩn đầu ra            | Trọng số |
|--------------|--------------------|--|-------------------------|----------|
| 1            | Chuyên cần         | Tham dự lớp đầy đủ;<br>Tích cực thảo luận, phát biểu | 4.3.1<br>4.3.2<br>4.3.4 | 0.1      |

|                                       |   |            |                      |     |
|---------------------------------------|---|------------|----------------------|-----|
| 2                                     | Kiểm tra 30 phút<br>(hình thức cá nhân) | Chương 1,2 | 4.1.1<br>4.1.2       | 0.3 |
| 3                                     | Bài tập nhóm                            | Chương 3   | Viết 1 đề xuất dự án |     |
| 4                                     | Báo cáo nhóm                            | Chương 4,5 | Bài tập tình huống   |     |
| Điểm thi cuối khóa: 60% (thi tự luận) |   |            |                      |     |

*Đồng Tháp, ngày 5 tháng 9 năm 2019*

**Trưởng khoa**

**P.Trưởng bộ môn**

**Giảng viên**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Trần Văn Luận**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Khoa: Văn hóa – Du lịch

Bộ môn: Công tác xã hội

---

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **TÂM LÝ HỌC PHÁT TRIỂN**
- Mã lớp học phần: SO4108
- Số tín chỉ: 02; Số tiết tín chỉ: 30
- Học phần điều kiện:
- Học kỳ: 1                      Năm học: 2019 - 2020

### 2. Thông tin về giảng viên:

- Họ và tên: Đinh Thị Minh Hiếu
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ. GVC
- Đơn vị công tác: khoa giáo dục
- Điện thoại: 0918.716.313
- E-mail: minhhiieu1234@gmail

### 3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần

Tâm lý học phát triển là một trong nhiều khoa học nghiên cứu về con người, giúp chúng ta nắm bắt được những quy luật của sự nảy sinh, hình thành và phát triển về thể chất, tâm lý con người, nhận thức được cơ chế tác động tạo ra sự biến đổi tích cực của quá trình sống của con người. Trên cơ sở đó vận dụng kiến thức tâm lý một cách sáng tạo vào việc học tập, đời sống xã hội, xây dựng những định hướng tâm lý cá nhân, xã hội lành mạnh, có văn hóa, khoa học để rèn luyện nhân cách của mình được tốt hơn.

### 4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức

4.1.1. Biết, nhớ được một số vấn đề chung của tâm lý học phát triển: như đối tượng, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa TLH phát triển và các khoa học khác, ý nghĩa, khái niệm, các phương pháp nghiên cứu của tâm lý học phát triển.

4.1.2. Mô tả và hiểu được nội dung cơ bản các học thuyết tâm lý học phát triển, giải thích cơ chế trưởng thành các nét tâm lý, hành vi của con người.

4.1.3. Xác định, hiểu và nhận thức được lứa tuổi mầm non, tiểu học, trung học cơ sở mà chúng ta phải trải qua, đặc điểm và những kinh nghiệm quý báu rút ra được mỗi lứa tuổi này.

4.1.4. Hiểu, nhận thức và vận dụng lứa tuổi THPT, sinh viên và người trưởng thành về tâm lý học phát triển cũng như từng giai đoạn lứa tuổi trên của mỗi con người

để chúng ta có hành vi, thái độ đúng trong mối quan hệ với mọi người.

#### **4.2. Kỹ năng**

4.2.1. Thực hiện được kiến thức tâm lý học phát triển để hiểu và giải thích sự hình thành tâm lý, rèn luyện tâm lý, ý thức của mình thông qua việc tích cực tham gia vào các hoạt động, giao tiếp để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp trong học tập, cuộc sống.

4.2.2. Vận dụng những hiểu biết về các học thuyết vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng tâm lý, hành vi của con người theo quan điểm khoa học, Kỹ năng đánh giá bản thân và người khác, kỹ năng truyền đạt vấn đề...để rèn luyện nhân cách; Liên hệ với thực tế, vận dụng kiến thức nhân cách con người vào học tập và cuộc sống.

4.2.3. Biết vận dụng tâm lý lứa tuổi mầm non, tiểu học, THCS vào trong học tập, thực tiễn để giải thích các hiện tượng tâm lý cụ thể.

4.2.4. . Biết vận dụng tâm lý lứa tuổi THPT, sinh viên và người trưởng thành vào trong học tập, thực tiễn để giải thích các hiện tượng tâm lý cụ thể...để phân tích, giải thích các hiện tượng tâm lý của bản thân và mọi người xung quanh để có thể hiểu được mình, người khác cũng như Kỹ năng vận dụng lý thuyết để giải các bài tập thực hành, các tình huống giao tiếp trong cuộc sống.

### **2. 4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

4.3.1. Làm việc độc lập dưới sự hướng dẫn giảng giải, thuyết trình của GV nhằm tạo được sự say mê, hứng thú trong quá trình học tập.

4.3.2. Hướng dẫn, giám sát những người khác (bạn, học sinh) thực hiện nhiệm vụ xác định. Từ đó có thái độ đúng đắn trong việc tìm hiểu rõ các học thuyết về sự phát triển tâm lý, vận dụng chúng và giải thích mọi sự vật, hiện tượng trong học tập, cuộc sống.

4.3.3. Tích cực, sáng tạo trong các hoạt động học tập, biết nhìn nhận, đánh giá tâm lý lứa tuổi mầm non, lứa tuổi học sinh nhỏ và vận dụng các đặc điểm, các quy luật của tâm lý vào cuộc sống và dạy học.

4.3.4. Biết nhìn nhận, đánh giá tâm lý lứa tuổi THPT, sinh viên, người trưởng thành và lập kế hoạch luyện tập, luyện tập theo nhóm về tâm lý lứa tuổi này cũng như biết vận dụng nó trong học tập, cuộc sống sau này, từ đó yêu thích môn học vì có những ứng dụng hiệu quả vào thực tiễn.

## **5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học**

### **5.1. Lý thuyết**

| <b>Chương/Chủ đề</b> | <b>Số tiết</b> | <b>Chuẩn đầu ra</b> | <b>Phương pháp dạy – học</b> | <b>Chuẩn bị của sinh viên</b> |
|----------------------|----------------|---------------------|------------------------------|-------------------------------|
|----------------------|----------------|---------------------|------------------------------|-------------------------------|

|  |   |                            |   |   |
|--|---|----------------------------|---|---|
| <p><b>Chương 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TÂM LÝ HỌC PHÁT TRIỂN</b></p> <p><b>1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học phát triển</b></p> <p>1.1.1. Đối tượng của tâm lý học phát triển.</p> <p>1.1.2. Nhiệm vụ của tâm lý học phát triển</p> <p>1.1.3. Mối quan hệ của tâm lý học phát triển và các khoa học khác</p> <p>1.1.4. Ý nghĩa của tâm lý học phát triển</p> <p><b>1.2. Các khái niệm cơ bản của tâm lý học phát triển</b></p> <p>1.2.1. Hình thành và phát triển tâm lý</p> <p>1.2.2. Hoàn thiện tâm lý</p> <p>1.2.3. Suy thoái tâm lý.</p> <p><b>1.3. Các phương pháp nghiên cứu của tâm lý học phát triển</b></p> <p>1.3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận DV biện chứng</p> <p>1.3.2. Các phương pháp nghiên cứu của TLH phát triển</p> <p>1.3.2.1. Các phương pháp tổ chức nghiên cứu.</p> <p>1.3.2.2. Các phương pháp thu thập số liệu (quan sát, thực nghiệm, đàm thoại, điều tra, phân tích sản phẩm, tiểu sử cá nhân)</p> <p>1.3.2.3. Các phương pháp xử lý số liệu.</p> | 3 | 4.1.1.<br>4.2.1.<br>4.3.1. | <p>- Thuyết trình nêu vấn đề,</p> <p>- Đàm thoại – gợi mở.</p> <p>- Trực quan.</p>                | <p><i>Hướng dẫn SV đọc tài liệu, soạn đề cương tự học</i></p> <p><i>SV trả lời những câu hỏi sau:</i></p> <p>1. Đối tượng của TLHPT là gì?.</p> <p>2. Nêu nhiệm vụ của TLHPT.</p> <p>3. Trình bày mối quan hệ của TLHPT với các khoa học khác.</p> <p>4. Phân tích ý nghĩa của TLHPT.</p> <p>5. Hãy phát biểu các khái niệm: hoàn thiện tâm lý, suy thoái tâm lý.</p> <p>6. Hãy nêu các phương pháp nghiên cứu của TLHPT.</p> |
| <p><b>Chương 2. CÁC HỌC THUYẾT VỀ SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ</b></p> <p><b>2.1. Lý luận của tâm lý học hành vi về sự phát triển tâm lý</b></p> <p>2.1.1. Quan điểm TLH của J. Watson (về sự học, cảm xúc, tư duy)</p> <p>2.1.2. Quan điểm hành vi nhận thức của E.C.Tolman</p> <p>2.1.3. Quan điểm hành vi tạo tác của Skinner.</p> <p>2.1.4. Quan điểm hành vi xã hội</p>   | 5 | 4.1.2.<br>4.2.2.<br>4.3.2. | <p>- Thuyết trình nêu vấn đề, và giảng thuật.</p> <p>- Đàm thoại gợi mở.</p> <p>- Phương pháp</p> | <p><i>Hướng dẫn SV đọc tài liệu, soạn đề cương tự học</i></p> <p><i>SV trả lời những câu hỏi sau:</i></p> <p>1. Nêu học thuyết hành vi của J.Watson.</p> <p>2. Nêu quan điểm hành vi tạo tác của Skinner.</p> <p>3. Hãy phân tích quan điểm hành vi xã hội và thuyết xã hội học tập.</p> <p>4. Phân tích lý thuyết về hoạt động tâm lý của A.N. Leonchiev.</p> <p>5. Phân tích lý thuyết hình thành hành động trí tuệ</p>     |

|   |   |                |                                      |   |
|---|---|----------------|--------------------------------------|---|
| <p>và thuyết xã hội học tập.</p> <p><b>2.2. Lý thuyết phát triển tâm lý của tâm lý học phân tâm</b></p> <p>2.2.1. Quan điểm của Sigmund Freud.</p> <p>2.2.2. Lý thuyết về phát triển tâm lý xã hội của Erik.Erickson</p> <p>2.2.3. Tâm lý học phân tích của Karl.Jung.</p> <p><b>2.3. Lý luận sự phát triển tâm lý của tâm lý học nhận thức</b></p> <p>2.3.1. Cơ sở xuất phát và các khái niệm công cụ của J.Piagie.</p> <p>2.3. 2. Sự phát sinh thao tác trí tuệ.</p> <p>2.3.2.1. Trí tuệ, sự phát triển trí tuệ, thao tác trí tuệ.</p> <p>2.3.2.2. Sự hình thành cấu trúc nhận thức và cấu trúc thao tác trí tuệ.</p> <p>2.3.2.3. Cơ chế của sự phát triển trí tuệ.</p> <p><b>2.4. Lý luận phát triển tâm lý của tâm lý học hoạt động</b></p> <p><b>2.4.1. L.X. Vugotxki-Học thuyết lịch sử văn hóa phát triển tâm lý.</b></p> <p>2.4.1.1. Quan điểm về cấu trúc và nguồn gốc các chức năng tâm lý.</p> <p>2.4.1.2. Sự phát sinh, phát triển tư duy và ngôn ngữ ở trẻ.</p> <p>2.4.1.3. Khái niệm khoa học và khái niệm thông thường.</p> <p><b>2.4.2. Lý thuyết về hoạt động tâm lý của A.N. Leonchiev</b></p> <p>2.4.2.1. Sự phát triển tâm lý trẻ em theo A.N. Leonchiev.</p> <p>2.4.2.2. Hoạt động chủ đạo trong sự phát triển trẻ em.</p> <p><b>2.4.3. P.Ia.Galperin-Lý thuyết hình thành hành động trí tuệ</b></p> |   |                | <p>thảo luận</p> <p>- Trực quan.</p> |   |
| <p><b>Chương 3. SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ TRONG TUỔI MẦM NON</b></p> <p>3.1.1. Phản xạ không điều kiện và</p>  | 5 | 4.1.3<br>4.2.3 |                                      | <p>Hướng dẫn SV đọc tài liệu, soạn đề cương tự học</p> <p>SV trả lời những câu hỏi sau:</p> <p>1. Hầu hết trẻ lên 3 đều xuất hiện hiện tượng: “nguyện vọng độc lập và</p> |



|   |              |  |   |
|---|--------------|--|---|
| <p>sự phát triển của chúng ở trẻ.</p> <p>3.1.2. Đặc điểm phát triển giác quan của trẻ.</p> <p>3.1.3. Nhu cầu tiếp nhận các ấn tượng từ thế giới bên ngoài</p> <p>3.1.4. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ hài nhi.</p> <p><b>3.2. Giai đoạn tuổi nhà trẻ (từ 1 đến 3 tuổi)</b></p> <p><b>3.2.1. Điều kiện phát triển tâm lý tuổi nhà trẻ</b></p> <p>3.2.1.1. Sự phát triển về mặt sinh lý.</p> <p>3.2.1.2. Sự phát triển về mặt xã hội.</p> <p><b>3.2.2. Đặc điểm tâm lý cơ bản tuổi nhà trẻ</b></p> <p>3.2.2.1. Sự phát triển của các quá trình nhận thức (tri giác, trí nhớ, tư duy, ngôn ngữ)</p> <p>3.2.2.2. Xuất hiện tiền đề của sự hình thành nhân cách.</p> <p>a. Sự phát triển xúc cảm, tình cảm.</p> <p>b. Xuất hiện ý thức về bản thân.</p> <p>c. Hình thành thế giới nội tâm.</p> <p>d. Nguyên vọng độc lập và khủng hoảng của trẻ lên 3.</p> <p><b>3.3. Giai đoạn tuổi mẫu giáo (từ 3 đến 6 tuổi)</b></p> <p><b>3.3.1. Điều kiện phát triển tâm lý tuổi mẫu giáo</b></p> <p>3.3.1.1. Sự phát triển về mặt sinh lý.</p> <p>3.3.1.2. Sự phát triển về mặt xã hội.</p> <p><b>3.3.2. Đặc điểm tâm lý cơ bản tuổi mẫu giáo</b></p> <p>3.3.2.1. Sự phát triển của các quá trình nhận thức (tri giác, tư duy, tưởng tượng, ngôn ngữ)</p> <p>3.3.2.2. Sự phát triển của một số hoạt động.</p> <p>a. Hoạt động học tập</p> <p>b. Hình thức sơ đẳng của hoạt động lao động.</p> <p>3.3.2.3. Sự phát triển nhân cách</p> <p>a. Sự phát triển tình cảm.</p> | <p>4.3.3</p> |  | <p>khủng hoảng tuổi lên 3”, bạn hãy nêu các biểu hiện của hiện tượng này và phương hướng khắc phục khủng hoảng cho trẻ lên 3.</p> <p>2. Hoạt động vui chơi là gì? Trình bày vai trò của hoạt động vui chơi đối với sự phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo.</p> <p>3. Phân biệt sự phát triển đời sống tình cảm của trẻ mẫu giáo bé và mẫu giáo nhỡ và rút ra kết luận sự phạm của người giáo viên mầm non.</p> <p>4. Trong lớp mẫu giáo lớn, có cháu Hiền thường không chịu nhận lỗi do mình gây ra (đánh bạn, làm đổ đồ chơi của các bạn...). Có lần, cô giáo nhìn thấy Hiền lấy cờ của bạn khác cắm vào ô cờ của mình trên bảng bé ngoan, trong lúc không có bạn nào nhìn thấy. Trong trường hợp đó, theo chị- cô giáo phải xử sự như thế nào để cháu biết nhận lỗi của mình.</p> <p>5. Trò chơi đóng vai theo chủ đề là gì? Hãy phân tích vai trò của trò chơi đóng vai theo chủ đề đối với sự phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo. Bạn hãy kể tên một trò chơi đóng vai theo chủ đề và nêu lên vai trò của trò chơi đó đối với sự phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo.</p> |
|---|--------------|--|---|

|  |  |  |   |   |
|--|--|--|---|---|
| <p>b. Đặc điểm động cơ hành vi<br/>c. Sự hình thành ý thức bản thân.</p> <p>3.3.2.4. Sự hình thành tâm lý sẵn sàng đi học.</p>   |  |  |   |   |
| <p><b>Chương 4. TÂM LÝ LỨA TUỔI HỌC SINH NHỎ</b></p> <p><b>4.1. HỌC SINH TIỂU HỌC (từ 6 đến 11 tuổi)</b></p> <p><b>4.1.1. Điều kiện phát triển tâm lý tuổi nhi đồng</b></p> <p>4.1.1.1. Sự phát triển về mặt sinh lý.</p> <p>4.1.1.2. Sự phát triển về mặt xã hội.</p> <p><b>4.1.2. Đặc điểm tâm lý cơ bản tuổi nhi đồng</b></p> <p>4.1.2.1. Sự phát triển của các quá trình nhận thức (tri giác, trí nhớ, tư duy, tưởng tượng, ngôn ngữ, chú ý)</p> <p>4.1.2.2. Đời sống tình cảm tuổi nhi đồng.</p> <p>4.1.2.3. Đặc điểm phát triển nhân cách của học sinh tiểu học.</p> <p>a. Tính cách.</p> <p>b. Khả năng đánh giá và tự đánh giá.</p> <p>c. ý chí</p> <p><b>4.2. HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ</b></p> <p><b>4.2.1. Điều kiện phát triển tâm lý tuổi thiếu niên</b></p> <p>4.2.1.1. Sự phát triển về mặt sinh lý.</p> <p>4.2.1.2. Sự phát triển về mặt xã hội.</p> <p><b>4.2.2. Đặc điểm tâm lý cơ bản tuổi thiếu niên</b></p> <p>4.2.2.1. Sự phát triển của các quá trình nhận thức (tri giác, trí nhớ, chú ý, tư duy)</p> <p>4.2.2.2. Đời sống tình cảm tuổi thiếu niên.</p> <p>4.2.2.3. Khuynh hướng muốn làm người lớn.</p> <p>4.2.2.4. Sự khủng hoảng trong tâm lý tuổi thiếu niên.</p> <p><b>4.2.3. Sự phát triển nhân cách tuổi thiếu niên</b></p> <p>4.2.3.1. Sự hình thành tự ý thức.</p> <p>4.2.3.2. Sự hình thành đạo đức.</p> | <p>6</p> <p>4.1.3.</p> <p>4.2.3.</p> <p>4.3.3.</p> |  | <p>PP thảo luận- chia nhóm, đàm thoại, trao đổi, thuyết trình, trực quan, video, phân tích, tổng hợp ý kiến</p> | <p><i>Hướng dẫn SV đọc tài liệu, soạn đề cương tự học</i></p> <p><i>SV trả lời những câu hỏi sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nêu đặc điểm tâm lý của HS tiểu học</li> <li>2. Trình bày đặc điểm phát triển nhân cách của HS tiểu học, HSTH có khả năng đánh giá và tự đánh giá không? Cho ví dụ.</li> <li>3. Hãy kể các hoạt động của HS tiểu học, hoạt động nào đóng vai trò chủ đạo của HSTH, trình bày hoạt động đó.</li> <li>4. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ của HS tiểu học có đặc điểm gì? Từ đó rút ra kết luận cần thiết trong việc tổ chức học sinh học tập.</li> <li>5. Đặc điểm nhân cách chủ yếu của lứa tuổi học sinh TH.</li> <li>6. Nếu được phân công dạy lớp 1, anh (chị) phải quan tâm đến đặc điểm TL nào? Về mặt TL HSL1 thường gặp những khó khăn gì? Cách giúp trẻ khắc phục những khó khăn đó.</li> <li>7. Hãy cho biết điều kiện thúc đẩy sự phát triển tâm lý lứa tuổi của HSTHCS?</li> <li>8. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ của HSTHCS có đặc điểm gì? Từ đó rút ra kết luận sự phạm trong việc tổ chức HS học tập.</li> <li>9. Trình bày giao tiếp của thiếu niên với người lớn. Vì sao thiếu niên có sự chống đối, bướng bỉnh?</li> <li>10. Phân tích sự tự ý thức của thiếu niên. Vì sao nói “Thiếu niên nhận xét mình bằng con mắt của người khác”</li> <li>11. Có nên ngăn cấm thiếu niên giao tiếp với bạn không? Tại sao?</li> <li>12. Đặc điểm nhân cách chủ yếu của lứa tuổi học sinh THCS là <i>xu hướng vươn lên làm người lớn và sự hình thành tự ý thức</i>. Hãy nêu rõ biểu hiện của đặc điểm này và phân tích nguyên nhân của nó. Nêu những</li> </ol> |

|  |   |   |  |  |
|--|---|---|--|--|
| 4.2.3.3. Ý chí.  |   |   |  | <p>điều cần chú ý trong công tác giáo dục cho lứa tuổi này.</p> <p>12. Anh (chị) hãy chỉ ra những đặc điểm nổi bật trong đời sống xúc cảm-tình cảm của thiếu niên.</p>   |
| <p><b>Chương 5: TÂM LÝ LỨA TUỔI HỌC SINH LỚN</b></p> <p><b>5.1. HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG</b></p> <p><b>5.1.1. Điều kiện phát triển tâm lý tuổi đầu thanh niên</b></p> <p>5.1.1.1. Sự phát triển về mặt sinh lý.</p> <p>5.1.1.2. Sự phát triển về mặt xã hội.</p> <p><b>5.1.2. Đặc điểm tâm lý cơ bản tuổi đầu thanh niên</b></p> <p>5.1.2.1. Sự phát triển của các quá trình nhận thức (tri giác, trí nhớ, chú ý, tư duy, tưởng tượng)</p> <p>5.1.2.2. Sự phát triển nhu cầu</p> <p>a. Nhu cầu giao tiếp.</p> <p>b. Nhu cầu xác định vị trí xã hội.</p> <p>5.1.2.3. Đời sống tình cảm tuổi đầu thanh niên.</p> <p><b>5.1.3. Sự phát triển nhân cách</b></p> <p>5.1.3.1. Sự phát triển của tự ý thức.</p> <p>5.1.3.2. Sự hình thành thế giới quan.</p> <p>5.1.3.3. Nhận thức và xu hướng nghề.</p> <p><b>5.2. SINH VIÊN ĐẠI HỌC</b></p> <p>5.2.1. Điều kiện phát triển tâm lý tuổi thanh niên.</p> <p>5.2.1.1. Sự phát triển về sinh lý.</p> <p>5.2.1.2. Sự phát triển về xã hội.</p> <p>5.2.1.3. Các hoạt động cơ bản.</p> <p>a. Hoạt động học tập.</p> <p>b. Nghiên cứu khoa học.</p> <p>c. Hoạt động chính trị xã hội.</p> <p>d. Hoạt động xã hội và giao lưu bạn bè.</p> <p>5.2.2. Đặc điểm tâm lý cơ bản</p> | 6 | <p>4.1.4.</p> <p>4.2.4.</p> <p>4.3.4.</p> | <p>- Thuyết trình (giảng thuật) nêu vấn đề.</p> <p>- Đàm thoại gợi mở.</p> <p>- Trực quan.</p> | <p><i>Hướng dẫn SV đọc tài liệu, soạn đề cương tự học</i></p> <p><i>SV trả lời những câu hỏi sau:</i></p> <p>1. Những điều kiện nào thúc đẩy sự phát triển ở tuổi đầu thanh niên?</p> <p>2. Nêu những đặc điểm cơ bản trong sự phát triển trí tuệ của thanh niên mới lớn, nguyên nhân của các đặc điểm đó.</p> <p>3. Trình bày đặc điểm của sự phát triển tự ý thức của thanh niên. Ý nghĩa của nó với sự phát triển nhân cách của thanh niên mới lớn.</p> <p>4. So sánh sự khác biệt tự ý thức giữa HSTHPT và HSTHCS. Rút ra kết luận sự phạm trong cách ứng xử của giáo viên với hai lứa tuổi trên.</p> <p>5. Phân tích đặc điểm sự hình thành thế giới quan, nhân sinh quan và sự lựa chọn nghề nghiệp của HSTHPT.</p> <p>6. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ của học sinh THPT có đặc điểm gì? Từ đó rút ra kết luận cần thiết trong việc tổ chức học sinh học tập.</p> <p>7. Nêu điều kiện phát triển tâm lý tuổi thanh niên.</p> <p>8. Trình bày sự thích nghi của SV với cuộc sống hoạt động mới.</p> <p>9. Phân tích xu hướng nghề nghiệp của sinh viên.</p> |

|   |   |                           |  |  |
|---|---|---------------------------|--|--|
| <p>tuổi sinh viên.</p> <p>5.2.2.1. Sự thích nghi của SV với cuộc sống hoạt động mới.</p> <p>5.2.2.2. Sự phát triển của các quá trình nhận thức, trí tuệ.</p> <p>5.2.2.2. Sự phát triển của các quá trình nhận thức, trí tuệ.</p> <p>5.2.2.3. Sự phát triển động cơ học tập của sinh viên</p> <p>5.2.2.4. Đời sống xúc cảm - tình cảm của thanh niên.</p> <p>5.2.3. Những đặc điểm nhân cách chủ yếu của tuổi sinh viên.</p> <p>5.2.3.1. Xu hướng nhân cách.</p> <p>5.2.3.2. Đặc điểm kiểu nhân cách sinh viên.</p> <p>5.2.3.3. Đặc điểm nhân cách tuổi sinh viên.</p>   |   |                           |  |  |
| <p><b>Chương 6: TÂM LÝ NGƯỜI TRƯỞNG THÀNH</b></p> <p><b>6.1. Giai đoạn đầu tuổi trưởng thành (từ 25 đến 40 tuổi)</b></p> <p>6.1.1. Điều kiện phát triển tâm lý tuổi trưởng thành.</p> <p>6.1.1.1. Sự phát triển về mặt sinh lý.</p> <p>6.1.1.2. Sự phát triển về mặt xã hội.</p> <p>6.1.2. Đặc điểm tâm lý cơ bản của người trưởng thành.</p> <p>6.1.2.1. Sự phát triển hoạt động nghề nghiệp.</p> <p>6.1.2.2. Đời sống tình cảm và sinh hoạt gia đình.</p> <p><b>6.2. Giai đoạn tuổi trung niên (từ 40 đến 60 tuổi)</b></p> <p>6.2.1. Điều kiện phát triển tâm lý tuổi trung niên.</p> <p>6.2.1.1. Sự phát triển về mặt sinh lý</p> <p>6.2.1.2. Sự phát triển về mặt xã hội.</p> <p>6.2.2. Đặc điểm tâm lý cơ bản của người trung niên.</p> <p>6.1.2.1. Sự phát triển trong hoạt động nghề nghiệp.</p> <p>6.1.2.2. Trong sinh hoạt gia</p> | 5 | 4.1.4.<br>4.2.4.<br>4.3.4 |  | <p><i>Hướng dẫn SV đọc tài liệu, soạn đề cương tự học</i></p> <p><i>SV trả lời những câu hỏi sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nêu những điều kiện phát triển ở tuổi trưởng thành?</li> <li>2. Phân tích những đặc điểm cơ bản của người trưởng thành.</li> <li>3. Trình bày sự phát triển về mặt xã hội của tuổi trung niên.</li> <li>4. Nêu sự phát triển về mặt xã hội của tuổi già.</li> <li>5. Phân tích “Hội chứng về hưu” ở tuổi già.</li> <li>6. Theo bạn cách nhìn nhận hiện nay về người già là như thế nào?</li> </ol> |

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
| đình.<br>6.1.2.3. Sự “Khủng hoảng giữa đời người”<br><b>6.3. Giai đoạn tuổi già (60 tuổi trở lên)</b><br>6.3.1. Những thay đổi về sinh lý.<br>6.3.2. Đặc điểm tâm lý cơ bản ở tuổi già.<br><br>6.3.2.1. Đời sống trí tuệ<br>6.3.2.2. Đời sống xã hội<br>6.3.2.3. Đời sống tình cảm.<br>6.3.2.4. “Hội chứng về hưu” ở tuổi già.<br>6.3.3. Cách nhìn nhận hiện nay về người già. |  |  |  |  |
| 1.3.2.3. Các phương pháp xử lý số liệu   |  |  |  |  |

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có)

### 6. Tài liệu học tập

| Số TT | Tên tác giả                   | Tên tài liệu                     | Năm xuất bản | Nhà xuất bản                    | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-------|-------------------------------|----------------------------------|--------------|---------------------------------|----------------------------|------------------|-----------|
|       |                               |                                  |              |                                 |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1     | Hà Thị Thu                    | Giáo trình Tâm lý học phát triển | 2007         | Nhà xuất bản LĐ – Xã hội        | Thư viện, GV               |                  |           |
| 2     | Nguyễn Văn Đồng               | Tâm lý học phát triển            | 2004         | Nhà xuất bản Chính trị quốc gia | Thư viện; GV               |                  | x         |
| 3     | Dương Thị Diệu Hoa (chủ biên) | Giáo trình Tâm lý học phát triển | 2003         | NXB ĐHSP                        | Thư viện                   |                  | x         |
| 4     | Vũ Thị Phương                 | Bài giảng Tâm lý học phát triển  | 2010         | ĐHĐT                            | Thư viện                   |                  | x         |

### 7. Quy định đối với sinh viên

- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập và nghiên cứu tài liệu theo chỉ dẫn của giảng viên thông qua Đề cương chi tiết môn học.

- Vắng không quá 20 % số tiết trên lớp của môn học.

- Làm việc nhóm và thực hiện đầy đủ các nội dung đánh giá trong suốt quá trình học.

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| <b>Lần đánh giá</b> | <b>Hình thức đánh giá</b>   | <b>Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)</b>            | <b>Chuẩn đầu ra</b> | <b>Trọng số</b> |
|---------------------|---|--|---------------------|-----------------|
| 1                   | Lên lớp đầy đủ, tích cực phát biểu ý kiến, diễn đạt rõ ràng, đúng,... | Các nội dung của học phần                                | 4.1, 4.2, 4.3       | 1/10            |
| 2                   | Thảo luận nhóm, xemina trên lớp                                       | Theo từng chương được giảng viên phân công cho từng nhóm | 4.1, 4.2, 4.3       | 1/10            |
| 3                   | Kiểm tra thường kì  | Các nội dung của học phần                                | 4.1, 4.2            | 1/10            |
| 4                   | Bài tự học  | Theo từng chương được giảng viên phân công cho từng nhóm | 4.1, 4.2, 4.3       | 1/10            |
| 5                   | Thi kết thúc môn học  | Toàn bộ học phần   |                     | 6/10            |

*Đồng Tháp, ngày 18 tháng 08 năm 2019*

**Trưởng khoa**

**P. Trưởng bộ môn**

**Giảng viên**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Đinh Thị Minh Hiếu**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

**Khoa: Khoa Văn hóa – Du lịch**

**Bộ môn: Công tác xã hội**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 19. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Tâm lý học xã hội**
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02                      Số tiết tín chỉ: 30
- Học phần điều kiện: Tâm lý học đại cương; Xã hội học đại cương.
- Học kỳ:    Năm học:

### 20. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Đinh Ngọc Thắng                      Chức danh, học vị: ThS. Tâm lý học.
- Điện thoại: 0909196802                      E-mail: [dinhngocthang2010@gmail.com](mailto:dinhngocthang2010@gmail.com).
- Đơn vị: Khoa Giáo dục.

### 21. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần

Học phần Tâm lý học xã hội hướng vào xác định đối tượng, nhiệm vụ và chọn lựa phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học xã hội. Sau đó tiếp cận những hiện tượng tâm lý chung của một nhóm xã hội cụ thể, nảy sinh từ sự tác động qua lại trong hoạt động và giao tiếp giữa các cá nhân trong nhóm, chi phối thái độ hành vi của họ với tư cách là thành viên của nhóm. Nhóm; Cá nhân và xã hội; Những hiện tượng tâm lý xã hội và Sự hoàn thiện nhân cách của cá nhân trong đó là những vấn đề trọng tâm của môn học này.

### 22. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra

#### 22.1. Kiến thức

- 22.1.1. Mô tả, hiểu được các kiến thức cơ bản để xác định rằng TLH xã hội là một khoa học.
- 22.1.2. Mô tả, hiểu được các kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu của TLH xã hội.
- 22.1.3. Mô tả, hiểu được các kiến thức cơ bản về nhóm (Lịch sử nghiên cứu về “Nhóm”; Khái niệm; Phân loại và Động thái nhóm) trong tâm lý học xã hội.
- 22.1.4. Mô tả, hiểu những kiến thức cơ bản về các hiện tượng đặc trưng của tâm lý xã hội và các quy luật hình thành chúng.
- 22.1.5. Mô tả, hiểu các kiến thức về quan hệ xã hội, quan hệ liên nhân cách tới sự hình thành và phát triển nhân cách cá nhân trong nhóm, tổ chức, cộng đồng, nền văn hóa.

## **22.2. Kỹ năng**

- 22.2.1. Kỹ năng phân biệt và xác định được vị trí của TLH xã hội trong hệ thống các khoa học khác.
- 22.2.2. Kỹ năng phân tích – tổng hợp về cấu trúc và các học thuyết của TLH xã hội.
- 22.2.3. Kỹ năng phân tích – tổng hợp và so sánh các ưu điểm, nhược điểm của các phương pháp nghiên cứu.
- 22.2.4. Kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu để bước đầu khám phá bản chất một số các hiện tượng xã hội xung quanh.
- 22.2.5. Kỹ năng lựa chọn, kết hợp các phương pháp nghiên cứu
- 22.2.6. Kỹ năng so sánh, phân biệt các loại nhóm.
- 22.2.7. Kỹ năng xây dựng, duy trì cấu trúc nhóm.
- 22.2.8. Kỹ năng xây dựng và phát triển các chuẩn mực nhóm.
- 22.2.9. Kỹ năng thích ứng với áp lực nhóm.
- 22.2.10. Kỹ năng phát hiện và giải quyết xung đột nhóm.
- 22.2.11. Kỹ năng định hướng dư luận xã hội trong nhóm.
- 22.2.12. Kỹ năng đánh giá các mức độ hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý xã hội.
- 22.2.13. Kỹ năng vận dụng các quy luật hình thành các hiện tượng tâm lý xã hội vào đời sống, học tập.
- 22.2.14. Kỹ năng làm việc nhóm.
- 22.2.15. Kỹ năng thuyết trình (báo cáo kết quả làm việc nhóm).
- 22.2.16. Kỹ năng tranh biện chéo giữa các thành viên và các nhóm.
- 22.2.17. Kỹ năng phân tích – tổng hợp, so sánh và phân loại các mối quan hệ xã hội.
- 22.2.18. Kỹ năng đánh giá chức năng, vai trò của các mối quan hệ xã hội đối với sự hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách cá nhân.
- 22.2.19. Kỹ năng xây dựng và phát triển các mối quan hệ liên nhân cách của cá nhân trong cuộc sống và học tập.

## **22.3. Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm**

- 22.3.1. Độc lập nghiên cứu, vận dụng các kiến thức của môn học vào giải quyết những vấn đề nảy sinh trong học tập, cuộc sống và nghề nghiệp sau này.
- 22.3.2. Tương tác với các thành viên khác trong nhóm học tập, nhóm xã hội khác (tổ chức, cơ quan...) nhằm đạt được các mục tiêu học tập, nghiên cứu và các nhiệm vụ được giao.
- 22.3.3. Làm chủ bản thân và quản lý tốt các mối quan hệ xã hội với người khác trong quá trình học tập, công việc và cuộc sống.

## **23. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học**

### **23.1. Lý thuyết**

| <b>Chương/Chủ đề</b> | <b>Số tiết</b> | <b>Chuẩn đầu ra</b> | <b>Phương pháp</b> | <b>Chuẩn bị của sinh viên</b> |
|----------------------|----------------|---------------------|--------------------|-------------------------------|
|----------------------|----------------|---------------------|--------------------|-------------------------------|



|  |   |  | <b>dạy – học</b>   |  |
|--|---|--|--|--|
| <p>Chương 1. TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI LÀ MỘT KHOA HỌC</p> <p>1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của TLH xã hội</p> <p>1.1.1. Đối tượng của TLH xã hội</p> <p>1.1.2. Nhiệm vụ của TLH xã hội</p> <p>1.2. Sơ lược lịch sử hình thành của TLH xã hội</p> <p>1.3. TLH xã hội trong hệ thống các khoa học khác</p> <p>1.4. Cấu trúc của TLH xã hội</p> <p>1.5. Các học thuyết trong TLH xã hội</p>   | 6 | <p>4.1.1.</p> <p>4.2.1.</p> <p>4.2.2.</p> <p>4.3.1.</p>  | <p>- Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>- Đàm thoại gợi mở.</p> <p>- Trực quan: Mô hình, sơ đồ, tranh, video...</p> | <p>Nghiên cứu các tài liệu sau:</p> <p>- [1; Chương 1];</p> <p>- [2; 13-43];</p> <p>- [3; 7 – 118];</p> <p>- [8; 1-10]</p>   |
| <p>Chương 2. CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI</p> <p>2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu</p> <p>2.2. Phương pháp quan sát</p> <p>2.3. Phương pháp phỏng vấn</p> <p>2.4. Phương pháp trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi</p> <p>2.5. Phương pháp thực nghiệm</p> <p>2.6. Phương pháp trắc nghiệm xã hội</p> <p>2.7. Phương pháp đánh giá của nhóm đối với cá nhân.</p>  | 6 | <p>4.1.2.</p> <p>4.2.3.</p> <p>4.2.4.</p> <p>4.2.5.</p> <p>4.3.1.</p>  | <p>- Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>- Đàm thoại gợi mở.</p> <p>- Trực quan: Mô hình, sơ đồ, tranh, video...</p> | <p>Nghiên cứu các tài liệu sau:</p> <p>- [1; Chương II];</p> <p>- [2; 44-57];</p> <p>- [8; 11-12]</p>  |
| <p>Chương 3. NHÓM</p> <p>3.1. Lịch sử nghiên cứu nhóm trong tâm lý học xã hội</p> <p>3.2. Khái niệm nhóm và phân loại nhóm</p> <p>3.2.1. Khái niệm nhóm</p> <p>3.2.2. Phân loại nhóm</p> <p>3.3. Động thái nhóm</p> <p>3.3.1. Khái niệm động thái nhóm</p> <p>3.3.2. Sự cố kết nhóm</p> <p>3.2.3. Cấu trúc nhóm</p> <p>3.2.4. Chuẩn mực nhóm</p> <p>3.2.5. Áp lực nhóm</p> <p>3.2.6. Xung đột nhóm</p> <p>3.2.7. Định kiến</p> | 6 | <p>4.1.3.</p> <p>4.2.6.</p> <p>4.2.7.</p> <p>4.2.8.</p> <p>4.2.9.</p> <p>4.2.10.</p> <p>4.2.11.</p> <p>4.3.2.</p>    | <p>- Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>- Đàm thoại gợi mở.</p> <p>- Trực quan: Mô hình, sơ đồ, tranh, video...</p> | <p>Nghiên cứu các tài liệu:</p> <p>- [1; Chương 3];</p> <p>- [2; 58-148];</p> <p>- [3; 119-242];</p> <p>- [4; 59-117];</p> <p>- [6; 273-306];</p> <p>- [7; Chương 4, 5, 6, 7, 8 và 9];</p> <p>- [8; 70-116];</p> <p>- [9].</p> |
| <p>Chương 4. CÁC HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ XÃ HỘI</p> <p>4.1. Các hiện tượng tâm lý xã hội</p> <p>4.1.1. Bầu không khí tâm lý</p> <p>4.1.2. Tâm trạng xã hội</p> <p>4.1.3. Truyền thống</p> <p>4.1.4. Dự luận xã hội</p> <p>4.2. Các quy luật hình thành tâm lý xã hội</p>   | 6 | <p>4.1.4.</p> <p>4.2.12.</p> <p>4.2.13.</p> <p>4.2.14.</p> <p>4.2.15.</p> <p>4.2.16.</p> <p>4.3.2.</p> <p>4.3.3.</p> | <p>- Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>- Đàm thoại gợi mở.</p> <p>- Trực quan: Mô hình, sơ đồ, tranh, video...</p> | <p>Nghiên cứu các tài liệu sau:</p> <p>- [1; Chương 4];</p> <p>- [2; 252- 340];</p> <p>- [4; 36 – 58];</p> <p>- [5];</p> <p>- [8; 19-69];</p> <p>- [9].</p> <p>- Làm việc nhóm theo sự</p>                                     |

|  |           |  |  |   |
|--|-----------|--|--|---|
| <p>4.2.1. Quy luật kế thừa<br/>4.2.2. Quy luật lây lan<br/>4.2.3. Quy luật bất chước<br/>4.2.4. Quy luật tác động qua lại</p>  |           |  | <p>- Làm việc nhóm.<br/>- Sê mi na.</p>  | <p>hướng dẫn của giảng viên với những vấn đề sau:<br/>1) Vai trò của quy luật kế thừa trong tâm lý xã hội .<br/>2) Trình bày những nội dung của quy luật lây lan, từ đó rút ra những kết luận để áp dụng quy luật này vào thực tiễn.<br/>3) Thống kê những hiện tượng tâm lý xã hội điển hình nhất được hình thành chủ yếu bằng quy luật bất chước. Phân tích và chứng minh.<br/>4) Quy luật tác động qua lại có vai trò gì với quá trình hội nhập và giao thoa văn hóa ngày nay?</p> |
| <p>Chương 5. QUAN HỆ LIÊN NHÂN CÁCH VÀ SỰ HOÀN THIỆN NHÂN CÁCH<br/>5.1. Quan hệ xã hội<br/>5.1.1. Khái niệm<br/>5.1.2. Các quan niệm khác nhau về vai trò của QHXXH đối với sự hình thành tâm lý người.<br/>5.1.3. Quá trình hình thành các mối quan hệ xã hội<br/>5.1.4. Vấn đề xã hội hóa cá nhân<br/>5.2. Quan hệ liên nhân cách<br/>5.2.1. Khái niệm<br/>5.2.2. Những yếu tố tâm lý xã hội của quan hệ liên nhân cách<br/>5.2.3. Sự phát triển quan hệ liên nhân cách<br/>5.2.4. Điều kiện để gia nhập vào các quan hệ liên nhân cách<br/>5.3. Giao tiếp là biểu hiện cụ thể của các quan hệ xã hội và quan hệ liên nhân cách<br/>5.4. Quan hệ liên nhân cách trong nhà trường và ngoài xã hội</p> | <p>6</p>  | <p>4.1.5.<br/>4.2.17.<br/>4.2.18.<br/>4.2.19.<br/>4.3.3.</p> | <p>- Thuyết trình nêu vấn đề.<br/>- Đàm thoại gợi mở.<br/>- Trực quan: Mô hình, sơ đồ, tranh, video...</p> | <p>Nghiên cứu các tài liệu”<br/>- [1; Chương 5];<br/>- [2; 341-400];<br/>- [3; 243-356];<br/>- [4; 118-151];<br/>- [5; 130 -257];<br/>- [6; 168-218];<br/>- [7];<br/>- [9].</p>   |
| <p>Tổng</p>  | <p>30</p> |  |  |   |

## 23.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có)

## 24. Tài liệu học tập

| S<br>T<br>T | Tên tác giả                            | Tên tài liệu  | Năm xuất bản | Nhà xuất bản  | Địa chỉ khai thác tài liệu (6) | Mục đích sử dụng |           |
|-------------|--|---|--------------|---------------|--------------------------------|------------------|-----------|
|             |  |   |              |               |                                | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1           | Đình Ngọc Thắng                        | Bài giảng: Tâm lý học xã hội                        | 2010         |               | Thư viện ĐHĐT                  | X                |           |
| 2           | Trần Hiệp                              | Tâm lý học xã hội những vấn đề lý luận              | 1996         | Viện TLH      | Thư viện, Giảng viên           | X                |           |
| 3           | Vũ Dũng                                | Tâm lý học xã hội                                   | 2000         | KHXH          | Thư viện, Giảng viên           | X                |           |
| 4           | Khoa Tâm lý xã hội Học viện CTQG - HCM | Tâm lý học xã hội trong công tác lãnh đạo – quản lý | 1995         | TTVH          | Giảng viên                     |                  | X         |
| 5           | Nguyễn Thị Hồng Nga                    | Hành vi con người và môi trường xã hội              | 2010         | LĐ -XH        | Giảng viên                     |                  | X         |
| 6           | Nguyễn Văn Khang                       | Ngôn ngữ học xã hội những vấn đề cơ bản             | 1999         | KHXH          | Giảng viên                     |                  | X         |
| 7           | Nguyễn Xuân Nghĩa                      | Xã hội học  | 2006         | ĐH Mở TP. HCM | Giảng viên                     |                  | X         |
| 8           | Vũ Mộng Đóa                            | Tâm lý học xã hội                                   | 2007         | ĐH Đà Lạt     | Giảng viên                     |                  | X         |
| 9           | C. George Boeree (Nguyễn Hồng Trang)   | Tâm lý học xã hội                                   |              | Internet      | Giảng viên                     |                  | X         |

## 25. Quy định đối với sinh viên

- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập và nghiên cứu tài liệu theo chỉ dẫn của “Đề cương chi tiết môn học”.
- Vắng không quá 20 % số tiết trên lớp của môn học.
- Làm việc nhóm và các bài tự luận (KTTK) đầy đủ.

## 26. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá    | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)                      | Chuẩn đầu ra                                  | Trọng số |
|--------------|-----------------------|---|---|----------|
| 1            | Bài tập tự nghiên cứu | Chương 2. Chọn một (hoặc một số) các phương pháp nghiên cứu | - Kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu | 0,2      |

|          |   |   |   |            |
|----------|---|---|---|------------|
|          |   | cứu tâm lý học xã hội để thiết kế một bộ công cụ nhằm tìm hiểu một hiện tượng tâm lý xã hội mà sinh viên quan tâm.  | để bước đầu khám phá bản chất một số các hiện tượng xã hội xung quanh.<br><br>- Kỹ năng lựa chọn, kết hợp các phương pháp nghiên cứu.   |            |
| <b>2</b> | - Làm việc nhóm<br><br>- Báo cáo Cêmina kết quả thảo luận nhóm.<br><br>- Tranh biện chéo giữa các thành viên và các nhóm. | Chương 3.<br><br>1) Vai trò của quy luật kế thừa trong tâm lý xã hội .<br><br>2) Trình bày những nội dung của quy luật lây lan, từ đó rút ra những kết luận để áp dụng quy luật này vào thực tiễn.<br><br>3) Thống kê những hiện tượng tâm lý xã hội điển hình nhất được hình thành chủ yếu bằng quy luật bất chước. Phân tích và chứng minh.<br><br>4) Quy luật tác động qua lại có vai trò gì với quá trình hội nhập và giao thoa văn hóa ngày nay? | - Mô tả, hiểu những kiến thức cơ bản về các hiện tượng đặc trưng của tâm lý xã hội và các quy luật hình thành chúng.<br><br>- Kỹ năng phân biệt các loại hiện tượng tâm lý xã hội và các giai đoạn hình thành, phát triển của chúng.<br><br>- Kỹ năng đánh giá các mức độ hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý xã hội.<br><br>- Kỹ năng vận dụng các quy luật hình thành các hiện tượng tâm lý xã hội vào đời sống, học tập.<br><br>- Kỹ năng làm việc nhóm.<br><br>- Kỹ năng thuyết trình (báo cáo kết quả làm việc nhóm).<br><br>- Kỹ năng tranh biện chéo giữa các thành viên và các nhóm. | <b>0,2</b> |
| <b>3</b> | <b>Thi kết thúc học phần</b>  | <b>Toàn bộ môn học</b>  |   | <b>0,6</b> |

|  |                  |  |  |  |
|--|------------------|--|--|--|
|  | <b>(Tự luận)</b> |  |  |  |
|--|------------------|--|--|--|

*Đông Tháp, ngày 20 tháng 08 năm 2019*

**Trưởng khoa**

**P. Trưởng bộ môn**

**Giảng viên**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Đinh Ngọc Thắng**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**  
**KHOA VĂN HÓA DU LỊCH**  
**BỘ MÔN CÔNG TÁC XÃ HỘI**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần**

Tên học phần: **CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC**

Mã lớp học phần: **SO4290**

Số tín chỉ: **02**

Số tiết tín chỉ: **30 tiết (30/0/60)**

Học kỳ:

Năm học:

**2. Thông tin về giảng viên:**

**2.1. Giảng viên 1**

Họ và tên: KIỀU VĂN TU

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0982103342

Email: [kvtu@dthu.edu.vn](mailto:kvtu@dthu.edu.vn)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

**2.2. Giảng viên 2**

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0989216484

Email: [nguyenbichhung82@gmail.com](mailto:nguyenbichhung82@gmail.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

**3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần**

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác xã hội trong trường học, trang bị cơ sở pháp lý, cơ sở lý luận cho sinh viên, xác định những vấn đề cơ bản nảy sinh trong trường học, từ đó đưa ra những công cụ can thiệp phù hợp với các nhóm thân chủ là người học khác nhau, rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để làm việc có hiệu quả, trong đó nhấn mạnh đến các kỹ năng như quan sát, đánh giá vấn đề, tham vấn, can thiệp khủng hoảng,... giúp sinh viên có thể chủ động, tự tin khi thực hành nghề nghiệp trong môi trường trường học.

**4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra**

**4.1 Kiến thức**

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1.1. Trình bày được khái niệm, đặc điểm, đối tượng, nhiệm vụ của công tác xã hội trong trường học cũng như lịch sử phát triển công tác xã hội trường học trên thế giới và ở Việt Nam;

4.1.2. Phân tích được vai trò của công tác xã hội trong trường học, giá trị và đạo đức nghề nghiệp trong thực hành công tác xã hội trường học;

4.1.3. Trình bày được các cơ sở pháp lý của công tác xã hội trong trường học;

4.1.4. Phân tích được đặc thù của môi trường trường học và một số vấn đề xã hội nảy sinh tác động đến trường học;

4.1.5. Phân tích và vận dụng các lý thuyết trong công tác xã hội trong trường học và các mô hình trợ giúp, can thiệp của nhân viên công tác xã hội trường học trong trợ giúp thân chủ;

4.1.6. Phân tích và vận dụng được các phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, quản lý trường hợp, tham vấn và các kỹ năng trong thực hành công tác xã hội trường học;

4.1.7. Vận dụng được các kiến thức và kỹ năng đã học trong thực hành công tác xã hội với một số vấn đề trong trường học như: Bạo lực học đường, lạm dụng tình dục, vấn đề HIV/AIDS, nghiện game online, áp lực học tập, giới tính và sức khỏe sinh sản.

## 4.2. Kỹ năng

Vận dụng các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng quan sát, kỹ năng giải quyết xung đột và mâu thuẫn nhóm,.. để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong trường học như vấn đề áp lực học tập và thi cử, vấn đề bạo lực học đường, vấn đề lạm dụng tình dục,...

## 4.3. Thái độ

4.3.1. Tích cực tham gia các hoạt động học tập như: thảo luận, trải nghiệm, chia sẻ kinh nghiệm, sắm vai, xử lý tình huống;

4.3.2. Chủ động, tự tin hơn khi làm việc với học sinh, sinh viên ở các lứa tuổi khác nhau, các thầy cô giáo, phụ huynh học sinh và các nhà quản lý giáo dục;

4.3.3. Tự giác tuân thủ các giá trị và đạo đức nghề nghiệp trong thực hành công tác xã hội trường học.

## 5. Nội dung học phân và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề        | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|----------------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
| CHƯƠNG 1 – NHỮNG VẤN | 8       | 4.1.1        | GV thuyết             | SV nghiên cứu và đọc   |

|   |                 |   |   |  |
|---|-----------------|---|---|--|
| <p><b>ĐỀ CHUNG VỀ TRƯỜNG HỌC VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG HỌC</b></p> <p>1.1. Những vấn đề chung về trường học</p> <p>1.1.1. Một số vấn đề nảy sinh tác động đến trường học</p> <p>1.1.1.1. Vấn đề nảy sinh từ chính học sinh;</p> <p>1.1.2. Vấn đề nảy sinh giữa các học sinh;</p> <p>1.1.3. Vấn đề nảy sinh giữa thầy cô với học sinh;</p> <p>1.1.4. Vấn đề nảy sinh giữa gia đình với học sinh.</p> <p>1.2. Khái niệm công tác xã hội trường học.</p> <p>1.3. Lịch sử hình thành và phát triển công tác xã hội trường học.</p> <p>1.4. Đối tượng nghiên cứu của công tác xã hội trường học.</p> <p>1.5. Mục đích của công tác xã hội trong trường học.</p> <p>1.6. Nhiệm vụ của công tác xã hội trường học.</p> <p>1.7. Vai trò của công tác xã hội trường học.</p> |                 | <p>4.1.2</p> <p>4.1.4</p> <p>4.2</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> <p>4.3.3</p> | <p>trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo.</p>           | <p><b>[1], thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối tượng của công tác xã hội trường học.</li> <li>2. Nhiệm vụ của công tác xã hội trường học.</li> <li>3. Vai trò của công tác xã hội trường học.</li> </ol> <p><b><u>Thảo luận:</u></b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công tác xã hội trường học có vai trò như thế nào với học sinh, với phụ huynh, với thầy cô giáo, với các nhà quản lý giáo dục? Lấy ví dụ thực tiễn để minh họa?</li> <li>2. Hãy nêu và phân tích những khó khăn của nhân viên công tác xã hội trường học khi thực hiện vai trò và nhiệm vụ của mình. Đề xuất giải pháp khắc phục những khó khăn đó?</li> </ol> |
| <p><b>CHƯƠNG 2 – CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG HỌC</b></p> <p>2.1. Luật Giáo dục Việt Nam.</p> <p>2.2. Luật Trẻ em.</p> <p>2.3. Các quy định về giáo dục hoà nhập.</p> <p>2.4. Quy chế trường học.</p>   | <p><b>4</b></p> | <p>4.1.3</p> <p>4.2</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> <p>4.3.3</p>              | <p>GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo.</p> | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1], trả lời các câu hỏi sau:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tìm những câu chuyện, những tình huống có vấn đề trong cuộc sống liên quan đến học sinh, giáo viên, trường học,...gây tác động đến trường học.</li> <li>2. Tình huống: T trên đường đi học về bị một</li> </ol>   |



|  |          |  |   |  |
|--|----------|--|---|--|
|  |          |  |   | <p>nhóm 5 em mặc đồng phục của một trường THCS đánh hội đồng, nhóm này đã túm tóc, đánh đập, tát vào mặt. Thậm chí tiêu tiện vào đầu nam sinh khiến nhiều người vô cùng bức xúc. Mặc dù đã được can ngăn nhưng họ vẫn tiếp tục cho đến khi T bị ngắt đi.</p> <p>- Vấn đề trong tình huống là gì?</p> <p>- Ai là người xử lý?</p>   |
| <p><b>CHƯƠNG 3 – CÁC LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH TRỢ GIÚP CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG HỌC</b></p> <p>3.1. Các lý thuyết vận dụng trong công tác xã hội trường học</p> <p>3.1.1. Lý thuyết hệ thống;</p> <p>3.1.2. Lý thuyết sinh thái;</p> <p>3.1.3. Thuyết nhu cầu;</p> <p>3.1.4. Thuyết thân chủ trọng tâm;</p> <p>3.1.5. Thuyết động năng tâm lý;</p> <p>3.1.6. Thuyết nhận thức hành vi;</p> <p>3.1.7. Thuyết phát triển tâm lý xã hội;</p> <p>3.1.8. Thuyết phát triển nhận thức</p> <p>3.1.9. Thuyết tổn thương tâm lý;</p> <p>3.1.10. Thuyết học tập xã hội;</p> <p>3.1.11. Thuyết thực nghiệm xã hội;</p> <p>3.1.12. Thuyết trao đổi xã hội;</p> <p>3.1.13. Thuyết xung đột xã hội;</p> <p>3.1.14. Thuyết vai trò.</p> | <b>5</b> | <p>4.1.5</p> <p>4.2</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> <p>4.3.3</p> | <p>GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo.</p> | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1]; [6]; thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p>1. Trình bày nội dung cơ bản của từng lý thuyết và những ứng dụng của nó trong công tác xã hội trường học.</p> <p>2. Phân tích tình huống (theo yêu cầu của giảng viên) để áp dụng từng lý thuyết để giải quyết vấn đề của thân chủ.</p> <p>3. Tìm hiểu trước về các mô hình hỗ trợ học sinh trong các trường học hiện nay, hiệu quả của các mô hình đó.</p> <p>4. <b>Thảo luận:</b> Là một nhân viên công tác xã hội trường học, bạn sẽ làm gì để mô hình Tổ hỗ trợ học sinh và Mô hình hợp tác gia đình – nhà</p> |

|   |                 |  |  |   |
|---|-----------------|--|--|---|
| <p>3.2. Mô hình trợ giúp của công tác xã hội trường học</p> <p>3.2.1. Mô hình tổ hỗ trợ học sinh;</p> <p>3.2.2. Mô hình hợp tác gia đình – nhà trường – cộng đồng;</p> <p>3.2.3. Mô hình phòng ngừa.</p>  |                 |  |  | <p>trường – cộng đồng và các mô hình phòng ngừa được triển khai rộng rãi trong các trường học?</p>  |
| <p><b>CHƯƠNG 4 – PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ NĂNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG HỌC</b></p> <p>4.1. Phương pháp trợ giúp, can thiệp của nhân viên công tác xã hội trong trường học</p> <p>4.1.1. Công tác xã hội cá nhân trong trường học;</p> <p>4.1.2. Công tác xã hội nhóm trong trường học;</p> <p>4.1.3. Quản lý trường hợp trong trường học.</p> <p>4.2. Tham vấn</p> <p>4.3. Kỹ năng trong công tác xã hội trường học</p> <p>4.3.1. Kỹ năng quan sát;</p> <p>4.3.2. Kỹ năng biện hộ;</p> <p>4.3.3. Kỹ năng thuyết phục;</p> <p>4.3.4. Kỹ năng tìm kiếm nguồn lực;</p> <p>4.3.5. Kỹ năng giải quyết xung đột, mâu thuẫn;</p> <p>4.3.6. Kỹ năng tổ chức các trò chơi nhóm, tập thể.</p> | <p><b>8</b></p> | <p>4.1.6</p> <p>4.2</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> <p>4.3.3</p> | <p>GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo; Xử lý bài tập tình huống mà GV đưa ra.</p> | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1]; [2]; [3]; [4], [5]; [6], thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p>1. Phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, quản lý ca và tham vấn được ứng dụng như thế nào trong trường học?</p> <p>2. Tại sao người làm công tác xã hội chuyên nghiệp trong trường học cần áp dụng phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, quản lý ca, tham vấn? Hãy nêu những ví dụ thực tiễn để thấy tầm quan trọng của các phương pháp này?</p> <p>3. Bạn sẽ làm gì để trợ giúp nhóm học sinh tiểu học thường xuyên bị bắt nạt?</p> <p>4. Thảo luận: Thực hành tình huống rèn các kỹ năng (theo yêu cầu của giảng viên).</p> <p>5. Mỗi sinh viên thiết kế một trò chơi cho lớp.</p> |

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
| <p><b>CHƯƠNG 5 – CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG TRƯỜNG HỌC</b></p> <p>5.1. Công tác xã hội trường học với vấn đề bạo lực học đường.</p> <p>5.2. Công tác xã hội trường học với vấn đề học sinh khuyết tật.</p> <p>5.3. Công tác xã hội trường học với học sinh bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.</p> <p>5.4. Công tác xã hội trường học với học sinh bị lạm dụng.</p> <p>5.5. Công tác xã hội trường học với học sinh nghiện game online.</p> <p>5.6. Công tác xã hội trường học với học sinh bị áp lực học tập.</p> <p>5.7. Công tác xã hội trường học với vấn đề giới tính và sức khoẻ sinh sản.</p> |  | <p>GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo; Xử lý bài tập tình huống mà GV đưa ra.</p> | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1]; [2]; [3]; [4], [5]; [6], trả lời các câu hỏi sau:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nhân viên công tác xã hội học đường có vai trò gì trong việc phòng chống và trợ giúp giải quyết vấn đề bạo lực học đường?</li> <li>2. Quan điểm và thái độ của anh/chị đối với vấn nạn bạo lực học đường hiện nay? Phân tích về các nguyên nhân của bạo lực học đường, từ đó đề xuất biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi vấn nạn bạo lực học đường.</li> <li>3. Học sinh khuyết tật học hoà nhập có thể gặp phải những vấn đề khó khăn nào? Những vấn đề đó ảnh hưởng như thế nào đến việc học hoà nhập? Đề xuất những giải pháp hỗ trợ học sinh khuyết tật học hoà nhập.</li> <li>4. Xây dựng tình huống và làm bài tập thực hành hỗ trợ học sinh sinh viên bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS hoà nhập học đường theo tiến trình công tác xã hội cá nhân, nhóm và tham vấn.</li> <li>5. Hãy cho biết vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc trợ giúp học sinh sinh viên</li> </ol> |
|--|--|--|--|

|             |           |  |  |  |
|-------------|-----------|--|--|--|
|             |           |  |  | <p>có và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.</p> <p>6. Xây dựng tình huống và làm bài tập thực hành hỗ trợ học sinh sinh viên bị lạm dụng/xâm hại hoà nhập học đường theo tiến trình công tác xã hội cá nhân, nhóm và tham vấn.</p> <p>7. Phân tích về tính hai mặt của Internet. Việc nghiện game online có những ảnh hưởng như thế nào đến phát triển thể chất, trí tuệ và nhân cách của học sinh sinh viên?</p> <p>8. Áp lực học tập có tác động như thế nào đối với người học? Liên hệ thực tế và đề xuất ý kiến cũng như giải pháp nhằm giảm áp lực học tập cho người học?</p> <p>9. Theo anh/chị, vấn đề giới tính và sức khoẻ sinh sản nên được đưa vào giảng dạy trong nhà trường ở cấp học nào? Đề xuất những nội dung giảng dạy cụ thể theo cấp học đó.</p> |
| <b>TỔNG</b> | <b>30</b> |  |  |  |

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| <b>Chương/Chủ đề</b> | <b>Số tiết</b> | <b>Chuẩn đầu ra</b> | <b>Phương pháp dạy – học</b> | <b>Chuẩn bị của sinh viên</b> |
|----------------------|----------------|---------------------|------------------------------|-------------------------------|
|----------------------|----------------|---------------------|------------------------------|-------------------------------|

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả                             | Tên tài liệu                                      | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|---|---|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |   |   |              |              |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Kiều Văn Tu (Tổng hợp)                  | Tài liệu học tập Công tác xã hội trong trường học | 208          | ĐHĐT         | Phòng BM                   | x                |           |
| 2   | Nguyễn Thị Oanh                         | Tư vấn tâm lý học đường (Tập 1)                   | 2003         | NXB Trẻ      | Thư viện                   |                  | x         |
| 3   | Nguyễn Thị Oanh                         | Tư vấn tâm lý học đường (Tập 2)                   | 2006         | NXB Trẻ      | Thư viện                   |                  | x         |
| 4   | Nguyễn Thị Oanh                         | Tư vấn tâm lý học đường (Tập 3)                   | 2008         | NXB Trẻ      | Thư viện                   |                  | x         |
| 5   | Kiến Văn;<br>Lý Chủ Hưng                | Tư vấn tâm lý học đường                           | 2007         | Phụ nữ       | Thư viện                   |                  | x         |
| 6   | Nguyễn Thị Thái Lan<br>Bùi Thị Xuân Mai | Giáo trình Công tác xã hội cá nhân và gia đình    | 2014         | LĐ-XH        | Phòng BM                   |                  | x         |

## 7. Quy định đối với sinh viên

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 5.

## 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá          | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)   | Chuẩn đầu ra  | Trọng số |
|--------------|-----------------------------|--|---|----------|
| 1            | Điểm chuyên cần             | Tham dự lớp đầy đủ (30/30);<br>Tích cực thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến, quan điểm. | 4.3.1; 4.3.2;<br>4.3.3  | 0.1      |
| 2            | Báo cáo nhóm;<br>Tiểu luận. | Chương 1; 3; 4;5   | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.2.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.1.6;<br>4.1.7; 4.2 | 0.1      |

|   |                            |                  |   |     |
|---|----------------------------|------------------|---|-----|
| 3 | Điểm kiểm tra giữa kỳ      | Chương 3; 4      | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.2.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.1.6;<br>4.1.7; 4.2 | 0.2 |
| 4 | Điểm thi kết thúc học phần | Chương 1; 3; 4;5 | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.2.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.1.6;<br>4.1.7; 4.2 | 0.6 |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**P. TRƯỞNG KHOA**

**P.TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Kiều Văn Tu**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Khoa Văn hóa – Du lịch

Bộ môn Công tác xã hội

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Công tác xã hội với người nghiện

Mã lớp học phần:

Số tín chỉ: 2

Số tiết tín chỉ: 30

Học phần điều kiện:

Học kỳ:

Năm học:

### 2. Thông tin về giảng viên:

-Họ và tên KIỀU VĂN TU

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0982013342

Email: [kvту@dthu.edu.vn](mailto:kvту@dthu.edu.vn)

Đơn vị: Khoa Văn hóa du lịch

-Họ và tên: Trần Văn Luận

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0947272224

Email: [tvluan@dthu.edu.vn](mailto:tvluan@dthu.edu.vn)

Đơn vị công tác: Phòng Thanh tra pháp chế

### 3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần

Trong công tác trợ giúp điều trị nghiện, đặc biệt là nghiện ma túy rất cần có những can thiệp mang tính chuyên môn với sự trợ giúp của các nhân viên công tác xã hội thông qua chức năng tham vấn, giáo dục, biện hộ, kết nối nguồn lực... giúp người nghiện ma túy và gia đình, cộng đồng được tăng cường kiến thức, năng lực, thay đổi suy nghĩ từ đó tiến tới thay đổi hành vi theo hướng tích cực.

### 4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức

4.1.1 Làm rõ những vấn đề tổng quan của công tác xã hội với người nghiện như hiểu biết về tâm lý của người nghiện, các nguyên tắc hành động, tiến trình giải quyết vấn đề, các kỹ năng cần có trong thực hành.

4.1.2 Hiểu rõ tiến trình giải quyết vấn đề, các kỹ năng cần có trong thực hành.

#### 4.2. Kỹ năng

4.2.1 phân tích, đánh giá đối với từng trường hợp của công tác xã hội với người nghiện..

4.2.2 Đánh giá vấn đề đối với từng trường hợp của công tác xã hội.

#### 4.3. Thái độ

4.3.1 Tự tin ứng dụng kiến thức đã học để thực hành những trường hợp cụ thể

4.3.2 Giúp đỡ các đối tượng của CTXH với người nghiện: người nghiện, NVXH, gia đình người nghiện...

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra                     | Phương pháp dạy – học             | Chuẩn bị của sinh viên   |
|---|---------|----------------------------------|-----------------------------------|--|
| <p><b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CHẤT GÂY NGHIỆN</b></p> <p><b>I. Định nghĩa chất gây nghiện</b></p> <p><b>II. Phân loại chất gây nghiện</b></p> <p>1. Mức độ hợp pháp</p> <p>2. Sử dụng trong y tế</p> <p>3. Phân loại theo nguồn gốc</p> <p>4. Phân loại theo tác dụng chủ yếu của chất gây nghiện với hệ thần kinh trung ương</p> <p><b>III. Lịch sử chất gây nghiện</b></p> <p><b>IV. Tình hình sử dụng chất gây nghiện trên thế giới và Việt Nam</b></p> <p><b>V. Một số chất gây nghiện phổ biến ở Việt Nam – Tác động và hệ quả</b></p> <p>1. Một số chất gây nghiện không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam</p> <p>2. Heroin</p> <p>3. Thuốc lắc - Ecstasy</p> <p>4. Methamphetamine</p> <p>5. Cần sa</p> | 5       | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.2<br>4.3.2 | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1, chương 1,2; tham khảo tài liệu số 2-4 |



|  |   |  |   |   |
|--|---|--|---|---|
| <b>VI. Tác động và hậu quả của việc sử dụng chất gây nghiện</b>  |   |  |   |   |
| <b>CHƯƠNG 2: CÁC LÝ THUYẾT VỀ NGHIỆN MA TÚY</b><br><b>I. Thuyết sinh học</b><br><b>II. Các thuyết Tâm lý học</b><br>1. Thuyết phân tâm<br>2. Thuyết nhận thức xã hội<br>3. Thuyết hành vi - Học tập xã hội<br>4. Thuyết hệ thống<br>5. Thuyết các yếu tố xã hội<br><b>III. Các học thuyết xã hội học</b><br>1. Mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng chất gây nghiện<br>2. Một số tiếp cận xã hội học về nghiện ma túy | 7 | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết<br>trình<br>Thảo luận<br>nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 3,4;, tham khảo tài liệu số 2-4,   |
| <b>CHƯƠNG 3: NGHIỆN MA TÚY</b><br><b>I. Khái niệm nghiện</b><br><b>II. Nguyên nhân và hình thái sử dụng chất gây nghiện</b><br>1. Nguyên nhân sử dụng chất gây nghiện<br>2. Các hình thái sử dụng chất gây nghiện <b>ỤC LỤC</b><br>3. Mô hình tương tác của sử dụng chất gây nghiện<br>4. Cơ chế gây nghiện – Cơ sở sinh học của nghiện<br><b>III. Chẩn đoán lệ thuộc chất gây nghiện</b>                                      | 7 | 4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2                            | GV thuyết<br>trình<br>Thảo luận<br>nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 4,5;, tham khảo tài liệu số 2-4,   |
| <b>CHƯƠNG 4: MỐI QUAN HỆ GIỮA MA TÚY VÀ HIV, KỶ THỊ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY</b>   | 5 | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3.1          | GV thuyết<br>trình<br>Thảo luận<br>nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 5,6; tham khảo tài liệu số 5-7,<br>Nghiên cứu các trường hợp, tình huống trong thực tế |

|   |   |  |   |  |
|---|---|--|---|--|
| <p><b>I. Môi quan hệ giữa ma túy và HIV</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khái niệm HIV/AIDS</li> <li>2. Con đường lây truyền HIV/AIDS</li> <li>3. Ảnh hưởng của việc sử dụng chất gây nghiện và HIV/AIDS</li> </ol> <p><b>II. Kỳ thị và phân biệt đối xử với người sử dụng ma túy</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khái quát chung về kỳ thị</li> <li>2. Tại sao người sử dụng ma túy bị kỳ thị?</li> <li>3. Ứng phó với sự kỳ thị</li> </ol>   |   | 4.3.2  |   |  |
| <p><b>CHƯƠNG 5: CHÍNH SÁCH VÀ CÁC CAN THIỆP VỚI VẤN ĐỀ SỬ DỤNG CHẤT GÂY NGHIỆN</b></p> <p><b>I. Giới thiệu các tiếp cận về chất gây nghiện</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hướng tiếp cận truyền thống</li> <li>2. Hướng tiếp cận mới</li> <li>3. Các cấu phần trong mô hình hệ thống dịch vụ toàn diện</li> </ol> <p><b>II. Đáp ứng của Việt Nam với vấn đề ma túy</b></p> <p><b>III. Vai trò của các đối tác trong trợ giúp người nghiện trong trị liệu</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Vai trò của Nhà nước</li> <li>2. Vai trò của cộng đồng, các tổ chức, đoàn thể</li> <li>3. Vai trò của gia đình</li> <li>4. Vai trò của nhân viên công tác xã hội</li> </ol> | 6 | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3.1<br>4.3.2 | Bài tập cá nhân và bài tập nhóm<br>Thảo luận nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 5,6; tham khảo tài liệu số 5-7,<br>Nghiên cứu các trường hợp, tình huống trong thực tế<br>Sinh viên làm các bài tập<br>Ôn tập |

|             |           |  |  |  |
|-------------|-----------|--|--|--|
| <b>Tổng</b> | <b>30</b> |  |  |  |
|-------------|-----------|--|--|--|

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả                  | Tên tài liệu  | Năm xuất bản | Nhà xuất bản                      | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|------------------------------|---|--------------|-----------------------------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                              |   |              |                                   |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Bùi Thị Xuân Mai             | <b>Giáo trình chất gây nghiện và xã hội.</b>                    | 2015         | Trường Đại học Lao động - Xã hội. | Thư viện                   | x                |           |
| 2   | Lê Thị Mỹ Hiền.              | Tài liệu Thực hành quản lý trường hợp với người sử dụng ma túy. | 2012         | Trường Đại học Lao động - Xã hội. | Thư viện                   |                  | x         |
| 3   | Dự án Cầu Vòng               | Công tác xã hội với trẻ em bị nhiễm HIV.                        | 2012         | Dự án Cầu Vòng, Tổ chức WWO       | Thư viện                   |                  | x         |
| 4   | Lê Văn Phú                   | Công tác xã hội   | 2007         | NXB Đại học Quốc gia              | Thư viện                   |                  | x         |
| 5   | Trần Đình Tuấn.              | Công tác xã hội lý thuyết và thực hành                          | 2010         | NXB Đại học Quốc gia              | Thư viện                   |                  | x         |
| 6   | Nguyễn Thị Oanh,             | <i>Công tác xã hội đại cương,</i>                               | 1998         | NXB Đại Học Mở – BC               | Thư viện                   |                  | x         |
| 7   | Nguyễn Thị Nhẫn (dịch 2001). | Công tác xã hội với trẻ em.                                     | 2001         | Đại học Mở Bán công tp HCM.       | Phòng đọc BM               |                  | x         |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

### 7. Quy định đối với sinh viên

Không được vắng học quá 20% số giờ, nếu vi phạm sẽ bị cấm thi

Thưởng điểm những sinh viên tham gia các hoạt động liên quan đến nội dung môn học như nghiên cứu khoa học, các hoạt động thực hành chuyên môn, hoạt động tự nguyện tại cộng đồng... có hiệu quả (được cộng điểm hệ số từ 0.1 đến 0.4)

Trừ điểm những sinh viên có những hành vi vi phạm các qui định của Nhà trường, vi phạm đạo đức với giảng viên và sinh viên trong lớp học và tại các cơ sở thực hành liên quan đến nội dung môn học; không làm các bài tập của giảng viên yêu cầu (trừ điểm hệ số từ 0.1 đến 0.4)

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá   | Nội dung được đánh giá<br>(Chương/Chủ đề)    | Chuẩn đầu ra                              | Trọng số |
|--------------|----------------------|--|---|----------|
| 1            | Kiểm tra             | Nghiệm ma túy                                | 4.1.1;4.1.2<br>4.2.1;4.2.2<br>4.3.1;4.3.2 | 0,2      |
| 2            | Điểm danh            | Chuyên cần, đạo đức, ý thức tham gia học tập | 4.3.1;4.3.2                               | 0.1      |
| 3            | Thảo luận nhóm       | Chương 2,3                                   | 4.1.1;4.1.2<br>4.2.1;4.2.2<br>4.3.1;4.3.2 | 0.1      |
| 4            | Thi kết thúc môn học | Chương 2,3,4,5                               | 4.1.1;4.1.2<br>4.2.1;4.2.2<br>4.3.1;4.3.2 | 0.6      |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Kiều Văn Tu**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

**Khoa: Văn hóa - Du lịch**

**Bộ môn: Công tác xã hội**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Công tác xã hội trong bệnh viện

Mã lớp học phần: SO4113

Số tín chỉ: 3

Số tiết tín chỉ: 45

Học phần điều kiện (*nếu có*): Không

Học kỳ:

Năm học:

### 2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

Họ và tên: Đỗ Thị Thảo

Chức danh, học vị: ThS- Giảng viên

Điện thoại: 0939212945

E-mail: lethanhthaonguyen88@yahoo.com

Đơn vị: Tổ Bộ môn CTXH- Khoa Văn hóa - Du lịch

Giảng viên 2:

Họ và tên: Trần Kim Ngọc

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0983 605 208

Email: kimngoc208@gmail.com

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần

Môn học nhằm mục đích sinh viên ngành công tác xã hội có sự hiểu biết về lĩnh vực thực hành công tác xã hội tại các cơ sở y tế nói chung, trong các bệnh viện nói riêng. Sinh viên được cung cấp các kiến thức cơ bản về chức năng nhiệm vụ của phòng công tác xã hội bệnh viện, phân biệt được vai trò nhân viên công tác xã hội với các nhân viên y tế khác, các khó khăn về thể chất, tâm lý, xã hội của người bệnh, Phương pháp đánh giá tâm lý, xã hội văn hóa, tôn giáo tâm linh ở người bệnh, thân nhân...thông qua đó giúp bệnh nhân và gia đình có kế hoạch, có nguồn lực tài trợ và thích ứng với cuộc sống khi mang bệnh mãn tính, hiểm nghèo.

### 4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức

Sau khi học xong sinh viên có thể trình bày được các nội dung yêu cầu sau:

- 1.1.1 Lịch sử và phạm vi thực hành công tác xã hội trong chăm sóc y tế;
- 1.1.2 Thông tin cơ bản về căn bệnh (mô tả dấu hiệu bệnh, phương pháp chẩn đoán, điều trị, tác dụng phụ của điều trị, vv);
- 1.1.3 Khía cạnh tâm lý, cảm xúc, văn hóa và xã hội của bệnh;
- 1.1.4 Đánh giá, can thiệp tâm lý - xã hội của công tác xã hội cho bệnh nhân, gia đình,
- 1.1.5 Vận động những người quan trọng, những người đã có kinh nghiệm các bệnh giống bệnh nhân tham gia nhóm trị liệu tâm lý-xã hội cho bệnh nhân;
- 1.1.6 Những kiến thức về nhu cầu thay đổi, thích ứng với cuộc sống của bệnh

- nhân và thân nhân bệnh nhân;
- 1.1.7 Phân tích được các yếu tố tác động của căn bệnh đến người bệnh, các thành viên trong gia đình của bệnh và những người khác;
  - 1.1.8 Vai trò và lĩnh vực thực hành công tác xã hội trong chăm sóc bệnh nhân một các toàn diện.
  - 1.1.9 Sử dụng được các công cụ đánh giá tâm sinh lý-văn hóa- môi trường xã hội để đánh giá vấn đề, nhu cầu của người bệnh, thân nhân bệnh nhân.
  - 1.1.10 Phương pháp lập kế hoạch, can thiệp hỗ trợ bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân.
  - 1.1.11 Đánh giá bối cảnh thực hành công tác xã hội ở cơ sở y tế xảy ra;

## 4.2. Kỹ năng

- 4.2.1. Giao tiếp hiệu quả với người bệnh
- 4.2.2. Thu thập thông tin, đánh giá vấn đề tâm-sinh lý-xã hội của bệnh nhân
- 4.2.3. Tham vấn giúp bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe thích ứng với cuộc sống.
- 4.2.4. Phòng ngừa - can thiệp sang chấn tâm lý cho bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân sau biến cố bệnh, mất mát người thân.
- 4.2.5. Vận động nguồn lực hỗ trợ bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân.
- 4.2.6. Xây dựng mạng truyền thông có kết nối với các nguồn lực xã hội khác trên hệ thống mạng Internet hướng đến giáo dục, hỗ trợ bệnh nhân.

## 4.3. Thái độ

Chủ động trong học tập, nghiên cứu và thực hành

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### a. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra   | Phương pháp dạy - học                         | Chuẩn bị của sinh viên   |
|---|---------|--|---|--|
| <p><b>Chương 1. Tổng quan về công tác xã hội trong bệnh viện</b></p> <p>1.1. Điều kiện hình thành và phát triển Công tác xã hội trong bệnh viện</p> <p>1.2. Mục đích, tầm quan trọng công tác xã hội trong bệnh viện.</p> <p>1.3. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện.</p> <p>1.4. Đạo đức nghề công tác xã hội trong bệnh viện</p> | 10      | <p>4.1.1.</p> <p>4.1.8.</p> <p>4.1.11.</p> <p>4.2.6.</p> <p>4.3.</p> | <p>Hỏi đáp-giải thích</p> <p>Thuyết giảng</p> | <p><b>Đọc [1;1-14] trả lời các câu hỏi sau</b></p> <p>1. Trình bày vị trí, chức năng Phòng Công tác xã hội bệnh viện.</p> <p>2. Phân tích tầm quan trọng của công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Liên hệ thực tế.</p> <p>3. Phân tích về các hoạt động hiện có của Phòng Công tác xã hội bệnh viện tại địa phương.</p> <p>4. Trình bày quá trình hình thành và phát triển nghề</p> |

|   |          |   |   |  |
|---|----------|---|---|--|
| <p>1.5. Các tiêu chuẩn nghề công tác xã hội trong các cơ sở chăm sóc y tế .</p>   |          |   |   | <p>công tác xã hội trong bệnh viện của các nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện đầu tiên trên thế giới.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>5. Trình bày các vai trò cơ bản của nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện.</li> <li>6. Sinh viên viết một báo cáo đánh giá về trường hợp bệnh nhân thuộc nhóm người bệnh cần được hỗ trợ từ dịch vụ xã hội đang điều trị nội trú, hoặc điều trị ngoại trú. Bản báo cáo phải thể hiện được các thông tin: yếu tố xã hội, yếu tố tâm lý, yếu tố nguy cơ, yếu tố môi trường của bệnh nhân.</li> <li>7. Trình bày về các qui điều đạo đức nghề công tác xã hội trong bệnh viện.</li> <li>8. Trình bày các tiêu chuẩn nghề công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe.</li> </ol> |
| <p><b>Chương 2. Các lý thuyết về hành vi trong chăm sóc sức khỏe</b></p> <p>2.1. Khái niệm hành vi-sức khỏe</p> <p>2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe</p> <p>    2.2.1. Kiến thức</p> <p>    2.2.2. Niềm tin</p> <p>    2.2.3. Thái độ</p> <p>    2.2.4. Giá trị</p> <p>    2.2.5. Những người ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe</p> <p>    2.2.6. Nguồn lực sẵn có ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe</p> | <p>6</p> | <p>4.1.3</p> <p>4.1.6.</p> <p>4.1.7</p> <p>4.3.</p> | <p>Hỏi đáp-giải thích</p> <p>Thuyết giảng</p> <p>Làm bài tập tình huống</p> | <p><b>Đọc [1;15-30] trả lời các câu hỏi sau</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình bày khái niệm hành vi-sức khỏe.</li> <li>2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe: kiến thức, niềm tin, thái độ, giá trị, các cá nhân, nguồn lực sẵn có và văn hóa ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe</li> <li>3. Phân tích lý thuyết niềm tin sức khỏe</li> <li>4. Phân tích lý thuyết hành động hợp lý và hành vi có kế hoạch trong hành vi sức khỏe.</li> <li>5. Phân tích lý thuyết thay đổi hành vi trong chăm sóc sức khỏe.</li> <li>6. Đọc tình huống được giao cho các nhóm sv, thảo</li> </ol>  |

|   |   |   |   |  |
|---|---|---|---|--|
| <p>2.2.7. Yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe</p> <p>2.3. Các lý thuyết hành vi sức khỏe</p> <p>2.3.1. Lý thuyết niềm tin sức khỏe</p> <p>2.3.2. Lý thuyết hành động hợp lý và hành vi có kế hoạch trong hành vi sức khỏe</p> <p>2.3.3. Lý thuyết thay đổi hành vi trong chăm sóc sức khỏe</p>  |   |   |   | <p>luận nhóm sv.</p> <p>7. Khái niệm sức khỏe-bệnh</p>   |
| <p><b>Chương 3. Tâm lý của người bệnh và các biện pháp tác động đến tâm lý của người bệnh.</b></p> <p>3.1. Khái niệm sức khỏe-bệnh</p> <p>3.2. Tâm lý của người bệnh</p> <p>3.2.1. Tâm lý chung khi mắc bệnh</p> <p>3.2.2. Quá trình nhận thức và phản ứng của bệnh nhân</p> <p>3.2.3. Khái niệm nhận thức</p> <p>3.2.4. Các loại nhận thức của bệnh nhân</p> <p>3.2.5. Các loại phản ứng của bệnh nhân</p> <p>3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý của người bệnh</p> <p>3.5. Các biện pháp tác động đến tâm lý của người bệnh</p> | 6 | <p>4.1.3.</p> <p>4.1.7.</p> <p>4.1.9.</p> <p>4.2.1.</p> <p>4.2.2.</p> <p>4.2.4.</p> <p>4.3.</p> | <p>Hỏi đáp-giải thích</p> <p>Thuyết giảng</p> <p>Làm bài tập tình huống</p> | <p><b>Đọc [1; 31-53] trả lời các câu hỏi sau</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý của người bệnh</li> <li>2. Trình bày các biện pháp tác động đến tâm lý của người bệnh</li> <li>3. Đọc tình huống được giao cho các nhóm sv, thảo luận nhóm sv.</li> </ol> |
| <p><b>Chương 4. Các yếu tố</b></p>  | 6 | 4.1.3.  | Hỏi đáp-  | <p><b>Đọc [1; 54-92] trả lời các câu</b></p>   |



|  |           |   |  |  |
|--|-----------|---|--|--|
| <p><b>tâm linh, gia đình trong chăm sóc cho bệnh nhân</b></p> <p>4.1. Yếu tố Tôn giáo - tâm linh</p> <p>4.1.1. Khái niệm Tôn giáo- tâm linh</p> <p>4.1.2. Chức năng tâm linh trong đời sống con người.</p> <p>4.1.3. Ảnh hưởng của tâm linh đến tinh thần và hiệu quả điều trị của người bệnh</p> <p>4.2. Yếu tố gia đình</p> <p>4.2.1. Khái niệm gia đình</p> <p>4.2.2. Chức năng gia đình</p> <p>4.2.3. Ảnh hưởng gia đình đến tinh thần và hiệu quả điều trị của người bệnh.</p> <p>4.2.4. Thực hành công tác xã hội bệnh viện dựa trên đánh giá, phân tích yếu tố tâm linh- gia đình tạo động lực, nguồn lực giúp đỡ bệnh nhân thích ứng đối phó với bệnh.</p> |           | <p>4.1.4.</p> <p>4.1.5.</p> <p>4.1.6.</p> <p>4.1.8.</p> <p>4.1.9.</p> <p>4.2.1.</p> <p>4.2.2.</p> <p>4.2.3.</p> <p>4.2.4.</p> <p>4.2.5.</p> <p>4.2.6.</p> <p>4.3.</p> | <p>giải thích</p> <p>Thuyết giảng</p> <p>Làm bài tập tình huống</p>          | <p><b>hỏi sau</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống gia đình</li> <li>2. Ảnh hưởng của hệ thống gia đình đến tâm lý-điều trị-đối phó với bệnh tật</li> <li>3. Trình bày vai trò của nhân viên xã hội bệnh viện trong đánh giá-can thiệp-hỗ trợ cho bệnh nhân và gia đình.</li> <li>4. Khái niệm tôn giáo - tâm linh</li> <li>5. Ảnh hưởng của tôn giáo-tâm linh đến tâm lý-điều trị-đối phó với bệnh tật.</li> <li>6. Vai trò của nhân viên xã hội giúp người bệnh trong đánh giá-can thiệp- hỗ trợ tâm linh cho người bệnh và gia đình.</li> </ol> |
| <p><b>Chương 5. Công tác xã hội bệnh viện với bệnh ung thư, bệnh suy thận mãn, chăm sóc giảm nhẹ, chăm sóc cuối đời.</b></p> <p><b>5.1. Bệnh Ung thư</b></p> <p>5.1.1. Khái niệm bệnh ung thư</p> <p>5.1.2. Nguyên nhân-hậu quả của bệnh ung thư</p> <p>5.1.3. Các phương pháp</p>   | <p>12</p> | <p>4.1.3.</p> <p>4.1.4.</p> <p>4.1.5.</p> <p>4.1.6.</p> <p>4.1.8.</p> <p>4.1.9.</p> <p>4.2.1.</p> <p>4.2.2.</p> <p>4.2.3.</p>   | <p>Hỏi đáp- giải thích</p> <p>Thuyết giảng</p> <p>Làm bài tập tình huống</p> | <p><b>Đọc [1; 93-154] trả lời các câu hỏi sau</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình bày khái niệm bệnh ung thư</li> <li>2. Trình bày nguyên nhân-hậu quả của bệnh ung thư</li> <li>3. Trình bày các phương pháp điều trị bệnh ung thư</li> <li>4. Phân tích, đánh giá tâm lý-xã hội của bệnh nhân ung thư</li> <li>5. Trình bày vai trò của nhân viên công tác xã hội với bệnh nhân và gia đình người bệnh</li> </ol>  |

|  |   |  |  |
|--|---|--|--|
| <p>điều trị bệnh ung thư</p> <p>5.1.4. Khía cạnh tâm lý-xã hội của bệnh nhân ung thư</p> <p>5.1.5. Vai trò của nhân viên công tác xã hội với bệnh nhân và gia đình người bệnh ung thư.</p> <p><b>5.2. Bệnh suy thận mãn tính</b></p> <p>5.2.1. Khái niệm bệnh suy thận mãn</p> <p>5.2.2. Nguyên nhân - hậu quả của bệnh suy thận mãn</p> <p>5.2.3. Các phương pháp điều trị bệnh suy thận mãn</p> <p>5.2.4. Khía cạnh tâm lý-xã hội của của bệnh nhân và gia đình người bệnh</p> <p>5.2.5. Vai trò của nhân viên xã hội bệnh viện với bệnh nhân và gia đình người bệnh suy thận mãn</p> <p><b>5.3. Chăm sóc giảm nhẹ</b></p> <p>5.3.1. Khái niệm chăm sóc giảm nhẹ</p> <p>5.3.2. Mục tiêu chăm sóc giảm nhẹ</p> <p>5.3.3. Vấn đề tâm lý-xã hội trong đánh giá chăm sóc giảm nhẹ</p> <p>5.3.4. Vai trò của nhân viên xã hội trong hỗ trợ bệnh nhân trong chăm sóc giảm nhẹ.</p> | <p>4.2.4.</p> <p>4.2.5.</p> <p>4.2.6.</p> <p>4.3.</p> |  | <p>ung thư.</p> <p>6. Trình bày khái niệm bệnh suy thận mãn/suy thận cấp/suy thận mãn giai đoạn cuối.</p> <p>7. Trình bày các nguyên nhân - hậu quả của bệnh suy thận mãn</p> <p>8. Trình bày các phương pháp điều trị bệnh suy thận mãn</p> <p>9. Phân tích tình trạng tâm lý-xã hội của của bệnh nhân và gia đình.</p> <p>10. Vai trò của nhân viên xã hội bệnh viện với bệnh nhân và gia đình người bệnh suy thận mãn.</p> <p>11. Chăm sóc giảm nhẹ là gì?</p> <p>12. Mục tiêu chăm sóc giảm nhẹ là gì?</p> <p>13. Trình bày các vấn đề tâm lý-xã hội trong đánh giá chăm sóc giảm nhẹ</p> <p>14. Các nguyên tắc về đạo đức trong chăm sóc giảm nhẹ</p> <p>15. Trình bày vai trò của nhân viên xã hội trong hỗ trợ bệnh nhân trong chăm sóc giảm nhẹ.</p> <p>16. Trình bày các phương pháp kiểm soát đau trong chăm sóc giảm nhẹ</p> <p>17. Trình bày nhu cầu và kỹ thuật cần thiết trong công tác chăm sóc cuối đời là gì</p> <p>18. Trình bày diễn biến tâm lý giai đoạn cuối đời</p> <p>19. Nêu các dấu hiệu hấp hối – công tác chuẩn bị tang chế</p> <p>20. Luận giải lý do cần phải đáp ứng với yêu cầu của bệnh nhân muốn bác sỹ giúp tự tử hoặc gây ra cái chết không đau đớn.</p> |
|--|---|--|--|

|  |   |   |  |  |
|--|---|---|--|--|
| <p>5.3.5. Các nguyên tắc về đạo đức trong chăm sóc giảm nhẹ</p> <p>5.3.6. Kiểm soát đau trong chăm sóc giảm nhẹ</p> <p><b>5.4. Chăm sóc cuối đời</b></p> <p>5.4.1. Khái niệm chăm sóc cuối đời</p> <p>5.4.2. Diễn biến tâm lý giai đoạn cuối đời</p> <p>5.4.3. Kỹ thuật chăm sóc bệnh nhân giai đoạn cuối đời</p> <p>5.4.5. Nhận biết dấu hiệu hấp hối - chuẩn bị tang chế</p> <p>5.4.6. Đáp ứng với yêu cầu của bệnh nhân muốn bác sỹ giúp tử tử hoặc gây ra cái chết không đau đớn</p> <p>5.4.7. Chăm sóc đau buồn</p> <p>5.4.8. Vai trò của nhân viên công tác xã hội bệnh viện trong chăm sóc giảm nhẹ, chăm sóc cuối đời.</p> |   |   |  |  |
| <p><b>Chương 6. Nâng cao nhận thức cho trong áp dụng các liệu pháp bổ sung điều trị.</b></p> <p>6.1. Liệu pháp thôi miên</p> <p>6.2. Liệu pháp châm cứu</p> <p>6.3. Liệu pháp hương liệu</p> <p>6.4. Liệu pháp thư giãn</p> <p>6.5. Liệu pháp Massage</p>  | 5 | <p>4.1.3.</p> <p>4.1.4.</p> <p>4.1.5.</p> <p>4.1.6.</p> <p>4.1.8.</p> <p>4.1.9.</p> <p>4.2.1.</p> <p>4.2.2.</p> <p>4.2.3.</p> | <p>Thuyết giảng</p> <p>Xem video hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>Bài tập</p> | <p><b>Đọc [1; 155-192] trả lời các câu hỏi sau</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình bày liệu pháp thôi miên trong hỗ trợ tâm lý cho bệnh nhân</li> <li>2. Trình bày liệu pháp châm cứu hỗ trợ tâm thần và thể chất cho bệnh nhân</li> <li>3. Trình bày liệu pháp hương liệu tâm thần và thể chất cho bệnh nhân</li> <li>4. Trình bày liệu pháp thư giãn tâm thần và thể chất</li> </ol> |

|  |  |        |  |                          |
|--|--|--------|--|--------------------------|
|  |  | 4.2.4. |  | cho bệnh nhân            |
|  |  | 4.2.5. |  | 5. Trình bày liệu pháp   |
|  |  | 4.2.6. |  | Massage tâm- sinh lí cho |
|  |  | 4.3.   |  | bệnh nhân                |

**b. Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có)**

| Chương/Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra   | Phương pháp dạy - học  | Chuẩn bị của sinh viên  |
|--|---------|--|--|---|
| Chương 5. Công tác xã hội bệnh viện với bệnh ung thư, bệnh suy thận mãn, chăm sóc giảm nhẹ, chăm sóc cuối đời. | 5       | 4.1.3.<br>4.1.4.<br>4.1.5.<br>4.1.6.<br>4.1.8.<br>4.1.9.<br>4.2.1.<br>4.2.2.<br>4.2.3.<br>4.2.4.<br>4.2.5.<br>4.2.6.<br>4.3. | Thăm bệnh nhân tại bệnh viện.<br><br>Tìm hiểu nhu cầu-tâm lý-xã hội bệnh nhân qua giao tiếp trực tiếp<br><br>Nghe nhân viên công tác xã hội bệnh viện chia sẻ những hoạt động giúp đỡ của phòng công tác xã hội bệnh viện. | Đọc kỹ lại bài giảng chương<br><br>Đọc kỹ công cụ đánh giá tâm lý xã hội<br><br>Đọc kỹ thông tư số: 43/2015/TT-BYT qui định về cơ cấu chức năng Phòng công tác xã hội bệnh viện.<br><br>Tập đặt câu hỏi trong công cụ đánh giá trước gương, nhóm sinh viên để thực hành nhuần nhuyễn, có ngữ điệu phù hợp với ngôn ngữ thể hình tạo sự thuận lợi khi giao tiếp trực tiếp với bệnh nhân. |

**6.**

[1] Thạc sĩ Đỗ Thị Thảo, *Bài giảng Công tác xã hội bệnh viện*, Trường Đại học Đồng Tháp, năm 2016.

**2. Tài liệu tham khảo:**

[2] Trường Cán bộ quản lý y tế. *Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe*. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội – 2000

[3] Infante, JR, Peran, F., Martinez, M., Roldan, A., Poyatos, R. Ruiz, C., Garrido, S. & Garrido, F. (1998). ACTH và  $\beta$ -endorphin trong siêu thiên định. *Sinh lý học và hành vi*, 64, 311-315.

[4] <http://www.euromedinfo.eu/doing-a-family-assessment.html/>

| STT | Tên tác giả   | Tên tài liệu  | Năm xuất bản | Nhà xuất bản      | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|---|---|--------------|-------------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |   |   |              |                   |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | ThS. Đỗ Thị Thảo  | Bài giảng Công tác xã hội bệnh viện   | 2016         | Đại học Đồng Tháp | Thư viện                   | x                |           |
| 2   | TS. Phạm Tiến Nam;<br>ThS Lý Thị Hào;<br>TS. Bùi Thị Thu Hà | Tài liệu Công tác xã hội bệnh viện  | 2019         | NXB Lao động      | Giảng viên                 | x                |           |
| 3   |   | <a href="http://www.euromedinfo.eu/doing-a-family-assessment.html/">http://www.euromedinfo.eu/doing-a-family-assessment.html/</a> |              |                   | Internet                   |                  | x         |

## 7. Quy định đối với sinh viên

Tham dự lớp học đầy đủ.

Khi vắng mặt phải báo cáo cho giảng viên biết trước, lý do vắng mặt được chấp nhận, không giảm điểm chuyên cần là : bản thân bị bệnh/tai nạn có giấy tờ chứng minh; thân nhân (cha/mẹ/anh/chị em ruột/con) bị bệnh nhập viện không có ai chăm sóc thay thế.

Không làm việc riêng trong giờ học;

Không sử dụng các phương tiện: điện thoại, Laptop trong giờ học cho các việc không phục vụ học tập.

Tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài.

Vắng mặt từ 9 tiết trở lên. Sinh viên không được đánh giá kết quả học tập.

Sinh viên bắt buộc phải đăng kí học lại môn học.

## 8. Đánh giá kết quả học tập

| <b>Lần đánh giá</b> | <b>Hình thức đánh giá</b>  | <b>Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)</b>   | <b>Chuẩn đầu ra</b>                                    | <b>Trọng số</b> |
|---------------------|----------------------------|---|--|-----------------|
| 1                   | Chuyên cần                 | Số tiết tham dự học/tổng số tiết, đọc tài liệu, chuẩn bị bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên | 4.3  |                 |
| 2                   | Kiểm tra thường xuyên      | Kiểm tra luận<br>Chương 1; Chương 2   | 4.1.1; 4.1.2<br>4.1.3; 4.1.4<br>4.1.5; 4.2.1<br>4.2.2; | 10%             |
| 3                   | Kiểm tra thường xuyên      | Kiểm tra luận<br>Chương 3, chương 4   | 4.1.1; 4.1.2<br>4.1.3; 4.1.4<br>4.1.5; 4.2.1<br>4.2.2; | 10%             |
| 3                   | Kiểm tra thường xuyên      | Tự luận<br>Chương 1, 2, 3, 4, 5   | 4.1.1; 4.1.2<br>4.1.3; 4.1.4<br>4.1.5; 4.2.1<br>4.2.2; | 20%             |
| 4                   | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi viết (90. phút)<br>- Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết<br>- Bắt buộc dự thi                       | 4.1.1; 4.1.2<br>4.1.3; 4.1.4<br>4.1.5; 4.2.1<br>4.2.2; | 60%             |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**Trưởng khoa**

**P.Trưởng bộ môn**

**Giảng viên**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Đỗ Thị Thảo**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Khoa: Văn hóa – Du lịch

Bộ môn: CTXH

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Giới và phát triển

Mã lớp học phần: SO4003n

Số tín chỉ: 02

Số tiết tín chỉ: 30/0/60

Học phần điều kiện:

Học kỳ:

Năm học:

### 2. Thông tin về giảng viên:

#### 2.1. Giảng viên 1:

Họ và tên: Trần Kim Ngọc

Điện thoại: 0983 605 208

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Email: kimngoc208@gmail.com

#### 2.2. Giảng viên 2:

Họ và tên: Dương Văn Khánh

Điện thoại: 0936780877

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Email: duongvankhanh2910@gmail.com

### 3. Mô tả tóm tắt / Tổng quan về học phần

Môn học cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về giới và phát triển, bao gồm các khái niệm cơ bản, các quan điểm lý thuyết về giới và phát triển; các vai trò giới và quá trình xã hội hóa vai trò giới; sự bất bình đẳng giới; một số quan điểm của Đảng và Nhà nước về bình đẳng giới và chính sách lồng ghép giới trong phát triển. Đồng thời, môn học cũng giới thiệu một số vấn đề giới trong các lĩnh vực thuộc đời sống xã hội – kinh tế hiện nay và đặc thù giới ở Việt Nam. Ngoài ra, môn học còn giúp cho người học phân tích được các vấn đề xã hội từ quan điểm giới, biết thiết kế nghiên cứu khoa học có tính đến yếu tố giới và biết lập kế hoạch, giám sát và đánh giá các chương trình/dự án phát triển mang tính nhạy cảm giới.

### 4. Mục tiêu học phần / Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức:

Sau khi học xong môn học sinh viên sẽ:

4.1.1. Trình bày các khái niệm giới, giới tính, hiểu rõ các thuật ngữ cơ bản về giới như : định kiến giới, khoảng cách giới, vai trò giới, phân biệt đối xử theo giới, ...

4.1.2. Nhận biết nguồn gốc bất bình đẳng giới và xu hướng tiến tới bình đẳng giới trong hiện tại và tương lai.

4.1.3. Nhận biết sự phân công lao động của nam và nữ trong gia đình và xã hội cùng với sự bất bình đẳng trong phân công lao động theo giới.

4.1.4. Trình bày được nhu cầu giới chiến lược và thiết thực cùng với sự cần thiết của việc đưa nhu cầu giới vào trong các dự án phát triển.

4.1.5. Vận dụng và trình bày chiến lược tăng quyền lực cho phụ nữ và biết được phương pháp đưa chiến lược tăng quyền lực cho phụ nữ vào trong các dự án phát triển.

4.1.6. Biết được các phương pháp phân tích giới trong các dự án phát triển.

#### 4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Phân tích giới trong nghiên cứu và các dự án phát triển.

4.2.2. Áp dụng được chiến lược tăng quyền lực của phụ nữ vào trong các dự án phát triển.

4.2.3. Đưa được nhu cầu chiến lược vào các dự án phát triển

4.2.4. Phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội từ quan điểm giới.

4.2.5. Phân công lao động theo giới trong gia đình và ngoài xã hội theo hướng bình đẳng.

#### 4.3. Thái độ:

4.3.1. Nhận thức được lợi ích của bình đẳng giới.

4.3.2. Thay đổi nhận thức theo hướng bình đẳng giới

4.3.3. Đấu tranh cho sự nghiệp bình đẳng và tiến bộ xã hội, nâng cao năng lực và quyền cho phụ nữ.

4.3.4. Cơ sở pháp lý và cơ sở xã hội cho việc xây dựng chiến lược tiến đến bình đẳng giới.

### 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

#### 5.1. Lý thuyết

| Chương/ Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra                                    | Phương pháp dạy – học  | Chuẩn bị của sinh viên  |
|---|---------|---|--|---|
| <p>1. Đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu. Quá trình phát triển của khoa học nghiên cứu về giới ở Việt Nam</p> <p>1.1. Đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu của môn học</p> <p>1.1.1. Đối tượng nghiên cứu</p> <p>1.1.2. Phương pháp nghiên cứu</p> <p>1.2. Quá trình phát triển của khoa học nghiên cứu về giới ở Việt Nam</p> <p>1.2.1. Sự cần thiết của việc nghiên cứu về giới</p> <p>1.2.2. Quá trình phát triển của khoa học nghiên cứu về giới ở Việt Nam</p> | 04      | 4.1.2<br>4.2.5<br>4.3.1; 4.3.2;<br>4.3.3; 4.3.4 | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>- Sử dụng máy chiếu, bảng.</p> | <p>Đọc [1, tr.15-20], [2, tr.56-138; tr.139-163], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1/Nêu sự cần thiết của việc nghiên cứu về giới ở Việt Nam.</p> <p>2/ Phân tích đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu của môn học Giới và Phát triển.</p> <p>3/Những cơ quan nhà nước nào ở Việt Nam thực thi vấn đề Bình đẳng giới? Nêu ngắn gọn chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan đó?</p> |
| <p>2. Giới tính, Giới, một số khái niệm liên quan</p> <p>2.1. Giới tính và giới</p> <p>2.2. Nguồn gốc xã hội</p>  | 04      | 4.1.1;4.1.2;<br>4.1.3<br>4.2.5<br>4.3.1;4.3.2;  | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>- Thảo luận</p>                | <p>Đọc [1, 31-39], [2, 11-55], [1, 288-297], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:</p>   |



|   |    |  |   |  |
|---|----|--|---|--|
| <p>của những khác biệt về giới</p> <p>2.3. Định kiến giới</p> <p>2.4. Giá trị giới</p> <p>2.5. Vai trò giới</p> <p>2.6. Khoảng cách giới</p> <p>2.7. Vấn đề giới</p> <p>2.8. Nhạy cảm giới</p> <p>2.9. Phân biệt đối xử theo giới</p> <p>2.10. Khuôn mẫu giới</p> <p>2.11. Phân công lao động theo giới</p> <p>2.12. Vai trò kép</p> <p>2.13. Tư tưởng gia trưởng</p> |    | 4.3.3;4.3.4.   | <p>nhóm, báo cáo.</p> <p>- Sử dụng máy chiếu, bảng.</p>   | <p>1/Nêu định nghĩa giới và giới tính.</p> <p>2/ Nêu các đặc trưng cơ bản của giới và giới tính.</p> <p>3/ Sự khác biệt về giới đem lại lợi ích và khó khăn gì cho nam và nữ trong xã hội. Vì sao?</p> <p>4/ Trình bày nguồn gốc xã hội của sự khác biệt về giới.</p> <p>5/ Phân tích, bình luận nhằm phát hiện những đặc điểm liên quan về giới trong các công ước của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)</p>   |
| <p>3. Phân công lao động theo giới</p> <p>3.1. Sự phân công lao động theo giới</p> <p>3.2. Phân loại công việc</p> <p>3.3. Vị trí và điều kiện sống của phụ nữ</p>  | 06 | 4.1.1;4.1.2; 4.1.3; 4.1.6 4.2.1;4.2.4; 4.2.5 4.3.1;4.3.2; 4.3.3;4.3.4. | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>- Thảo luận nhóm, báo cáo</p> <p>- Sử dụng máy chiếu, bảng.</p> | <p>Đọc [1, 40-51], [2, 316-322], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1/ Trình bày khái niệm "vai trò giới". Chúng ta học được vai trò giới ở đâu? Phân chia vai trò theo giới là gì?</p> <p>2/ Nêu lợi ích cũng như hạn chế của sự khác biệt trong phân chia vai trò theo giới.</p> <p>3/ Sự khác biệt trong phân chia vai trò theo giới có khác nhau không giữa các nền văn hóa, các thời đại? Ví dụ. Và sự phân chia vai trò theo giới có thay đổi được hay không? Vì sao?</p> <p>4/ Trong cuộc sống, chúng ta thường làm các nhóm công việc nào? Nêu cụ thể các nhóm công việc chúng ta làm.</p> <p>5/ "Vai trò ba mặt" của phụ nữ là gì? Hãy rút ra đánh giá chung về sự phân công vai trò/công việc của nam và nữ trong</p> |

|  |    |   |   |   |
|--|----|---|---|---|
|  |    |   |   | <p>cuộc sống.</p> <p>6/ Ở VN sự phân công vai trò/công việc giữa phụ nữ và nam giới trong cuộc sống hiện thực có bình đẳng không? Vì sao? Khi nào thì cần thiết thay đổi sự phân công lao động theo giới? Và làm cách nào để thay đổi? Sự thay đổi phân công lao động theo giới theo hướng bình đẳng có lợi ích gì?</p> <p>7/ Trình bày khái niệm "định kiến giới" và "giá trị giới"? khi xã hội phát triển, thay đổi thì định kiến giới và giá trị giới có nên thay đổi hay không? vì sao?</p> <p>8/ Vị trí và đ/k sống của p/n là gì? Vì sao phải phân tích vị trí và đ/k sống của p/n trong các DA phát triển?</p> <p>9/ Phân tích, bình luận Luật Bình đẳng giới.</p> |
| <p>4. Nhu cầu giới</p> <p>4.1.Khái niệm</p> <p>4.1.1.Nhu cầu thiết thực</p> <p>4.1.2.Nhu cầu chiến lược</p> <p>4.2.Các phương thức đưa nhu cầu giới vào các hoạt động của dự án.</p> <p>4.2.1. Tiến hành phân tích giới trước khi bắt đầu dự án.</p> <p>4.2.2. Tóm tắt các đặc điểm của nhu cầu thiết thực và nhu cầu chiến lược</p> | 06 | <p>4.1.1;4.1.2;<br/>4.1.3;4.1.4;<br/>4.1.64.2.1;<br/>4.2.3;4.2.4;<br/>4.2.5<br/>4.3.1;4.3.2;<br/>4.3.3;4.3.4.</p> | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>- Thảo luận nhóm, báo cáo.</p> <p>-Sử dụng máy chiếu, bảng.</p> | <p>Độc [1, 52-58], [2, 323-327], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1/ Thế nào là nhu cầu giới?</p> <p>2/ Hãy làm rõ sự khác biệt giữa nhu cầu thiết thực và nhu cầu chiến lược? cho ví dụ.</p> <p>3/ Phân tích, bình luận Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.</p>   |
| <p>5. Phụ nữ trong phát triển – Phụ nữ và phát</p>   | 02 | <p>4.1.1;4.1.2;<br/>4.1.3;4.1.4;</p>  | <p>-Thuyết trình nêu</p>  | <p>Độc [1, 59-69], [1, 111-140], [2, 298-312], sinh</p>   |

|   |    |   |  |  |
|---|----|---|--|--|
| triển – Giới và phát triển<br>5.1. Phụ nữ trong phát triển<br>5.2. Phụ nữ và phát triển<br>5.3. Giới và phát triển  |    | 4.1.6<br>4.2.1;4.2.3;<br>4.2.4;4.2.5<br>4.3.1;4.3.2;<br>4.3.3;4.3.4.  | vấn đề.<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng.                   | viên thực hiện các yêu cầu sau:<br>1/ Nêu nguồn gốc, quan điểm, mô hình phát triển và những ưu khuyết điểm của khái niệm “Phụ nữ trong phát triển”?<br>2/ Nêu nguồn gốc, quan điểm, mô hình phát triển của khái niệm “Giới và phát triển”?<br>3/ Phân tích, bình luận nhằm phát hiện những đặc điểm liên quan về giới trong Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (gọi tắt là Công ước CEDAW) |
| 6.Tăng quyền lực cho phụ nữ<br>6.1.Khái niệm<br>6.2.Chiến lược tăng quyền lực cho phụ nữ<br>6.3.Tiếp cận, sử dụng và kiểm soát các nguồn tài nguyên và phúc lợi<br>6.4.Tham gia                           | 06 | 4.1.1;4.1.2;<br>4.1.3;4.1.4;<br>4.1.5; 4.1.6<br>4.2.1;4.2.2;<br>4.2.3;4.2.4;<br>4.2.5<br>4.3.1;4.3.2;<br>4.3.3; 4.3.4 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng  | Đọc [1, 87-100], [2, 328-230], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:<br>1/ Nêu rõ khái niệm và chiến lược “tăng quyền lực cho phụ nữ”? cho ví dụ.<br>2/ Tại sao nói sự tham gia của phụ nữ lại quan trọng? Nêu rõ các hình thức và các mức độ tham gia của phụ nữ?  |
| 7.Phân tích giới<br>7.1.Phân tích giới<br>7.2.Các khái niệm sử dụng trong phân tích giới<br>7.3.Một số nguyên tắc khi phân tích giới<br>7.4.Các công cụ phân tích giới<br>7.5.Sơ đồ phân tích giới Havard | 02 | 4.1.1;4.1.2;<br>4.1.3;4.1.4;<br>4.1.5; 4.1.6<br>4.2.1;4.2.2;<br>4.2.3;4.2.4;<br>4.2.5<br>4.3.1;4.3.2;<br>4.3.3; 4.3.4 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng. | Đọc [1, 101-107], [2, 164-287], [2, 331-342], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:<br>1/ Phân tích Giới là gì? Tại sao phải phân tích Giới?<br>2/ Nêu rõ các nguyên tắc khi phân tích Giới ?<br>3/ Phân tích, bình luận và nêu những đặc điểm liên quan đến giới của Luật Bảo hiểm xã hội và các Thông tư, Nghị định, Quyết định khác có liên  |

|  |  |  |  |       |
|--|--|--|--|-------|
|  |  |  |  | quan. |
|--|--|--|--|-------|

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả                     | Tên tài liệu                            | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|---------------------------------|---|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                                 |   |              |              |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 01  | TS. Thái Thị Ngọc Dư            | Giới và phát triển                      | 2006         | ĐH Mở-TP.HCM | Thư viện                   | x                |           |
| 02  | Nguyễn Thị Thuận – Trần Xuân Kỳ | Giáo trình Giới và phát triển           | 2009         | LĐ-XH HN     | Thư viện                   |                  | x         |
| 03  | Trần Xuân Kỳ                    | Tài liệu chuyên khảo Giới và phát triển | 2008         | LĐ-XH HN     | GV                         |                  | x         |
| 04  | Lê Thị Chiêu Nghi               | Giới và dự án phát triển                | 2001         | TP.HCM       | GV                         |                  | x         |
| 05  | Hoàng Bá Thịnh                  | Giáo trình Xã hội học về Giới           | 2008         | ĐHQG HN      | GV                         |                  | x         |

## 7. Quy định đối với sinh viên:

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 5.

## 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức Đánh giá          | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)   | Chuẩn đầu ra   | Trọng số |
|--------------|-----------------------------|--|--|----------|
| 1            | Điểm chuyên cần             | Tham dự lớp đầy đủ (30/30);<br>Tích cực thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến, quan điểm. | 4.3  | 0.1      |
| 2            | Báo cáo nhóm;<br>Tiểu luận. | Chương 2; 3; 4; 6;   | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.1.6;<br>4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.2.4;<br>4.2.5 | 0.1      |

|   |                            |   |  |     |
|---|----------------------------|---|--|-----|
| 3 | Điểm kiểm tra giữa kỳ      | Chủ đề 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9                          | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.1.6;<br>4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.2.4;<br>4.2.5 | 0.2 |
| 4 | Điểm thi kết thúc học phần | Chủ đề 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7;<br>8; 9; 10; 11; 12; 13 | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.1.6;<br>4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.2.4;<br>4.2.5 | 0.6 |

*Đồng Tháp, ngày 17 tháng 8 năm 2019*

**Trưởng khoa**

**P.Trưởng bộ môn**

**Giảng viên**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Trần Kim Ngọc**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Khoa Văn hóa – Du lịch

Bộ môn Công tác xã hội

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: QUẢN LÝ CA

Mã lớp học phần:

Số tín chỉ: 2

Số tiết tín chỉ: 30

Học phần điều kiện:

Học kỳ:

Năm học:

### 2. Thông tin về giảng viên:

-Họ và tên KIỀU VĂN TU

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0982013342

Email: [kvту@dthu.edu.vn](mailto:kvту@dthu.edu.vn)

Đơn vị: Khoa Văn hóa du lịch

-Họ và tên: Trần Văn Luận

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0947272224

Email: [tvluan@dthu.edu.vn](mailto:tvluan@dthu.edu.vn)

Đơn vị công tác: Phòng Thanh tra pháp chế

### 3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần

Môn học giúp sinh viên vận dụng những kỹ năng cơ bản về quản lý trường hợp bảo vệ trẻ em, phương pháp thường thực hành trong CTXH với trẻ em và dự án trợ giúp trẻ em. Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản nhất cho việc thực hành quản lý trường hợp và làm việc tại các cơ sở xã hội hay các dự án phát triển.

### 4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức

4.1.1 Làm rõ những vấn đề tổng quan của quản lý ca (quản lý trường hợp) cũng như các nguyên tắc hành động trong CTXH với trẻ em.

4.1.2 Hiểu rõ tiến trình giải quyết vấn đề, các kỹ năng cần có trong thực hành.

#### 4.2. Kỹ năng

4.2.1 Phân tích các bước quản lý trường hợp của công tác xã hội.

4.2.2 Đánh giá vấn đề đối với từng trường hợp của công tác xã hội.

#### 4.3. Thái độ

4.3.1 Tự tin ứng dụng kiến thức đã học để thực hành những trường hợp cụ thể

4.3.2 Giúp đỡ các đối tượng của CTXH cụ thể như: trẻ em có hoàn cảnh trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

### 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

## 5.1. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra  | Phương pháp dạy – học                        | Chuẩn bị của sinh viên  |
|--|---------|---|--|---|
| <p>Phần 1. NHỮNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT, CHÍNH SÁCH BVTE VÀ MỘT SỐ KHÁI NIỆM LIÊN QUAN</p> <p>1. Những quy định phát luật và các chính sách BVTE</p> <p>2. Một số khái niệm</p> <p>Khái niệm trẻ em</p> <p>Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt</p> <p>Xâm hại trẻ em</p> <p>Sao nhãng trẻ em</p> <p>Bóc lột trẻ em</p>  | 5       | <p>4.1.1</p> <p>4.1.2</p> <p>4.2.2</p> <p>4.3.2</p>                           | <p>GV thuyết trình</p> <p>Thảo luận nhóm</p> | SV nghiên cứu tài liệu số 1, chương 1,2; tham khảo tài liệu số 2-4          |
| <p>Phần 2. QUY TRÌNH QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP</p> <p>BƯỚC 1. TIẾP NHẬN THÔNG BÁO VÀ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG HỢP</p> <p>Sơ đồ tóm tắt bước 1</p> <p>I. Tiếp nhận thông báo</p> <p>II. Ghi chép thông tin và lưu hồ sơ</p> <p>III. Đánh giá sơ bộ mức độ tổn thương và nguy cơ</p> <p>Biểu mẫu 1</p> <p>BÁO CÁO TIẾP NHẬN THÔNG TIN, ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ SƠ BỘ ĐỐI VỚI TRẺ EM BỊ XÂM HẠI, BOC LỘT, BẠO LỰC VÀ SAO NHẪNG</p> | 5       | <p>4.1.1</p> <p>4.1.2</p> <p>4.2.1</p> <p>4.3.1</p>                           | <p>GV thuyết trình</p> <p>Thảo luận nhóm</p> | SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 2,3; tham khảo tài liệu số 2-4, Kiểm tra |
| <p>BƯỚC 2. XÁC MINH VÀ ĐÁNH GIÁ TOÀN DIỆN</p> <p>Tóm tắt sơ đồ bước 2</p> <p>A. Xác minh</p> <p>I. Xác minh là gì?</p> <p>II. Các hoạt động của xác minh</p> <p>1. Hoạt động 1: Thu thập thông tin</p> <p>2. Hoạt động 2: Ghi chép tổng hợp thông tin</p> <p>3. Hoạt động 3: Kết luận</p> <p>B. Đánh giá toàn diện</p> <p>Biểu mẫu 2</p> <p>THU THẬP THÔNG TIN, XÁC MINH VÀ ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ CỤ THỂ</p>  | 5       | <p>4.1.1</p> <p>4.1.2</p> <p>4.2.1</p> <p>4.2.2</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> | <p>GV thuyết trình</p> <p>Thảo luận nhóm</p> | SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 3,4; tham khảo tài liệu số 2-4,          |

|  |          |   |  |  |
|--|----------|---|--|--|
| <p><b>BUỐC 3: LẬP KẾ HOẠCH CAN THIỆP</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xác định vấn đề của trẻ</li> <li>2. Xác định nhu cầu của trẻ</li> <li>3. Xác định mục tiêu</li> <li>4. Xây dựng các hoạt động can thiệp</li> <li>5. Tổ chức thực hiện</li> </ol> <p>Biểu mẫu 3<br/> <b>KẾ HOẠCH CAN THIỆP GIÚP ĐỠ TRẺ EM</b></p>  | <b>5</b> | <p>4.1.2</p> <p>4.2.1</p> <p>4.2.2</p>  | <p>GV thuyết<br/>trình</p> <p>Thảo luận<br/>nhóm</p> | <p>SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 4,5; tham khảo tài liệu số 2-4,</p>  |
| <p><b>BUỐC 4 TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH TRỢ GIÚP</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>I. Làm việc với trẻ       <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Mục tiêu</li> <li>2. Các hoạt động cụ thể</li> </ol> </li> <li>II. Làm việc với gia đình và người chăm sóc trẻ       <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Mục tiêu</li> <li>2. Các hoạt động cụ thể</li> <li>3. Những lưu ý khi làm việc với gia đình</li> </ol> </li> <li>III. Làm việc với cộng đồng       <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Mục tiêu cần đạt được</li> <li>2. Những việc cần làm</li> <li>3. Kỹ năng huy động nguồn lực</li> </ol> </li> <li>IV. Làm việc với các tổ chức liên quan       <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Mục đích</li> <li>2. Cơ quan chức năng</li> <li>3. Một số lưu ý khi làm việc với cơ quan bộ ngành khác</li> <li>4. Những việc cần làm</li> <li>5. Kỹ năng bộc lộ</li> </ol> </li> </ol> <p>Biểu mẫu 4<br/> <b>THEO DÕI, GIÁM SÁT TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN, KẾ HOẠCH CAN THIỆP, TRỢ GIÚP</b></p> | <b>5</b> | <p>4.1.1</p> <p>4.1.2</p> <p>4.2.1</p> <p>4.2.2</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> | <p>GV thuyết<br/>trình</p> <p>Thảo luận<br/>nhóm</p> | <p>SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 5,6; tham khảo tài liệu số 5-7,</p> <p>Nghiên cứu các trường hợp, tình huống trong thực tế</p> |
| <p><b>BUỐC 5 : KẾT THÚC VÀ LƯU GIỮ HỒ SƠ</b></p> <p>Sơ đồ tóm tắt bước 5</p>   | <b>5</b> | 4.1.1   | <p>Bài tập cá nhân và bài</p>                        | <p>SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 5,6; tham khảo tài</p>   |



|  |           |   |                               |  |
|--|-----------|---|-------------------------------|--|
| A. Kết thúc<br>Đánh giá tình trạng của trẻ |           | 4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3.1<br>4.3.2 | tập nhóm<br>Thảo luận<br>nhóm | liệu số 5-7,<br>Nghiên cứu các trường<br>hợp, tình huống trong thực<br>tế<br>Sinh viên làm các bài tập<br>Ôn tập |
| <b>Tổng</b>                                | <b>30</b> |   |                               |  |

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả      | Tên tài liệu                             | Năm xuất bản | Nhà xuất bản                | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|------------------|--|--------------|-----------------------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                  |  |              |                             |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Unicef.          | Quản lý trường hợp bảo vệ trẻ em.        | 2012         | Unicef                      | Thư viện                   | x                |           |
| 2   | Nguyễn Ngọc Lâm  | Công tác xã hội với trẻ em và gia đình.  | 2005         | Đại học Mở bán công TpHCM   | Thư viện                   |                  | x         |
| 3   | Dự án Cầu Vòng   | Công tác xã hội với trẻ em bị nhiễm HIV. | 2012         | Dự án Cầu Vòng, Tổ chức WWO | Thư viện                   |                  | x         |
| 4   | Lê Văn Phú       | Công tác xã hội                          | 2007         | NXB Đại học Quốc gia        | Thư viện                   |                  | x         |
| 5   | Trần Đình Tuấn.  | Công tác xã hội lý thuyết và thực hành   | 2010         | NXB Đại học Quốc gia        | Thư viện                   |                  | x         |
| 6   | Nguyễn Thị Oanh, | <i>Công tác xã hội đại cương,</i>        | 1998         | NXB Đại Học Mở –            | Thư viện                   |                  | x         |

|   |                              |                             |      |                             |              |  |          |
|---|------------------------------|-----------------------------|------|-----------------------------|--------------|--|----------|
|   |                              |                             |      | BC                          |              |  |          |
| 7 | Nguyễn Thị Nhân (dịch 2001). | Công tác xã hội với trẻ em. | 2001 | Đại học Mở Bán công tp HCM. | Phòng đọc BM |  | <b>x</b> |
|   |                              |                             |      |                             |              |  |          |

### 7. Quy định đối với sinh viên

Không được vắng học quá 20% số giờ, nếu vi phạm sẽ bị cấm thi

Thưởng điểm những sinh viên tham gia các hoạt động liên quan đến nội dung môn học như nghiên cứu khoa học, các hoạt động thực hành chuyên môn, hoạt động tự nguyện tại cộng đồng... có hiệu quả (được cộng điểm hệ số từ 0.1 đến 0.4)

Trừ điểm những sinh viên có những hành vi vi phạm các qui định của Nhà trường, vi phạm đạo đức với giảng viên và sinh viên trong lớp học và tại các cơ sở thực hành liên quan đến nội dung môn học; không làm các bài tập của giảng viên yêu cầu (trừ điểm hệ số từ 0.1 đến 0.4)

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá   | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)       | Chuẩn đầu ra                              | Trọng số |
|--------------|----------------------|--|---|----------|
| 1            | Kiểm tra             | 5 bước thực hiện qui trình QLTH              | 4.1.1;4.1.2<br>4.2.1;4.2.2<br>4.3.1;4.3.2 | 0,2      |
| 2            | Điểm danh            | Chuyên cần, đạo đức, ý thức tham gia học tập | 4.3.1;4.3.2                               | 0.1      |
| 3            | Thảo luận nhóm       | Bước 2,3                                     | 4.1.1;4.1.2<br>4.2.1;4.2.2<br>4.3.1;4.3.2 | 0.1      |
| 4            | Thi kết thúc môn học | Bước 2,3,4,5                                 | 4.1.1;4.1.2<br>4.2.1;4.2.2<br>4.3.1;4.3.2 | 0.6      |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

| TRƯỞNG KHOA            | P. TRƯỞNG BỘ MÔN | GIẢNG VIÊN  |
|------------------------|------------------|-------------|
|                        |                  |             |
| Nguyễn Thị Song Thương | Trần Kim Ngọc    | Kiều Văn Tu |

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

**Khoa: Văn hóa- Du lịch**

**Bộ môn: Công tác xã hội**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1.Thông tin về học phần

Tên học phần: An sinh nhi đồng và gia đình

Mã lớp học phần: SO4100N

Số tín chỉ: 2

Số tiết tín chỉ: 30

Học phần điều kiện: An sinh xã hội và Những vấn đề xã hội, Tâm lý học phát triển

Học kỳ:

Năm học:

### 2.Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên 1:

Họ và tên: Đỗ Thị Thảo

Chức danh, học vị:ThS. Giảng viên

Điện thoại: 0939212945

Email: lethanhthaonguyen88@yahoo.com

Đơn vị: Bộ môn Công tác xã hội - Khoa Văn hóa - Du Lịch

#### Giảng viên 2:

Họ và tên: Trần Kim Ngọc

Chức danh, học vị:ThS. Giảng viên

Điện thoại: 0983605208

Email: kimngoc208@gmail.com

Đơn vị: Bộ môn Công tác xã hội - Khoa Văn hóa - Du Lịch

### 3.Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần

Môn học nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về sự phát triển của trẻ em, hệ thống an sinh nhi đồng trong bối cảnh Việt Nam.

### 4.Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức

Sau khi học xong môn học sinh viên sẽ:

4.1.1. Trình bày được khái niệm an sinh nhi đồng.

4.1.2. Trình bày được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống tổ chức an sinh nhi đồng Việt Nam.

4.1.3. Phân tích được tầm quan trọng và vai trò của gia đình, cộng đồng trong công tác chăm sóc trẻ em.

4.1.4. Xác định được các vấn đề, nguyên nhân các vấn đề của trẻ em.

4.1.5. Trình bày và vận dụng được kiến thức pháp luật: Công ước về quyền trẻ em, Luật trẻ em, các luật, chính sách có liên quan để biết cách giải quyết vấn đề và bảo vệ trẻ em.

4.1.6. Thực hành được một số kỹ năng làm việc với trẻ em và gia đình.

#### 4.2. Kỹ năng

4.2.1. Rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, lựa chọn cách giải quyết một vấn đề trẻ em và gia đình.

4.2.2. Rèn luyện kỹ năng cơ bản làm việc với trẻ em và gia đình

### 4.3. Thái độ

Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học, không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của bản thân trong việc tiếp cận nội dung và phương pháp học tập môn học cũng như tăng cường phương pháp làm việc nhóm.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### A. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra                   | Phương pháp dạy - học                  | Chuẩn bị của sinh viên  |
|---|---------|--------------------------------|--|---|
| <b>Chương 1. Lịch sử phát triển - Các khái niệm trong an sinh nhi đồng và gia đình</b><br>1.1. Khái niệm trẻ em<br>1.2. Khái niệm an sinh nhi đồng<br>1.3. Khái niệm gia đình<br>1.4. Lịch sử phát triển an sinh nhi đồng   | 5       | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.3 | Thuyết giảng<br>Seminar<br>Làm bài tập | <b>Đọc [1; 1-15] trả lời các câu hỏi sau:</b><br>1. Anh (chị) hãy giải thích quan điểm “Trẻ em không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà là tác nhân năng động có đóng góp trong cuộc sống”.<br>2. Anh (chị) hãy cho biết thế nào là phát triển lấy trẻ em làm trọng tâm ?<br>3. Anh (chị) hãy nêu ra những yếu tố thuận lợi và yếu tố rào cản đối với sự tham gia của trẻ em ? |
| <b>Chương 2. Các chính sách, pháp luật – hệ thống tổ chức chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em ở Việt Nam.</b><br>2.1. Trẻ em và nhu cầu phát triển<br>2.2. Công ước quốc tế về quyền trẻ em<br>2.3. Luật trẻ em<br>2.4. Các văn bản qui phạm pháp luật đảm bảo quyền của trẻ em<br>2.4.1. Luật giáo dục | 5       | 4.1.2<br>4.1.5<br>4.2.1<br>4.3 | Thuyết giảng<br>Seminar<br>Làm bài tập | <b>Đọc [1; 16-48];</b><br><b>Và trả lời các câu hỏi sau:</b><br>1. Thế nào là quyền trẻ em?<br>2. Trình bày diễn tiến lịch sử phát triển về quyền trẻ em.<br>3. Trình bày khái niệm Công ước quốc tế, Công ước quốc tế về quyền trẻ em.<br>Trình bày cấu trúc, nội dung cơ bản Luật trẻ em.<br>Viết báo cáo nội dung bảo vệ quyền trẻ em trong các Luật: Luật giáo dục    |

|  |          |   |   |   |
|--|----------|---|---|---|
| <p>2.4.2. Luật người khuyết tật</p> <p>2.4.3. Luật hôn nhân và gia đình</p> <p>2.4.4. Luật dân sự</p> <p>2.4.5. Luật hình sự</p> <p>2.4.6. Luật tố tụng hình sự</p> <p>2.4.7. Luật hành chính</p> <p>2.5. Các chính sách về trẻ em</p> <p>2.6. Hệ thống bộ máy tổ chức an sinh nhi đồng ở Việt Nam</p> |          |   |   | <p>Luật người khuyết tật</p> <p>Luật hôn nhân và gia đình</p> <p>Luật dân sự</p> <p>Luật hình sự</p> <p>Luật tố tụng hình sự</p> <p>Luật hành chính</p> <p>.....</p> <p>4. Vẽ cơ cấu tổ chức hệ thống An sinh nhi đồng và gia đình.</p> <p>5. Trình bày chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong hệ thống tổ chức an sinh nhi đồng</p>   |
| <p><b>Chương 3. Sự phát triển của trẻ em</b></p> <p>3.1. Sự phát triển của trẻ em</p> <p>3.2. Các giai đoạn phát triển của trẻ em</p>  |          | <p>4.1.2</p> <p>4.1.3</p> <p>4.2.4</p> <p>4.3</p> | <p>Thuyết giảng</p> <p>Seminar</p> <p>Làm Bài tập</p> | <p><b>Đọc [1; 49-82] trả lời các câu hỏi sau:</b></p> <p>1. Anh (chị) hãy trình bày các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của trẻ em; Đặc điểm phát triển tâm lý ở các giai đoạn của trẻ em sau đây:</p> <p style="padding-left: 40px;">Giai đoạn ban đầu</p> <p style="padding-left: 40px;">Giai đoạn tiền học đường</p> <p style="padding-left: 40px;">Giai đoạn đi học</p> <p style="padding-left: 40px;">Giai đoạn thanh thiếu niên</p> <p>2. Nếu nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ ở mỗi giai đoạn phát triển của trẻ không được đáp ứng đúng cách, đầy đủ thì sẽ ảnh hưởng như thế nào đến thể chất, nhân cách, tâm lý-xã hội của trẻ ?</p> |
| <p><b>Chương 4. Trẻ em - Gia đình - Cộng đồng</b></p> <p>4.1. Trẻ em và gia đình</p> <p>4.2. Trẻ em và cộng đồng</p> <p>4.3. Chăm sóc trẻ em dựa vào cộng đồng</p>   | <p>5</p> | <p>4.1.3</p>                                      | <p>Thuyết giảng</p> <p>Seminar</p> <p>Làm bài tập</p> | <p><b>Đọc [1; 49-82] trả lời các câu hỏi sau:</b></p> <p>1. Anh (chị) hãy cho biết gia đình và cộng đồng có vai trò như thế nào trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục và trẻ em?</p>  |

|   |   |     |  |  |
|---|---|-----|--|--|
|   |   |     |  | <p>2. Anh (chị) hãy cho biết sự tương tác giữa trẻ em với các môi trường xã hội gia đình, cộng đồng ảnh hưởng như thế nào đến việc phát triển của trẻ.</p> <p>3. Theo anh (chị) cần phải Làm như thế nào để tăng cường sự vững mạnh của gia đình ?</p> <p>4. Theo anh (chị) cần phải làm thế nào để huy động sự tham gia của người dân trong việc chăm sóc trẻ em tại địa phương ?</p> |
| <p><b>Chương 5. Các vấn đề của trẻ em</b></p> <p>5.1. Trẻ em bị bỏ rơi</p> <p>5.2. Trẻ em bị ngược đãi và thiếu chăm sóc</p> <p>5.3. Trẻ em mại dâm</p> <p>5.4. Trẻ em khuyết tật</p> <p>5.5. Trẻ em nghiện ma túy</p> <p>5.6. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS</p> <p>5.7. Trẻ em mồ côi</p> <p>5.8. Trẻ em lao động sớm</p> <p>5.9 Trẻ em có cha mẹ ly hôn</p> <p>5.10. Trẻ em mang thai</p> | 5 | 4.3 | <p>Thuyết giảng Seminar</p> <p>Làm bài tập</p> | <p><b>Đọc [1; 49-82] trả lời các câu hỏi sau:</b></p> <p>1. Anh (chị) hãy cho biết những nguyên nhân nào gây ra các vấn đề khó khăn của trẻ (bị bỏ rơi; bị bỏ bê thiếu sự chăm sóc; bị ngược đãi , lạm dụng; bị khuyết tật....</p> <p>2. Anh (chị) hãy cho biết thế nào là cách giải quyết vấn đề mang tính toàn diện và lấy trẻ làm trọng tâm.</p>                                    |
| <p><b>Chương 6. Làm việc với trẻ em và gia đình.</b></p> <p>6.1. Kỹ năng làm việc với trẻ em</p> <p>6.2. Kỹ năng đánh giá trẻ em</p> <p>6.3. Phẩm chất người làm công tác xã hội trong lĩnh vực trẻ em</p>  | 5 | 4.3 | <p>Thuyết giảng Seminar</p> <p>Làm bài tập</p> | <p><b>Đọc [1; 83-128] trả lời các câu hỏi sau:</b></p> <p>Phẩm chất cần có của người làm công tác với trẻ em bao gồm những gì?</p> <p>Trình bày Phương thức trao đổi với trẻ em và gia đình.</p> <p>Trình bày tiến trình, nội dung cơ bản đánh giá trẻ em và gia</p>   |

|  |  |  |  |      |
|--|--|--|--|------|
|  |  |  |  | đình |
|--|--|--|--|------|

## B. Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có)

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra (3) | Phương pháp dạy - học (4) | Chuẩn bị của sinh viên (5) |
|---------------|---------|------------------|---------------------------|----------------------------|
|               |         |                  |                           |                            |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả                        | Tên tài liệu                               | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu                              | Mục đích sử dụng |           |
|-----|------------------------------------|--|--------------|--------------|---|------------------|-----------|
|     |                                    |  |              |              |   | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Trần Văn Luận                      | Tập bài giảng An sinh nhi đồng và gia đình | 2016         |              | Thư viện  | x                |           |
| 2   | Nguyễn Thị Nhẫn và Huỳnh Minh Hiền | An sinh nhi đồng và gia đình               | 2011         |              | Khoa Xã hội học & Công tác xã hội – Trường ĐH Mở TP.HCM |                  | x         |
| 3   |                                    | Công ước Quốc tế về quyền của trẻ em       | 1991         |              | Bộ môn CTXH   |                  | x         |
| 4   |                                    | Luật Trẻ em                                | 2016         |              | Bộ môn CTXH   |                  | x         |

## 7. Quy định đối với sinh viên

Tham dự lớp học đầy đủ.

Khi vắng mặt phải báo cáo cho giảng viên biết trước, lý do vắng mặt được chấp nhận, không giảm điểm chuyên cần là : bản thân bị bệnh/tai nạn có giấy tờ chứng minh; thân nhân (cha/mẹ/anh/chị em ruột/con) bị bệnh nhập viện không có ai chăm sóc thay thế.

Không làm việc riêng trong giờ học;

Không sử dụng các phương tiện: điện thoại, Laptop trong giờ học cho các việc không phục vụ học tập.

Tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài.

Vắng mặt từ 10 tiết trở lên. Sinh viên không được đánh giá kết quả học tập.

Sinh viên bắt buộc phải đăng kí học lại môn học.

Đánh giá tự học, tự nghiên cứu sinh viên thực hiện bài tập do giảng viên giao cho cá nhân

Sinh viên bắt buộc phải tham gia làm bài tập nhóm. Nhóm trưởng giao nhiệm vụ cho thành viên, nếu sinh viên không hoàn thành nhiệm vụ nhóm giao cho không được tính điểm Bài tập nhóm.

### 8.Đánh giá kết quả học tập

| <b>Lần đánh giá</b> | <b>Hình thức đánh giá</b> | <b>Nội dung được đánh giá<br/>(Chương/Chủ đề)</b>  | <b>Chuẩn đầu ra</b>  | <b>Trọng số</b> |
|---------------------|---------------------------|--|--|-----------------|
| 1                   | Chuyên cần                |  |  |                 |
| 2                   | Kiểm tra viết             | Chương 1,2   | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4; 4.3                                | 20%             |
| 3                   | Kiểm tra viết             | Chương 3,4   | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4; 4.1.5;<br>4.1.6; 4.2.1; 4.2.2; 4.3 | 20%             |
| 3                   | Thi kết thúc học phần.    | Chương 1,2,3,4,5,6,<br>- Thi viết 90 phút)<br>- Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành<br>- Bắt buộc dự thi | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4; 4.1.5;<br>4.1.6; 4.2.1; 4.2.2; 4.3 | 60%             |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Giảng viên**

Nguyễn Thị Song Thương

Trần Kim Ngọc

Đỗ Thị Thảo



# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

**Khoa: Văn hóa – Du lịch**

**Bộ môn: CTXH**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Sức khỏe cộng đồng

Mã lớp học phần:

Số tín chỉ: 02

Số tín chỉ: 30/0/60

Học phần điều kiện:

Học kỳ:

Năm học:

### 2. Thông tin về giảng viên:

Họ và tên: Mai Thị Kim Thoa

Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Điện thoại: 1918 272703

Email: mtkthoa@.dthu.edu.vn

Đơn vị: Trung tâm quản lý dịch vụ. Trường Đại học Đồng Tháp

### 3. Mô tả tóm tắt / Tổng quan về học phần

Môn học cung cấp cho người học kiến thức về đối tượng, phương pháp tiếp cận và nghiên cứu sức khỏe cộng đồng; vai trò và chức năng của công tác xã hội đối với sức khỏe cộng đồng; một số khái niệm chuyên môn được dùng trong chuyên ngành sức khỏe cộng đồng; dinh dưỡng và giáo dục về dinh dưỡng; vệ sinh an toàn thực phẩm; vấn đề ô nhiễm môi trường; tai nạn thương tích và sơ cấp cứu ban đầu một số bệnh tật và tai nạn thường xảy ra trong cộng đồng. Qua môn học, người học có thể tư vấn, tham vấn các vấn đề liên quan đến sức khỏe cộng đồng và thực hiện được một số kỹ năng phòng chống dịch bệnh và xử trí sơ cấp cứu ban đầu một số tai nạn thường gặp trong cộng đồng, hướng đến xây dựng được cộng đồng nâng cao sức khỏe.

### 4. Mục tiêu học phần / Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức:

4.1.1. Hiểu biết về đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng.

4.1.2. Trình bày khái niệm chuyên môn được dùng trong chuyên ngành sức khỏe cộng đồng.

4.1.3. Biết được vai trò, chức năng của nhân viên công tác xã hội trong công tác sức khỏe cộng đồng.

4.1.4. Vận dụng và trình bày được các vấn đề về dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, ô nhiễm môi trường tác động đến sức khỏe cộng đồng.

4.1.5. Hiểu được nguyên nhân, hình thành, diễn biến và tác động của dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm và ô nhiễm môi trường đến sức khỏe cộng đồng.

4.1.6. Nhận biết và trình bày các vấn đề về tai nạn thương tích, một số bệnh lây nhiễm trong cộng đồng.

4.1.7. Vận dụng và trình bày các kỹ năng về phòng chống bệnh tật, tai nạn thương tích trong cộng đồng nhằm hướng tới một cộng đồng có sức khỏe tốt.

4.1.8. Sơ cấp cứu ban đầu một số tai nạn thương tích thường xảy ra trong cộng đồng.

#### 4.2. Kỹ năng:

- 4.2.1. Nghiên cứu khoa học về những vấn đề của sức khỏe cộng đồng.
- 4.2.2. Phân tích được vấn đề liên quan đến sức khỏe cộng đồng thông qua làm bài tập nhóm, thảo luận nhóm.
- 4.2.3. Thực hành các kỹ năng về phòng chống bệnh tật, tai nạn thương tích và xử trí sơ cấp cứu ban đầu bệnh tật và tai nạn thường xảy ra trong cộng đồng.
- 4.2.4. Giải quyết được các vấn đề về dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, ô nhiễm môi trường ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng.
- 4.2.5. Phân tích được các yếu tố nguy cơ tác động đến sức khỏe cộng đồng.
- 4.2.6. Thực hiện được công tác tư vấn, tham vấn về các vấn đề liên quan tới sức khỏe cộng đồng như dinh dưỡng hợp lý, phòng chống ngộ độc thức ăn, bảo vệ môi trường đất và nước...giúp mọi người cùng chung sức xây dựng một cộng đồng nâng cao sức khỏe.

### 4.3. Thái độ:

- 4.3.1. Hình thành thái độ, nhận thức đúng đắn về môn học, ngành học.
- 4.3.2. Phương pháp tư duy khoa học về các vấn đề của sức khỏe cộng đồng.
- 4.3.3. Có tâm thế tiếp cận sự biến đổi của sức khỏe cộng đồng theo quy luật
- 4.3.4. Xác lập được các nguyên tắc cơ bản khi làm việc về những vấn đề liên quan tới công tác sức khỏe cộng đồng.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/ Chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra  | Phương pháp dạy – học  | Chuẩn bị của sinh viên  |
|--|---------|---|--|---|
| 1. Dẫn nhập về sức khỏe cộng đồng<br>1.1. Khái niệm sức khỏe cộng đồng<br>1.2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng<br>1.3. Các vấn đề sức khỏe cộng đồng ưu tiên trong giai đoạn 2012 – 2020.<br>1.4. Đối tượng nghiên cứu sức khỏe cộng đồng<br>1.5. Ý nghĩa của việc nghiên cứu sức khỏe cộng đồng | 03      | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3;<br>4.2.1;<br>4.3.1; 4.3.2;<br>4.3.3; 4.3.4 | - Thuyết trình nêu vấn đề.<br>- Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>- Sử dụng máy chiếu, bảng. | - Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu sau:<br>1. Nêu khái niệm chung về sức khỏe; sức khỏe cộng đồng.<br>2. Nêu vai trò, chức năng của nhân viên công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.<br>3. Trình bày thực trạng sức khỏe cộng đồng và vấn đề sức khỏe ưu tiên.<br>- Giấy A0<br>- Bút lông<br>- Báo cáo |
| 2. Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.  | 03      | 4.1.2; 4.1.3;<br>4.2.1; 4.2.2;<br>4.3.1; 4.3.2;                 | - Thuyết trình nêu vấn đề.<br>- Thảo luận  | - Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu sau:  |

|  |           |   |   |  |
|--|-----------|---|---|--|
| <p>2.1. Một số yếu tố liên quan ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.</p> <p>2.2. Xác định vấn đề sức khỏe của cộng đồng.</p> <p>2.3. Lập kế hoạch can thiệp giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng.</p> <p>2.4. Các phương pháp giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng.</p> |           | <p>4.3.3; 4.3.4</p>   | <p>nhóm, báo cáo.</p> <p>- Sử dụng máy chiếu, bảng.</p>   | <p>1. Nêu được sự cần thiết của việc lồng ghép công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.</p> <p>2. Nêu các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.</p> <p>3. Xác định được các vấn đề sức khỏe nổi cộm trong cộng đồng hiện nay</p> <p>4. Tìm những giải pháp giải quyết vấn đề sức khỏe tồn đọng.</p> <p>- Giấy A0<br/>- Bút lông<br/>- Báo cáo</p> |
| <p>3. Vấn đề dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho cộng đồng.</p> <p>3.1. Protid</p> <p>3.2. Lipid</p> <p>3.3. Glucid</p> <p>3.4. Vitamin</p> <p>3.5. Chất khoáng</p> <p>3.6. Chất xơ</p> <p>3.7. Nước</p>   | <p>06</p> | <p>4.1.2; 4.1.4; 4.1.5<br/>4.2.1;4.2.2<br/>4.2.6<br/>4.3.1;4.3.2;<br/>4.3.3;4.3.4</p>                     | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>-Thảo luận nhóm, báo cáo.</p> <p>- Sử dụng máy chiếu, bảng.</p>             | <p>- Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1. Nêu vai trò và sự cần thiết của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể.</p> <p>2. Trình bày được một số giải pháp phòng chống một số bệnh thiếu dinh dưỡng trong cộng đồng.</p> <p>3. Kể tên một số thực phẩm thông dụng giàu chất dinh dưỡng.</p> <p>- Giấy A0<br/>- Bút lông<br/>- Báo cáo</p>                 |
| <p>4. Vệ sinh an toàn thực phẩm trong cộng đồng.</p> <p>4.1. Những nguyên nhân dẫn đến mất an toàn vệ sinh thực phẩm.</p> <p>4.2. Một số hướng dẫn vệ sinh an toàn thực phẩm</p>   | <p>03</p> | <p>4.1.2; 4.1.4; 4.1.5;<br/>4.2.1;4.2.2;<br/>4.2.4; 4.2.5;<br/>4.2.6<br/>4.3.1;4.3.2;<br/>4.3.3;4.3.4</p> | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>- Bài tập tình huống</p> <p>-Sử dụng máy chiếu, bảng.</p> <p>- Xem Clip</p> | <p>- Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>1. Nêu được khái niệm về vệ sinh an toàn thực phẩm.</p> <p>2. Liên hệ thực tế tại</p>   |

|  |    |  |  |   |
|--|----|--|--|---|
| <p>4.3. Phòng chống ngộ độc thực phẩm trong cộng đồng.</p>   |    |  |  | <p>địa phương nêu và phân tích các nguyên nhân dẫn đến mất an toàn vệ sinh thực phẩm.<br/>3. Trình bày một số giải pháp phòng chống ngộ độc thực phẩm trong cộng đồng.<br/>- Giấy A0<br/>- Bút lông<br/>- Báo cáo</p>   |
| <p>5. Vấn đề ô nhiễm môi trường với sức khỏe cộng đồng.<br/>5.1. Ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường tới sức khỏe cộng đồng.<br/>5.2. Một số biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường không khí.<br/>5.3. Biện pháp bảo vệ môi trường nước.<br/>5.4. Biện pháp chủ yếu bảo vệ môi trường đất.</p> | 03 | <p>4.1.4; 4.1.5;<br/>4.1.7<br/>4.2.1;4.2.2;<br/>4.2.4; 4.2.5;<br/>4.3.1;4.3.2;<br/>4.3.3;4.3.4</p>                 | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.<br/>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br/>-Sử dụng máy chiếu, bảng.</p> | <p>- Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu sau:<br/>1. Nêu được các nguyên nhân ô nhiễm môi trường ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng.<br/>2. Liên hệ thực tế mô tả thực trạng ô nhiễm môi trường do khí thải, đất, nước, rác ở địa phương và các giải pháp khắc phục.<br/>- Giấy A0<br/>- Bút lông<br/>- Báo cáo</p> |
| <p>6. Vấn đề tai nạn thương tích và phòng chống tai nạn thương tích.<br/>6.1. Tai nạn thương tích trong cộng đồng.<br/>6.2. Các biện pháp phòng ngừa tai nạn thương tích.</p>  | 03 | <p>4.1.1; 4.1.2;<br/>4.1.6; 4.1.7<br/>4.2.1;4.2.2<br/>4.2.3; 4.2.5;<br/>4.2.6<br/>4.3.1;4.3.2;<br/>4.3.3;4.3.4</p> | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.<br/>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br/>-Sử dụng máy chiếu, bảng.</p> | <p>- Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu sau:<br/>1. Nêu khái niệm về tai nạn thương tích.<br/>2. Kể tên được các tai nạn thương tích thường xảy ra trong cộng đồng.<br/>3. Phân tích được nguyên nhân các tai nạn thương tích<br/>4. Đề xuất các biện pháp phòng ngừa<br/>- Giấy A0<br/>- Bút lông</p>           |

|   |    |   |   |  |
|---|----|---|---|--|
|   |    |   |   | - Báo cáo  |
| 7. Một số bệnh dễ lây nhiễm trong cộng đồng và cách phòng chống.<br>7.1. Bệnh dịch tả<br>7.2. Bệnh quai bị<br>7.3. Bệnh thủy đậu<br>7.4. Bệnh Rubella<br>7.5. Cúm H5N1 và hội chứng hô hấp cấp tính (SARS)<br>7.6. Bệnh viêm gan virus.<br>7.7. Bệnh sốt nhiễm virus dengue.<br>7.8. HIV/AIDS | 06 | 4.1.2; 4.1.3;<br>4.1.6; 4.1.7<br>4.2.1; 4.2.2<br>4.2.3;4.2.5;<br>4.2.6<br>4.3.1;4.3.2;<br>4.3.3;4.3.4 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng.   | - Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu sau:<br>1. Nêu được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, biện pháp phòng ngừa và điều trị của một số bệnh dễ lây nhiễm trong cộng đồng.<br>2. Liên hệ thực tế tại địa phương kể tên các bệnh thường gặp ở địa phương.<br>3. Phân tích tìm nguyên nhân gây bệnh và nêu giải pháp phòng ngừa.<br>- Giấy A0<br>- Bút lông<br>- Báo cáo |
| 8. Sơ cấp cứu ban đầu một số bệnh và tai nạn thường gặp trong cộng đồng.<br>8.1. Đại cương về sơ cấp cứu.<br>8.2. Dị vật đường thở<br>8.3. Tổn thương phần mềm<br>8.4. Tổn thương xương khớp<br>8.5. Điện giật<br>8.5. Đuối nước  | 03 | 4.1.3; 4.1.6<br>4.1.7; 4.1.8<br>4.2.3; .4.2.5;<br>4.2.6<br>4.3.1;4.3.2;<br>4.3.3;4.3.4                | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>- Bài tập tình huống.<br>- Thực hành sơ cấp cứu ban đầu một số tình huống giả định<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng.<br>-Xem Clip | - Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu sau:<br>1. Nêu được tầm quan trọng của sơ cấp cứu ban đầu một số bệnh và tai nạn thường gặp trong cộng đồng.<br>2. Thực hành tại lớp<br>+ Sơ cứu dị vật đường thở .<br>+ Sơ cứu vết thương phần mềm.<br>+ Sơ cứu gãy xương bong gân, trật khớp.<br>+ Sơ cứu điện giật.<br>- Giấy A0<br>- Bút lông<br>- Báo cáo                       |

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả                          | Tên tài liệu                              | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|--------------------------------------|---|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                                      |   |              |              |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 01  | Bộ Lao động thương binh và xã hội    | Chăm sóc sức khỏe cộng đồng               | 2017         | LĐ_XH        | GV                         | x                |           |
| 02  | Bộ Y tế                              | Y học dự phòng                            | 2010         | Y học        | GV                         |                  | x         |
| 03  | Trường Đại học Y tế công cộng        | Xã hội học sức khỏe                       | 2006         | Y học        | GV                         |                  | x         |
| 04  | Trường Đại học Y tế công cộng        | Sức khỏe môi trường                       | 2006         | Y học        | GV                         |                  | x         |
| 05  | Hội Chữ thập đỏ Việt Nam             | Sơ cấp cứu tại cộng đồng                  | 2008         | Hà Nội       | GV                         |                  | x         |
| 06  | Trường Đại học Y dược TP Hồ chí Minh | Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng | 2005         | Y học        | GV                         |                  | x         |

### 7. Quy định đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;
- Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;
- Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 5.

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức Đánh giá          | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)   | Chuẩn đầu ra  | Trọng số |
|--------------|-----------------------------|--|---|----------|
| 1            | Điểm chuyên cần             | Tham dự lớp đầy đủ (30/30);<br>Tích cực thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến, quan điểm. | 4.3   | 0.1      |
| 2            | Báo cáo nhóm;<br>Tiểu luận. | Chương 4; 5; 8   | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.1.6; 4.1.7<br>4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.2.4;<br>4.2.5; 4.2.6 | 0.1      |
| 3            | Điểm kiểm tra giữa kỳ       | Chủ đề 1; 2; 3; 4  | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.1.6; 4.1.7<br>4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.2.4;<br>4.2.5; 4.2.6 | 0.2      |
| 4            | Điểm thi                    | Chủ đề 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7   | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4;   | 0.6      |

|  |                      |  |  |  |
|--|----------------------|--|--|--|
|  | kết thúc<br>học phần |  | 4.1.5; 4.1.6; 4.1.7<br>4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.2.4;<br>4.2.5; 4.2.6 |  |
|--|----------------------|--|--|--|

*Đông Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**TS. Nguyễn Thị Song Thương**

**Ths. Trần Kim Ngọc**

**Ths. Mai Thị Kim Thoa**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Khoa: Văn hóa – Du lịch

Bộ môn: CTXH

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản

Mã lớp học phần: SO4117

Số tín chỉ: 02

Số tiết tín chỉ: 30/0/60

Học phần điều kiện:

Học kỳ: 1

Năm học: 2018 - 2019

### 2. Thông tin về giảng viên:

#### 2.1. Giảng viên 1:

Họ và tên: Trần Kim Ngọc

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0983 605 208

Email: kimngoc208@gmail.com

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

#### 2.2. Giảng viên 2:

Họ và tên: Dương Văn Khánh

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

sĩ

Điện thoại: 0936780877

Email: duongvankhanh2910@gmail.com

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt / Tổng quan về học phần

Môn học cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản gồm các vấn đề sống khỏe và dinh dưỡng; những thay đổi về thể chất và cảm xúc ở VTN; các giai đoạn phát triển ở VTN; vấn đề kinh nguyệt cũng như những băn khoăn lo lắng ở VTN; ứng xử với bạn khác giới và tình yêu ở VTN; giúp VTN hình thành quan hệ giới tính lành mạnh; bảo vệ sức khỏe sinh sản ở VTN. Cung cấp các kiến thức về làm mẹ an toàn; kế hoạch hóa gia đình; nhiễm khuẩn đường sinh sản và các bệnh lây qua đường tình dục và tình dục an toàn. Thông qua đó người học có thể thực hiện tư vấn, tham vấn cho thân chủ về các vấn đề liên quan đến giáo dục giới tính và tình dục an toàn.

### 4. Mục tiêu học phần / Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức:

4.1.1. Hiểu và trình bày các khái niệm liên quan đến giáo dục giới và sức khỏe sinh sản.

4.1.2. Trình bày được các kiến thức về sống khỏe và các hành vi bảo vệ sức khỏe hàng ngày. Hiểu được lợi ích của việc duy trì chế độ ăn uống phù hợp.

4.1.3. Hiểu được những thay đổi thể chất và cảm xúc ở VTN, các giai đoạn phát triển ở VTN, vấn đề kinh nguyệt cũng như những băn khoăn lo lắng ở VTN, ứng xử với bạn



khác giới và tình yêu ở VTN, giúp VTN hình thành quan hệ giới tính lành mạnh, bảo vệ sức khỏe sinh sản ở VTN.

4.1.4. Trình bày các kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản như làm mẹ an toàn, kế hoạch hóa gia đình, nhiễm khuẩn qua đường tình dục và các bệnh nhiễm khuẩn qua đường tình dục.

4.1.5. Hiểu được kiến thức về sức khỏe sinh sản ở vị thành niên và phá thai an toàn

## 4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Vận dụng kiến thức xây dựng cho bản thân một cuộc sống khỏe với các hành vi bảo vệ sức khỏe hàng ngày, có chế độ ăn uống cân bằng chất dinh dưỡng.

4.2.2. Vận dụng các kỹ năng trong chăm sóc sức khỏe sinh sản.

4.2.3. Thực hành tư vấn, tham vấn về các vấn đề liên quan đến giáo dục giới tính và chăm sóc sức khỏe sinh sản thông qua các bài tập tình huống, sắm vai, seminar và phiếu trắc nghiệm.

## 4.3. Thái độ:

4.3.1. Nhận thức được lợi ích của việc giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản.

4.3.2. Bảo vệ bản thân trước các vấn đề liên quan đến giới tính và sức khỏe sinh sản.

4.3.3. Xác lập được các nguyên tắc khi làm việc về những vấn đề liên quan đến tính dục.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/ Chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra                                   | Phương pháp dạy – học  | Chuẩn bị của sinh viên   |
|--|---------|--|--|--|
| 1.Sống khỏe<br>1.1. Vai trò của giáo dục sức khỏe<br>1.2.Khái niệm sức khỏe toàn diện<br>1.3.Các hành vi bảo vệ sức khỏe hàng ngày   | 02      | 4.1.2;<br>4.2.1;<br>4.3.1;<br>4.3.2.           | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>- Sử dụng máy chiếu, bảng. | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [2, tr.86-89;<br>tr.128-129]<br>- Giấy A0<br>- Bút lông |
| 2.Dinh dưỡng<br>2.1. Các hướng dẫn về ăn uống<br>2.2. Lợi ích của việc duy trì chế độ ăn uống thích hợp                              | 02      | 4.1.2;<br>4.2.1;<br>4.3.1;<br>4.3.2.           | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>- Sử dụng máy chiếu, bảng. | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [2, tr.90;<br>tr.130]<br>Giấy A0<br>- Bút lông          |
| 3.Những thay đổi về thể chất và cảm xúc ở tuổi vị thành niên<br>3.1. Tuổi vị thành niên<br>3.2.Những thay đổi về thể chất ở tuổi VTN | 02      | 4.1.1;<br>4.1.3;<br>4.1.4;<br>4.1.5;<br>4.2.1; | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>- Sử dụng máy              | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1, tr19-28], [4,                                       |

|  |    |   |   |   |
|--|----|---|---|---|
| 3.3. Những thay đổi về cảm xúc ở tuổi VTN  |    | 4.2.2;<br>4.2.3;<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3   | chiều, bảng.  | tr.36-64],<br>[3, tr169-182].<br>- Giấy A0<br>- Bút lông  |
| 4.Các giai đoạn phát triển ở tuổi vị thành niên<br>4.1. Giai đoạn dậy thì sớm<br>4.2. Giai đoạn dậy thì trung bình<br>4.3. Giai đoạn dậy thì muộn  | 02 | 4.1.1;<br>4.1.3;<br>4.1.4;<br>4.1.5;<br>4.2.1;<br>4.2.2;<br>4.2.3;<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng.               | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1, tr19-28], [4, tr.36-64], [3, tr169-182].<br>- Giấy A0<br>- Bút lông  |
| 5.Kinh nguyệt<br>5.1. Ý nghĩa<br>5.2. Tuổi bắt đầu có kinh nguyệt<br>5.3.Chu kỳ kinh nguyệt<br>5.4.Vấn đề vệ sinh kinh có kinh nguyệt  | 02 | 4.1.1;<br>4.1.3;<br>4.1.4;<br>4.1.5;<br>4.2.1;<br>4.2.2;<br>4.2.3;<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng.<br>-Xem Clip  | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1, tr19-28], [4, tr.36-64], [3, tr169-182].<br>- Giấy A0<br>- Bút lông  |
| 6.Những băn khoăn, lo lắng ở vị thành niên<br>6.1. Những băn khoăn, lo lắng của con trai ở tuổi VTN<br>6.2. Những băn khoăn, lo lắng của con gái thường ở tuổi VTN<br>6.3. Lời khuyên cho các em                     | 02 | 4.1.1;<br>4.1.3;<br>4.1.4;<br>4.1.5;<br>4.2.1;<br>4.2.2;<br>4.2.3;<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng.<br>-Xem Clip  | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1, tr19-28], [4, tr.36-64], [3, tr169-182].<br>- Giấy A0<br>- Bút lông  |
| 7. Ứng xử với bạn khác giới và tình yêu ở tuổi vị thành niên<br>7.1. Vấn đề đi chơi riêng với bạn khác giới ở tuổi VTN<br>7.2. Tình yêu tuổi học trò<br>7.3.Giải pháp giúp con vượt qua những cú sốc trong tình yêu. | 03 | 4.1.1;<br>4.1.3;<br>4.1.4;<br>4.1.5;<br>4.2.1;<br>4.2.2;<br>4.2.3;<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Kể chuyện<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng. | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1, tr.37-49], [4, tr.36-64], [3, tr169-182].<br>- Giấy A0<br>- Bút lông |
| 8.Giúp VTN hình thành quan hệ giới tính lành mạnh  | 03 | 4.1.1;<br>4.1.3;  | -Thuyết trình nêu vấn đề.   | - Sinh viên đọc và  |

|   |    |  |  |  |
|---|----|--|--|--|
| <p>8.1. Giải pháp phòng ngừa xâm hại tình dục ở trẻ.</p> <p>8.1.1. Khái niệm xâm hại tình dục</p> <p>8.1.2. Tác hại của xâm hại tình dục đối với trẻ.</p> <p>8.1.3. Các đối tượng và các tình huống có thể xảy ra xâm hại tình dục ở trẻ em</p> <p>8.1.4. Thủ đoạn của kẻ xâm hại tình dục</p> <p>8.1.5. Giáo dục trẻ phòng tránh xâm hại tình dục</p> <p>8.2. Cách xử lý khi trẻ bị xâm hại tình dục</p> <p>8.2.1. Dấu hiệu phát hiện trẻ bị xâm hại tình dục</p> <p>8.2.1. Cách xử lý khi trẻ bị xâm hại tình dục</p> <p>8.3. Cách xử lý khi bắt gặp con xem văn hóa phẩm đồi trụy.</p> |    | <p>4.1.4;</p> <p>4.1.5;</p> <p>4.2.1;</p> <p>4.2.2;</p> <p>4.2.3;</p> <p>4.3.1;</p> <p>4.3.2;</p> <p>4.3.3</p>                             | <p>- Kể chuyện</p> <p>- Thảo luận nhóm, báo cáo.</p> <p>- Sử dụng máy chiếu, bảng.</p>   | <p>nghiên cứu tài liệu [1, tr.37-49], [4, tr.36-64], [3, tr.169-182].</p> <p>- Giấy A0</p> <p>- Bút lông</p>                                   |
| <p>9. Bảo vệ sức khỏe sinh sản ở VTN</p> <p>9.1. Sức khỏe sinh sản</p> <p>9.2. Những hậu quả (có thể có) từ quan hệ tình dục sớm</p> <p>9.3. Cách xử lý của cha mẹ khi biết con có thai ở tuổi VTN</p>  | 03 | <p>4.1.1;</p> <p>4.1.3;</p> <p>4.1.4;</p> <p>4.1.5;</p> <p>4.2.1;</p> <p>4.2.2;</p> <p>4.2.3;</p> <p>4.3.1;</p> <p>4.3.2;</p> <p>4.3.3</p> | <p>- Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>- Kể chuyện</p> <p>- Thảo luận nhóm, báo cáo.</p> <p>- Sử dụng máy chiếu, bảng.</p> <p>- Xem Clip</p> | <p>- Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1, tr.52-67], [4, tr.36-64], [3, tr.169-182].</p> <p>- Giấy A0</p> <p>- Bút lông</p>                |
| <p>10. Làm mẹ an toàn</p> <p>10.1. Quyền sinh sản và sức khỏe sinh sản</p> <p>10.2. Mang thai</p> <p>10.2.1. Chăm sóc sức khỏe cho thai phụ</p> <p>10.2.2. Chế độ làm việc khi có thai</p> <p>10.2.3. Vệ sinh khi có thai</p> <p>10.2.4. Cách tính ngày sinh</p> <p>10.2.5. Phòng uốn ván</p> <p>10.2.5. Những điều lưu ý khi mang thai.</p>  | 02 | <p>4.1.1;</p> <p>4.1.3;</p> <p>4.1.4;</p> <p>4.1.5;</p> <p>4.2.1;</p> <p>4.2.2;</p> <p>4.2.3;</p> <p>4.3.1;</p> <p>4.3.2;</p> <p>4.3.3</p> | <p>- Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>- Thảo luận nhóm, báo cáo.</p> <p>- Sử dụng máy chiếu, bảng.</p> <p>- Xem Clip</p>                    | <p>- Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1, tr.37-49], [2, tr.170-177], [4, tr.36-64], [3, tr.45-96].</p> <p>- Giấy A0</p> <p>- Bút lông</p> |
| <p>11. Kế hoạch hóa gia đình</p> <p>11.1. Khái niệm</p> <p>11.2. Tác động của KHHGD đến đời sống của phụ nữ</p>   | 03 | <p>4.1.1;</p> <p>4.1.3;</p> <p>4.1.4;</p> <p>4.1.5;</p>  | <p>- Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>- Thảo luận nhóm, báo cáo.</p>  | <p>- Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1,</p>  |

|   |    |   |   |   |
|---|----|---|---|---|
| 11.3.Những vấn đề nảy sinh khi không thực hiện KHHGD<br>11.4. Các biện pháp tránh thai<br>11.5. Những việc giúp nam giới thúc đẩy bình đẳng giới và nâng cao đời sống gia đình<br>11.6. Tư vấn kế hoạch hóa gia đình  |    | 4.2.1;<br>4.2.2;<br>4.2.3;<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3   | -Sử dụng máy chiếu, bảng.   | tr.37-49],<br>[2, tr.92-100; tr.131-132; tr.158-177], [3, tr.121-168].<br>- Giấy A0<br>- Bút lông   |
| 12. Các bệnh lây qua đường tình dục<br>12.1.Nhiễm khuẩn đường sinh sản<br>12.2. Nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục<br>12.3. Các dấu hiệu và triệu chứng của NKLQĐTD (của nam giới và phụ nữ)<br>12.4.Biến chứng của NKLTQĐTD không được điều trị<br>12.5.Phòng tránh các bệnh lây qua đường tình dục | 02 | 4.1.1;<br>4.1.3;<br>4.1.4;<br>4.1.5;<br>4.2.1;<br>4.2.2;<br>4.2.3;<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng.               | -Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1, tr.37-49], [2, tr.92-100; tr.131-132; tr.158-177], [3, tr.121-168]; [4, tr.71-100]<br>- Giấy A0<br>- Bút lông |
| 13. Tình dục an toàn<br>13.1.Khái niệm<br>13.2. Những nguy cơ đối với cả nam và nữ khi có quan hệ tình dục không an toàn<br>13.3. Lợi ích của quan hệ tình dục trong hôn nhân.  | 02 | 4.1.1;<br>4.1.3;<br>4.1.4;<br>4.1.5;<br>4.2.1;<br>4.2.2;<br>4.2.3;<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng.<br>-Kể chuyện | -Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1, tr.37-49], [2, tr.92-100; tr.131-132; tr.158-177], [3, tr.121-168]; [4, tr.71-100]<br>- Giấy A0<br>- Bút lông |

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả | Tên tài liệu   | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|-------------|----------------|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |             |                |              |              |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 01  | Nguyễn      | Những điều cần | 2005         | KHGD         | Tủ sách                    | x                |           |

|    |   |  |      |                        |                 |  |   |
|----|---|--|------|------------------------|-----------------|--|---|
|    | Thanh Bình<br>(biên soạn)   | biết đề giáo dục<br>giới tính cho con  |      |                        | CTXH            |  |   |
| 02 | Bộ tài liệu đào<br>tạo cho nữ và<br>nam thanh<br>niên Việt<br>Nam   | Bình đẳng giới và<br>kỹ năng sống  | 2004 | Hà Nội<br>và<br>Geneva | Tủ sách<br>CTXH |  | x |
| 03 | Bộ Y tế   | Hướng dẫn chuẩn<br>quốc gia về các<br>dịch vụ chăm sóc<br>sức khỏe sinh sản        | 2010 | Hà Nội                 | Tủ sách<br>CTXH |  | x |
| 04 | Tổ chức Giáo<br>dục, Khoa học<br>và Văn hóa<br>của Liên hợp<br>quốc | Tài liệu tập huấn<br>giáo sinh về nội<br>dung Giáo dục<br>phòng, chống<br>HIV/AIDS | 2005 | Hà Nội                 | Tủ sách<br>CTXH |  | x |
| 05 | Trần Xuân Kỳ  | Tài liệu chuyên<br>khảo Giới và phát<br>triển                                      | 2008 | LĐXH                   | Thư<br>viện     |  | x |
| 06 | Hoàng Bá<br>Thịnh   | Xã hội học về Giới   | 2008 | ĐHQG<br>Hà Nội         | Thư<br>viện     |  | x |

### 7. Quy định đối với sinh viên:

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 5.

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần<br>đánh<br>giá | Hình thức<br>Đánh giá               | Nội dung được đánh giá<br>(Chương/Chủ đề)   | Chuẩn đầu ra  | Trọng<br>số |
|--------------------|-------------------------------------|---|---|-------------|
| 1                  | Điểm<br>chuyên cần                  | Tham dự lớp đầy đủ<br>(30/30);<br>Tích cực thảo luận nhóm,<br>phát biểu ý kiến, quan<br>điểm. | 4.3   | 0.1         |
| 2                  | Báo cáo<br>nhóm;<br>Tiểu luận.      | Chủ đề 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7;<br>8; 9; 10; 11; 13   | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 | 0.1         |
| 3                  | Điểm kiểm<br>tra giữa kỳ            | Chủ đề 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9  | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 | 0.2         |
| 4                  | Điểm thi<br>kết<br>thúc<br>học phần | Chủ đề 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7;<br>8; 9; 10; 11; 12; 13   | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 | 0.6         |

*Đồng Tháp, ngày 17 tháng 8 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**TS. Nguyễn Thị Song Thương**

**Ths Trần Kim Ngọc**

**Ths. Trần Kim Ngọc**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

**Khoa: Văn hóa – Du lịch**

**Bộ môn: Công tác xã hội**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI CÁ NHÂN

Mã lớp học phần: SO4272

Số tín chỉ: 03

Số tiết tín chỉ: 45/0/90

Học phần điều kiện:

Học kỳ:

Năm học:

### 2. Thông tin về giảng viên:

#### 2.1. Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0989 216 484

Email: [nguyenbichhung82@gmail.com](mailto:nguyenbichhung82@gmail.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

#### 2.2. Giảng viên 2:

Họ và tên: Kiều Văn Tu

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0982.103.342

Email:

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt / Tổng quan về học phần

Môn học bao gồm những vấn đề tổng quan về công tác xã hội với cá nhân như khái niệm, các nguyên tắc hành động, vai trò của nhân viên xã hội, những lý thuyết và các thành tố trong công tác xã hội, tiến trình thực hiện với cá nhân và kỹ năng trong công tác xã hội với cá nhân. Những kỹ năng cần thiết trong công tác xã hội cá nhân.

### 4. Mục tiêu học phần / Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức:

4.1.1. Hiểu được các khái niệm, mục đích, tiến trình thực hiện công tác xã hội với cá nhân

4.1.2. Trình bày được các kỹ năng sử dụng trong công tác xã hội với cá nhân

4.1.3. Nhận thức được giá trị nghề nghiệp, vai trò của nhân viên công tác xã hội với cá nhân.

4.1.4. Làm rõ được các nguyên tắc đạo đức.

#### 4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Sử dụng được kỹ năng vẽ sơ đồ phả hệ, sơ đồ sinh thái, cây vấn đề

4.2.2. Xác định được điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của thân chủ

4.2.3. Phân tích được tình huống của thân chủ

4.2.4. Thực hiện được kỹ năng lắng nghe, kỹ năng quan sát, kỹ năng vãng gia

#### 4.3. Thái độ:

4.3.1. Nghiêm túc khi tham gia học tập, có khả năng tự học,

4.3.2. Thấu cảm về những vấn đề mà thân chủ đang gặp phải, chấp nhận thân chủ không có bất cứ phán xét hay lên án nào.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

| Chương/ Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra                                       | Phương pháp dạy – học                                  | Chuẩn bị của sinh viên  |
|---|---------|--|--|---|
| <p>Chương 1. Tổng quan về công tác xã hội với cá nhân</p> <p>1.1 Khái niệm về công tác xã hội với cá nhân</p> <p>1.2 Các nguyên tắc hành động trong công tác xã hội cá nhân</p> <p>1.3 Vai trò của nhân viên xã hội.</p> <p>1.5. Các thành tố trong công tác xã hội với cá nhân</p> <p>1.6 Những lý thuyết về công tác xã hội</p>   | 10      | 4.1.1<br>4.1.3<br>4.3.1;<br>4.3.2.                 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo. | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:<br>[1, 1-16, 37-89]<br>[2, 10-42]<br>[3, 221 – 233]<br>[4, 152 – 184] |
| <p>Chương 2. Tiến trình thực hiện công tác xã hội với cá nhân</p> <p>2.1 Tiếp cận thân chủ</p> <p>2.2 Xác định (nhận diện) vấn đề của thân chủ</p> <p>2.3 Thu thập thông tin</p> <p>2.4 Phân tích, đánh giá, chẩn đoán/xác định vấn đề</p> <p>2.5 Lên kế hoạch giải quyết vấn đề</p> <p>2.6 Thực hiện kế hoạch</p> <p>2.7 Lượng giá</p> <p>2.8 Tiếp tục hay chấm dứt</p>  | 3       | 4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.3.1<br>4.3.2 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo. | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:<br>[1, 21-26]   |
| <p>Chương 3. Các kỹ năng thực hành trong công tác xã hội</p> <p>3.1 Vấn đàm</p> <p>3.2 Vãng gia</p> <p>3.3 Ghi chép hồ sơ cá nhân</p> <p>3.4 Cách viết một trường hợp cụ thể</p> <p>3.5. Sơ đồ Venn,</p> <p>3.6. Sơ đồ SWOT</p> <p>3.7. Lược sử cá nhân,</p> <p>3.8. Cửa sổ JONHARY</p> <p>3.9. Sơ đồ gia tộc</p> <p>3.10. Sơ đồ sinh thái</p> <p>3.11. Cây vấn đề</p> <p>3.12. Cây mục tiêu</p> <p>3.13. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề của thân chủ</p> | 20      | 4.1.1<br>4.2.3<br>4.2.6<br>4.3.1<br>4.3.2<br>4.3.3 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo. | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:<br>[1, 108 – 167]<br>[2, 80 – 150]                                    |



|  |    |  |  |   |
|--|----|--|--|---|
| 3.14. Trình bày kỹ thuật tư duy tích cực   |    |  |  |   |
| Chương 4. Thực hành giải quyết trường hợp cụ thể<br>4.1 Mô tả trường hợp<br>4.2 Vận dụng giải quyết vấn đề dựa trên tiến trình giải quyết vấn đề | 12 | 4.1.3<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.3.1<br>4.3.2 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo. | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:<br>[3, 5 – 120] |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả      | Tên tài liệu   | Năm xuất bản | Nhà xuất bản     | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|------------------|--|--------------|------------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                  |  |              |                  |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 01  | Lê Chí An        | Công tác xã hội cá nhân  | 2006         | ĐH Mở BC         | Thư viện ĐHĐT              | X                |           |
| 02  | Lê Chí An (dịch) | Nhập môn Công tác xã hội với cá nhân                                   | 2000         | ĐH Mở BC         | Thư viện ĐHĐT              |                  | X         |
| 03  | Nguyễn Ngọc Lâm  | Một số trường hợp điển cứu về trẻ em trong công tác xã hội với cá nhân | 2000         | ĐH Mở BC         | Thư viện ĐHĐT              |                  | X         |
| 04  | Bùi Thị Xuân Mai | Giáo trình nhập môn Công tác xã hội                                    | 2012         | ĐH Lao động – XH | Thư viện ĐHĐT              |                  | X         |
| 05  | Nguyễn Duy Nhiên | Nhập môn Công tác xã hội   | 2015         | ĐH Sư Phạm       | Thư viện ĐHĐT              |                  | X         |

## 7. Quy định đối với sinh viên:

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có).

## 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức Đánh giá | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề) | Chuẩn đầu ra | Trọng số |
|--------------|--------------------|--|--------------|----------|
| 1            | Điểm chuyên cần    | Tham dự lớp đầy đủ (30/30);            | 4.3          | 0.1      |

|   |                                     |   |   |     |
|---|-------------------------------------|---|---|-----|
| 2 | Điểm kiểm tra đánh giá thường xuyên | 1. Bài tập tham vấn cá nhân<br>2. Bài tập tham vấn gia đình<br>3. Bài tập tham vấn nhóm | 4.2.1, 4.2.2, 4.2.3, 4.2.4<br>4.3.1, 4.3.2                        | 0.3 |
| 3 | Thi kết thúc học phần               | Đề đóng, thời gian làm bài 90 phút  | 4.1.1, 4.1.2, 4.1.3<br>4.2.1, 4.2.2, 4.2.3, 4.2.4<br>4.3.1, 4.3.2 | 0.6 |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**TS. Nguyễn Thị Song Thương**

**Ths Trần Kim Ngọc**

**Ths. Nguyễn Thị Bích Hưng**



## 4.1. Kiến thức

Sau khi học xong sinh viên sẽ:

4.1.1. Hiểu được các loại hình nhóm, các đặc điểm của CTXH với nhóm và lịch sử phát triển CTXH nhóm.

4.1.2. Giúp sinh viên có kiến thức về tâm lý nhóm nắm vững một trong những phương pháp của công tác xã hội để thực hành chuyên môn. Biết rõ và vận dụng các lý thuyết trong công tác xã hội nhóm.

4.1.3. Hiểu được tác động của nhóm nhỏ đối với việc thay đổi hành vi cá nhân, các vai trò được thể hiện trong nhóm cũng như các giai đoạn phát triển của nhóm.

4.1.4. Nắm được các bước thực hiện trong tiến trình công tác xã hội nhóm và các kỹ năng can thiệp giúp điều hòa sinh hoạt nhóm nhằm đạt được những mục tiêu xã hội theo kế hoạch đã dự định.

## 4.2. Kỹ năng

4.2.1. Rèn luyện được các kỹ năng điều hòa sinh hoạt nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn nhóm, kỹ năng truyền thông nhóm nhỏ, kỹ năng quan sát, các kỹ năng chuyên môn khác...

4.2.2. Sinh viên có thể vận dụng tiến trình nhóm vào việc trị liệu cho một nhóm đối tượng cụ thể.

## 4.3. Thái độ

4.3.1. Nhận thức về vai trò của nhóm nhỏ trong phương pháp CTXH.

4.3.2. Thái độ khách quan khi làm việc với các nhóm đối tượng khác nhau.

4.3.3. Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học, không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của bản thân trong việc tiếp cận nội dung và phương pháp học tập môn học cũng như tăng cường phương pháp làm việc nhóm.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

| Chương/chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy học   | Chuẩn bị của sinh viên   |
|--|---------|--------------|-----------------------|--|
| Thảo luận đề cương; thông tin chung về môn học   | 2       | 4.3.3        | Thảo luận             | Thảo luận trao đổi với giảng viên  |
| Chương 1. Một số vấn đề chung về công tác xã hội nhóm<br>1.1. Sự hình thành và phát triển của công tác xã hội nhóm<br>1.2. Khái niệm, đặc trưng, tầm | 8       | 4.1.1        | Thuyết trình;<br>Thảo | - Đọc tài liệu của chương, trả lời các câu hỏi ôn tập cuối chương.<br>- Thảo luận: |

|  |    |                |  |  |
|--|----|----------------|--|--|
| <p>quan trọng của công tác xã hội nhóm</p> <p>1.3. Mục đích, giá trị đạo đức công tác xã hội nhóm.</p> <p>1.4. Mô hình tiếp cận công tác xã hội nhóm.</p> <p>1.5. Phân loại nhóm</p>   |    |                | <p>luận nhóm</p>   | <p>Về tầm quan trọng của nhóm nhỏ trong đời sống chúng ta.</p>   |
| <p>Chương 2. Nền tảng lý thuyết trong công tác xã hội nhóm</p> <p>2.1. Một số lý thuyết cơ bản ứng dụng trong công tác xã hội nhóm</p> <p>2.2. Một số kiến thức về năng động nhóm</p> <p>2.3. Các giai đoạn phát triển của nhóm</p> <p>2.4. Một số yếu tố sử dụng trong can thiệp nhóm công tác xã hội</p> | 11 | 4.1.2          | <p>Thuyết trình;</p> <p>Thảo luận nhóm</p>                   | <p>- Đọc tài liệu của chương, trả lời các câu hỏi ôn tập cuối chương.</p> <p>- Thảo luận: đặc điểm của các giai đoạn phát triển nhóm, vai trò của NVXH trong từng giai đoạn.</p> |
| <p>Chương 3. Tiến trình công tác xã hội nhóm</p> <p>3.1. Giai đoạn chuẩn bị thành lập nhóm</p> <p>3.2. Giai đoạn nhóm bắt đầu hoạt động</p> <p>3.4. Giai đoạn can thiệp thực hiện nhiệm vụ</p> <p>3.5. Giai đoạn kết thúc</p>  | 14 | 4.1.3<br>4.1.4 | <p>Thuyết trình;</p> <p>Thảo luận nhóm</p>                   | <p>- Đọc tài liệu của chương, trả lời các câu hỏi ôn tập cuối chương.</p> <p>Thảo luận các Bài tập tình huống cuối chương</p>  |
| <p>Chương 4. Một số kỹ năng cơ bản và kỹ thuật tác nghiệp trong công tác xã hội nhóm</p> <p><b>2.1.5. 4.1. Một số kỹ năng công tác xã hội nhóm</b></p> <p><b>2.1.5.1 4.2. Một số kỹ thuật tác nghiệp trong công tác xã hội nhóm</b></p>  | 10 | 4.2.1<br>4.2.2 | <p>Semina</p> <p>Nghiên cứu tài liệu</p> <p>Báo cáo nhóm</p> | <p>- Đọc tài liệu của chương, trả lời các câu hỏi ôn tập cuối chương.</p> <p>- Thực hành báo cáo các kỹ năng</p> <p>- Mỗi nhóm báo cáo 1 kỹ năng.</p>                            |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả         | Tên tài liệu                | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|---------------------|-----------------------------|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                     |                             |              |              |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 01  | Nguyễn Thị Thái Lan | Giáo trình CTXH Nhóm        | 2008         | NXB LĐXH     | Thư viện ĐHĐT              | x                |           |
| 02  | Nguyễn Ngọc Lâm     | CTXH nhóm                   | 2005         | ĐH Mở TPHCM  | Thư viện ĐHĐT              |                  | x         |
| 03  | Bùi Thị Xuân Mai    | Giáo trình Nhập môn CTXH    | 2010         | NXB LĐXH     | Thư viện ĐHĐT              |                  | x         |
| 04  | Trần Đình Tuấn      | CTXH lý thuyết và thực hành | 2010         | NXB ĐHQGHN   | Thư viện ĐHĐT              |                  | x         |
| 05  | Mai Thị Kim Thanh   | Giáo trình nhập môn CTXH    | 2011         | NXB LĐXH     | Thư viện ĐHĐT              |                  | x         |
| 06  | Lê Chí An           | Tài liệu Nhập môn CTXH      | 2006         | ĐH Mở TPHCM  | Thư viện ĐHĐT              |                  | x         |

## 7. Quy định đối với sinh viên

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 5.

## 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá  | Hình thức đánh giá                 | Nội dung đánh giá (chương/chủ đề)                         | Chuẩn đầu ra                                   | Trọng số |
|---|------------------------------------|---|--|----------|
| 1   | Chuyên cần                         | Tham dự lớp đầy đủ (45/45); tích cực thảo luận, phát biểu | 4.3.1<br>4.3.2<br>4.3.3                        | 0.1      |
| 2   | Kiểm tra đánh giá lần 1            | Chương 1, 2   | 4.1.1<br>4.1.2                                 | 0.4      |
| 3   | Xử lý bài tập tình huống theo nhóm | Chương 2,3,4  | 4.1.2<br>4.1.3<br>4.1.4                        |          |
| 4   | Báo cáo nhóm                       | Chương 4  | 4.2.1<br>4.2.2                                 |          |
| Điểm thi cuối (thi tự luận, 90 phút, Sinh viên không được sử dụng tài liệu) |                                    | Chương 1,2,3,4  | 4.1.1, 4.1.2;<br>4.1.3, 4.1.4;<br>4.2.1, 4.2.2 |          |

*Đồng Tháp, ngày tháng 9 năm 2019*

**Trưởng khoa**

**P.Trưởng bộ môn**

**Giảng viên**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Trần Văn Luận**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

**Khoa: Văn hóa – Du lịch**

**Bộ môn: Công tác xã hội**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: **TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG**

Mã lớp học phần: SO4271

Số tín chỉ: 03

Số tiết tín chỉ: 45/0/90

Học phần điều kiện:

Học kỳ:

Năm học:

### 2. Thông tin về giảng viên:

#### 2.1. Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0989 216 484

Email: [nguyenbichhung82@gmail.com](mailto:nguyenbichhung82@gmail.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

#### 2.2. Giảng viên 2:

Họ và tên: Kiều Văn Tu

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0982.103.342

Email:

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt / Tổng quan về học phần

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phát triển cộng đồng, tiến trình tổ chức cộng đồng, phương pháp thường thực hành trong phát triển cộng đồng và dự án phát triển cộng đồng. Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản nhất cho việc thực tập và làm việc tại cộng đồng hay các dự án phát triển.

### 4. Mục tiêu học phần / Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức:

4.1.1. Hiểu được các khái niệm, mục đích, tiến trình phát triển cộng đồng, các bước tiến hành dự án phát triển cộng đồng, vai trò của tác viên phát triển cộng đồng

4.1.2. Phân tích các vấn đề của cộng đồng kém phát triển

4.1.3. Trình bày được các kỹ năng cơ bản để giao tiếp và làm việc với người dân.

4.1.4. Hiểu các kỹ thuật vẽ sơ đồ SWOT, cây vấn đề, cây mục tiêu

4.1.5. Hiểu được dự án phát triển cộng đồng

#### 4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Thực hiện được kỹ năng thuyết trình.

4.2.2. Sử dụng được các kỹ năng như lắng nghe, quan sát, thảo luận nhóm.

4.2.3. Vẽ được sơ đồ SWOT, cây vấn đề, cây mục tiêu

4.2.4 Phân tích được các nguyên tắc làm việc trong dự án phát triển cộng đồng

4.2.5. Viết dự án phát triển cộng đồng

4.2.6 Nâng cao khả năng làm việc nhóm, tranh luận đưa ra kết luận cho vấn đề.

#### 4.3. Thái độ:



4.3.1. Sinh viên có thái độ nghiêm túc khi tham gia học tập, có khả năng tự học, tự nghiên cứu về những vấn đề của cộng đồng.

4.3.2 Có cái nhìn tích cực đối với người nghèo và có tinh thần vì người nghèo, vì cộng đồng nghèo.

4.3.3. Nhận thức đúng về giá trị của nghề và yêu thích ngành học

### 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

| Chương/ Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra                                       | Phương pháp dạy – học   | Chuẩn bị của sinh viên  |
|---|---------|--|---|---|
| <p>Chương 1 Những vấn đề chung trong tổ chức và phát triển cộng đồng</p> <p>1.1. Các khái niệm</p> <p>1.2. Mục đích</p> <p>1.3. Các nguyên tắc hành động</p> <p>1.4. Vai trò của cộng đồng</p> <p>1.5. Những yếu tố tạo thành cộng đồng</p> <p>1.6. Phân loại vấn đề của cộng đồng</p>  | 15      | 4.1.2;<br>4.1.1<br>4.1.3<br>4.3.1;<br>4.3.2.       | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>[2, 9-24] | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:<br>[1, tr.10-84]<br>[2, 10-26]<br>[3, 7-49]<br>[4, 159-171]<br>[5,242-246]<br>[6,55-84] |
| <p>Chương 2. Tiến trình tổ chức và phát triển cộng đồng</p> <p>2.1 Chọn cộng đồng</p> <p>2.2 Hội nhập cộng đồng</p> <p>2.3 Thành lập và tập huấn nhóm nòng cốt</p> <p>2.4. Tìm hiểu và phân tích cộng đồng</p> <p>2.5. Chính thức thành lập ban điều hành, lập kế hoạch</p> <p>2.6. Củng cố tổ chức, phát huy vai trò các nhóm</p> <p>2.7. Liên kết bên trong và bên ngoài cộng đồng</p> <p>2.8. Lượng giá và kế thúc</p> | 5       | 4.1.1<br>4.3.1<br>4.3.2                            | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.              | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:<br>[1, 84-99]<br>[2, 29-58]   |
| <p>Chương 3. Vai trò và các kỹ năng cần thiết của tác viên phát triển cộng đồng</p> <p>3.1. Những yêu cầu của một tác viên phát triển cộng đồng</p> <p>3.1.1 Phẩm chất cần có</p> <p>3.1.2. Mối quan hệ của tác viên phát triển với cộng đồng</p> <p>3.2. Vai trò của tác viên phát triển</p> <p>3.2.1. Biện hộ</p> <p>3.2.2 Nghiên cứu</p>   | 20      | 4.1.2<br>4.1.3<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.2.6 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.              | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:<br>[1, tr. 130-204]<br>[2, 117-122]<br>[7, tr.10-14;<br>35-39]                          |

|   |    |  |   |  |
|---|----|--|---|--|
| <p>3.2.3 Tập huấn/truyền thông</p> <p>3.2.4 Lập kế hoạch</p> <p>3.2.5. Xúc tác</p> <p>3.3 Những kỹ năng cần thiết của tác viên phát triển cộng đồng</p> <p>3.3.1 Tạo ấn tượng ban đầu</p> <p>3.3.2. Lắng nghe</p> <p>3.3.3 Quan sát</p> <p>3.3.4. Giải quyết mâu thuẫn</p> <p>3.3.5 Thuyết trình</p> <p>3.3.6. Tổ chức các cuộc họp dân</p> <p>3.3.7. Tập huấn</p> <p>3.3.8. Xây dựng các tổ chức của dân</p>   |    |  |   |  |
| <p>Chương 4. Giới thiệu Phương pháp đồng tham gia trong Phát triển cộng đồng</p> <p>4.1 Khái quát chung về PRA</p> <p>4.1.1. Khái niệm</p> <p>4.1.2. Đặc điểm</p> <p>4.1.3 Nguyên tắc</p> <p>4.2. Những kỹ thuật được sử dụng trong PRA</p> <p>4.2.1 Thu thập thông tin</p> <p>4.2.2. Thảo luận nhóm</p> <p>4.2.3. Vẽ bản đồ cộng đồng</p> <p>4.2.4. Sơ đồ mặt cắt</p> <p>4.2.5. Lược sử cộng đồng</p> <p>4.2.6. Lịch mùa vụ</p> <p>4.2.7. Sơ đồ Venn</p> <p>4.2.8 Phân loại giàu nghèo</p> <p>4.2.9. Biểu đồ Gantt</p> <p>4.2.10. Công cụ/phương pháp phân tích vấn đề</p> | 15 | <p>4.1.1</p> <p>4.2.3</p> <p>4.2.6</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> <p>4.3.3</p>              | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>-Thảo luận nhóm, báo cáo.</p> | <p>- Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:</p> <p>[3, 135 – 144]</p> <p>[4, tr. 87-194]</p> <p>[5,tr.45-50]</p>  |
| <p>Chương 5. Dự án phát triển cộng đồng</p> <p>5.1. Khái niệm</p> <p>5.1.1. Dự án</p> <p>5.1.2. Dự án phát triển cộng đồng</p> <p>5.1.3 Các yếu tố cần thiết của một dự án phát triển cộng đồng</p> <p>5.2. Tiến trình xây dựng và thực hiện dự án</p> <p>5.2.1 Thiết kế dự án</p> <p>5.2.2. Triển khai dự án</p>   | 10 | <p>4.1.1</p> <p>4.1.5</p> <p>4.2.5</p> <p>4.2.6</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> <p>4.3.3</p> | <p>-Thuyết trình nêu vấn đề.</p> <p>-Thảo luận nhóm, báo cáo.</p> | <p>- Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:</p> <p>[1, 210-273]</p> <p>[2, 77-99]</p> <p>[3, 87 – 134, 153 – 167]</p> <p>[8, tr.1-35]</p> <p>[9, tr.13-183]</p> |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả                                     | Tên tài liệu  | Năm xuất bản | Nhà xuất bản       | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|---|---|--------------|--------------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |   |   |              |                    |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 01  | Nguyễn Kim Liên                                 | Giáo trình Phát triển cộng đồng   | 2008         | Lao động-Xã hội    | Thư viện ĐH ĐT             | x                |           |
| 02  | Nguyễn Thị Oanh                                 | Phát triển cộng đồng  | 2000         | ĐH Mở BC           | Thư viện ĐH ĐT             |                  | X         |
| 03  | Nguyễn Hữu Nhân                                 | Phát triển cộng đồng  | 2004         | ĐH Quốc Gia Hà Nội | Thư viện ĐH ĐT             |                  | X         |
| 04  | Nguyễn Hồi Loan – Nguyễn Thị Kim Hoa            | Giáo trình Công tác xã hội đại cương  | 2015         | ĐH Quốc Gia Hà Nội | Thư viện ĐH ĐT             |                  | x         |
| 05  | Bùi Thị Xuân Mai                                | Giáo trình Nhập môn Công tác xã hội   | 2010         | Lao động-Xã hội    | Thư viện ĐH ĐT             |                  | x         |
| 06  | Nguyễn Ngọc Hoi                                 | Nghiên cứu hành động cùng tham gia trong giảm nghèo và phát triển nông thôn | 2003         | Khoa học Xã hội    | Thư viện ĐH ĐT             |                  | x         |
| 07  | Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam | Phương pháp tập huấn có sự tham gia trong phát triển                        | 2001         |                    | Thư viện ĐH ĐT             |                  | x         |
| 08  | Mai Văn Nam                                     | Giáo trình quản trị dự án Phát triển  | 2009         | Giáo dục Việt Nam  | Thư viện ĐH ĐT             |                  | x         |
| 9   | Cẩm nang kinh doanh                             | Quản lý dự án lớn và nhỏ  | 2010         | Tổng hợp Tp HCM    | Thư viện ĐH ĐT             |                  | x         |

### 7. Quy định đối với sinh viên:

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có).

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức Đánh giá | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề) | Chuẩn đầu ra | Trọng số |
|--------------|--------------------|--|--------------|----------|
| 1            | Điểm               | Tham dự lớp đầy đủ                     | 4.3          | 0.1      |

|   |                                     |  |   |     |
|---|-------------------------------------|--|---|-----|
|   | chuyên cần                          | (30/30);   |   |     |
| 2 | Điểm kiểm tra đánh giá thường xuyên | Hoàn thành các bài báo cáo nhóm theo yêu cầu<br>Thực hiện kỹ năng thuyết trình | 4.1.1, 4.1.2, 4.1.3<br>4.2.1, 4.2.2, 4.2.3, 4.2.4<br>4.3.1, 4.3.2 | 0.3 |
| 3 | Thi kết thúc học phần               | Đề mở, thời gian làm bài 90 phút   | 4.1.1, 4.1.2, 4.1.3<br>4.2.1, 4.2.2, 4.2.3, 4.2.4<br>4.3.1, 4.3.2 | 0.6 |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**TS. Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Ths. Nguyễn Thị Bích Hưng**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Khoa: Văn hóa – Du lịch

Bộ môn: CTXH

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm

Mã lớp học phần:

Số tín chỉ: 02

Số tiết tín chỉ: 30/0/60

Học phần điều kiện: Không có

Học kỳ:

Năm học:

### 2. Thông tin về giảng viên:

#### 2.1. Giảng viên 1:

Họ và tên: Trần Kim Ngọc

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0983 605 208

Email: kimngoc208@gmail.com

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

#### 2.2. Giảng viên 2:

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0989 216 484

Email: nguyenthibichhung82@yahoo.com

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt / Tổng quan về học phần

Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm là môn học nhằm xây dựng các kỹ năng trong làm việc nhóm ở sinh viên, giúp sinh viên phát huy được hiệu quả khi làm việc nhóm trong học tập và trong cuộc sống. Đồng thời, xây dựng cho sinh viên khả năng thuyết trình hiệu quả, tạo sự tự tin khi trình bày trước nhiều người, giúp sinh viên đạt được kết quả cao trong học tập, trong công việc tương lai và trong cuộc sống.

### 4. Mục tiêu học phần / Chuẩn đầu ra

Môn học hình thành cho người học kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm. Người học có thể phát huy hiệu quả trong làm việc nhóm và tự tin khi thuyết trình.

#### 4.1. Kiến thức:

4.1.1. Trình bày được khái niệm thuyết trình.

4.1.2. Phân tích được cấu trúc của một bài thuyết trình và các bước thuyết trình.

4.1.3. Phân tích được cách sử dụng ngôn từ và một số yếu tố phi ngôn từ chính trong thuyết trình.

4.1.4. Trình bày được khái niệm và lợi ích của làm việc nhóm.

4.1.5. Nêu được các nguyên tắc làm việc nhóm.

4.1.6. Nắm vững các kiến thức về một số kỹ năng cơ bản trong làm việc nhóm.

#### 4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Xây dựng được một bài thuyết trình đúng cấu trúc và áp dụng được các bước thuyết trình.

4.2.2. Áp dụng được ngôn từ phù hợp và một số yếu tố phi ngôn từ chính trong thuyết trình.

4.2.3. Áp dụng được kỹ năng trả lời câu hỏi trong thuyết trình.

4.2.4. Thực hành một số kỹ năng làm việc làm nhóm.

4.2.5. Áp dụng được những kỹ năng làm việc nhóm vào quá trình học.

### 4.3. Thái độ:

4.3.1. Tự tin và phát huy được hiệu quả khi thuyết trình.

4.3.2. Nhận thức được lợi ích khi làm việc nhóm và phát huy được hiệu quả khi làm việc nhóm.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/ Chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra   | Phương pháp dạy – học   | Chuẩn bị của sinh viên   |
|--|---------|--|---|--|
| <b>1. Kỹ năng thuyết trình</b><br><b>1.1. Khái quát về thuyết trình</b><br>1.1.1. Định nghĩa thuyết trình<br>1.1.2. Phân loại thuyết trình<br>1.1.3. Đặc điểm của một bài thuyết trình hiệu quả<br><b>1.2. Các bước thuyết trình</b><br>1.2.1. Chuẩn bị thuyết trình<br>1.2.2. Những công việc cần thiết khi tiến hành thuyết trình<br>1.2.3. Các tiêu chí đánh giá bài thuyết trình<br><b>1.3. Cấu trúc bài thuyết trình</b><br>1.3.1. Phần mở đầu<br>1.3.2. Phần thân<br>1.3.3. Phần kết<br><b>1.4. Ngôn từ và phi ngôn từ trong thuyết trình</b><br>1.4.1. Ngôn từ trong thuyết trình<br>1.4.2. Một số phi ngôn từ chính trong thuyết trình<br><b>1.5. Kỹ năng xử lý câu hỏi trong thuyết trình</b><br>1.5.1. Một số nguyên tắc khi xử lý câu hỏi<br>1.5.2. Một số dạng câu hỏi và cách xử lý | 02      | 4.1.1;<br>4.1.2;<br>4.1.3;<br>4.2.1;<br>4.2.2;<br>4.2.3;<br>4.3.1; | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo<br>- Sử dụng máy chiếu, bảng. | Đọc [1], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:<br>1. Nêu khái niệm về thuyết trình, phân loại thuyết trình. Trình bày các đặc điểm của một bài thuyết trình hiệu quả.<br>2. Trình bày một số công việc cần thiết khi chuẩn bị thuyết trình.<br>3. Nêu một số phi ngôn từ trong thuyết trình.<br>4. Trình bày một số nguyên tắc khi xử lý câu hỏi trong thuyết trình.<br>5. Mỗi cá nhân chuẩn bị một bài thuyết trình (có thể tự chọn chủ đề) trình bày trước lớp trong 5 phút (có sử dụng phi ngôn từ và xử lý câu hỏi được đặt ra trong thuyết trình). |
| <b>2. Kỹ năng làm việc nhóm</b><br><b>2.1. Tổng quan về nhóm</b><br>2.1.1. Khái niệm làm việc nhóm<br>2.1.2. Lợi ích của làm việc nhóm   | 07      | 4.1.4;<br>4.1.5;<br>4.1.6;<br>4.2.4;<br>4.2.5;<br>4.3.2.           | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thực hành bài tập nhóm, báo                           | Đọc [2], sinh viên thực hiện các yêu cầu sau:<br>1. Anh (chị) hãy trình bày khái niệm làm việc   |

|  |  |  |   |  |
|--|--|--|---|--|
| <p>2.1.3. Nguyên tắc làm việc nhóm</p> <p>2.1.4. Đặc điểm của nhóm làm việc hiệu quả</p> <p><b>2.2. Các kỹ năng cơ bản khi làm việc nhóm</b></p> <p>2.2.1. Kỹ năng xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động nhóm</p> <p>2.2.2. Kỹ năng điều hành buổi họp nhóm</p> <p>2.2.3. Kỹ năng lắng nghe và truyền đạt thông tin</p> <p>2.2.4. Kỹ năng giải quyết vấn đề</p> <p>2.2.5. Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn</p> <p>2.2.6. Kỹ năng đưa và nhận thông tin phản hồi</p> <p><b>2.3. Các kiểu lãnh đạo nhóm</b></p> <p>2.3.1. Khái niệm lãnh đạo</p> <p>2.3.2. Nhiệm vụ của nhà lãnh đạo</p> <p>2.3. Các kiểu lãnh đạo và trường hợp áp dụng</p> |  |  | <p>cáo.</p> <p>- Sử dụng máy chiếu, bảng.</p> | <p>nhóm. Nêu lợi ích của làm việc nhóm.</p> <p>2. Anh/chị hãy nêu một số nguyên tắc khi làm việc nhóm và các đặc điểm của nhóm làm việc hiệu quả.</p> <p>3. Anh/chị hãy trình bày một số kỹ năng xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động nhóm.</p> <p>4. Anh/chị hãy nêu một số kỹ năng điều hành buổi họp nhóm.</p> <p>5. Anh/chị nêu một số kỹ năng lắng nghe và truyền đạt thông tin.</p> <p>6. Anh/chị hãy trình bày một số kỹ năng giải quyết mâu thuẫn.</p> <p>7. Anh/chị hãy trình bày một số kỹ năng đưa và nhận thông tin phản hồi.</p> |
|--|--|--|---|--|

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả    | Tên tài liệu            | Năm xuất bản | Nhà xuất bản  | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|----------------|-------------------------|--------------|---------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                |                         |              |               |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 01  | Philip Collins | Nghệ thuật thuyết trình | 2015         | NXB Thanh Hóa | Tủ sách CTXH Thư viện      | x                |           |

|    |   |  |      |  |                 |   |   |
|----|---|--|------|--|-----------------|---|---|
| 02 | PGS.TS.<br>Đặng Đình<br>Bôi   | Bài giảng Kỹ<br>năng làm việc<br>nhóm  | 2010 | Đại học<br>Nông<br>Lâm TP.<br>HCM                              | Tủ sách<br>CTXH | x |   |
| 03 | ThS. Trần<br>Minh Hải<br>(Biên soạn),                                       | Kỹ năng làm việc<br>nhóm (Tài liệu<br>phục vụ chuyên<br>đề rèn luyện kỹ<br>năng sống cho<br>sinh viên thiết<br>thời) | 2007 | Đại học<br>An<br>Giang,<br>Dự án<br>P.H.E,                     | Tủ sách<br>CTXH | x |   |
| 04 | ThS. Đỗ Hải<br>Hoàn   | Bài giảng Kỹ<br>năng làm việc<br>nhóm  | 2012 | Bộ môn<br>Phát<br>triển Kỹ<br>năng,<br>Học viện<br>CN-<br>BCVT | Tủ sách<br>CTXH |   | x |
| 05 | TS. Hồ<br>Thanh Mỹ<br>Phương và<br>các nhóm<br>cộng tác viên<br>(Biên soạn) | Kỹ năng làm việc<br>nhóm (Tài liệu<br>phục vụ chuyên<br>đề rèn luyện kỹ<br>năng sống cho<br>sinh viên thiết<br>thời) | 2007 | Đại học<br>An<br>Giang,<br>Dự án<br>P.H.E                      | Tủ sách<br>CTXH |   | x |
| 06 | Dương Trí<br>Hiển (Biên<br>dịch)  | Kỹ năng thuyết<br>trình  | 2011 | NXB<br>Tổng<br>Hợp<br>Tp.HCM                                   | Tủ sách<br>CTXH |   | x |
| 07 | PGS.TS.<br>Dương Thị<br>Liều  | Bài giảng kỹ<br>năng thuyết trình  | 2008 | NXB<br>Đại học<br>Kinh tế<br>Quốc<br>dân, HN                   | Tủ sách<br>CTXH |   | x |

### 7. Quy định đối với sinh viên:

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 5.

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần<br>đánh<br>giá | Hình thức<br>Đánh giá | Nội dung được đánh giá<br>(Chương/Chủ đề)                  | Chuẩn đầu ra | Trọng<br>số |
|--------------------|-----------------------|--|--------------|-------------|
| 1                  | Điểm<br>chuyên cần    | Tham dự lớp đầy đủ<br>(30/30);<br>Tích cực thảo luận nhóm, | 4.3          | 0.1         |



|   |  | phát biểu ý kiến, quan điểm. |   |     |
|---|--|------------------------------|---|-----|
| 2 | Thi vấn đáp<br>5<br>phút/người<br>(giữa kỳ)  | Chương 1                     | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.2.1;<br>4.2.2; 4.2.3;                                      | 0.3 |
| 4 | Thi vấn đáp<br>nhóm/ 15<br>phút (cuối<br>kỳ) | Chương 1; 2                  | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.1.6; 4.2.1; 4.2.2;<br>4.2.3; 4.2.4; 4.2.5 | 0.6 |

*Đông Tháp, ngày 22 tháng 8 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**TS. Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Ths. Trần Kim Ngọc**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

**Khoa: Văn hóa – Du lịch**

**Bộ môn: Công tác xã hội**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: KỸ NĂNG QUẢN TRÒ

Mã lớp học phần: SO

Số tín chỉ: 02

Số tiết tín chỉ: 15/30/60

Học phần điều kiện:

Học kỳ:

Năm học:

### 2. Thông tin về giảng viên:

#### 2.1. Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0989 216 484

Email: [nguyenbichhung82@gmail.com](mailto:nguyenbichhung82@gmail.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

#### 2.2. Giảng viên 2:

Họ và tên: Kiều Văn Tu

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0982.103.342

Email:

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt / Tổng quan về học phần

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết tầm quan trọng của việc sử dụng trò chơi trong các hoạt động tập thể, đồng thời hướng dẫn sinh viên thực hành những kỹ năng cơ bản trong việc tổ chức trò chơi.

### 4. Mục tiêu học phần / Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức:

4.1.1. Hiểu được các khái niệm, mục đích, các bước tiến hành tổ chức các trò chơi

4.1.2. Trình bày được các kỹ năng cơ bản để tiến hành tổ chức các trò chơi.

4.1.3. Hiểu rõ các phương pháp quản trò

#### 4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Thực hiện các kỹ năng quản trò.

4.2.2. Tạo được không khí vui vẻ, nhộn nhịp và tạo được sự hứng thú cho người tham gia

4.2.3. Vẽ được sơ đồ SWOT, cây vấn đề, cây mục tiêu

4.2.4 Vận dụng và phát triển các kỹ năng cho phù hợp với đối tượng

#### 4.3. Thái độ:

4.3.1. Nghiêm túc khi tham gia học tập, có khả năng tự học, tự nghiên cứu về những trò chơi thường được sử dụng trong các sinh hoạt tập thể

4.3.2. Nhận thức đúng về giá trị của nghề và yêu thích ngành học

### 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

| Chương/ Chủ đề | Số | Chuẩn | Phương pháp | Chuẩn bị |
|----------------|----|-------|-------------|----------|
|----------------|----|-------|-------------|----------|

|  | tiết | đầu ra  | dạy – học  | của sinh viên   |
|--|------|---|--|---|
| Chương 1 Những vấn đề chung trong tổ chức trò chơi tập thể<br>1.1. Khái niệm<br>1.2. Tính chất của trò chơi tập thể<br>1.3. Mục đích của việc sử dụng trò chơi<br>1.4. Lợi ích của trò chơi tập thể<br>1.5. Phân loại trò chơi<br>1.6. Các kỹ năng cần thiết của người quản trò  | 5    | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.1.3<br>4.1.4  | -Thuyết trình nêu vấn đề.                              | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:<br>[3, 5 – 7]<br>[4, 7-16]              |
| Chương 2. Tiến trình tổ chức các trò chơi sinh hoạt tập thể<br>2.1 Khảo sát đối tượng<br>2.2 Chọn trò chơi<br>2.3 Hướng dẫn cách thực hiện<br>2.4 Làm mẫu<br>2.5 Tiến hành trò chơi<br>2.6 Lượng giá quá trình tổ chức trò chơi.   | 5    | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.1.3<br>4.1.4  | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo. | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:<br>[1, 1 - 7]<br>[2, 3-14]              |
| Chương 3. Giới thiệu một số trò chơi sinh hoạt tập thể<br>3.1 Trò chơi “Tôi bảo”<br>3.2 Băng reo “Trời mưa”<br>3.3 Băng reo “Tiếng nói”<br>3.4 Trò chơi “Tiên đoán thời tiết”<br>3.5 Trò chơi “Cao – Thấp – Dài – Ngắn”<br>3.6 Thi tìm những con vật có từ láy<br>3.7 Nói và làm ngược<br>3.8 Con thỏ ăn cỏ<br>3.9 Trò chơi “Thụt – Thò”<br>3.10 Trò chơi :Tai đây – mũi này<br>3.11 Múa hình tượng<br>3.12 Dàn nhạc giao hưởng<br>3.13 Phản xạ nhanh<br>3.14 Trò chơi “Nếu – Thì”<br>3.15 Tìm bạn | 5    | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.1.3<br>4.1.4<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.3.1<br>4.3.2 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo. | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:<br>[1, 8 – 55]<br>[2, 15 – 43]          |
| Chương 4. Tổ chức trò chơi sinh hoạt tập thể<br>4.1 Thực hiện các vai trò của người quản trò<br>4.2 Thực hiện các trò chơi nhỏ trong lớp học<br>4.3 Thực hiện các trò chơi nhỏ ngoài lớp học.  | 15   | 4.1.3<br>4.1.4<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.3.1<br>4.3.2                   | -Thuyết trình nêu vấn đề.                              | Chuẩn bị các vật dụng cần thiết để tiến hành tổ chức trò chơi sinh hoạt tập thể |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả     | Tên tài liệu   | Năm xuất bản | Nhà xuất bản      | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|-----------------|--|--------------|-------------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                 |  |              |                   |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 01  | Thu Quỳnh       | 300 trò chơi sinh hoạt cho thanh thiếu niên          | 2013         | Hồng Đức          | Thư viện ĐH ĐT             | X                |           |
| 02  | Huỳnh Toàn      | 270 trò chơi sinh hoạt vòng tròn                     | 2014         | Trẻ, tp HCM       | Thư viện ĐH ĐT             |                  | X         |
| 03  | Bùi Văn Trực    | Trò chơi giáo dục kỹ năng sống                       | 2015         | Hà Nội, Hồng Đức  | Thư viện ĐH ĐT             |                  | X         |
| 04  | Phạm Đình Thái  | Những trò chơi giáo dục                              | 1999         | Lao động-Xã hội   | Thư viện ĐH ĐT             |                  | X         |
| 05  | Vũ Kim Yén      | Hướng dẫn tổ chức trò chơi dân gian trong nhà trường | 2011         | Văn hoá thông tin | Thư viện ĐH ĐT             |                  | X         |
| 06  | Nguyễn Ngọc Lâm | Sinh hoạt trò chơi khi dạy và học                    | 1996         | ĐH Mở BC- tp HCM  | Thư viện ĐH ĐT             |                  | X         |

## 7. Quy định đối với sinh viên:

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có).

## 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức Đánh giá                  | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)                                     | Chuẩn đầu ra  | Trọng số |
|--------------|-------------------------------------|--|---|----------|
| 1            | Điểm chuyên cần                     | Tham dự lớp đầy đủ (30/30);  | 4.3   | 0.1      |
| 2            | Điểm kiểm tra đánh giá thường xuyên | Hoàn thành các bài báo cáo nhóm theo yêu cầu                               | 4.1.1, 4.1.2, 4.1.3<br>4.2.1, 4.2.2, 4.2.3, 4.2.4<br>4.3.1, 4.3.2 | 0.3      |
| 3            | Điểm đánh giá cuối kỳ               | Thực hiện các kỹ năng quản trò thông qua việc sử dụng một trò chơi tập thể | 4.1.1, 4.1.2, 4.1.3<br>4.2.1, 4.2.2, 4.2.3, 4.2.4<br>4.3.1, 4.3.2 | 0.6      |

*Đồng Tháp, ngày 15 tháng 8 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**TS. Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Ths. Nguyễn Thị Bích Hưng**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

**Khoa: Văn hóa – Du lịch**

**Bộ môn: Công tác Xã hội**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kỹ năng dẫn chương trình

Mã lớp học phần:

Số tín chỉ: 02

Số tiết tín chỉ:30

Học phần điều kiện: không

Học kỳ:

Năm học:

### 2. Thông tin về giảng viên:

Họ và tên: Nguyễn Văn Lượm, Chức danh, học vị: Thạc sĩ

Điện thoại: 0975.953.795; Email: [nguyenluomtv@gmail.com](mailto:nguyenluomtv@gmail.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về các vấn đề: phong cách của người dẫn chương trình, những yêu cầu cơ bản của người dẫn chương trình và nói chuyện trước đám đông. Rèn luyện những kỹ năng cần có của một người dẫn chương trình, cách tiếp cận một chương trình để viết kịch bản và dẫn chương trình. Môn học còn cung cấp cho người học cách thức để làm chủ vấn đề thuyết trình trước công chúng.

### 4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức

4.1.1. Hiểu những kiến thức cơ bản của một người làm công tác dẫn chương trình

4.1.2. Biết những nội dung cần có của một sự kiện hay một chương trình mà người dẫn chương trình phải đảm nhiệm

4.1.3. Hiểu được những kiến thức cần có khi xây dựng một kịch bản dẫn chương trình cũng như những kiến thức cần có cho một bài nói chuyện trước đám đông.

#### 4.2. Kỹ năng

4.2.1. Sinh viên có thể phát huy hoặc thay đổi phong cách của bản thân khi dẫn chương trình

4.2.2. Sinh viên có khả năng trình bày một cách lưu loát và thuyết phục vấn đề mà mình muốn trình bày.

4.2.3. Sinh viên có kỹ năng vận dụng và phát huy khả năng hoạt ngôn của bản thân

### 4.3. Phẩm chất – đạo đức

4.3.1. Sinh viên ý thức việc học tập nghiên cứu với thái độ trân trọng vai trò của người dẫn chương trình cũng như người đứng thuyết trình trước công chúng.

4.3.2. Tôn trọng những giá trị ngôn ngữ của người dẫn chương trình và tôn trọng sự trong sáng hài hòa của tiếng Việt.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề  | Số tiết      | Chuẩn đầu ra   | Phương pháp dạy – học   | Chuẩn bị của sinh viên  |
|--|--------------|--|---|---|
| <p><b>Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ TỔNG QUAN</b></p> <p>1.1. Giới thiệu chung về người dẫn chương trình</p> <p>1.2. Những yêu cầu của nghề, xu hướng phát triển.</p> <p>1.3. Hướng dẫn cách xây dựng hình ảnh cho người dẫn chương trình..</p>   | <b>1-10</b>  | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3<br>4.2.1; 4.2.2; 4.2.3<br>4.3.1; 4.3.2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Thuyết giảng</li> <li>- Sinh viên đặt câu hỏi cho các nội dung của bài học</li> <li>- GV định hướng nội dung cssfn lưu ý</li> </ul>                               | Sinh viên nhận đề cương, chia nhóm, nhận nội dung làm việc ở tiết tiếp theo<br>-Sv họp nhóm chuẩn bị các nội dung thực hành |
| <p><b>Chương 2. TIẾNG NÓI SÂN KHẤU</b></p> <p>2.1. Tiếng nói sân khấu - truyền hình</p> <p>2.1.1. Kỹ thuật phát huy giọng nói</p> <p>2.1.2. Luyện phát âm chuẩn</p> <p>2.1.3. Kỹ thuật ổn định giọng nói trước đám đông</p> <p>2.2. Nghệ thuật diễn đạt cảm xúc bằng giọng nói</p> <p>2.3. Nghệ thuật thuyết trình trên sân khấu</p> | <b>11-23</b> | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3<br>4.2.1; 4.2.2; 4.2.3<br>4.3.1; 4.3.2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Thuyết giảng, làm mẫu</li> <li>- Sinh viên đặt câu hỏi theo các nội dung đề cương mà mình chưa rõ.</li> <li>- Sinh viên thực hành giảng viên chỉnh sửa</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên đọc tài liệu [1]</li> <li>- Tham gia luyện tập các kỹ năng</li> </ul>    |

|  |       |  |   |   |
|--|-------|--|---|---|
| 2.4. Thực hành thuyết trình và hoàn thiện ngôn ngữ bản thân  |       |  |   |   |
| <p><b>Chương 3. KỸ NĂNG TÌM KIẾM Ý TƯỞNG VÀ XÂY DỰNG KỊCH BẢN</b></p> <p>3.1. Tiếp cận chương trình<br/>3.2. Tìm hiểu nội dung và yêu cầu của chương trình<br/>3.3. Phân tích và thành lập ý tưởng tổng quát<br/>3.4. Xây dựng kịch bản của chương trình<br/>3.4. Xây dựng lời dẫn cho kịch bản<br/>3.5. Hoàn thiện kịch bản và luyện tập<br/>3.6. Thực hành xây dựng kịch bản và dẫn chương trình</p> | 24-30 | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3<br>4.2.1; 4.2.2; 4.2.3<br>4.3.1; 4.3.2 | <p>-Giảng viên thuyết giảng, làm mẫu, hướng dẫn sinh viên thực hành<br/>- Sinh viên thực hành và luyện tập theo các kỹ năng</p> | <p>- Sinh viên nhận các yêu cầu từ giảng viên<br/>- Thực hành và hoàn thiện<br/>- Chuẩn bị một chương trình và xây dựng một kịch bản để dẫn chương trình đó</p> |
| <p><b>Chương 4. TÁC PHONG NGƯỜI DẪN CHƯƠNG TRÌNH VÀ LÀM CHỦ SÂN KHẤU</b></p> <p>4.1. Xây dựng tác phong ngôn ngữ cá nhân<br/>4.2. Các yêu cầu về tác phong người dẫn chương trình<br/>4.2.1. Hình thể<br/>4.2.2. Trang phục<br/>4.2.3. Tư thế đứng<br/>4.2.4. Tư thế tay<br/>4.2.5. Cách cầm micrô<br/>4.2.6. Cách di chuyển trên sân khấu<br/>4.2.7. Luyện tập các kỹ năng</p>                        |       | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3<br>4.2.1; 4.2.2; 4.2.3<br>4.3.1; 4.3.2 | <p>- Giảng viên thuyết giảng, sinh viên quan sát và đặt câu hỏi<br/>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên hoàn thiện các kỹ năng</p> | <p>Sinh viên chuẩn bị một chương trình và xây dựng kịch bản. Lựa chọn trang phục và thực hành dẫn chương trình theo tác phong của mình.</p>                     |



|  |  |  |  |   |
|--|--|--|--|---|
| 4.3. Kỹ năng quản lý và làm chủ sân khấu   |  |  |  |   |
| <p><b>Chương 5. DẪN CHƯƠNG TRÌNH XỬ LÝ TÌNH HUỐNG TRÊN SÂN KHẤU</b></p> <p>5.1. Khai thác từng nội dung chương trình</p> <p>5.2. Gắn kết các nội dung chương trình</p> <p>5.3. Kỹ năng làm chủ nội dung chương trình</p> <p>5.4. Kỹ năng xử lý những tình huống trên sân khấu</p> <p>5.5. Thủ thuật tâm lý chinh phục người nghe</p> |  | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3<br>4.2.1; 4.2.2; 4.2.3<br>4.3.1; 4.3.2 | - Thuyết giảng, đặt tình huống, tạo các mẫu thị phạm<br>- Sinh viên quan sát, đặt câu hỏi, thực hành theo các nội dung | Sinh viên chuẩn bị một số tình huống sân khấu để thảo luận trước lớp. |

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả     | Tên tài liệu            | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|-----------------|-------------------------|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                 |                         |              |              |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Nguyễn Văn Lượm | <i>Tài liệu sưu tầm</i> | 2019         |              | Gv                         | x                |           |
| 2   | Chu Sĩ Chiêu    | <i>Thuật Hùng Biện</i>  | 2008         | NXB Đồng Nai | Gv                         |                  | x         |

## 7. Quy định đối với sinh viên

## 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)                         | Chuẩn đầu ra   | Trọng số |
|--------------|--------------------|--|--|----------|
| 1            | Thực hành          | Sinh viên thực hiện một đoạn thuyết trình về vấn đề mình chọn. | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3<br>4.2.1; 4.2.2; 4.2.3<br>4.3.1; 4.3.2 | 40%      |

|          |           |   |  |     |
|----------|-----------|---|--|-----|
| <b>2</b> | Thực hành | Sinh viên hoàn thành kịch bản và dẫn một chương trình do giảng viên cung cấp. | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.1.3<br>4.2.1; 4.2.2;<br>4.2.3<br>4.3.1; 4.3.2 | 60% |
|----------|-----------|---|--|-----|

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**TS. Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Nguyễn Văn Lượm**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**  
**KHOA VĂN HÓA DU LỊCH**  
**BỘ MÔN CÔNG TÁC XÃ HỘI**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần**

Tên học phần: **Phát triển học**

Mã lớp học phần: **SO4007N**

Số tín chỉ: **02**

Học kỳ:

Số tiết tín chỉ: **30 tiết (30/0/60)**

Năm học:

**2. Thông tin về giảng viên:**

**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: Trần Văn Luận
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: ĐH Đồng Tháp
- Điện thoại: 0673882338
- Email: [tvluan@dthu.edu.vn](mailto:tvluan@dthu.edu.vn)

**Giảng viên 2:**

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Chức danh, học hàm, học vị: Cao học
- Đơn vị công tác: ĐH Đồng Tháp
- Điện thoại: 0673882338
- Email: [dvkhanh@dthu.edu.vn](mailto:dvkhanh@dthu.edu.vn)

**3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần**

Môn học tập trung nghiên cứu các khía cạnh xã hội của quá trình phát triển, những người đã tạo nên chuyên ngành phát triển học. Sinh viên tìm hiểu tổng quan về chuyên ngành phát triển học và những vấn đề phát triển. Trong khi thảo luận chi tiết về Thế giới Thứ ba, sinh viên xem xét những quá trình tổng quát của sự biến đổi xã hội, bao gồm công nghiệp hóa và đô thị hóa, đã diễn ra khắp thế giới. Những quá trình như tăng trưởng dân số, mở rộng giáo dục, thay đổi chính trị, v.v..., cũng được khảo sát với quy chiếu về các nước đã phát triển và đang phát triển. Sở dĩ như thế là vì Phát triển học không phải chỉ là Phát triển học về Thế giới Thứ ba.

**4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra**

**4.1 Kiến thức**

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1.1. Hiểu được các khái niệm cơ bản của phát triển học như: nghèo tuyệt đối, nghèo tương đối, nhu cầu cơ bản, phát triển từ bên dưới,...

4.1.2. Hiểu được những quan điểm khác nhau trong các lý thuyết về hiện đại hóa và các lý thuyết về tình trạng kém phát triển.

**4.2. Kỹ năng**

4.2.1 Phân tích được các mối tương quan giữa phát triển với dân số, đô thị hóa, công nghiệp hóa, giáo dục.

4.2.2 Thông qua thuyết trình và thảo luận trong lớp, sinh viên sẽ có kỹ năng diễn đạt và trình bày rõ ràng.

4.2.3. Áp dụng các kỹ năng lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch trong tiến trình cùng thân chủ giải quyết vấn đề.

### 4.3. Thái độ

4.3.1. Sinh viên có thái độ nghiêm túc khi tham gia học tập, có khả năng tự học, tự nghiên cứu về những vấn đề của cộng đồng, phân tích được thực trạng của cộng đồng.

4.3.2. Sinh viên có cái nhìn tích cực đối với người nghèo và có tinh thần vì người nghèo, vì cộng đồng nghèo.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra                                       | Phương pháp dạy – học  | Chuẩn bị của sinh viên   |
|--|---------|--|--|--|
| Chương 1 TỔNG QUAN VỀ XÃ HỘI HỌC PHÁT TRIỂN<br>- Nhập đề<br>- Mục tiêu nghiên cứu<br>- Các vấn đề xã hội học chủ yếu   | 3       | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.3.2                   | GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm; Xử lý bài tập tình huống mà GV đưa ra. | SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:<br><br>Làm rõ các vấn đề xã hội đang tồn tại ở nước ta  |
| Chương 2 CÁC THUỐC ĐO VỀ BẤT BÌNH ĐẲNG VÀ PHÁT TRIỂN<br>- Khái niệm về Nghèo - Thế giới thứ ba và tình trạng nghèo<br>- Chiến lược thoả mãn các nhu cầu đơn giản<br>- Nhận thức về phát triển nhìn từ bên dưới | 5       | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo;                             | SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:<br><br>Thế nào là nghèo, cận nghèo<br><br>Thế nào là phát triển?  |
| Chương 3 HỌC THUYẾT VỀ HIỆN ĐẠI HOÁ<br>- Các nguồn gốc lý luận của học thuyết về hiện đại hoá<br>- Học thuyết về hiện đại hoá : Truyền thống đối lập hiện đại<br>- Phê phán học thuyết về hiện đại hoá         | 5       | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.3.1<br>4.3.2          | GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo;                             | SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:<br><br>Áp dụng học thuyết phê phán vào các mô hình kinh tế xã hội ở các nước phát triển và làm rõ ưu, nhược điểm? |
| Chương 4 CÁC LÝ THUYẾT VỀ TÌNH TRẠNG KÉM PHÁT TRIỂN HỌC THUYẾT MÁC VÀ HỌC THUYẾT LÊ-NIN  | 7       | 4.1.1<br>4.2.1<br>4.3.1                            | GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và                                      | SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:   |

|  |           |   |  |   |
|--|-----------|---|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học thuyết Marx về chủ nghĩa tư bản và đấu tranh giai cấp</li> <li>- Học thuyết Lê-nin về chủ nghĩa đế quốc</li> </ul> <p>LÝ THUYẾT VỀ TÌNH TRẠNG BÓC LỘT THẾ GIỚI THỨ BA</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ nghĩa tư bản thương nhân</li> <li>- Chủ nghĩa thực dân</li> <li>- Chủ nghĩa thực dân mới</li> </ul> <p>LÝ THUYẾT VỀ “TÌNH TRẠNG PHỤ THUỘC” VÀ LÝ THUYẾT VỀ “HIỆN TƯỢNG LỆCH LẠC CỦA ĐÔ THỊ”</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học thuyết của Frank về tình trạng phụ thuộc của Thế giới thứ ba</li> <li>- Học thuyết của Lipton về “Hiện tượng lệch lạc của đô thị”</li> <li>- Các xu hướng gần đây trong Học thuyết về phát triển</li> <li>- Kết luận chung đối với các học thuyết về tình trạng kém phát triển</li> </ul> |           |   | báo cáo;                                       | Thế nào là thế giới thứ 3<br>Lệch lạc đô thị là gì?   |
| <p>Chương 5 DẪN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN - ĐÔ THỊ HOÁ VÀ CÔNG NGHIỆP HOÁ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vấn đề gia tăng dân số</li> <li>- Tương quan giữa đô thị hóa với dân số và công nghiệp hóa</li> <li>- Đô thị hóa ở Thế giới Thứ ba</li> </ul>  | <b>5</b>  | 4.1.1<br>4.2.1<br>4.3.2                   | GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo; | SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:<br>Làm rõ Tương quan giữa đô thị hóa với dân số và công nghiệp hóa                     |
| <p>Chương 6 GIÁO DỤC VÀ CÔNG NGHIỆP HOÁ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tương quan tổng quát giữa giáo dục và phát triển.</li> <li>- Các mức độ cung cấp giáo dục, trình độ học vấn và tỷ lệ đến trường</li> <li>- Tác động của chủ nghĩa thực dân trong việc cung ứng giáo dục</li> <li>- Cải cách giáo dục</li> <li>- Kết luận chung về tương quan giữa dân số, đô thị hóa, giáo dục và phát triển</li> </ul>   | <b>5</b>  | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo; | SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:<br>Làm rõ Các mức độ cung cấp giáo dục, trình độ học vấn và tỷ lệ đến trường ở nước ta |
|  | <b>30</b> |   |  |   |

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả    | Tên tài liệu                      | Năm xuất bản | Nhà xuất bản                 | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|----------------|-----------------------------------|--------------|------------------------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                |                                   |              |                              |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Trần Xuân Kiêm | Phát triển học                    | 2005         | Trường Đại học Mở TP. HCM    | Phòng BM                   | x                |           |
| 2   | Vũ Quang Hà    | Các lý thuyết xã hội học. (2 tập) | 2001         | Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, | Phòng BM                   |                  | x         |
| 3   | Lê Ngọc Hùng   | Xã hội học kinh tế.               | 2004         | Nxb Chính trị                | Thư viện                   |                  | x         |
| 4   | Trần Hùng      | Dân số học đô thị                 | 2001         | Nxb Xây Dựng                 | Thư viện                   |                  | x         |

## 7. Quy định đối với sinh viên

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể.

## 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá         | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)  | Chuẩn đầu ra                     | Trọng số |
|--------------|----------------------------|---|----------------------------------|----------|
| 1            | Điểm chuyên cần            | Tham dự lớp đầy đủ (30/30); Tích cực thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến, quan điểm. | 4.3.1; 4.3.2; 4.3.3              | 0.1      |
| 2            | Báo cáo nhóm; Tiểu luận.   | Chương 1; 3; 4;   | 4.1.1; 4.1.2; 4.2.3; 4.2.1       | 0.1      |
| 3            | Điểm kiểm tra giữa kỳ      | Chương 3; 4   | 4.1.1; 4.1.2; 4.2.3; 4.2.1       | 0.2      |
| 4            | Điểm thi kết thúc học phần | Chương 1; 3; 4;   | 4.1.1; 4.1.2; 4.2.3; 4.1.3 4.2.1 | 0.6      |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**P. TRƯỞNG KHOA**

**P.TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Dương Văn Khánh**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Khoa: Văn hóa – Du lịch

**Bộ môn: CTXH**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin chung về môn học

- Mã môn học: SO4000 - **Công tác xã hội với người khuyết tật**
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết tín chỉ: 30 tiết (LT:30/0/TH:60)
- Học phần điều kiện: không
- Học kỳ: 1; Năm học: 2019 – 2020

### 2. Thông tin về giảng viên:

- Họ và tên: Nguyễn Chí Gót; Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Điện thoại: 1918 054 950; Email: ncgot@.dthu.edu.vn
- Đơn vị: Phòng Thanh tra - Pháp chế

### 3. Mô tả/Tổng quan về môn học

Môn học “ Công tác xã hội với người khuyết tật” trang bị cho sinh viên hiểu biết khái quát về các dạng tật; Những đặc điểm tâm sinh lý của người khuyết tật; Đời sống của người khuyết tật và ngành nghề đào tạo cho người khuyết tật; Những chế độ chính sách đãi ngộ của Nhà nước đối với người khuyết tật. Sinh viên biết thực hành kỹ năng đặc thù cho các dạng tật khi ra trường làm công tác xã hội.

### 4. Mục tiêu học phần / Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức

- 4.1.1. Sinh viên hiểu được các khái niệm về khuyết tật và người khuyết tật
- 4.1.2. Sinh viên hiểu được tầm quan trọng của Công tác xã hội trong lĩnh vực với người khuyết tật.
- 4.1.3. Sinh viên nắm bắt được pháp luật và chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam liên quan đến người khuyết tật, từ đó có thể vận dụng xử lý các tình huống.
- 4.1.4. Sinh viên đánh giá được các loại hình dịch vụ công tác xã hội đối với người khuyết tật, từ đó có thể lên ý tưởng sáng tạo một mô hình dịch vụ mới.
- 4.1.5. Sinh viên đánh giá được thực trạng kỳ thị mà hiện nay xã hội đang tác động đến người khuyết tật. Đề xuất được những giải pháp giải quyết thực trạng kỳ thị này.

#### 4.2. Kỹ năng

- 4.2.1. Sinh viên rèn luyện được những kỹ năng cơ bản để có thể bước đầu giao tiếp và làm việc được với người khuyết tật.
- 4.2.2. Sinh viên vận dụng được kế hoạch can thiệp với người khuyết tật, có thể áp dụng cho trường hợp thực tế ở mức đạt yêu cầu.

**4.3.1.Thái độ:** Nhận thức đúng và không phân biệt người khuyết tật, thích ngành CTXH

### 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học



| Chương/Chủ đề  | Số tiết  | Chuẩn Đầu ra    | Phương pháp Dạy-học  | Chuẩn bị Của SV  |
|--|----------|-----------------|--|--|
| <p><b>1. Một số vấn đề lý luận cơ bản về khuyết tật và công tác xã hội với người khuyết tật</b></p> <p><b>1.1. Khái niệm khuyết tật và người khuyết tật</b></p> <p><i>1.1.1. Khuyết tật</i></p> <p><i>1.1.2. Người khuyết tật</i></p> <p><i>1.1.3. Phân loại khuyết tật</i></p> <p><i>1.1.4. Tổng quát về một số nguyên nhân gây nên khuyết tật</i></p> <p><b>1.2. Công tác xã hội với người khuyết tật</b></p> <p><i>1.2.1. Khái niệm về công tác xã hội với người khuyết tật</i></p> <p><i>1.2.2. Mục đích của công tác xã hội với người khuyết tật</i></p> <p><i>1.2.3. Vai trò của nhân viên công tác xã hội khi làm việc với người khuyết tật</i></p> | <b>5</b> | 4.1.1;<br>4.1.2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP Thuyết trình, nêu vấn đề.</li> <li>- Thảo luận nhóm, trao đổi.</li> <li>- Sử dụng máy chiếu, bảng.</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc chương 1 tài liệu chính (từ trang 23 đến 39)</li> <li>- Ghi lại những ý chính của mục 1.1. (trang 23-35)</li> <li>- Ghi lại những ý chính của mục 1.2 (từ trang 36-39)</li> </ul> |
| <p><b>2. Luật pháp; chính sách và các loại hình dịch vụ trợ giúp người khuyết tật</b></p> <p><b>2.1. Văn bản pháp lý quốc tế</b></p> <p><b>2.2. Văn bản pháp luật của Việt Nam</b></p> <p><b>2.3. Các loại hình dịch vụ chăm sóc trợ giúp cho người khuyết tật và vai trò của nhân viên CTXH</b></p> <p><i>2.3.1. Dịch vụ Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật</i></p> <p><i>2.3.2 Các dịch vụ giáo dục cho người khuyết tật</i></p> <p><i>2.3.3. Phục hồi chức năng cho người khuyết tật</i></p> <p><i>2.3.4. Mô hình sinh kế</i></p> <p><i>2.3.5. Mô hình sống độc lập</i></p>   | <b>5</b> | 4.1.3;<br>4.1.4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP Thuyết trình, nêu vấn đề, nghiên cứu văn bản trong tài liệu, trang web, báo chí.</li> <li>- Thảo luận nhóm, trao đổi.</li> <li>- Sử dụng máy chiếu, bảng.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi lại những ý chính của mục 2.1; 2.2; 2.3.(từ trang 59 đến trang 84)</li> </ul>   |
| <p><b>3. Những trải nghiệm về sự kì thị và phân biệt đối xử với</b></p>  | <b>5</b> | 4.1.5;<br>4.3.1 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP Thuyết trình, nêu vấn</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc chương 3 tài liệu chính (từ</li> </ul>  |

|   |                 |              |  |   |
|---|-----------------|--------------|--|---|
| <p><b>người khuyết tật</b></p> <p><b>3.1. Sự kì thị</b> và phân biệt đối xử với người khuyết tật thể hiện trong nhận thức, quan điểm</p> <p><b>3.2. Sự kì thị</b> và phân biệt đối xử với người khuyết tật thể hiện qua thái độ</p> <p><b>3.3. Sự kì thị</b> và phân biệt đối xử với người khuyết tật thể hiện qua ngôn ngữ</p> <p><b>3.4. Sự kì thị</b> và phân biệt đối xử với người khuyết tật thể hiện qua hành vi, ứng xử</p>  |                 |              | <p>đề, nghiên cứu văn bản trong tài liệu, trang web, báo chí.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm, trao đổi.</li> <li>- Sử dụng máy chiếu, bảng.</li> </ul>                              | <p>trang 122 đến trang 129)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi lại những ý chính của mục 3.1; 3.2; 3.3; 3.4</li> </ul>  |
| <p><b>4. Tác động của tình trạng khuyết tật đối với các mối quan hệ và gia đình</b></p> <p><b>4.1. Tác động</b> của tình trạng khuyết tật đối với cha mẹ trong việc nuôi dạy con khuyết tật</p> <p><i>4.1.1. Mối quan hệ trong gia đình với những nguồn hỗ trợ khác nhau</i></p> <p><i>4.1.2. Các dạng hỗ trợ gia đình có trẻ khuyết tật</i></p> <p><b>4.2. Tác động</b> của tình trạng khuyết tật đối với mối quan hệ với anh chị em</p> <p><b>4.3. Tác động</b> của tình trạng khuyết tật đối với các vấn đề liên quan đến hôn nhân và mối quan hệ với vợ/chồng</p> <p><i>4.3.1. Tác động của tình trạng khuyết tật trong giai đoạn tiền hôn nhân</i></p> <p><i>4.3.2. Tác động của tình trạng khuyết tật trong giai đoạn sau kết hôn</i></p> <p><b>4.4. Tác động</b> của tình trạng khuyết tật đối với mối quan hệ với bạn bè</p> <p><b>4.5. Tác động</b> của tình trạng khuyết tật đối với mối quan hệ với đồng nghiệp, người sử dụng lao</p> | <p><b>5</b></p> | <p>4.3.1</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP Thuyết trình, nêu vấn đề, nghiên cứu văn bản trong tài liệu, trang web, báo chí.</li> <li>- Thảo luận nhóm, trao đổi.</li> <li>- Sử dụng máy chiếu, bảng.</li> </ul> | <p><b>- KTTK lần 1</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc chương 4 tài liệu chính (từ trang 181 đến trang 196)</li> <li>- Ghi lại những ý chính của mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4; 4.5.</li> </ul> |

|  |   |       |   |   |
|--|---|-------|---|---|
| động   |   |       |   |   |
| <p><b>5. Xây dựng mối quan hệ và sự tin tưởng</b></p> <p><b>5.1. Tạo dựng</b> mối quan hệ tin cậy giữa nhân viên xã hội và thân chủ</p> <p><i>5.1.1. Niềm tin vào khả năng của nhân viên xã hội trong việc giải quyết các vấn đề của thân chủ</i></p> <p><i>5.1.2. Niềm tin của nhân viên xã hội và thân chủ về khả năng tạo thay đổi của chính thân chủ</i></p> <p><i>5.1.3. Niềm tin về giá trị của thân chủ và các nỗ lực của thân chủ và nhân viên xã hội</i></p> <p><b>5.2. Tạo dựng</b> mối quan hệ tin cậy giữa nhân viên xã hội và thân chủ khuyết tật</p> <p><i>5.2.1. Tránh sự thương cảm và thương hại</i></p> <p><i>5.2.2. Nâng cao sự thấu cảm và giao tiếp sử dụng kỹ năng thấu cảm</i></p> <p><b>5.3. Kỹ năng</b> giao tiếp với thân chủ khuyết tật trên nguyên tắc lấy con người làm trung tâm</p> <p><i>5.3.1. Một số nguyên tắc chung trong giao tiếp với thân chủ khuyết tật</i></p> <p><i>5.3.1.1. Tránh quyết định vấn đề của thân chủ theo quan điểm chủ quan của nhân viên xã hội</i></p> <p><i>5.3.1.2. Phát triển sự kiên nhẫn và sự hiểu biết/am hiểu</i></p> <p><i>5.3.1.3. Giảm nỗi sợ hãi và sự không thoải mái</i></p> <p><i>5.3.2. Kỹ năng giao tiếp lấy con người làm trung tâm đối với thân chủ có một số dạng khuyết tật thường gặp</i></p> <p><i>5.3.2.1. Giao tiếp với thân chủ có</i></p> | 5 | 4.2.1 | <p>- PP Thuyết trình, nêu vấn đề, nghiên cứu văn bản trong tài liệu, trang web, báo chí.</p> <p>- Thảo luận nhóm, trao đổi.</p> <p>- Sử dụng máy chiếu, bảng.</p> | <p>- Đọc chương 5 tài liệu chính (từ trang 204 đến trang 220)</p> <p>- Ghi lại những ý chính của mục 5.1.</p> <p>- Ghi lại những ý chính của mục 5.2.</p> <p>- Ghi lại những ý chính của mục 5.3.</p> |

|   |           |  |  |   |
|---|-----------|--|--|---|
| <p><i>tôn trọng chức năng nghe</i></p> <p>5.3.2.2. <i>Giao tiếp với thân chủ có những thương tật chức năng nhìn</i></p> <p>5.3.2.3. <i>Giao tiếp với thân chủ khuyết tật chức năng nói</i></p> <p>5.3.2.4. <i>Giao tiếp với thân chủ khuyết tật trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần</i></p> <p>5.3.2.5. <i>Giao tiếp với thân chủ khuyết tật phát triển</i></p> <p>5.3.2.6. <i>Giao tiếp với thân chủ khuyết tật chức năng nhận thức</i></p> <p>5.3.2.7. <i>Giao tiếp với thân chủ khuyết tật vận động</i></p>   |           |  |  |   |
| <p><b>6. Kế hoạch can thiệp và trị liệu</b></p> <p><b>6.1. Kế hoạch hỗ trợ cá nhân</b></p> <p>6.1.1. <i>Khái niệm kế hoạch hỗ trợ cá nhân</i></p> <p>6.1.2. <i>Ý nghĩa của kế hoạch hỗ trợ cá nhân</i></p> <p>6.1.3. <i>Nội dung của kế hoạch hỗ trợ cá nhân</i></p> <p>6.1.4. <i>Các nguyên tắc trong xây dựng kế hoạch hỗ trợ cá nhân</i></p> <p>6.1.5. <i>Yêu cầu đối với người hỗ trợ</i></p> <p>6.1.5.1. <i>Yêu cầu phẩm chất</i></p> <p>6.1.5.2. <i>Yêu cầu về năng lực</i></p> <p>6.1.6. <i>Quy trình xây dựng kế hoạch hỗ trợ cá nhân</i></p> <p>6.1.6.1. <i>Giai đoạn 1. Tiếp nhận, xác nhận tình trạng ban đầu</i></p> <p>6.1.6.2. <i>Đặt mục tiêu</i></p> <p>6.1.6.3. <i>Lên kế hoạch</i></p> <p>6.1.6.4. <i>Thực hiện kế hoạch</i></p> <p>6.1.6.5. <i>Lượng giá, kết thúc</i></p> <p><b>6.2. Rà soát trường hợp</b></p> | <b>5</b>  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP Thuyết trình, nêu vấn đề, nghiên cứu văn bản trong tài liệu, trang web, báo chí.</li> <li>- Thảo luận nhóm, trao đổi.</li> <li>- Sử dụng máy chiếu, bảng.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc chương 6 tài liệu chính (từ trang 287 đến trang 308)</li> <li>- Ghi lại những ý chính của mục 6.1.</li> <li>- Ghi lại những ý chính của mục 6.2.</li> <li>- <b>KTTK lần 2</b></li> </ul> |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>30</b> |  |  |   |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả                   | Tên tài liệu                                   | Năm XB | NXB         | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |    |
|-----|-------------------------------|--|--------|-------------|----------------------------|------------------|----|
|     |                               |  |        |             |                            | TL chính         | TK |
| 01  | PGS.TS.<br>Nguyễn Thị Kim Hoa | Công tác xã hội với người khuyết tật           | 2014   | ĐHQG HN     | Thư viện                   | x                |    |
| 02  | ThS. Hà Thị Thu               | Chuyên đề công tác xã hội với người khuyết tật | 2014   | LĐXH CSII   | GV                         |                  | X  |
| 03  | Nguyễn Thị Thái Lan           | Giáo trình CTXH Nhóm                           | 2008   | NXB LĐXH    | Thư viện ĐHĐT              |                  | X  |
| 04  | Trần Đình Tuấn                | CTXH lý thuyết và thực hành                    | 2010   | NXB ĐHQG HN | Thư viện ĐHĐT              |                  | x  |

### 7. Quy định đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;
- Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;
- Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 5.

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức Đánh giá   | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)  | Chuẩn đầu ra                                  | Trọng số   |
|--------------|----------------------|---|---|------------|
| 1            | Điểm chuyên cần      | Tham dự lớp đầy đủ (30/30); không vắng 20%<br>Tích cực thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến, trao đổi | 4.3.1   | <b>0.1</b> |
| 2            | Điểm KTTK            | Các kiến thức trong môn học (2 lần KTTK) hoặc bằng hình thức bài tập nhóm                         | 4.1.1;<br>4.1.2;<br>4.1.3;<br>4.1.4;<br>4.1.5 | <b>0.3</b> |
| 3            | Điểm thi kết thúc MH | Theo lịch thi của P.ĐBCL<br>Thời gian 90 phút   | 4.1;<br>4.2                                   | <b>0.6</b> |

*Đồng Tháp, ngày 08 tháng 10 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**TS. Nguyễn Thị Song Thương**

**Ths. Trần Kim Ngọc**

**Ths. Nguyễn Chí Gót**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP  
KHOA VĂN HÓA DU LỊCH  
BỘ MÔN CÔNG TÁC XÃ HỘI

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: **QUẢN TRỊ TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI**

Mã lớp học phần: **SO4010N**

Số tín chỉ: **02**

Số tiết tín chỉ: **30 tiết (30/0/60)**

Học kỳ: **THU**

Năm học: **2019 - 2020**

### 2. Thông tin về giảng viên:

#### 2.1. Giảng viên 1

Họ và tên: Dương Văn Khánh  
sĩ

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc

Điện thoại: 0936780877

Email:

duongvankhanh2910@gmail.com

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

#### 2.2. Giảng viên 2

Họ và tên: Trần Văn Luận  
sĩ

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc

Điện thoại: 0947272224

Email: tranvanluan08@gmail.com

Đơn vị: Phong Thanh tra – Pháp chế

### 3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên nắm bắt được tính chất và yêu cầu của công tác quản trị một tổ chức, nhất là tổ chức xã hội hay cơ sở xã hội. Yêu cầu cốt lõi nhất là quản trị năng động và tôn trọng cũng như đặt trọng tâm vào mối quan hệ nhân sự. Những kỹ năng cốt lõi như kỹ năng ra quyết định trong quản trị, công tác hoạch định, công tác tổ chức, bố trí nhân sự và quản lý nguồn nhân lực, lãnh đạo và truyền thông trong quản trị... được đặt trong bối cảnh cơ sở xã hội, phục vụ và cung cấp dịch vụ cho thân chủ. Đặc biệt nhấn mạnh tính chất năng động của tinh thần làm việc theo nhóm; nhấn mạnh mối quan hệ cộng đồng và công tác kiểm huấn, một phương pháp đặc thù của quản trị ngành công tác xã hội.

### 4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra

#### 4.1 Kiến thức

Sau khi học xong môn học sinh viên sẽ:

4.1.1. Nêu được khái niệm, mục đích, vai trò của quản trị công tác xã hội;

4.1.2. Trình bày được vai trò, yêu cầu về kiến thức kỹ năng và thái độ, nguyên tắc hành động, quy điều đạo đức của nhà quản trị công tác xã hội;

4.1.3. Hiểu được tiến trình hoạch định trong quản trị công tác xã hội, từ đó biết được nhà quản trị công tác xã hội cần trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản để thực hiện tiến trình hoạch định tốt nhằm phát triển cơ quan tổ chức;

4.1.4. Cung cấp cho sinh viên nắm được các lý thuyết về lãnh đạo, các phong cách lãnh đạo của nhà quản trị trong ngành công tác xã hội. Đồng thời, sinh viên cũng được trang bị kiến thức cơ bản của các kỹ năng ra quyết định, từ đó có thể hiểu công việc ra quyết định đúng đắn là yêu cầu cấp thiết đối với nhà quản trị công tác xã hội;

4.1.5. Trang bị cho sinh viên phương pháp, kỹ thuật xây dựng tổ chức, bộ máy của một cơ sở xã hội, cũng như nắm được phương pháp và kỹ năng tìm nguồn nhân sự, làm việc với họ, duy trì và phát triển đội ngũ nhân sự;

4.1.6. Trang bị cho sinh viên hiểu biết vai trò quan trọng, mục đích, chức năng, nguyên tắc, tiến trình và phương tiện của công tác kiểm huấn trong ngành công tác xã hội. Đây là một công tác quan trọng trong quản trị công tác xã hội nhằm thực thi đạo đức nghề nghiệp, phát huy chức năng đào tạo nguồn lực nhân viên công tác xã hội.

## 4.2. Kỹ năng

4.2.1. Có khả năng vận dụng các kiến thức và kỹ năng của một nhà quản trị công tác xã hội trong công tác hoạch định, lãnh đạo, ra quyết định, tổ chức nhân sự và kiểm huấn;

4.2.2. Biết vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học nhằm tìm hiểu và đánh giá công tác tổ chức, lãnh đạo, hoạch định của một tổ chức an sinh xã hội, cơ sở xã hội.

## 4.3. Thái độ

4.3.1. Tích cực học tập, nâng cao trình độ, tham gia vào hoạt động quản trị công tác xã hội vì sự công bằng tiến bộ xã hội, trợ giúp đối tượng cá nhân, nhóm, cộng đồng có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong cuộc sống;

4.3.2. Yêu quý nghề công tác xã hội, nghiêm túc cầu thị, không ngừng nâng cao kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn để có thể trở thành những nhà quản trị công tác xã hội theo tôn chỉ và quy điều đạo đức của nghề.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra                              | Phương pháp dạy – học                          | Chuẩn bị của sinh viên   |
|--|---------|---|--|--|
| <b>CHƯƠNG 1 – NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN TRỊ VÀ QUẢN TRỊ NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI</b><br>1.1. Các khái niệm chung về quản trị<br>1.2. Khái niệm chung về quản trị công tác xã hội<br>1.3. Quản trị công tác xã hội, quản trị kinh doanh và quản trị | 3       | 4.1.1<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo. | <b>SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 13 – 35]; [2, tr. 6 - 27]; [3, tr. 2 – 20]; [4, tr. 2 – 18], thực hiện các yêu cầu sau:</b><br>1. Phân biệt khái niệm quản trị CTXH và quản trị an sinh xã hội, liên hệ thực tiễn. |



|   |          |   |   |   |
|---|----------|---|---|---|
| chính quyền<br>1.4. Quản trị dự án và quản trị trường hợp   |          |   |   | 2. Trình bày mục đích và tầm quan trọng của quản trị CTXH, liên hệ thực tiễn.   |
| <b>CHƯƠNG 2 – NHÀ QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI</b><br>2.1. Khái niệm nhà quản trị công tác xã hội<br>2.2. Vai trò của nhà quản trị công tác xã hội<br>2.3. Kiến thức và kỹ năng của nhà quản trị công tác xã hội<br>2.4. Thái độ của nhà quản trị công tác xã hội<br>2.5. Nhà quản trị công tác xã hội trong hành động<br>2.6. Đạo đức nghề nghiệp của nhà quản trị công tác xã hội | <b>4</b> | 4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo, xử lý tình huống.                    | <b>SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 41 - 71]; [2, tr. 51 - 70], trả lời các câu hỏi sau:</b><br>1. Nhà quản trị công tác xã hội là ai?<br>2. Nhà quản trị công tác xã hội cần phải có kiến thức, năng lực, phẩm chất gì?<br>3. Nhà quản trị công tác xã hội cần phải những kỹ năng gì?<br>4. Bạn cần phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng gì để có thể trở thành một nhà quản trị công tác xã hội giỏi?<br>5. Phân tích nội dung các nguyên tắc hành động của nhà quản trị CTXH. |
| <b>CHƯƠNG 3 – HOẠCH ĐỊNH TRONG QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI</b><br>3.1. Khái niệm hoạch định trong quản trị công tác xã hội<br>3.2. Mục đích của hoạch định trong quản trị công tác xã hội<br>3.3. Tiến trình hoạch định trong quản trị công tác xã hội<br>3.4. Các loại hoạch định trong quản trị công tác xã hội  | <b>3</b> | 4.1.3<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo; làm bài tập tình huống mà GV đưa ra. | <b>SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 233 – 148]; [2, tr. 80 - 84]; [3, tr. 21 – 38]; [4, tr. 75 – 88], thực hiện các yêu cầu sau:</b><br>1. Tóm tắt nội dung, tiến trình hoạch định.<br>2. Vận dụng vào hoạch định một chương trình/ dịch vụ xã hội cụ thể tại cơ sở thực tiễn nhằm đáp ứng được nhu cầu của đối tượng và mục tiêu của tổ chức?  |
| <b>CHƯƠNG 4 – LÃNH ĐẠO TRONG QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI</b>   | <b>4</b> | 4.1.4<br>4.2.1<br>4.2.2                   | GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và   | <b>SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 152 – 273]; [2, tr. 174 – 205]; [3, tr. 74 –</b>  |

|  |                 |  |  |   |
|--|-----------------|--|--|---|
| <p>4.1. Khái niệm<br/>4.2. Các hoạt động lãnh đạo cơ bản trong công tác xã hội<br/>4.3. Nội dung của chức năng lãnh đạo<br/>4.4. Các giới hạn trong lãnh đạo<br/>4.5. Một số nguyên tắc của hoạt động lãnh đạo<br/>4.6. Phong cách lãnh đạo của nhà quản trị</p>   |                 | <p>4.3.1<br/>4.3.2</p>                               | <p>báo cáo; Xử lý bài tập tình huống mà GV đưa ra.</p>                                       | <p><b>81]; [4, tr. 133– 175], thực hiện các yêu cầu sau:</b><br/>1. Trình bày hai phong cách lãnh đạo độc đoán và dân chủ?<br/>2. Về lâu dài hai phong cách lãnh đạo trên sẽ gây hậu quả gì?<br/>3. Là một nhà quản trị công tác xã hội bạn hãy đem ra lựa chọn phong cách lãnh đạo có hiệu quả?<br/>4. Trình bày các lý thuyết về lãnh đạo.<br/>5. Các kỹ năng, nhiệm vụ cơ bản của nhà lãnh đạo?</p>                                |
| <p><b>CHƯƠNG 5 – RA QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI</b><br/>5.1. Khái niệm<br/>5.2. Bản chất, vai trò của ra quyết định trong quản trị công tác xã hội<br/>5.3. Cơ sở khoa học của việc ra quyết định trong quản trị công tác xã hội<br/>5.4. Nội dung và hình thức của các quyết định trong quản trị công tác xã hội<br/>5.5. Cách thức ra quyết định<br/>5.6. Mô hình ra quyết định<br/>5.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định<br/>5.8. Tiến trình ra quyết định trong quản trị công tác xã hội<br/>5.9. Kỹ thuật ra quyết định điển hình</p> | <p><b>4</b></p> | <p>4.1.5<br/>4.2.1<br/>4.2.2<br/>4.3.1<br/>4.3.2</p> | <p>GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo; Xử lý bài tập tình huống mà GV đưa ra.</p> | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [2, tr. 102 - 120]; [3, tr. 83 - 90]; [4, tr. 89 – 98], trả lời các câu hỏi sau:</b><br/>1. Ra quyết định là gì? Những cách thức ra quyết định?<br/>2. Yêu cầu và tầm quan trọng của các quyết định quản trị?<br/>3. Những hướng dẫn và chiến lược ra quyết định trong quản trị.<br/>4. Những rào cản của sự thay đổi về mặt tổ chức và quản lý công nghệ và làm gì để quản lý những thay đổi như thế?</p> |
| <p><b>CHƯƠNG 6 – THÔNG TIN TRONG QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI</b><br/>6.1. Khái niệm thông tin trong quản trị công tác xã hội</p>  | <p><b>4</b></p> | <p>4.1.5<br/>4.2.1<br/>4.2.2<br/>4.3.1</p>           | <p>GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo.</p>  | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 276 - 307]; [2, tr. 248 – 264]; [3, tr. 52 - 57]; [4, tr. 176 – 195],</b></p>  |

|  |   |  |  |   |
|--|---|--|--|---|
| <p>6.2. Phân loại thông tin trong quản trị công tác xã hội</p> <p>6.3. Vai trò thông tin trong quản trị công tác xã hội</p> <p>6.4. Nội dung và hình thức của thông tin trong quản trị công tác xã hội</p> <p>6.5. Thông tin có hiệu quả</p> <p>6.6. Quá trình thông tin trong quản trị công tác xã hội</p> <p>6.7. Phương pháp thu thập, xử lý và phổ biến thông tin trong quản trị công tác xã hội</p> |   | 4.3.2  |  | <p><b>trả lời các câu hỏi sau:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Định nghĩa truyền thông là gì?</li> <li>2. Tiến trình và mục đích của truyền thông trong quản trị?</li> <li>3. Các loại, kiểu và phương pháp truyền thông?</li> <li>4. Truyền thông có những rào cản nào?</li> <li>5. Vai trò của truyền thông trong quản trị xã hội?</li> </ol>   |
| <p><b>CHƯƠNG 7 – CÔNG TÁC TỔ CHỨC, NHÂN SỰ TRONG QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI</b></p> <p>7.1. Công tác tổ chức trong quản trị công tác xã hội</p> <p>7.1.1. Khái niệm</p> <p>7.1.2. Mục tiêu</p> <p>7.1.3. Cấu trúc của chức năng tổ chức</p> <p>7.1.4. Quá trình thiết kế tổ chức</p> <p>7.2. Công tác nhân sự</p> <p>7.2.1. Tiến trình công tác nhân sự</p> <p>7.2.2. Phát triển nhân sự</p>               | 4 | <p>4.1.6</p> <p>4.2.1</p> <p>4.2.2</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> | <p>GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo; làm bài tập tình huống mà GV đưa ra.</p> | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 197 – 229, tr. 352 - 358]; [2, tr. 123 – 149, tr. 297 - 317]; [3, tr. 40 – 50, tr. 59 - 72]; [4, tr. 197 – 229], trả lời các câu hỏi sau:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công tác nhân sự có ý nghĩa như thế nào trong hoạt động của cơ quan công tác xã hội?</li> <li>2. Mục tiêu và các thành phần của công tác nhân sự.</li> <li>3. Vì sao phải định hướng cho nhân viên khi bắt đầu làm việc tại cơ quan công tác xã hội? Làm thế nào để thực hiện việc định hướng một cách tốt nhất?</li> <li>4. Tại cơ quan công tác xã hội, việc chuyển nhân viên, cán bộ cần thiết như thế nào? Vì sao cần có những điều kiện và qui định cụ</li> </ol> |

|  |          |                         |                                       |  |
|--|----------|-------------------------|---------------------------------------|--|
|  |          |                         |                                       | <p>thể cho việc truyền chuyên nhân viên trong cơ quan công tác xã hội.</p> <p>5. Việc đánh giá nhân viên trong cơ quan công tác xã hội có cần tiến hành thường xuyên không? Để đánh giá nhân viên thỏa đáng cần chú ý những điểm gì?</p> <p>6. Mục đích và phương pháp đánh giá công việc của nhân viên.</p> <p>7. Cho ví dụ phân tích một trường hợp đánh giá công việc.</p> <p>8. Tại cơ quan công tác xã hội, không cần đến công tác khen thưởng, kỷ luật có được không? Vì sao?</p> <p>9. Đặc thù chính của công tác nhân sự trong cơ quan công tác xã hội ở Việt nam hiện nay là gì? Thử nêu những giải pháp để tiến hành công tác nhân sự trong 1 loại cơ quan công tác xã hội (Ví dụ, cơ quan công tác xã hội là các cơ sở tham vấn, tư vấn theo nhóm đối tượng của công tác xã hội là người già, trẻ em mồ côi, người khuyết tật hay nhóm khác..).</p> <p>10. Những lý thuyết chọn lọc về động viên và thỏa mãn công việc.</p> |
| <b>CHƯƠNG 8 – KIỂM HUẤN TRONG QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI</b> | <b>4</b> | 4.1.7<br>4.2.1<br>4.2.2 | GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và | <b>SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 134 – 153]; [2, tr.</b>  |

|  |           |                |          |   |
|--|-----------|----------------|----------|---|
| 8.1. Khái niệm kiểm huấn<br>8.2. Mục đích của kiểm huấn<br>8.3. Nguyên tắc kiểm huấn cơ bản<br>8.4. Tiến trình kiểm huấn<br>8.5. Các hình thức kiểm huấn<br>8.6. Phương tiện kiểm huấn |           | 4.3.1<br>4.3.2 | báo cáo. | <b>318 – 347], trả lời các câu hỏi sau:</b><br>1. Phân tích khái niệm, mục đích, vai trò của kiểm huấn trong CTXH.<br>2. Nêu những yêu cầu của nhà kiểm huấn chuyên nghiệp.<br>3. Nêu những đặc điểm cơ bản của nhà kiểm huấn hiệu quả, liên hệ thực tế?<br>4. Phân tích các nguyên tắc kiểm huấn và liên hệ thực tế trong thực hành CTXH.<br>5. Trình bày các dạng kiểm huấn và tính ứng dụng trong thực tiễn? |
| <b>TỔNG</b>  | <b>30</b> |                |          |   |

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả                    | Tên tài liệu                                       | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|--------------------------------|--|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                                |  |              |              |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Trịnh Thị Chinh, Michael Ong   | Quản trị ngành công tác xã hội                     | 2010         | LĐ-XH        | Thư viện                   | x                |           |
| 2   | Lê Chí An                      | Quản trị ngành công tác xã hội                     | 2007         | Thanh Hoá    | Thư viện                   |                  | x         |
| 3   | MOLISA-ULSA-CFSI-ASI-AP-UNICEF | Quản trị công tác xã hội, chính sách và hoạch định | 2010         | ĐH LĐ-XH CS2 | Phòng BM                   |                  | x         |
| 4   | Viện Xã hội học                | Giáo trình Quản trị ngành công tác xã hội          | 2013         | HVCTHCQG HCM | Phòng BM                   |                  | x         |
| 5   | Nguyễn Hồi Loan                | Giáo trình Công                                    | 2010         | ĐHQG Hà      | Thư viện                   |                  | x         |

|   |                   |   |      |                    |          |  |          |
|---|-------------------|---|------|--------------------|----------|--|----------|
|   |                   | tác xã hội đại<br>cương                   |      | Nội                |          |  |          |
| 6 | Mai Thị Kim Thanh | Giáo trình Nhập<br>môn công tác xã<br>hội | 2011 | LĐ-XH              | Thư viện |  | <b>x</b> |
| 7 | Bùi Thị Xuân Mai  | Giáo trình Nhập<br>môn công tác xã<br>hội | 2010 | LĐ-XH              | Thư viện |  | <b>x</b> |
| 8 | Nguyễn Thị Oanh   | Công tác xã hội<br>đại cương              | 1998 | ĐH Mở BC<br>TP.HCM | Thư viện |  | <b>x</b> |

### 7. Quy định đối với sinh viên

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 5

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần<br>đánh<br>giá | Hình thức<br>đánh giá         | Nội dung được đánh giá<br>(Chương/Chủ đề)   | Chuẩn đầu ra   | Trọng<br>số |
|--------------------|-------------------------------|---|--|-------------|
| 1                  | Điểm chuyên<br>cần            | Tham dự lớp đầy đủ (30/30);<br>Tích cực thảo luận nhóm, phát<br>biểu ý kiến, quan điểm. | 4.3.1<br>4.3.2   | 0.1         |
| 2                  | Báo cáo nhóm;<br>Tiểu luận.   | Chương 1; 2; 3; 4; 5; 8   | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.1.6<br>4.2.1; 4.2.2 | 0.1         |
| 3                  | Điểm kiểm tra<br>giữa kỳ      | Chương 2; 3; 4; 5   | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.1.6<br>4.2.1; 4.2.2 | 0.2         |
| 4                  | Điểm thi kết<br>thúc học phần | Chương 1; 2; 3; 4; 5; 6; 8  | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.1.6<br>4.2.1; 4.2.2 | 0.6         |

Đồng Tháp, ngày tháng 8 năm 2019

**P. TRƯỞNG KHOA**

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Trần Văn Luận**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Khoa: Văn hóa – Du lịch

Bộ môn: CTXH

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Công tác xã hội với sức khỏe tâm thần thanh thiếu niên

Mã học phần: SO4117

Số tín chỉ: 02

Số tiết tín chỉ: 30/0/60

Học phần điều kiện:

Học kỳ:

Năm học:

### 2. Thông tin về giảng viên:

#### 2.1. Giảng viên 1:

Họ và tên: Kiều Văn Tu

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ. Giảng viên

Điện thoại: 0982103342

Email: [kvtu@dtu.edu.vn](mailto:kvtu@dtu.edu.vn)

Đơn vị công tác: Bộ môn Công tác xã hội, Khoa Văn hóa – Du lịch

#### 2.2. Giảng viên 2:

Họ và tên: Đỗ Thị Thảo

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ. Giảng viên

Điện thoại: 0905712945

Email: [lethanhthaonguyen88@yahoo.com](mailto:lethanhthaonguyen88@yahoo.com)

Đơn vị công tác: Bộ môn Công tác xã hội, Khoa Văn hóa – Du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt / Tổng quan về học phần

Môn học cung cấp những thông tin cơ bản về sức khỏe tâm thần trong thanh thiếu niên, những rối nhiễu tâm lý thường gặp trong thanh thiếu niên.

Môn học cung cấp các phương pháp can thiệp đối với thanh thiếu niên có rối nhiễu và những dấu hiệu liên quan đến sức khỏe tâm thần.

### 4. Mục tiêu học phần / Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức:

4.1.1. Hiểu được những vấn đề cơ bản về sức khỏe tinh thần

4.1.2. Biết được một số biểu hiện bệnh lý tâm thần, những khó khăn về tâm lý của lứa tuổi thanh thiếu niên.

#### 4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Có khả năng tiếp cận và giúp đỡ thanh thiếu niên có một số biểu hiện về bệnh tâm lý tâm thần

4.2.1. Có khả năng tiếp cận và giúp đỡ thanh thiếu niên những khó khăn về thích nghi trong cuộc sống.

#### 4.3. Thái độ:

4.3.1. Có thái độ đúng mực với thanh thiếu niên có những dấu hiệu liên quan đến tâm thần

4.3.2. Tích cực tham gia vào xóa bỏ định kiến xã hội đối với người mắc bệnh tâm thần.

### 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

#### 5.1. Lý thuyết

| Chương/ Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|----------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|----------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|

|   |    |  |  |   |
|---|----|--|--|---|
| <p><b>1. Sức khỏe tâm thần và xã hội</b><br/> Sức khỏe tâm thần và Xã hội<br/> Sức khỏe tâm thần ở Việt Nam<br/> Hệ thống chữa trị sức khỏe tâm thần ở Việt Nam<br/> Đề thu hẹp khoảng cách cần có các cán bộ chăm sóc sức khỏe không chuyên<br/> Đề án của nhà nước (đề án 1215)</p>   | 04 | 4.1.1;<br>4.1.2;<br>4.2.1;<br>4.2.1;<br>4.3.1;<br>4.3.2. | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>- Sử dụng máy chiếu, bảng. | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1], [2]<br>- Giấy A0<br>- Bút lông  |
| <p><b>2. Sức khỏe tâm thần ở trẻ em và thiếu niên</b><br/> <b>Tâm bệnh học</b><br/> Tâm bệnh học là gì?<br/> <b>Các dạng vấn đề sức khỏe tâm thần ở trẻ em và thiếu niên</b><br/> <b>Trầm cảm</b><br/> Dấu hiệu và triệu chứng trầm cảm ở trẻ em<br/> Rối loạn lo âu<br/> Rối loạn lo âu chia ly<br/> Rối loạn lo âu lan tỏa<br/> Ám ảnh sợ đặc hiệu<br/> Rối loạn ám ảnh cưỡng bức<br/> Rối loạn hoảng sợ<br/> Rối loạn stress sau sang chấn (PTSD)<br/> Rối loạn hành vi gây rối<br/> <b>Lạm dụng chất</b><br/> Dấu hiệu và triệu chứng của lạm dụng chất<br/> <b>Rối loạn Tic</b><br/> <b>Rối loạn học tập</b><br/> <b>Khuyết tật trí tuệ</b><br/> <b>Các vấn đề sức khỏe tâm thần ít phổ biến</b></p> | 08 | 4.1.1;<br>4.1.2;<br>4.2.1;<br>4.2.1;<br>4.3.1;<br>4.3.2  | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>- Sử dụng máy chiếu, bảng. | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1], [2],<br>- Giấy A0<br>- Bút lông |
| <p><b>3. Rối loạn tâm thần phổ biến ở trẻ em</b><br/> Các yếu tố trong phát triển của bệnh tâm thần<br/> Mô hình sinh tâm xã hội<br/> Mô hình tính dễ bị tổn thương – Căng thẳng<br/> <b>Sự phát triển ở trẻ em</b><br/> <b>Sang lọc và đánh giá sức khỏe tâm thần</b></p>  | 06 | 4.1.1;<br>4.1.2;<br>4.2.1;<br>4.2.1;<br>4.3.1;<br>4.3.2  | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>- Sử dụng máy chiếu, bảng. | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1], [2]<br>- Giấy A0<br>- Bút lông  |
| <p><b>4. Thực hành dựa trên bằng chứng với các vấn đề sức khỏe tâm</b></p>  | 06 | 4.1.1;<br>4.1.2;   | -Thuyết trình nêu vấn đề.  | - Sinh viên đọc và  |



|   |    |   |  |   |
|---|----|---|--|---|
| <b>thần phổ biến ở trẻ em</b><br>Thực hành dựa trên bằng chứng?<br>Thực hành dựa vào bằng chứng cho nhân viên xã hội  |    | 4.2.1;<br>4.2.1;<br>4.3.1;<br>4.3.2                     | -Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng.   | nghiên cứu tài liệu [1], [2].<br>- Giấy A0<br>- Bút lông                    |
| <b>5. Kỹ năng tham vấn và cam kết trị liệu cơ bản</b><br>Vấn đề tạo động cơ và sự tham gia của thân chủ trong trị liệu<br>Các chiến lược tạo động cơ<br>Nhà cung cấp dịch vụ trị liệu chăm sóc sức khỏe<br>Mối quan hệ trị liệu<br>Xây dựng mối quan hệ<br>Can thiệp cho các vấn đề hướng nội | 06 | 4.1.1;<br>4.1.2;<br>4.2.1;<br>4.2.1;<br>4.3.1;<br>4.3.2 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>-Sử dụng máy chiếu, bảng.<br>-Xem Clip | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1], [2].<br>- Giấy A0<br>- Bút lông |

### 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

### 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả            | Tên tài liệu  | Năm xuất bản | Nhà xuất bản                                   | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|------------------------|---|--------------|--|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                        |   |              |  |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 01  | PG.TS Nguyễn Sinh Phúc | Tiêu chuẩn chẩn đoán các rối loạn tâm thần theo DSM-5 | 2015         | Bệnh viện 103, Bộ môn Tâm thần và tâm lý y học | Tủ sách CTXH               | x                |           |
| 02  | ThS. Phạm Thị Thu Thảo | <i>Bài giảng Sức khỏe tâm thần</i>                    | 2015         | Đại học Đồng Tháp                              | Tủ sách CTXH               |                  | x         |

### 7. Quy định đối với sinh viên:

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 5.

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần | Hình thức | Nội dung được đánh giá | Chuẩn đầu ra | Trọng |
|-----|-----------|------------------------|--------------|-------|
|-----|-----------|------------------------|--------------|-------|

| <b>đánh giá</b> | <b>Đánh giá</b>             | <b>(Chương/Chủ đề)</b>   |   | <b>số</b> |
|-----------------|-----------------------------|--|---|-----------|
| 1               | Điểm chuyên cần             | Tham dự lớp đầy đủ (30/30);<br>Tích cực thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến, quan điểm. | 4.3   | 0.1       |
| 2               | Báo cáo nhóm;<br>Tiểu luận. | Chương 1; 2; 3   | 4.1.1; 4.1.2; 4.2.1; 4.2.1;<br>4.3.1; 4.3.2 | 0.1       |
| 3               | Điểm kiểm tra giữa kỳ       | Chương 3; 4; 5   | 4.1.1; 4.1.2; 4.2.1; 4.2.1;<br>4.3.1; 4.3.2 | 0.2       |
| 4               | Điểm thi kết thúc học phần  | Chương 1; 2; 3; 4; 5   | 4.1.1; 4.1.2; 4.2.1; 4.2.1;<br>4.3.1; 4.3.2 | 0.6       |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**P.TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**TS. Nguyễn Thị Song Thương**

**Ths Trần Kim Ngọc**

**Kiều Văn Tu**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**  
**KHOA VĂN HÓA DU LỊCH**  
**BỘ MÔN CÔNG TÁC XÃ HỘI**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần**

Tên học phần: **THAM VẤN NGƯỜI CÓ HIV/AIDS**

Mã lớp học phần:

Số tín chỉ: **02**

Số tiết tín chỉ: **30 tiết (30/0/60)**

Học kỳ:

Năm học:

**2. Thông tin về giảng viên:**

**2.1. Giảng viên 1**

Họ và tên: Lê Thị Hồng Hạnh

Chức danh, học vị: Nghiên cứu viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0974 828 916

Email: [lthanh@agu.edu.vn](mailto:lthanh@agu.edu.vn)

Đơn vị: Trung tâm Nghiên cứu KHXH&NV, Trường Đại học An Giang

**2.2. Giảng viên 2**

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0989216484

Email: [nguyenbichhung82@gmail.com](mailto:nguyenbichhung82@gmail.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

**3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần**

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về HIV/AIDS; vấn đề của người có HIV/AIDS, cơ sở pháp lý khi tham vấn với người có HIV cũng như cơ sở lý luận, quy trình về tham vấn người có HIV/AIDS, đồng thời môn học còn rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để làm việc có hiệu quả với người có HIV, trong đó nhấn mạnh đến các kỹ năng như quan sát, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng phản hồi, kỹ năng tóm tắt, kỹ năng xử lý im lặng.

**4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra**

**4.1 Kiến thức**

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1.1. Trình bày được khái niệm về HIV/AIDS, các con đường lây nhiễm HIV, các biện pháp phòng ngừa lây nhiễm HIV;

4.1.2. Trình bày và phân tích được những đặc điểm tâm lý của nhóm thân chủ có HIV/AIDS, vấn đề mà người nhiễm HIV thường gặp.

4.1.3. Trình bày được các cơ sở pháp lý của tham vấn người có HIV/AIDS;

4.1.4 Trình bày được những nguyên tắc, những phẩm chất cần có của nhân viên công tác xã hội trong quá trình tham vấn với người có HIV cũng như tham vấn cho gia đình người có HIV/AIDS;

4.1.5. Trình bày và vận dụng được các lý thuyết cũng như các kỹ năng như: quan sát, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng phản hồi, kỹ năng tóm tắt, kỹ năng xử lý im lặng,... trong quá trình thực hành tham vấn với người có HIV/AIDS và gia đình họ.

4.1.6. Trình bày được các bước tiến hành tham vấn, những nguyên tắc, những phẩm chất cần có của nhân viên công tác xã hội trong quá trình tham vấn với người có HIV cũng như tham vấn cho gia đình người có HIV/AIDS

4.1.7. Mô tả được vai trò của nhà tham vấn, vai trò của nhân viên công tác xã hội trong tiến trình giúp đỡ người có HIV;

4.1.8. Vận dụng được các kiến thức và kỹ năng đã học trong thực hành tham vấn người có HIV trong một số trường hợp như: hôn nhân gia đình, tiết lộ tình trạng bệnh tật, hỗ trợ pháp lý....

## 4.2. Kỹ năng

Vận dụng kỹ năng đã học như kỹ năng quan sát, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng phản hồi, kỹ năng tóm tắt, kỹ năng xử lý im lặng ... để tham vấn cho người có HIV đang gặp phải những nan đề như: chăm sóc sức khỏe, hôn nhân, mối quan hệ giữa người có HIV/AIDS với gia đình và cộng đồng, bảo đảm quyền lợi, hỗ trợ pháp lý, việc làm,...

## 4.3. Thái độ

4.3.1. Tích cực tham gia các hoạt động học tập như: thảo luận, trải nghiệm, chia sẻ kinh nghiệm, sắm vai, xử lý tình huống;

4.3.2. Chủ động, tự tin hơn khi làm việc với người có HIV/AIDS và gia đình họ;

4.3.3. Tự giác tuân thủ các giá trị và đạo đức nghề nghiệp, pháp lý trong thực hành tham vấn cho người có HIV/AIDS.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------|------------------------|
|---------------|---------|--------------|-----------------|------------------------|

|  |          |   | <b>- học</b>  |  |
|--|----------|---|---|--|
| <p><b>CHƯƠNG 1 – HIV/AIDS, THÂN CHỦ VÀ NAN ĐỀ CỦA THÂN CHỦ</b></p> <p>1.1. Kiến thức cơ bản về HIV/AIDS</p> <p>1.1.1. Khái niệm HIV</p> <p>1.1.2. Sự khác biệt giữa nhiễm HIV và AIDS;</p> <p>1.1.3. Mức độ hệ thống miễn dịch;</p> <p>1.1.4. Xét nghiệm HIV;</p> <p>1.1.5. Các đường lây nhiễm và cách phòng ngừa HIV;</p> <p>1.1.6. Điều trị HIV và AIDS;</p> <p>1.1.7. Tầm quan trọng của việc tuân thủ trong điều trị HIV</p> <p>1.2. Đặc điểm tâm lý của người có HIV và gia đình chung của người có HIV</p> <p>1.2.1. Đặc điểm tâm lý chung của người có HIV và trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV;</p> <p>1.2.2. Đặc điểm tâm lý chung của gia đình người có HIV;</p> <p>1.3. Thân chủ và nan đề của thân chủ.</p> | <b>8</b> | <p>4.1.1</p> <p>4.1.2</p> <p>4.2</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p>              | <p>GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo.</p> | <p><b>SV nghiên cứu và đọc tài liệu và thực hiện trả lời các câu hỏi sau:</b></p> <p>1. HIV là gì.</p> <p>2. HIV khác AIDS như thế nào.</p> <p>3. Làm cách nào để phòng tránh HIV/AIDS.</p> <p><b><u>Thảo luận:</u></b></p> <p>1. Người có HIV; trẻ em có HIV có những đặc điểm tâm lý gì?</p> <p>2. Hãy nêu và phân tích những vấn đề mà người có HIV/trẻ em có HIV và gia đình họ thường gặp phải? Đề xuất giải pháp giải quyết, phòng ngừa những vấn đề đó?</p> |
| <p><b>CHƯƠNG 2 – CƠ SỞ PHÁP LÝ TRONG THAM VẤN NGƯỜI CÓ HIV</b></p> <p>2.1. Nguyên tắc đạo đức trong tham vấn với người có HIV</p> <p>2.2. Tính Pháp lý trong tham vấn người có HIV</p> <p>2.2.1. Luật Phòng chống HIV/AIDS</p> <p>2.2.2. Luật Chăm sóc trẻ em.</p>   | <b>4</b> | <p>4.1.3</p> <p>4.1.4</p> <p>4.2</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> <p>4.3.3</p> | <p>GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo.</p> | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1], trả lời các câu hỏi sau:</b></p> <p>1. Nhà tham vấn cần phải tuân thủ những nguyên tắc đạo đức nào khi tham vấn cho người có HIV?.</p> <p>2. Tình huống: H là cậu bé 14 tuổi trong một gia đình có ba anh em. Một hôm, H chơi đùa cùng bạn trong xóm và trong lúc chơi H đã vô tình cắn đưa bạn xước da</p>  |

|   |          |  |  |   |
|---|----------|--|--|---|
|   |          |  |  | <p>chảy máu. Biết con mình bị H cắn xước da chảy máu, cha của bạn H đã sang nhà chửi mắng em và cha mẹ em thậm tệ. H không biết tại sao ông ấy lại la mắng dữ vậy và còn nói cha mẹ em và em là “lũ SIDA”. Ông ấy còn nói với mẹ em là sẽ đưa em đi xét nghiệm và sẽ báo công an. Mẹ H đã phải quỳ xuống xin ông ấy bớt giận và đừng làm thế.</p> <p>- Vấn đề trong tình huống là gì?</p> <p>- Có thể áp dụng những qui định pháp luật nào trong việc giải quyết vấn đề trên?</p> |
| <p><b>CHƯƠNG 3 – MỘT SỐ LÝ THUYẾT VÀ KỸ NĂNG THỰC HÀNH THAM VẤN CHO NGƯỜI CÓ HIV</b></p> <p>3.1. Các lý thuyết vận dụng trong tham vấn người có HIV</p> <p>3.1.1. Lý thuyết nhu cầu;</p> <p>3.1.2. Thuyết tôn thương tâm lý;</p> <p>3.1.3. Thuyết nhận thức hành vi;</p> <p>3.1.4. Thuyết phát triển tâm lý xã hội;</p> <p>3.1.5. Thuyết học tập xã hội;</p> <p>3.1.6. Thuyết hệ thống gia đình;</p> <p>3.1.7. Thuyết mô hình sinh thái.</p> <p>3.2. Kỹ năng thực hành tham vấn cho người có HIV</p> <p>3.2.1. Kỹ năng lắng nghe</p> <p>3.2.2. Kỹ năng hỏi</p> <p>3.2.3. Kỹ năng phản hồi</p> | <b>8</b> | <p>4.1.5</p> <p>4.2</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> <p>4.3.3</p> | <p>GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm, báo cáo và xử lý tình huống theo yêu cầu của giảng viên</p> | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1]; [6]; thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p>1. Trình bày nội dung cơ bản của từng lý thuyết và Trình bày cách mà nhóm vận dụng những lý thuyết này để tham vấn cho người có HIV.</p> <p>2. Thảo luận: Thực hành tình huống rèn các kỹ năng (theo yêu cầu của giảng viên).</p>  |

|   |   |  |   |  |
|---|---|--|---|--|
| 3.2.4. Kỹ năng xử lý im lặng  |   |  |   |  |
| 3.2.5. Kỹ năng quan sát   |   |  |   |  |
| 3.2.6. Kỹ năng tóm tắt  |   |  |   |  |
| <b>CHƯƠNG 4 – THAM VẤN CHO NGƯỜI CÓ HIV VÀ GIA ĐÌNH HỌ</b><br>4.1. Kiến thức cơ bản về tham vấn người HIV;<br>4.1.1. Khái niệm tham vấn ;<br>4.1.2. Vai trò và phẩm chất của nhà tham vấn;<br>4.2. Quy trình tham vấn cho người có HIV<br>4.3. Làm việc với gia đình người có HIV<br>4.3.1. Khái niệm gia đình<br>4.3.2. Đặc điểm gia đình của người có HIV<br>4.3.3. Vai trò của gia đình trong tham vấn người có HIV;<br>4.3.4. Tiến trình làm việc với gia đình người có HIV;<br>4.3.5. Các nguyên tắc khi làm việc với gia đình người có HIV. | 5 | 4.1.6<br>4.1.7<br>4.2<br>4.3.1<br>4.3.2<br>4.3.3 | GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo.  | <b>SV nghiên cứu và đọc [1]; [2]; [3]; [4], [5]; [6], thực hiện trả lời các câu hỏi sau:</b><br>1. Trình bày những kiến thức cơ bản về tham vấn?<br>2. Vai trò của nhà tham vấn là gì? Lấy ví dụ thực tiễn để minh họa?<br>3. Tại sao cần tuân thủ quy trình khi tham vấn cho người có HIV và gia đình họ?<br>3. Thảo luận: Gia đình có vai trò quan trọng như thế nào trong quá trình tham vấn với người có HIV? Cần chú ý những gì khi làm việc với gia đình người có HIV? |
| <b>CHƯƠNG 5 –THAM VẤN MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA NGƯỜI CÓ HIV/AIDS</b><br>5.1. Hỗ trợ pháp lý;<br>5.2. Tiết lộ tình trạng bệnh;<br>5.3. Chăm sóc y tế;<br>5.4. Giáo dục;<br>5.5. Việc làm;<br>5.6. Hôn nhân, gia đình.   | 5 | 4.1.8<br>4.2<br>4.3.1<br>4.3.2<br>4.3.3          | GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo; Xử lý bài tập tình huống mà GV đưa ra. | <b>SV nghiên cứu và đọc [1]; [2]; [3]; [4], [5]; [6], trả lời các câu hỏi sau:</b><br>1. Quan điểm và thái độ của anh/chị đối với người có HIV? Anh/chị sẽ làm gì để hỗ trợ người có HIV và gia đình họ.<br>2. Thảo luận nhóm: Anh H, 40 tuổi, phát hiện mình bị nhiễm HIV sau một lần vào viện, anh rất sợ hãi và suy sụp tinh thần. Anh H, gặp nhà tham vấn nhờ giúp   |

|             |           |  |  |  |
|-------------|-----------|--|--|--|
|             |           |  |  | <p>đỡ.</p> <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê các giải pháp có thể thực hiện (tất cả những giải pháp mà thân chủ nghĩ đến):</li> <li>- Phân tích những bất lợi và thuận lợi trong mỗi giải pháp (theo bảng)</li> <li>- Đưa ra kế hoạch thực hiện (TC xác định làm gì trước, làm gì sau? thời gian bao lâu? Những rủi ro dự phòng? Giải pháp thay thế?)</li> <li>- Đưa ra những yêu cầu cần trợ giúp để giải quyết vấn đề: Giúp TC tìm kiếm các nguồn lực, các dịch vụ để họ thực hiện được các giải pháp của mình</li> </ul> <p>3. Xây dựng tình huống và sắm vai thực hành tham vấn cho trẻ bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS muốn đi học nhưng không được nhà trường chấp nhận ?</p> |
| <b>TỔNG</b> | <b>30</b> |  |  |  |

### 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

### 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả       | Tên tài liệu                | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|-------------------|-----------------------------|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                   |                             |              |              |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Phạm Thị Thu Thảo | Bài giảng Tham vấn người bị | 2013         | Trường ĐHĐT  | PBM                        | x                |           |



|   |                                   |  |      |                     |          |  |          |
|---|-----------------------------------|--|------|---------------------|----------|--|----------|
|   |                                   | nhiễm HIV/AIDS   |      |                     |          |  |          |
| 2 | Cục phòng chống HIV/AIDS- Bộ Y tế | Hướng dẫn tư vấn cho trẻ em nhiễm HIV                                      | 2013 | - Bộ Y tế           |          |  | <b>x</b> |
| 3 | Trần Đình Tuấn                    | Tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình  | 2013 | NXB Quốc gia Hà Nội |          |  | <b>x</b> |
| 4 | Vũ Nhi Công                       | Tham vấn cha mẹ và trẻ em về những vấn đề gia đình có ảnh hưởng tới trẻ em | 2005 |                     | Thư viện |  | <b>x</b> |
| 5 | Trần Thị Giồng                    | Tham vấn tâm lý – xã hội cho trẻ em/thanh thiếu niên có hoàn cảnh đặc biệt | 2007 |                     | Thư viện |  | <b>x</b> |

## 7. Quy định đối với sinh viên

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 5.

## 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá         | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)  | Chuẩn đầu ra   | Trọng số |
|--------------|----------------------------|---|--|----------|
| 1            | Điểm chuyên cần            | Tham dự lớp đầy đủ (30/30); Tích cực thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến, quan điểm. | 4.3.1; 4.3.2; 4.3.3                                  | 0.1      |
| 2            | Báo cáo nhóm; Tiểu luận.   | Chương 1; 2; 4;5  | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4; 4.1.6; 4.1.7; 4.1.8; 4.2 | 0.1      |
| 3            | Điểm kiểm tra giữa kỳ      | Chương 3; 4   | 4.1.5; 4.1.6; 4.1.7; 4.2                             | 0.2      |
| 4            | Điểm thi kết thúc học phần | Chương 1; 3; 4;5  | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.5; 4.1.6;                          | 0.6      |

|  |  |  |                      |  |
|--|--|--|----------------------|--|
|  |  |  | 4.1.7; 4.1.8;<br>4.2 |  |
|--|--|--|----------------------|--|

*Đồng Tháp, ngày 12 tháng 9 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Nguyễn Thị Bích Hưng**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

**Khoa: Văn hóa – Du lịch**

**Bộ môn: Công tác xã hội**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: THAM VẤN TRẺ CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

Mã lớp học phần: SO4291

Số tín chỉ: 02

Số tiết tín chỉ: 30/0/60

Học phần điều kiện:

Học kỳ: 2

Năm học: 2019 - 2020

### 2. Thông tin về giảng viên:

#### 2.1. Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0989 216 484

Email: [nguyenbichhung82@gmail.com](mailto:nguyenbichhung82@gmail.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

#### 2.2. Giảng viên 2:

Họ và tên: Kiều Văn Tu

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0982.103.342

Email:

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt / Tổng quan về học phần

Môn học khái quát lại những nội dung về những kỹ năng cần thiết trong tham vấn, cung cấp cho người học những phương pháp thực nghiệm mới để có thể làm việc với trẻ, như tham vấn sử dụng công cụ tranh vẽ, đất nặn, con thú nhỏ.

### 4. Mục tiêu học phần / Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức:

4.1.1. Trình bày được các khái niệm về trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

4.1.2. Phân tích được tâm lý của nhóm trẻ có hoàn cảnh đặc biệt

4.1.3. Hiểu được các khái niệm, mục đích, tiến trình của tham vấn dành cho trẻ có hoàn cảnh đặc biệt

4.1.4. Hiểu được tiến trình tham vấn chung đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

#### 4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Thực hiện được các bước trong tiến trình tham vấn cho trẻ có HCĐBKK

4.2.2. Sử dụng được các kỹ năng như lắng nghe, quan sát, đặt câu hỏi, phản hồi.

4.2.3. Thực hiện tham vấn cho trẻ thông qua việc sử dụng các phương tiện trung gian như đất nặn, con thú nhỏ, tranh vẽ.

#### 4.3. Thái độ:

4.3.1. Sinh viên có thái độ nghiêm túc khi tham gia học tập, có khả năng tự học, tự nghiên cứu.

4.3.2. Có cái nhìn tích cực và tôn trọng đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

4.3.3. Nhận thức đúng về giá trị của nghề và yêu thích ngành học

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/ Chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra                                       | Phương pháp dạy – học  | Chuẩn bị của sinh viên  |
|--|---------|--|--|---|
| <p>Chương 1 Những vấn đề chung về tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.</p> <p>1.1 Khái niệm trẻ em</p> <p>1.2 Nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt</p> <p>1.3 Tâm lý nhóm trẻ có hoàn cảnh đặc biệt</p> <p>1.4 Mục đích của Tham vấn trẻ</p> <p>1.5 Nguyên tắc trong tham vấn trẻ</p>   | 5       | 4.1.2;<br>4.1.1<br>4.1.3<br>4.3.1;<br>4.3.2.       | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.   | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:<br>[1,tr.10-84]<br>[2, tr. 44-57] |
| <p>Chương 2. Tiến trình thực hiện tham vấn cho trẻ có hoàn cảnh đặc biệt</p> <p>2.1 Giai đoạn đánh giá ban đầu</p> <p>2.1.1 Nhận thông tin tham khảo</p> <p>2.1.2 Kết hợp với cha mẹ hoặc người giám sát trẻ</p> <p>2.2 Giai đoạn trị liệu</p> <p>2.2.1 Chọn phương tiện trung gian thích hợp</p> <p>2.2.2 Hợp tác với trẻ</p> <p>2.2.3 Khuyến khích trẻ kể chuyện</p> <p>2.2.4 Giải quyết vấn đề</p> <p>2.2.5 Tăng năng lực cho trẻ</p> <p>2.3 Giải quyết những vấn đề liên quan đến môi trường sống</p> <p>2.3.1 Sự tham gia của cha mẹ</p> <p>2.3.2 Thông tin phản hồi của các nguồn tham khảo</p> <p>2.3.3 Công việc có tính giáo dục nếu cần</p> <p>2.4. Duyệt lại những kết quả trị liệu</p> <p>2.4.1 Đánh giá quá trình trị liệu</p> <p>2.4.2 Chấm dứt trị liệu</p> | 3       | 4.1.1<br>4.3.1<br>4.3.2                            | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.   | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:<br>[1, 84-99]                     |
| <p>Chương 3. Tham vấn sử dụng phương tiện trung gian bằng các con thú nhỏ</p> <p>3.1 Vật dụng cần thiết</p> <p>3.2 Mục đích</p> <p>3.3 Các bước tiến hành</p>  | 6       | 4.1.2<br>4.1.3<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.2.6 | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thực hiện các bước tham vấn sử dụng phương tiện trung gian con thú nhỏ | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:<br>[1, tr. 37-51]                 |

|  |   |  |   |   |
|--|---|--|---|---|
|  |   |  |   |   |
| Chương 4. Tham vấn sử dụng phương tiện trung gian Đất nặn<br>4.1 Vật dụng cần thiết<br>4.2 Mục đích<br>4.3 Các bước tiến hành              | 6 |  | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>- Thực hiện các bước tham vấn sử dụng phương tiện trung gian “Đất nặn” | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:<br>[1, tr. 66-82] |
| Chương 5. Tham vấn sử dụng phương tiện trung gian “Vẽ tranh”<br>4.1 Vật dụng cần thiết<br>4.2 Mục đích<br>4.3 Các bước tiến hành           | 6 |  | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thực hiện các bước tham vấn sử dụng phương tiện trung gian “Vẽ tranh” | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:<br>[1, tr.82-101] |
| Chương 6. Công dụng của phiếu ghi<br>6.1 Các bài tập xây dựng lòng tự trọng<br>6.2 Đào tạo kỹ năng xã hội<br>6.3 Giáo dục hành vi phòng vệ | 4 |  | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>- Thực hiện các bài tập với phiếu ghi                                  | Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:<br>[1, 176-283]     |

### 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả   | Tên tài liệu                                   | Năm xuất bản | Nhà xuất bản              | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|---|--|--------------|---------------------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |   |  |              |                           |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 01  | Kathryn Geldard & David Geldara (Nguyễn Xuân Nghĩa & Lê Lộc dịch) | Công tác tham vấn trẻ em. Giới thiệu thực hành | 2000         | Đại học Mở tp Hồ Chí Minh | Thư viện ĐH Đồng Tháp      | x                |           |
| 02  | Nguyễn Xuân Nghĩa   | Trẻ em bị lạm dụng tình dục                    | 1998         | Đại học Mở tp Hồ Chí Minh | Thư viện ĐH Đồng Tháp      |                  | x         |

|    |  |                  |      |  |  |  |  |
|----|--|------------------|------|--|--|--|--|
| 03 |  | Luật trẻ em 2016 | 2016 |  |  |  |  |
|----|--|------------------|------|--|--|--|--|

**7. Quy định đối với sinh viên:**

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có).

**8. Đánh giá kết quả học tập**

| Lần đánh giá | Hình thức Đánh giá                  | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)  | Chuẩn đầu ra  | Trọng số |
|--------------|-------------------------------------|---|---|----------|
| 1            | Điểm chuyên cần                     | Tham dự lớp đầy đủ (30/30);   | 4.3   | 0.1      |
| 2            | Điểm kiểm tra đánh giá thường xuyên | Thực hiện đầy đủ các bài tập tham vấn với các phương tiện trung gian và phiếu ghi | 4.1.1, 4.1.2, 4.1.3<br>4.2.1, 4.2.2, 4.2.3, 4.2.4<br>4.3.1, 4.3.2 | 0.3      |
| 3            | Kiểm tra kết thúc học phần          | Thi thực hành, thực hiện các kỹ năng tham vấn thông qua phương tiện trung gian    | 4.1.1, 4.1.2, 4.1.3<br>4.2.1, 4.2.2, 4.2.3, 4.2.4<br>4.3.1, 4.3.2 | 0.6      |

*Đồng Tháp, ngày 15 tháng 6 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**P.TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**TS. Nguyễn Thị Song Thương**

**Ths Trần Kim Ngọc**

**Ths. Nguyễn Thị Bích Hưng**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Khoa Văn hóa – Du lịch

Bộ môn Công tác xã hội

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TRẺ EM TỰ KỶ

Mã lớp học phần:

Số tín chỉ: 2

Số tiết tín chỉ: 30

Học phần điều kiện:

Học kỳ:

Năm học:

### 2. Thông tin về giảng viên:

-Họ và tên KIỀU VĂN TU

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0982013342

Email: [kvту@dthu.edu.vn](mailto:kvту@dthu.edu.vn)

Đơn vị: Khoa Văn hóa du lịch

-Họ và tên: Trần Văn Luận

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0947272224

Email: [tvluan@dthu.edu.vn](mailto:tvluan@dthu.edu.vn)

Đơn vị công tác: Phòng Thanh tra pháp chế

### 3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần

Công tác xã hội với trẻ em tự kỷ là một bộ phận trong lĩnh vực công tác xã hội chuyên nghiệp. Nó được hình thành trong bối cảnh mạng lưới phát triển của hệ thống an sinh xã hội nói chung và an sinh nhi đồng và gia đình nói riêng.

Môn học này sẽ cung ứng một số hướng dẫn về lý thuyết và thực hành để nhân viên xã hội có được ý nghĩa rõ ràng về: Nhân viên xã hội cần biết gì trước khi làm việc với trẻ em tự kỷ. Nhân viên xã hội cần biết gì trước khi làm việc với đứa trẻ đặc biệt trong những hoàn cảnh đặc biệt này.

### 4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức

4.1.1 Làm rõ những vấn đề tổng quan của công tác xã hội với trẻ em tự kỷ như hiểu biết về sự phát triển tâm lý của trẻ tự kỷ, các nguyên tắc hành động trong CTXH với trẻ em tự kỷ.

4.1.2 Hiểu rõ tiến trình giải quyết vấn đề, các kỹ năng cần có trong thực hành với trẻ em tự kỷ.

#### 4.2. Kỹ năng

4.2.1 Phân tích vấn đề trường hợp của công tác xã hội với trẻ em tự kỷ.

4.2.2 Đánh giá vấn đề trường hợp của công tác xã hội với trẻ em tự kỷ.

### 4.3. Thái độ

4.3.1 Tự tin ứng dụng kiến thức đã học để thực hành những trường hợp cụ thể

4.3.2 Giúp đỡ các đối tượng trẻ em có hoàn cảnh trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra                     | Phương pháp dạy – học             | Chuẩn bị của sinh viên  |
|---|---------|----------------------------------|-----------------------------------|---|
| Chương 1 Rối loạn phổ tự kỷ<br>Chẩn đoán rối loạn phổ tự kỷ dựa vào DSM -5<br>Rối Loạn Ngôn Ngữ Trong Giao Tiếp Xã Hội<br>Khiếm Khuyết về Nói /Ngôn Ngữ<br>Thẩm định và trị liệu về nói/ngôn ngữ cho trẻ bị rối loạn phổ tự kỷ<br>DSM 5 (2013) về Rối Loạn Giác Quan và Phổ Tự Kỷ<br>Tự kỷ và Khuyết Tật Trí Tuệ (Intellectual Disability)<br>Đọc hiểu những bài trắc nghiệm trí thông minh của con em tự kỷ              | 5       | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.2<br>4.3.2 | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1, chương 1,2; tham khảo tài liệu số 2-4              |
| Chương 2 Những Phương Pháp Giáo Dục/Trị Liệu Tự Kỷ<br>Phương pháp can thiệp hành vi ABA (Applied Behavior Analysis)<br>Dạy trẻ tự kỷ thể hiện hành vi bằng lời (Verbal Behavior)<br>Tự kỷ và phương pháp giáo dục/trị liệu tổng hợp (Eclecticism)<br>Phương pháp thay đổi hành vi “đặc biệt”<br>Carol Gray và phương pháp dạy kỹ năng giao tiếp xã hội<br>Floortime - Phương pháp ngồi sàn<br>Trị liệu tự kỷ bằng âm nhạc | 5       | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.3.1 | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm | SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 2,3;, tham khảo tài liệu số 2-4,<br>Kiểm tra |



|  |           |  |                                   |  |   |
|--|-----------|--|-----------------------------------|--|---|
| RDI - Phương pháp giáo dục/trị liệu  |           |  |                                   |  |   |
| Chương 3 Rối Loạn Tăng Động Giảm Chú Ý<br>DSM -5 (2013) về Rối Loạn Tăng Động Giảm Chú Ý<br>Rối Loạn Tăng Động Giảm Chú Ý hiện nay ở Mỹ<br>Ai là những chuyên gia chẩn đoán ADHD ở Mỹ?<br>Rối Loạn Tăng Động Giảm Chú Ý và Sự Đánh Giá Toàn Diện | 5         | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm |  | SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 3,4;, tham khảo tài liệu số 2-4, |
| Chương 4 Kỹ năng làm việc với trẻ em tự kỷ   | 5         | 4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2                            | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm |  | SV nghiên cứu tài liệu số 1 chương 4,5;, tham khảo tài liệu số 2-4, |
| <b>Tổng</b>  | <b>30</b> |  |                                   |  |   |

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả              | Tên tài liệu                     | Năm xuất bản | Nhà xuất bản  | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|--------------------------|----------------------------------|--------------|---|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                          |                                  |              |   |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Kiều Văn Tu              | Bài giảng CTXH với trẻ em tự kỷ. | 2019         | Tài liệu Lưu Hành nội bộ                                      | BM                         | x                |           |
| 2   | BS.Phan Thiện Xuân Giang | Điều trị chứng tự kỷ ở trẻ       | 2008         | Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trẻ tự kỷ Hoàng | Internet                   |                  | x         |

|   |                              |  |      |                             |              |  |   |
|---|------------------------------|--|------|-----------------------------|--------------|--|---|
|   |                              |  |      | Đức                         |              |  |   |
| 3 | Dự án Cầu Vòng               | Công tác xã hội với trẻ em bị nhiễm HIV. | 2012 | Dự án Cầu Vòng, Tổ chức WWO | Thư viện     |  | x |
| 4 | Lê Văn Phú                   | Công tác xã hội                          | 2007 | NXB Đại học Quốc gia        | Thư viện     |  | x |
| 5 | Trần Đình Tuấn.              | Công tác xã hội lý thuyết và thực hành   | 2010 | NXB Đại học Quốc gia        | Thư viện     |  | x |
| 6 | Nguyễn Thị Oanh,             | <i>Công tác xã hội đại cương,</i>        | 1998 | NXB Đại Học Mở – BC         | Thư viện     |  | x |
| 7 | Nguyễn Thị Nhân (dịch 2001). | Công tác xã hội với trẻ em.              | 2001 | Đại học Mở Bán công tp HCM. | Phòng đọc BM |  | x |
|   |                              |  |      |                             |              |  |   |

### 7. Quy định đối với sinh viên

Không được vắng học quá 20% số giờ, nếu vi phạm sẽ bị cấm thi

Thưởng điểm những sinh viên tham gia các hoạt động liên quan đến nội dung môn học như nghiên cứu khoa học, các hoạt động thực hành chuyên môn, hoạt động tự nguyện tại cộng đồng... có hiệu quả (được cộng điểm hệ số từ 0.1 đến 0.4)

Trừ điểm những sinh viên có những hành vi vi phạm các qui định của Nhà trường, vi phạm đạo đức với giảng viên và sinh viên trong lớp học và tại các cơ sở thực hành liên quan đến nội dung môn học; không làm các bài tập của giảng viên yêu cầu (trừ điểm hệ số từ 0.1 đến 0.4)

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)       | Chuẩn đầu ra                              | Trọng số |
|--------------|--------------------|--|---|----------|
| 1            | Kiểm tra           | Chương 1, 2                                  | 4.1.1;4.1.2<br>4.2.1;4.2.2<br>4.3.1;4.3.2 | 0,2      |
| 2            | Điểm danh          | Chuyên cần, đạo đức, ý thức tham gia học tập | 4.3.1;4.3.2                               | 0.1      |

|   |                      |                 |   |     |
|---|----------------------|-----------------|---|-----|
| 3 | Thảo luận nhóm       | Chương 3,4      | 4.1.1;4.1.2<br>4.2.1;4.2.2<br>4.3.1;4.3.2 | 0.1 |
| 4 | Thi kết thúc môn học | Chương 1,2,3,4, | 4.1.1;4.1.2<br>4.2.1;4.2.2<br>4.3.1;4.3.2 | 0.6 |

*Đông Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Kiều Văn Tu**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

**Khoa: Văn hóa - Du lịch**

**Bộ môn: Công tác xã hội**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Rèn luyện nghiệp vụ 1

Mã lớp học phần: SO4401

Số tín chỉ: 02

Số tiết tín chỉ: 30

Học phần điều kiện (*nếu có*):

Học kỳ:

Năm học:

### 1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

Họ và tên: Đỗ Thị Thảo

Chức danh, học vị: ThS- giảng viên

Điện thoại: 0939212945

E-mail: lethanhthaonguyen88@yahoo.com

Đơn vị: Bộ môn Công tác xã hội-Khoa Văn hóa-Du lịch

Giảng viên 2:

Họ và tên: KIỀU VĂN TU

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0982013342

Email: [kvtu@dtu.edu.vn](mailto:kvtu@dtu.edu.vn)

Đơn vị: Khoa Văn hóa du lịch

### 2. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần

Môn học Rèn luyện nghiệp vụ 1 là môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về kỹ năng soạn thảo, trình bày và ban hành các loại văn bản (quyết định, tờ trình, báo cáo, biên bản, công văn,...), kiến thức về thủ tục hành chính, quản lý nhà nước với các tổ chức phi chính phủ. Giúp cho sinh viên thuận lợi trong việc tham gia vào môi trường của tổ chức. Qua đó, cũng cung cấp cho người học các kiến thức liên quan đến việc đánh giá năng lực bản thân nhằm hình thành khả năng tìm kiếm thông tin tuyển dụng và cách thức xây dựng hồ sơ ứng tuyển, cách thức thi tuyển, phỏng vấn tuyển dụng, thương lượng các vấn đề xung quanh công việc ứng tuyển.

### 3. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức

4.1.1. Hiểu được những nguyên tắc, kỹ thuật cơ bản trong soạn thảo văn bản, xử lý văn bản;

4.1.2. Nắm được các kiến thức cơ bản liên quan đến công tác tìm kiếm việc làm;

4.1.3. Hiểu rõ quy trình tìm kiếm việc làm, từ bước tìm kiếm thông tin đến bước tham gia phỏng vấn và nhận việc.

#### 4.2. Kỹ năng

4.2.1. Sinh viên soạn thảo đúng yêu cầu thể thức, nội dung của các loại văn bản trong hoạt động quản lý hành chính như: quyết định, tờ trình, báo cáo, biên bản, công văn,...

4.2.2. Rèn luyện kỹ năng cơ bản về tìm kiếm, tổng hợp và phân tích dữ liệu có liên quan đến tuyển dụng.

4.2.3. Có kỹ năng trong việc chuẩn bị hồ sơ xin việc, tìm kiếm thông tin công việc và tham gia phỏng vấn đạt hiệu quả tốt.

#### 4.3. Thái độ

Sinh viên có thái độ yêu thích môn học, nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của môn học trong việc cung cấp kiến thức và kỹ năng hữu ích trong công việc sau này.

### 4. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

#### A. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra          | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên  |
|---|---------|-----------------------|-----------------------|---|
| <b>Chương 1. Kỹ thuật soạn thảo văn bản</b><br>1.1. Một số khái niệm về văn bản<br>1.2. Yêu cầu chung về kỹ thuật soạn thảo văn bản<br>1.3. Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng | 6       | 4.1.1<br>4.2.1<br>4.3 | Thuyết giảng          | <b>Đọc [1], [2], [3], [4], [5], thực hiện các yêu cầu sau:</b><br>1. Văn bản là gì?<br>2. Phân biệt văn bản nghệ thuật, nghị luận, khoa học, quản lý nhà nước.<br>3. Trình bày các yêu cầu ngôn ngữ, văn phong, nội dung, thể thức của văn bản quản lý hành chính.<br>4. Quyết định cá biệt là gì? Biên bản là gì?<br>5. Trình bày cấu trúc của một quyết định cá biệt, biên bản? |

|   |   |   |   |  |
|---|---|---|---|--|
|   |   |   |   | <p>6. Thực hành soạn thảo quyết định cá biệt.</p> <p>7. Công văn là gì ? Công văn mời họp, công văn chất vấn, công văn yêu cầu, đề nghị, công văn kiến nghị, công văn phúc đáp, công văn hướng dẫn, công văn giải thích, công văn chỉ đạo, công văn cảm ơn, công văn thăm hỏi, công văn từ chối là gì?</p>                           |
| <p><b>Chương 2. Thủ tục hành chính</b></p> <p>1. Những vấn đề chung về thủ tục hành chính</p> <p>2. Nguyên tắc xây dựng, yêu cầu và nghĩa vụ thực hiện các thủ tục hành chính</p> <p>3. Thủ tục hành chính trong một số chính sách xã hội</p>   | 2 | <p>4.1.1</p> <p>4.2.1</p> <p>4.3</p>              | <p>Thuyết giảng</p> <p>Làm bài tập</p>                  | <p><b>Đọc [2], thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p>1. Những vấn đề chung về thủ tục hành chính.</p> <p>2. Nguyên tắc xây dựng, yêu cầu và nghĩa vụ thực hiện các thủ tục hành chính.</p> <p>3. Thủ tục hành chính trong một số chính sách xã hội.</p>  |
| <p><b>Chương 3. Đánh giá năng lực bản thân và xác định mục tiêu nghề nghiệp</b></p> <p>3.1. Tìm hiểu các bước xác định công việc phù hợp</p> <p>3.2. Tự đánh giá năng lực bản thân</p> <p>3.3. Xác định mục tiêu nghề nghiệp</p> <p>3.4. Xác định nghề nghiệp phù hợp với bản thân</p> <p>3.5. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết trước khi ứng tuyển</p> | 2 | <p>4.1.2</p> <p>4.1.3</p> <p>4.2.2</p> <p>4.3</p> | <p>Thuyết giảng</p> <p>Hỏi – đáp</p> <p>Làm bài tập</p> | <p><b>Đọc [4], [11], thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p>1. Thế nào là một công việc tốt?</p> <p>2. Tại sao cần đánh giá năng lực bản thân?</p> <p>3. Bạn có những năng lực gì nổi trội?</p> <p>4. Bạn thuộc loại cá tính nào?</p> <p>5. Xác định mục tiêu, kỳ vọng nghề nghiệp phù hợp với bạn.</p> <p>6. Bạn cần chuẩn bị gì</p> |

|  |   |                                |  |  |
|--|---|--------------------------------|--|--|
|  |   |                                |  | trước khi đi xin việc?   |
| <p><b>Chương 4. Những kỹ năng và phẩm chất cần có của người lao động</b></p> <p>4.1. Các kỹ năng cơ bản</p> <p>4.2. Kỹ năng liên tục học hỏi</p> <p>4.3. Kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề</p> <p>4.4. Kỹ năng ứng phó với sự căng thẳng</p> <p>5. Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc</p> <p>4.6. Kỹ năng phát triển sự nghiệp bản thân</p> <p>4.7. Kỹ năng giao tiếp và tôn trọng sự khác biệt</p> <p>4.8. Kỹ năng sống và làm việc có trách nhiệm</p> <p>4.9. Kỹ năng làm việc nhóm</p> <p>4. 10. Kỹ năng giải quyết xung đột</p> <p>4.11. Kỹ năng tham gia dự án</p> <p>4.12. Kỹ năng thích ứng với sự thay đổi</p> <p>4.13. Hành vi và thái độ tích cực trong cuộc sống</p> <p>4.14. Đạo đức nghề nghiệp và đạo đức cá nhân</p> | 2 | 4.1.2<br>4.1.3<br>4.2.2<br>4.3 | Thuyết giảng<br>Hỏi – đáp<br>Làm bài tập | <p><b>Đọc [4], [11], thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p>Ứng dụng các kỹ năng vào những tình huống cụ thể mà giảng viên gợi ý.</p> |
| <p><b>Chương 6. Kỹ năng lựa chọn một công việc và tìm kiếm thông tin việc làm</b></p> <p>6.1. Kỹ năng phân tích công việc</p> <p>6.2. Các nguồn thông tin</p>  | 2 | 4.1.2<br>4.1.3<br>4.2.2<br>4.3 | Thuyết giảng<br>Hỏi – đáp<br>Làm bài tập | <p><b>Đọc [4], [11], [12], [14], thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p>1. Cơ hội việc làm xuất hiện ở đâu?</p>                       |

|  |   |   |   |  |
|--|---|---|---|--|
| <p>tuyển dụng</p> <p>6.3. Mạng lưới quan hệ cá nhân của bản thân</p> <p>6.4. Những điều nên làm khi không tìm được thông tin việc làm</p>  |   |   |   | <p>2. Nên làm gì khi không tìm được thông tin tuyển dụng phù hợp?</p>  |
| <p><b>Chương 7. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc</b></p> <p>7.1. Yêu cầu về hồ sơ xin việc của đơn vị tuyển dụng</p> <p>7.2. Chuẩn bị và gửi bộ hồ sơ xin việc.</p> <p>7.3. Nghệ thuật viết đơn xin việc.</p> <p>7.4. Nghệ thuật viết lý lịch cá nhân</p> <p>7.5. Trường hợp gửi hồ sơ xin việc qua thư điện tử</p> | 2 | <p>4.1.2</p> <p>4.1.3</p> <p>4.2.2</p> <p>4.3</p> | <p>Thuyết giảng</p> <p>Hỏi – đáp</p> <p>Làm bài tập</p> | <p><b>Đọc [4], [11], [12], [14], thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p>1. Các đơn vị tuyển dụng tìm kiếm gì ở bộ hồ sơ xin việc của ứng viên?</p> <p>2. Cần chuẩn bị và gửi bộ hồ sơ xin việc như thế nào?</p> <p>3. Viết đơn xin việc.</p> <p>4. Viết lý lịch cá nhân.</p>  |
| <p><b>Chương 8. Kỹ năng tham gia phỏng vấn tuyển dụng</b></p> <p>8.1. Chuẩn bị cho cuộc phỏng vấn</p> <p>8.2. Các vòng phỏng vấn</p> <p>8.3. Các hình thức phỏng vấn</p> <p>8.4. Kỹ năng trả lời phỏng vấn</p> <p>8.5. Sau khi kết thúc phỏng vấn</p> <p>8.6. Những thoả thuận về lương và các quyền lợi khác</p>  | 2 | <p>4.1.2</p> <p>4.1.3</p> <p>4.2.2</p> <p>4.3</p> | <p>Thuyết giảng</p> <p>Hỏi – đáp</p> <p>Làm bài tập</p> | <p><b>Đọc [4], [11], [12], [14], thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p>1. Công tác chuẩn bị cho cuộc phỏng vấn bao gồm những gì?</p> <p>2. Liệt kê các vòng phỏng vấn; Hình thức phỏng vấn.</p> <p>3. Kỹ năng chuẩn bị trả lời phỏng vấn như thế nào?</p> <p>4. Kỹ năng thương lượng về tiền lương và các quyền lợi khác ra sao?</p> |



|   |   |                                |  |  |
|---|---|--------------------------------|--|--|
| <p><b>Chương 9. Đánh giá lần cuối trước khi nhận việc</b></p> <p>9.1. Xem xét lương bổng và các lợi ích vật chất</p> <p>9.2. Cơ hội thăng tiến trong công việc</p> <p>9.3. Cơ hội được đào tạo</p> <p>9.4. Khả năng thích nghi với văn hóa doanh nghiệp</p> <p>9.5. Hãy tưởng tượng bạn sẽ như thế nào nếu chấp nhận công việc?</p> | 2 | 4.1.2<br>4.1.3<br>4.2.2<br>4.3 | Thuyết giảng<br>Hỏi – đáp<br>Làm bài tập | <p><b>Đọc [4], [11], [13], [14], thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p><b><u>Chuẩn bị Thảo luận:</u></b><br/>Trước khi quyết định nhận việc, bạn cần lưu tâm những yếu tố nào?</p> |
|---|---|--------------------------------|--|--|

### B. Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có)

| Chương/Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra                   | Phương pháp dạy - học (4)     | Chuẩn bị của sinh viên (5) |
|--|---------|--------------------------------|-------------------------------|----------------------------|
| Chương 1. Kỹ thuật soạn thảo văn bản                           | 10      | 4.1.1<br>4.2.1<br>4.3          | Thực hành trên phòng máy tính | Các văn bản mẫu            |
| Chương 2. Thủ tục hành chính                                   | 10      | 4.1.1<br>4.2.1<br>4.3          | Thực hành Phòng bộ môn        | Các văn bản mẫu            |
| Chương 7. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc                      | 6       | 4.1.2<br>4.1.3<br>4.2.2<br>4.3 | Thực hành phòng máy tính      |                            |
| Chương 4. Những kỹ năng và phẩm chất cần có của người lao động | 6       | 4.1.2<br>4.1.3<br>4.2.2<br>4.3 | Thực hành Phòng bộ môn        |                            |
| Chương 8. Kỹ năng tham gia phỏng vấn tuyển dụng                | 6       | 4.1.2                          | Thực hành Phòng bộ môn        |                            |

|   |   |       |                        |  |
|---|---|-------|------------------------|--|
| Chương 9. Đánh giá lần cuối trước khi nhận việc | 6 | 4.1.3 | Thực hành Phòng bộ môn |  |
|---|---|-------|------------------------|--|

• Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả   | Tên tài liệu  | Năm xuất bản | Nhà xuất bản                  | Địa chỉ khai thác tài liệu<br>(6) | Mục đích sử dụng |           |
|-----|---|---|--------------|-------------------------------|-----------------------------------|------------------|-----------|
|     |   |   |              |                               |                                   | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Học viện Hành chính                                     | Giáo trình kỹ thuật soạn thảo và ban hành văn bản     | 2009         | NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội | Giảng viên                        | x                |           |
| 2   | Lại Thế Luyện   | Kỹ năng tìm việc làm                                  | 2014         | NXB Thời đại, TP. HCM         | Giảng viên                        | x                |           |
| 4   | Nghị định của Chính phủ số 101/CP ngày 23/9/1997        | Quy định chi tiết ban hành văn bản quy phạm pháp luật | 2008         | NXBGD                         | Giảng viên                        |                  | x         |
| 5   | Nghị định của Chính Phủ số 58/2001/NĐ-CP ngày 24/8/2001 | Quản lí và sử dụng con dấu.                           | 2001         |                               | Giảng viên                        |                  | x         |
| 6   | Thông tư Bộ Nội vụ số 01/2011/TT-BNV                    | Hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản   |              |                               | Giảng viên                        |                  | x         |
| 7   | Huỳnh Phú Thịnh   | Dự án P.H.E: Kỹ năng tìm kiếm việc làm                | 2007         | Đại học An Giang              | Giảng viên                        |                  | x         |
| 8   | Nguyễn  | Xin việc hay tìm việc                                 | 2016         | NXB Trẻ,                      | Giảng                             |                  | x         |

|  |                            |   |      |   |               |  |          |
|--|----------------------------|---|------|---|---------------|--|----------|
|  | Xuân Huy                   |   |      | TP.HCM  | viên          |  |          |
|  | Viện Doanh<br>trí Văn hiến | Kỹ năng viết CV và<br>phỏng vấn việc làm            | 2015 | Đại học<br>Văn<br>Hiến                              | Giảng<br>viên |  | <b>x</b> |
|  | Lynn<br>Williams           | Cuốn sách số 1 về<br>tìm việc                       | 2015 | NXB<br>Lao<br>động -<br>Xã hội,<br>Hà Nội           | Giảng<br>viên |  | <b>x</b> |
|  | Alpha books                | Vượt qua thử thách<br>trong phỏng vấn<br>tuyển dụng | 2015 | NXB<br>Lao<br>động -<br>Xã hội,<br>Hà Nội           | Giảng<br>viên |  | <b>x</b> |
|  | Ros Jay                    | Thật đơn giản –<br>Phỏng vấn tuyển<br>dụng          | 2015 | NXB<br>Đại học<br>Kinh tế<br>Quốc<br>dân, Hà<br>Nội | Giảng<br>viên |  | <b>x</b> |
|  | Tim Hindle                 | Cẩm nang quản lý<br>hiệu quả: Kỹ năng<br>phỏng vấn  | 2007 | NXB<br>Tổng<br>hợp TP.<br>HCM,<br>TP.<br>HCM        |               |  |          |

#### **.6. Quy định đối với sinh viên**

Tham dự lớp học đầy đủ.

Khi vắng mặt phải báo cáo cho giảng viên biết trước, lý do vắng mặt được chấp nhận, không giảm điểm chuyên cần là : bản thân bị bệnh/tai nạn có giấy tờ chứng minh; thân nhân (cha/mẹ/anh/chị em ruột/con) bị bệnh nhập viện không có ai chăm sóc thay thế.

Không làm việc riêng trong giờ học;

Không sử dụng các phương tiện: điện thoại, Laptop trong giờ học cho các việc không phục vụ học tập.

Tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài.

Vắng mặt từ 9 tiết trở lên. Sinh viên không được đánh giá kết quả học tập.

Sinh viên bắt buộc phải đăng kí học lại môn học.

• **Đánh giá kết quả học tập**

| <b>Lần đánh giá</b><br>(8) | <b>Hình thức đánh giá</b><br>(9)   | <b>Nội dung được đánh giá</b><br>(Chương/Chủ đề) | <b>Chuẩn đầu ra</b><br>(3)                       | <b>Trọng số</b><br>(10) |
|----------------------------|--|--|--|-------------------------|
| 1                          | Chuyên cần   | Tham dự lớp đầy đủ                               |  |                         |
| 2                          | Soạn thảo văn bản  | Chương 1, 2                                      | 4.1.1<br>4.2.1<br>4.3                            | 30                      |
| 3                          | Thao tác sắp xếp hồ sơ hành chính theo yêu cầu giảng viên.   | Chương 1, 2                                      | 4.1.1<br>4.2.1<br>4.3                            | 20%                     |
| 4                          | Kết thúc môn học<br>- Soạn thảo đầy đủ bộ hồ sơ của chính sinh viên trên máy tính.<br>- Quay nộp clip phỏng vấn xin việc | Chương 3,4,5,6,7,8,9                             | 4.1.1<br>4.2.1<br>4.1.2<br>4.1.3<br>4.2.2<br>4.3 | 50                      |

| <b>STT</b> | <b>Điểm thành phần</b>              | <b>Quy định</b>   | <b>Trọng số</b> | <b>Mục tiêu</b>  |
|------------|-------------------------------------|---|-----------------|------------------|
| 1          | Điểm                                | (30/30)   | 10%             | 1.3              |
| 2          | Báo cáo nhóm;<br>Làm tiểu luận.     | Hoàn thành tốt các bài tập thảo luận nhóm;<br>Trình bày nội dung thảo luận nhóm;<br>Nộp tiểu luận khi kết thúc môn học. | 20%             | 1.1; 1.2;<br>1.3 |
| 3          | Điểm kiểm tra giữa kỳ               | Thi tự luận.  | 10%             | 1.1; 1.2         |
| 4          | Viết bài thu hoạch kết thúc môn học | Hình thức trình bày, văn phong rõ ràng, mạch lạc;<br>Nộp bài đúng hạn;<br>Tham dự đủ 80% tiết lý                        | 60%             | 1.1; 1.2         |

|  |  |         |  |  |
|--|--|---------|--|--|
|  |  | thuyết. |  |  |
|--|--|---------|--|--|

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**Trưởng khoa**

**P. Trưởng bộ môn**

**Giảng viên**

Nguyễn Thị Song Thương

Trần Kim Ngọc

Đỗ Thị Thảo

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

**Khoa: Văn hóa – Du lịch**

**Bộ môn: CTXH**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ 2

Mã lớp học phần: SO4400

Số tín chỉ: 02

Số tiết tín chỉ: 20/20/60

Học phần điều kiện:

Học kỳ:

Năm học:

### 2. Thông tin về giảng viên:

#### 2.1. Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0989 216 484

Email: [nguyenbichhung82@gmail.com](mailto:nguyenbichhung82@gmail.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

#### 2.2. Giảng viên 2:

Họ và tên: Dương Văn Khánh

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0936780877

Email: [duongvankhanh2910@gmail.com](mailto:duongvankhanh2910@gmail.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt / Tổng quan về học phần

Môn học bao gồm những vấn đề tổng quan như khái niệm, tiến trình của giao tiếp, truyền thông. Đồng thời môn học cũng giới thiệu các kỹ năng cần thiết trong truyền thông, hướng dẫn việc lên kế hoạch thực hiện một buổi truyền thông và thực hành truyền thông tại cộng đồng.

### 4. Mục tiêu học phần / Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức:

4.1.1. Trình bày được những vấn đề về tổng quan của khoa học truyền thông và giao tiếp

4.1.2. Hiểu được tâm lý của đối tượng truyền thông

4.1.3. Trình bày được những phương pháp và kỹ năng trong truyền thông, tập huấn.

#### 4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Thực hiện một số trò chơi giáo dục

4.2.2. Lập kế hoạch truyền thông

4.2.3. Sử dụng các kỹ năng như lắng nghe, thuyết trình, hướng dẫn thảo luận nhóm nhỏ, quản lý lớp để thực hiện một buổi truyền thông tại cộng đồng

4.2.4. Thực hành những kỹ năng làm tập huấn viên

#### 4.3. Thái độ:

4.3.1. Nhận thức được vai trò của một tập huấn viên

4.3.2. Có thái độ tích cực đối với công việc truyền thông/tập huấn

4.3.3. Tích cực nghiên cứu các vấn đề của cộng đồng để có những nội dung tập huấn thiết thực.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/ Chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra   | Phương pháp dạy – học  | Chuẩn bị của sinh viên  |
|--|---------|--|--|---|
| <p>1.Lý Thuyết về truyền thông</p> <p>1.1. Tổng quan về truyền thông</p> <p>1.1.1 Khái niệm truyền thông</p> <p>1.1.2. Tiến trình truyền thông</p> <p>1.1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến tiến trình truyền thông</p> <p>1.2.Tâm lý đối tượng truyền thông</p> <p>1.2.1 Đối tượng truyền thông</p> <p>1.2.2 Tâm lý học sinh tiểu học</p> <p>1.2.3 Tâm lý học sinh THCS</p> <p>1.2.4 Tâm lý học sinh THPT</p> <p>1.2.5 Tâm lý học xã hội</p> <p>1.3.Những yếu tố đảm bảo cho một khoá tập huấn/truyền thông thành công.</p> <p>1.3.1 Nội dung</p> <p>1.3.2 Phương pháp</p> <p>1.3.3 Không gian và thời gian</p> <p>1.4 Một số kỹ năng truyền thông</p> <p>1.4.1 Thuyết trình</p> <p>1.4.2 Hướng dẫn thảo luận cặp đôi</p> <p>1.4.3 Hướng dẫn thảo luận nhóm nhỏ</p> <p>1.4.4 Quản trò</p> <p>1.5 Hướng dẫn lập đề cương</p> <p>1.5.1 Chọn đối tượng, địa điểm, thời gian</p> <p>1.5.2 Lựa chọn nội dung truyền thông</p> <p>1.5.3 Xây dựng nội dung truyền thông</p> <p>1.5. Xây dựng kế hoạch truyền thông</p> | 02      | 4.1.2;<br>4.1.1;<br>4.1.3;<br>4.2.2;<br>4.3.3            | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>- Sử dụng máy chiếu, bảng. | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu<br>[1, 1-41]<br>[2, 9-81]<br>[3, 154-177]<br>[4, 2-28]<br>[5, 2-49]<br>[6, 11-33, 331-343] |
| <p>3. Lượng giá</p> <p>Báo cáo quá trình truyền thông, nêu những kinh nghiệm khi đi truyền thông, những khó khăn và thuận lợi, những đề xuất, kiến nghị của người truyền thông.</p>  | 02      | 4.2.1;<br>4.2.2;<br>4.2.3;<br>4.2.4;<br>4.3.1;<br>4.3.2; | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>- Sử dụng máy chiếu, bảng. | Chuẩn bị hình ảnh và bài báo cáo quá trình truyền thông tại cơ  |

|  |  |       |  |     |
|--|--|-------|--|-----|
|  |  | 4.3.3 |  | sở. |
|--|--|-------|--|-----|

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra                                       | Phương pháp dạy – học   | Chuẩn bị của sinh viên   |
|--|---------|--|---|--|
| 2. Thực hành truyền thông<br>Tiến hành truyền thông theo kế hoạch. | 20      | 4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.2.4<br>4.3.1<br>4.3.2 | Hướng dẫn thực hành truyền thông tại cơ sở<br>Cùng tham gia buổi truyền thông | Liên hệ cơ sở truyền thông<br>Chuẩn bị những vật dụng cần thiết cho quá trình truyền thông, như địa điểm, bàn ghế, máy chiếu<br>Tiến hành truyền thông theo kế hoạch |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả  | Tên tài liệu   | Năm xuất bản | Nhà xuất bản           | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|--|--|--------------|------------------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |  |  |              |                        |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 01  | Nhóm tác giả trung tâm nghiên cứu – tư vấn công tác xã hội và phát triển cộng đồng | Kỹ năng truyền thông giáo dục                                      | 2014         |                        | Thư viện ĐHĐT              | X                |           |
| 02  | Nguyễn Bá Minh   | Giáo trình nhập môn khoa học giao tiếp                             | 2014         | ĐHSPHN                 | Thư viện ĐHĐT              |                  | X         |
| 03  | Nguyễn Văn Tư (chủ biên)   | Tâm lí học xã hội  | 2014         | ĐHSPHN                 | Thư viện ĐHĐT              |                  | X         |
| 4   | Lê Đại Trí   | Kỹ năng thay đổi Hành vi trong công tác vận động cha mẹ trẻ và trẻ | 2006         | Tài liệu tập huấn      | Thư viện ĐHĐT              |                  | X         |
| 5   | Lê Đại Trí   | Kỹ năng Truyền thông trong công tác phát triển                     | 2006         | Tài liệu tập huấn      | Thư viện ĐHĐT              |                  | X         |
| 6   | Nhóm tác giả   | Tài liệu tập huấn Công ước về Quyền trẻ em                         | 2007         | Nxb Chính trị Quốc Gia | Thư viện ĐHĐT              |                  | X         |

## 7. Quy định đối với sinh viên:

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);



Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 5.

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| <b>Lần đánh giá</b> | <b>Hình thức Đánh giá</b> | <b>Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)</b>  | <b>Chuẩn đầu ra</b>                                       | <b>Trọng số</b> |
|---------------------|---------------------------|--|---|-----------------|
| 1                   | Điểm chuyên cần           | Tham dự lớp đầy đủ (30/30);<br>Tích cực thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến, quan điểm.   | 4.3.1; 4.3.2  | 0.1             |
| 2                   | Soạn bài truyền thông     | Bài soạn đúng yêu cầu đề ra  | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 | 0.3             |
| 3                   | Thực hiện truyền thông    | Thực hiện đúng với bài soạn truyền thông<br>Đảm bảo được sự tham gia của người tham dự | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 | 0.6             |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**TS. Nguyễn Thị Song Thương**

**Ths Trần Kim Ngọc**

**Ths. Nguyễn Thị Bích Hưng**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Khoa: Văn hóa – Du lịch

Bộ môn: CTXH

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: THỰC HÀNH 1 (TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG)

Mã lớp học phần: SO4403

Số tín chỉ: 03

Số tiết tín chỉ: 20/50/90

Học phần điều kiện: Tổ chức và phát triển cộng đồng

Học kỳ:

Năm học:

### 2. Thông tin về giảng viên:

#### 2.1. Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0989 216 484

Email: [nguyenbichhung82@gmail.com](mailto:nguyenbichhung82@gmail.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

#### 2.2. Giảng viên 2:

Họ và tên: Kiều Văn Tu

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0982.103.342

Email:

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt / Tổng quan về học phần

Môn học ứng dụng những lý thuyết về tổ chức và phát triển cộng đồng như tiến trình tổ chức và phát triển cộng đồng, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng tập huấn/truyền thông, kỹ năng phân tích các vấn đề của cộng đồng, lập kế hoạch giải quyết vấn đề của cộng đồng dựa trên tình hình thực tế. Quan sát và học hỏi kinh nghiệm làm tiếp dân và làm việc với người dân tại các cấp cơ sở. Thực hiện thăm viếng hộ dân, làm quen với môi trường làm việc của tác viên phát triển cộng đồng.

### 4. Mục tiêu học phần / Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức:

4.1.1. Nhớ lại những kiến thức về tổ chức và phát triển cộng đồng.

4.1.2. Hiểu được tâm lý của đối tượng truyền thông.

4.1.3. Trình bày được những phương pháp và kỹ năng trong truyền thông, tập huấn.

#### 4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Làm quen với môi trường làm việc tại cấp cơ sở (Ủy ban nhân dân xã tại các địa phương) nơi sinh viên thực hành.

4.2.2. Quan sát quá trình tiếp công dân.

4.2.3. Thực hành quy trình tiếp xúc và giải quyết vấn đề của người dân

- 4.2.4. Sử dụng các kỹ năng như lắng nghe, thuyết trình, hướng dẫn thảo luận nhóm nhỏ, quản lý lớp để thực hiện một buổi truyền thông tại cộng đồng
- 4.2.5. Thực hành thăm viếng hộ dân và phân tích các vấn đề của cộng đồng
- 4.2.6. Thực hành viết dự án và thực hiện một phần của dự án
- 4.2.7. Xây dựng tác phong làm việc chuyên nghiệp của một nhân viên xã hội khi làm việc với người dân tại cộng đồng.

### 4.3. Thái độ:

- 4.3.1. Nhận thức được vai trò của một tác viên phát triển cộng đồng
- 4.3.2. Khiêm tốn học hỏi kinh nghiệm và hợp tác làm việc với Kiểm huấn viên và cán bộ địa phương
- 4.3.3. Tích cực nghiên cứu các vấn đề của cộng đồng để có những nội dung tập huấn thiết thực

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/ Chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra                                 | Phương pháp dạy – học  | Chuẩn bị của sinh viên   |
|--|---------|--|--|--|
| I. Giai đoạn 1<br>1. Lý thuyết về tổ chức phát triển cộng đồng<br>1.1 Tiến trình tổ chức cộng đồng<br>1.2. Các kỹ năng cơ bản làm việc với người dân<br>1.3. Dự án<br>2. Biểu mẫu<br>2.1 Nội quy thực hành<br>2.2 Giới thiệu các biểu mẫu liên quan đến quá trình thực hành<br>2.3 Yêu cầu quá trình thực hành<br>3. Lập kế hoạch thực hành<br>3.1 Kế hoạch chung<br>3.2 Kế hoạch cụ thể (kế hoạch tuần và các hoạt động truyền thông) | 15      | 4.1.2;<br>4.1.1<br>4.1.3<br>4.3.1;<br>4.3.2. | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm, báo cáo.<br>- Sử dụng máy chiếu.         | - Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1, 3-42, 82-94]<br>[2, 1-39, 81-91, 201-202] |
| Giai đoạn 3. Lượng giá<br>3.1 Kinh nghiệm thực hành.<br>3.2 Những khó khăn và thuận lợi<br>3.3 Bài học kinh nghiệm<br>3.4 Đề xuất<br>3.5 Hình ảnh liên quan đến quá trình thực hành tại cơ sở.   | 5       | 4.3.1<br>4.3.2<br>4.3.3                      | -Thuyết trình.<br>- Sử dụng máy chiếu.<br>-Tổng kết, công khai điểm đánh giá quá trình | Thuyết trình có sử dụng Power Point theo nhóm  |

### 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề                                | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học     | Chuẩn bị của sinh viên                                |
|--|---------|--------------|---------------------------|---|
| Giai đoạn 2. Thực hành tại cơ sở địa phương. | 50      |              | - Giảng viên hướng dẫn và | - Liên hệ cơ sở thực hành<br>- Áp dụng các kỹ năng đã |

|   |  |   |   |
|---|--|---|---|
| 2.1 Thiết lập mối quan hệ tốt với chính quyền, ban ngành, cơ sở xã hội, cán bộ và nhân viên nơi thực hành.<br>2.2. Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và các hoạt động của cơ sở<br>2.3. Khảo sát cộng đồng<br>2.4. Xác định vấn đề của cộng đồng và vẽ cây vấn đề.<br>2.5. Xây dựng dự án và thực hiện truyền thông những nội dung liên quan đến dự án phát triển cộng đồng. | 4.2.1<br>4.2.2<br>4.2.3<br>4.2.4<br>4.2.5<br>4.2.6<br>4.2.7<br>4.3.1<br>4.3.2<br>4.3.3 | giám sát quá trình thực hành của sinh viên tại cộng đồng.<br>- Sinh viên quan sát, học hỏi kinh nghiệm từ cán bộ địa phương<br>- Thực hành truyền thông | được học vào thực tế<br>- Bài soạn truyền thông |
|---|--|---|---|

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả       | Tên tài liệu                                 | Năm xuất bản | Nhà xuất bản      | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|-------------------|--|--------------|-------------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                   |  |              |                   |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 01  | Nguyễn Trọng Tiến | Tài liệu hướng dẫn thực hành Công tác xã hội | 2015         |                   | Thư viện ĐHĐT (361)        | x                |           |
| 02  | Trần Đình Tuấn    | Công tác xã hội lý thuyết và thực hành       | 2010         | Nxb Đại học QGHN  | Thư viện ĐHĐT (361.30071)  |                  | x         |
| 03  | Mai Văn Nam       | Giáo trình quản trị dự án Phát triển         | 2009         | Giáo dục Việt Nam | Thư viện ĐHĐT              |                  | x         |

## 7. Quy định đối với sinh viên:

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 5.

## 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức Đánh giá | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề) | Chuẩn đầu ra | Trọng số |
|--------------|--------------------|--|--------------|----------|
| 1            | Điểm               | Tham dự lớp đầy đủ                     | 4.3          | 0.2      |

|   |                             |   |  |     |
|---|-----------------------------|---|--|-----|
|   | chuyên cần                  | (30/30);<br>Tích cực thảo luận nhóm,<br>phát biểu ý kiến, quan<br>điểm.<br>Tham gia đầy đủ các buổi<br>làm việc tại cộng đồng<br>theo kế hoạch đề ra. |  |     |
| 2 | Điểm đánh<br>giá của<br>KHV | Giai đoạn 2   | 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3;<br>4,2,4; 4.2.5; 4.2.6; 4.2.7 | 0.4 |
| 3 | Báo cáo<br>thực hành        | Giai đoạn 3   | 4.3.1; 4.3.2; 4.3.3  | 0.2 |
| 4 | Nhật ký<br>thực hành        | Giai đoạn 3   | 4.3.1; 4.3.2; 4.3.   | 0.2 |

*Ghi chú: Yêu cầu mỗi phân điểm không có điểm dưới 4 (thang điểm 10)*

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**TS. Nguyễn Thị Song Thương**

**Ths. Trần Kim Ngọc**

**Ths. Nguyễn Thị Bích Hưng**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**  
**KHOA VĂN HÓA DU LỊCH**  
**BỘ MÔN CÔNG TÁC XÃ HỘI**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần**

Tên học phần: **THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI 2**

Mã lớp học phần: **SO4403**

Số tín chỉ: **03**

Số tiết tín chỉ: **45 tiết (45/0/90)**

Học kỳ:

Năm học:

**2. Thông tin về giảng viên:**

**2.1. Giảng viên 1**

Họ và tên: Dương Văn Khánh

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0936780877

Email: duongvankhanh2910@gmail.com

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

**2.2. Giảng viên 2**

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0989216484

Email: nguyenbichhung82@gmail.com

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

**3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần**

Quá trình thực hành được chia làm ba giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên và kiểm huấn viên cơ sở. Phần đầu, sinh viên được hướng dẫn yêu cầu của đợt thực hành cùng các kỹ năng, kiến thức và công cụ phục vụ cho thực hành trực tiếp tại cơ sở. Phần thứ hai sinh viên trực tiếp thực hành các kỹ năng của công tác xã hội cá nhân và nhóm vào giải quyết đề của thân chủ tại cơ sở thực hành. Phần cuối cùng, sinh viên hoàn thiện báo cáo thực hành cuối đợt theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn và tham gia buổi lượng giá, tổng kết quá trình thực hành.

**4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra**

**4.1 Kiến thức**

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1.1. Tạo môi trường thực hành nhằm giúp sinh viên hệ thống lại các kiến thức đã học liên quan đến tiến trình thực hiện công tác xã hội cá nhân và nhóm.

4.1.2. Nâng cao khả năng áp dụng các kiến thức nền tảng về công tác xã hội thông qua thực hành các kỹ năng đánh giá, can thiệp và lượng giá đối với cá nhân và nhóm.

## 4.2. Kỹ năng

4.2.1. Sinh viên nâng cao sự tự tin và khả năng thích nghi với môi trường làm việc. Phát triển khả năng nhận thức của bản thân với mối quan hệ nghề nghiệp thực tế.

4.2.2. Sinh viên có khả năng vận dụng linh hoạt các lý thuyết về công tác xã hội có liên quan đến cá nhân và nhóm vào thực tế.

4.2.3. Sinh viên đạt được các kỹ năng khi làm việc với thân chủ như kỹ năng tham vấn, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng quan sát, kỹ năng thấu cảm cũng như kỹ năng giúp thân chủ nhận diện vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch trong tiến trình cùng thân chủ giải quyết vấn đề.

## 4.3. Thái độ

4.3.1. Sinh viên học tập chuyên cần, và hiểu được vai trò của mình đối với thân chủ và nhóm thân chủ thông qua việc tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và các nguyên tắc hành động trong công tác xã hội.

4.3.2. Bên cạnh đó, với việc chủ động trong các hoạt động trợ giúp thân chủ, sinh viên có được các tác phong nghề nghiệp, làm việc có kế hoạch, khoa học; khi giao tiếp với kiểm huấn viên, cán bộ của cơ sở thực hành và thân chủ, sinh viên có sự tự tin, hình thành bản lĩnh nghề nghiệp của nhân viên xã hội chuyên nghiệp.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra                              | Phương pháp dạy – học  | Chuẩn bị của sinh viên   |
|--|---------|---|--|--|
| <b>PHẦN 1: TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH</b><br>1.1. Giới thiệu về nội dung của đợt thực hành<br>1.2. Phân chia nhóm<br>1.3. Nội quy thực hành<br>1.4. Giới thiệu các mẫu báo cáo<br>1.5. Thực hành công tác xã hội cá nhân<br>1.5.1. Các kỹ năng trong công tác xã hội cá nhân | 10      | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm; Xử lý bài tập tình huống mà GV đưa ra. | <b>SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:</b><br><br>Thảo luận nhóm về các nguyên tắc và quy điều đạo đức trong công tác xã hội, những nội quy cần tuân thủ trong suốt quá trình thực hành.<br><br>Làm bài tập về mô tả trường hợp và các vấn đề liên quan đến công tác xã hội cá nhân |

|  |          |  |  |   |
|--|----------|--|--|---|
| 1.5.2. Tiến trình giải quyết vấn đề  |          |  |  | và công tác xã hội nhóm.  |
| 1.6. Thực hành công tác xã hội nhóm  |          |  |  |   |
| 1.6.1. Các kỹ năng trong công tác xã hội nhóm  |          |  |  |   |
| 1.6.2. Tiến trình công tác xã hội nhóm   |          |  |  |   |
| <b>PHẦN 3: Lượng giá và kết thúc (Hợp lượng giá và hoàn thiện hồ sơ báo cáo thực hành nộp về cho Giảng viên hướng dẫn đúng thời gian quy định)</b> | <b>5</b> | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3.1<br>4.3.2 | GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo; | <b>SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:</b><br><br>Báo cáo quá trình thực hành: báo cáo những khó khăn, thuận lợi của quá trình chuẩn bị và thực hiện thực hành công tác xã hội cá nhân và công tác xã hội nhóm, những bài học kinh nghiệm và đề ra giải pháp hoặc kiến nghị. |

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra                                       | Phương pháp dạy – học  | Chuẩn bị của sinh viên         |
|---|---------|--|--|--------------------------------|
| <p><b>PHẦN 2: THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN VÀ NHÓM TẠI CƠ SỞ THỰC HÀNH (Kế hoạch kèm theo)</b></p> <p>Lớp chia thành những nhóm nhỏ (mỗi nhóm khoảng 5 - 6 sinh viên, số lượng nhóm tùy thuộc vào số lượng sinh viên trong lớp và đặc thù địa bàn sinh viên công tác, sinh sống) thực hành tại các cơ sở thực hành.</p> <p><b>1. Giai đoạn lượng giá giữa kỳ</b></p> | 60      | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.2.2<br>4.3.1<br>4.3.2 | <p>Giảng viên giám sát, đánh giá quá trình thực hành của SV;</p> <p>Nhóm sinh viên tiến hành thực hành <b><u>hai phương pháp Công tác xã hội cá nhân và nhóm</u></b></p> | <b>Xem 5.2.1; 5.2.2; 5.2.3</b> |



|                                       |  |  |  |  |
|---------------------------------------|--|--|--|--|
| <b>2. Giai đoạn lượng giá cuối kỳ</b> |  |  |  |  |
|---------------------------------------|--|--|--|--|

### 5.2.1. Tìm hiểu tổng quan về cơ sở thực hành

- Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và các hoạt động của cơ sở thực hành, từ đó có cái nhìn tổng quát về các công việc cần phải làm của một nhân viên công tác xã hội, đồng thời đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức, cơ sở nơi sinh viên tiến hành thực hành.

### 5.2.2. Công tác xã hội cá nhân

- Sinh viên chọn một cá nhân hiện có ít nhất hai vấn đề cần được nhân viên Công tác xã hội trợ giúp giải quyết để làm thân chủ. Các vấn đề của thân chủ có thể là: Nghèo đói, bệnh tật, bị bạo hành, bị bỏ rơi, bị khủng hoảng tâm lý sau biến cố bất ngờ,... Cá nhân được chọn làm thân chủ phải được cơ sở thực hành và giảng viên hướng dẫn đồng ý;

- Tìm hiểu hoàn cảnh, đặc điểm, khó khăn và nhu cầu của thân chủ để cùng thân chủ lập kế hoạch can thiệp, giúp đỡ thân chủ theo các bước của tiến trình công tác xã hội cá nhân;

- Phúc trình vấn đàm theo các bước của tiến trình công tác xã hội cá nhân;

- Vận dụng các lý thuyết tâm lý xã hội trong quá trình can thiệp, trợ giúp thân chủ giải quyết vấn đề;

- Thực hành một số kỹ năng cơ bản của Công tác xã hội cá nhân: Kỹ năng giao tiếp, nhận diện vấn đề; Kỹ năng quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi thu thập thông tin; Kỹ năng lập kế hoạch và triển khai kế hoạch; Kỹ năng tham vấn, biện hộ cá nhân trong quá trình làm việc với thân chủ;

- Nhận xét, đánh giá kết quả quá trình giúp đỡ thân chủ (Những thay đổi tích cực và tiêu cực của thân chủ);

- Những kinh nghiệm của nhân viên xã hội được áp dụng và bài học kinh nghiệm rút ra cho bản thân trong quá trình thực hành.

*Lưu ý: Tham khảo Sổ tay hướng dẫn thực hành Công tác xã hội cá nhân.*

### 5.2.3. Công tác xã hội nhóm

- Sinh viên lựa chọn một nhóm thân chủ (Số lượng thành viên tùy thuộc vào mục đích thành lập, có thể từ 7-10 thành viên) tại địa bàn dân cư hoặc tại cơ sở thực hành (nhóm có thể có sẵn hoặc thành lập mới) để thực hành Công tác xã hội nhóm theo các bước của tiến trình công tác xã hội nhóm đã học: Chuẩn bị thành lập nhóm, tiến hành sinh hoạt nhóm buổi đầu tiên và các buổi tiếp theo;

- Nhóm thân chủ có thể là trẻ em hoặc phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt, cũng có thể là nhóm người khuyết tật, nhóm người nghèo ở cộng đồng, nhóm người nghiện, nhóm người nhiễm HIV, nhóm trẻ em lang thang đường phố, nhóm phụ nữ bị bạo hành,...;

- Việc lựa chọn nhóm thân chủ có sẵn hay thành lập nhóm thân chủ mới cần được thực hiện ngay tuần đầu tiên khi xuống cơ sở thực hành và phải được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn. Nếu cơ sở hoặc địa phương thực hành đang có các chương trình dự án, trong đó có tổ chức sinh hoạt cho các nhóm đối tượng, sinh viên có thể tham gia cùng và triển khai hoạt động nhóm cho các nhóm này.

- Tìm hiểu đặc điểm, hoàn cảnh nhóm thân chủ và xác định những vấn đề của nhóm, vấn đề cá nhân của các thành viên trong nhóm;

- Vẽ sơ đồ mô tả/tương tác nhóm;

- Vận dụng lý thuyết các giai đoạn phát triển nhóm để xây dựng tiến trình công tác xã hội nhóm; Các lý thuyết xử lý xung đột, mâu thuẫn nhóm, lý thuyết quản lý, lãnh đạo nhóm...nhằm giúp đỡ nhóm thân chủ giải quyết vấn đề khó khăn;

- Mô tả cụ thể tiến trình công tác xã hội nhóm; Từ bước chuẩn bị thành lập nhóm (hoặc lựa chọn nhóm sẵn có); Các buổi sinh hoạt; Khâu lượng giá đến lúc kết thúc hoạt động nhóm;

- Tổ chức được ít nhất 5 buổi sinh hoạt nhóm; Mô tả phức trình vấn đàm của tiến trình công tác xã hội nhóm;

- Vận dụng các kỹ năng làm việc nhóm trong các buổi sinh hoạt để hỗ trợ các thành viên giải quyết vấn đề: Kỹ năng tổ chức, điều phối, lập kế hoạch, giải quyết mâu thuẫn, huy động nhóm,...

- Nhận xét những mặt được, chưa được, những thay đổi tích cực của nhóm và những kiến thức kỹ năng công tác xã hội sử dụng trong quá trình thực hành công tác xã hội nhóm;

- Những kinh nghiệm sinh viên học hành trong quá trình thực hành với nhóm.

Lưu ý: Tham khảo Sổ tay hướng dẫn thực hành Công tác xã hội nhóm.

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả               | Tên tài liệu                                 | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|---------------------------|--|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |                           |  |              |              |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Học viện Thanh thiếu niên | Tài liệu hướng dẫn thực hành công tác xã hội | 2015         | Hà Nội       | Thư viện                   | x                |           |

|   |   |  |      |                         |          |   |   |
|---|---|--|------|-------------------------|----------|---|---|
| 2 | Bộ môn CTXH                             | Sổ tay thực hành Công tác xã hội cá nhân và nhóm | 2018 | ĐH ĐT (Lưu hành nội bộ) | Phòng BM | x |   |
| 3 | Nguyễn Thị Thái Lan<br>Bùi Thị Xuân Mai | Giáo trình công tác xã hội cá nhân và gia đình   | 2014 | LĐ-XH                   | Phòng BM |   | x |
| 4 | Nguyễn Thị Thái Lan                     | Giáo trình công tác xã hội nhóm                  | 2008 | LĐ-XH                   | Thư viện |   | x |

## 7. Quy định đối với sinh viên

### 7.1. Yêu cầu chung

- Trước khi đi thực tập, sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi hướng dẫn thực hành ở trên lớp;

- Căn cứ vào kế hoạch thực hành chung của Bộ môn và tình hình thực tế tại cơ sở thực hành, từng sinh viên chủ động lập kế hoạch thực hành của cá nhân chi tiết đến từng tuần của từng tháng trong suốt thời gian thực hành; Kế hoạch phải được kiểm huấn viên cơ sở thực hành và giảng viên hướng dẫn đồng ý;

- Sinh viên phải hoàn thành nhiệm vụ thực hành theo nội dung, yêu cầu của nhà trường, đồng thời phải tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, quy định của đơn vị thực hành;

- Trong quá trình thực hành, sinh viên phải chấp hành sự phân công công việc và chịu sự quản lý của của cán bộ quản lý, kiểm huấn viên tại cơ sở thực hành như một nhân viên chính thức; tích cực tham gia các hoạt động chung và chủ động tham mưu các cấp có thẩm quyền giải quyết những vấn đề có liên quan đến hoạt động công tác xã hội.

- Thường xuyên trao đổi và báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch thực hành của cá nhân với giảng viên hướng dẫn.

### 7.2. Yêu cầu chọn cơ sở thực tập

Tuỳ theo điều kiện, sinh viên có thể thực hành tại các cơ sở sau:

- Các Phòng/ban của Sở/Phòng Lao động – Thương binh – Xã hội;
- Các cơ sở bảo trợ xã hội của nhà nước hoặc tư nhân: Trung tâm Công tác xã hội, Trung tâm Bảo trợ xã hội, Trung tâm Giáo dục Lao động – Xã hội;
- Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương;
- Các bệnh viện, trường học;

- Các cơ sở cung cấp dịch vụ Công tác xã hội của cơ quan nhà nước hay tư nhân: Mái ấm, Nhà tình thương, Trung tâm tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý;

- Các tổ chức đoàn thể, các hội: Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, Đoàn Thanh niên các cấp, Hội Chữ thập đỏ, Hội người khuyết tật...

### 7.3. Những công việc của sinh viên tại cơ sở thực hành

- Ghi chép nhật ký các công việc thực hiện hàng ngày khi thực hành;
- Viết tổng quan tìm hiểu về cơ sở thực hành;
- Ghi chép tiến trình các cuộc vấn đàm, vãng gia, thảo luận nhóm;
- Ghi chép tiến trình nhóm và trường hợp cá nhân đã tìm hiểu và theo dõi;
- Lượng giá thực hành giữa kỳ và cuối kỳ;

Lưu ý: Sinh viên nộp sổ nhật ký thực hành cho kiểm huấn viên 2 ngày trước mỗi lần họp lượng giá.

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá                            | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)   | Chuẩn đầu ra                                   | Trọng số |
|--------------|---|--|--|----------|
| 1            | Điểm chuyên cần                               | Tham dự lớp đầy đủ (15/15)   | 4.3.1; 4.3.2                                   | 0.1      |
| 2            | Báo cáo thực hành theo nhóm                   | 1 bài/nhóm   | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.2.1; 4.2.2                  | 0.1      |
| 3            | Báo cáo thực hành cá nhân                     | 1 báo cáo/cá nhân  | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.2.1; 4.2.2                  | 0.1      |
| 4            | Nhật ký thực hành                             | 1 nhật ký/cá nhân  | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.2.1; 4.2.2;<br>4.3.1; 4.3.2 | 0.1      |
| 5            | Kết quả đánh giá của Kiểm huấn viên tại cơ sở | Điểm đánh giá của kiểm huấn viên đối với từng cá nhân (có chữ ký của kiểm huấn viên và đóng dấu xác nhận của cơ sở thực hành).                               | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.2.1; 4.2.2;<br>4.3.1; 4.3.2 | 0.4      |
| 6            | Đánh giá quá trình thực hành của giảng viên   | Thái độ tham gia thực hành.<br>Khả năng làm việc nhóm, hợp tác nhóm.<br>Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tế.<br>Nộp đầy đủ các báo cáo và kế hoạch tuần. | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.2.1; 4.2.2;<br>4.3.1; 4.3.2 | 0.2      |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Kiều Văn Tu**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**  
**KHOA VĂN HÓA DU LỊCH**  
**BỘ MÔN CÔNG TÁC XÃ HỘI**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần**

Tên học phần: **THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

Mã lớp học phần: **SO4404**

Số tín chỉ: **06**

Số tiết tín chỉ: **90 tiết (0/270/180)**

Học kỳ:

Năm học:

**2. Thông tin về giảng viên:**

**2.1. Giảng viên 1**

Họ và tên: Dương Văn Khánh

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0936780877

Email: [duongvankhanh2910@gmail.com](mailto:duongvankhanh2910@gmail.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

**2.2. Giảng viên 2**

Họ và tên: Kiều Văn Tu

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0982103342

Email: [kieuvantu@gmail.com](mailto:kieuvantu@gmail.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

**2.3. Giảng viên 3**

Họ và tên: Trần Kim Ngọc

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0983605208

Email: [kimngoc208@gmail.com](mailto:kimngoc208@gmail.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

**3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần**

Thực tập tốt nghiệp là học phần giúp sinh viên kết nối lý thuyết với thực tế. Trong quá trình thực tập, sinh viên vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để tìm hiểu, phân tích thực trạng các hoạt động công tác xã hội ở cơ sở thực tập. Trên cơ sở đó, đối chiếu lý luận với thực tế để hoàn thiện và nâng cao nhận thức lý luận và thực hành nghiệp vụ công tác xã hội đã được đào tạo.

**4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra**

**4.1 Kiến thức**

4.1.1. Củng cố kiến thức về lý thuyết (các phương pháp công tác xã hội, lý thuyết công tác xã hội, quan điểm, nguyên tắc hành động, chuẩn mực đạo đức,...)

4.1.2. Lựa chọn một trong ba phương pháp công tác xã hội để tiến hành thực tập tốt nghiệp

## 4.2. Kỹ năng

4.2.1. Thích nghi với môi trường làm việc tại cơ sở thực tập.

4.2.2. Thiết lập và giữ mối quan hệ tốt với cán bộ, nhân viên tại cơ sở thực tập và với thân chủ hoặc người dân tại cộng đồng.

4.2.3. Thực hiện một số kỹ năng cơ bản để làm việc với thân chủ, nhóm thân chủ, hoặc với cộng đồng.

4.2.4. Nhận diện được vấn đề của thân chủ, nhóm thân chủ hoặc của cộng đồng

4.2.5 Phân tích các nguyên nhân và sử dụng các biện pháp can thiệp để hỗ trợ cá nhân, nhóm, cộng đồng giải quyết các vấn đề khó khăn.

## 4.3. Thái độ

4.3.1. Hình thành thái độ, nhận thức đúng đắn về đạo đức nghề nghiệp,

4.3.2. Có tác phong chuyên nghiệp và phẩm chất đạo đức của nhân viên công tác xã hội.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

### 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề  | Số tiết    | Chuẩn đầu ra            | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên   |
|--|------------|-------------------------|-----------------------|--------------------------|
| <b>Phần 1: Hướng dẫn tổng quan về quá trình thực tập.</b>  |            | 4.1.1<br>4.2.1<br>4.3.1 |                       |                          |
| <b>Phần 2: Thực tập tại cơ sở.</b>   | <b>270</b> | 4.1.1<br>4.2.1<br>4.3.1 |                       | <b>Xem 5.2.1; 5.2.2.</b> |
| <b>Phần 3: Lượng giá và kết thúc (họp lượng giá và hoàn thiện hồ sơ báo cáo thực tập nộp về cho Giảng viên hướng dẫn đúng thời gian quy định).</b> |            | 4.1.1<br>4.2.1<br>4.3.1 |                       |                          |

#### 5.2.1. Cách thức tổ chức thực tập

Hình thức : Cá nhân hoặc nhóm (đôi đa 5 thành viên)

Cơ sở thực hành: Sinh viên tự lựa chọn cơ sở thực tập mà bản thân cho là phù hợp và thuận lợi để tiến hành thực tập theo quy định.

### **5.2.2. Nội dung thực tập**

Mỗi sinh viên chọn **một trong ba phương pháp Công tác xã hội** sau đây để tiến hành thực tập:

- Công tác xã hội cá nhân;
- Công tác xã hội nhóm;
- Tổ chức và phát triển cộng đồng.

#### **5.2.2.1. Công tác xã hội cá nhân**

- Sinh viên chọn một cá nhân hiện có ít nhất hai vấn đề cần được nhân viên Công tác xã hội trợ giúp giải quyết để làm thân chủ. Các vấn đề của thân chủ có thể là: Nghèo đói, bệnh tật, bị bạo hành, bị bỏ rơi, bị khủng hoảng tâm lý sau biến cố bất ngờ,...Cá nhân được chọn làm thân chủ phải được cơ sở thực tập và giảng viên hướng dẫn đồng ý;

- Tìm hiểu hoàn cảnh, đặc điểm, khó khăn và nhu cầu của thân chủ để cùng thân chủ lập kế hoạch can thiệp, giúp đỡ thân chủ theo các bước của tiến trình công tác xã hội cá nhân;

- Phúc trình vấn đàm theo các bước của tiến trình công tác xã hội cá nhân;

- Vận dụng các lý thuyết tâm lý xã hội trong quá trình can thiệp, trợ giúp thân chủ giải quyết vấn đề;

- Thực hành một số kỹ năng cơ bản của Công tác xã hội cá nhân: Kỹ năng giao tiếp, nhận diện vấn đề; Kỹ năng quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi thu thập thông tin; Kỹ năng lập kế hoạch và triển khai kế hoạch; Kỹ năng tham vấn, biện hộ cá nhân trong quá trình làm việc với thân chủ;

- Nhận xét, đánh giá kết quả quá trình giúp đỡ thân chủ (Những thay đổi tích cực và tiêu cực của thân chủ);

- Những kinh nghiệm của nhân viên xã hội được áp dụng và bài học kinh nghiệm rút ra cho bản thân trong quá trình thực tập.

*Lưu ý: Tham khảo Sổ tay hướng dẫn thực hành Công tác xã hội cá nhân.*

#### **5.2.2.2. Công tác xã hội nhóm**

- Sinh viên lựa chọn một nhóm thân chủ (Số lượng thành viên tùy thuộc vào mục đích thành lập, có thể từ 7-10 thành viên) tại địa bàn dân cư hoặc tại cơ sở thực tập (nhóm có thể có sẵn hoặc thành lập mới) để thực hành Công tác xã hội nhóm theo các bước của tiến trình công tác xã hội nhóm đã học: Chuẩn bị thành lập nhóm, tiến hành sinh hoạt nhóm buổi đầu tiên và các buổi tiếp theo;



- Nhóm thân chủ có thể là trẻ em hoặc phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt, cũng có thể là nhóm người khuyết tật, nhóm người nghèo ở cộng đồng, nhóm người nghiện, nhóm người nhiễm HIV, nhóm trẻ em lang thang đường phố, nhóm phụ nữ bị bạo hành,...;

- Việc lựa chọn nhóm thân chủ có sẵn hay thành lập nhóm thân chủ mới cần được thực hiện ngay tuần đầu tiên khi xuống cơ sở thực tập và phải được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn. Nếu cơ sở hoặc địa phương thực tập đang có các chương trình dự án, trong đó có tổ chức sinh hoạt cho các nhóm đối tượng, sinh viên có thể tham gia cùng và triển khai hoạt động nhóm cho các nhóm này.

- Tìm hiểu đặc điểm, hoàn cảnh nhóm thân chủ và xác định những vấn đề của nhóm, vấn đề cá nhân của các thành viên trong nhóm;

- Vẽ sơ đồ mô tả/tương tác nhóm;

- Vận dụng lý thuyết các giai đoạn phát triển nhóm để xây dựng tiến trình công tác xã hội nhóm; Các lý thuyết xử lý xung đột, mâu thuẫn nhóm, lý thuyết quản lý, lãnh đạo nhóm...nhằm giúp đỡ nhóm thân chủ giải quyết vấn đề khó khăn;

- Mô tả cụ thể tiến trình công tác xã hội nhóm; Từ bước chuẩn bị thành lập nhóm (hoặc lựa chọn nhóm sẵn có); Các buổi sinh hoạt; Khâu lượng giá đến lúc kết thúc hoạt động nhóm;

- Tổ chức được ít nhất 5 buổi sinh hoạt nhóm; Mô tả phức trình vấn đàm của tiến trình công tác xã hội nhóm;

- Vận dụng các kỹ năng làm việc nhóm trong các buổi sinh hoạt để hỗ trợ các thành viên giải quyết vấn đề: Kỹ năng tổ chức, điều phối, lập kế hoạch, giải quyết mâu thuẫn, huy động nhóm,...

- Nhận xét những mặt được, chưa được, những thay đổi tích cực của nhóm và những kiến thức kỹ năng công tác xã hội sử dụng trong quá trình thực tập công tác xã hội nhóm;

- Những kinh nghiệm sinh viên học tập trong quá trình thực tập với nhóm.

Lưu ý: Tham khảo Sổ tay hướng dẫn thực hành Công tác xã hội nhóm.

### **5.2.2.3. Tổ chức và phát triển cộng đồng**

- Sinh viên lựa chọn trên địa bàn thực tập một thôn, xóm, ấp đang có những vấn đề xã hội bức xúc để thực hành tiến trình tổ chức và phát triển cộng đồng. Vấn đề của cộng đồng được lựa chọn có thể là vấn đề nghèo đói, thất nghiệp, trẻ em bỏ học, bạo lực gia đình, mê tín dị đoan, bệnh dịch, rác thải, ô nhiễm môi trường,...;

- Khi quyết định chọn địa bàn để thực hành, sinh viên cần tham khảo ý kiến của kiểm huấn viên, cán bộ cơ sở và giảng viên hướng dẫn để chọn được một địa bàn phù hợp cho việc thực tập, chẳng hạn như việc đi lại thuận tiện, có khả năng huy động được nguồn lực và các hỗ trợ khác. Cần quyết định ngay trong tuần đầu tiên để có thể đưa vào bản kế hoạch thực tập trình cơ sở thực tập;

- Tìm hiểu phân tích, đánh giá cộng đồng, xác định các vấn đề của cộng đồng, xây dựng một dự án phát triển cộng đồng và triển khai một dự án nhỏ khả thi trong thời gian thực tập để có thể đánh giá được kết quả;

- Vận dụng các lý thuyết về tổ chức và phát triển cộng đồng trong quá trình can thiệp, trợ giúp cộng đồng từ yếu kém đến thức tỉnh và phát triển;

- Thực hành các kỹ năng của nhân viên xã hội trong phát triển cộng đồng vào một số hoạt động có tính khả thi như kỹ năng tuyên truyền, kỹ năng họp dân, kỹ năng đánh giá cộng đồng PRA, ABCD,...;

- Đánh giá kết quả thu được trong quá trình thực tập phát triển cộng đồng;

- Những bài học kinh nghiệm rút ra từ đợt thực tập;

- Những kiến nghị, đề xuất.

Lưu ý: Tham khảo đề cương hướng dẫn thực hành Tổ chức và phát triển cộng đồng.

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả                             | Tên tài liệu                                     | Năm xuất bản | Nhà xuất bản            | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|---|--|--------------|-------------------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |   |  |              |                         |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Học viện Thanh thiếu niên               | Tài liệu hướng dẫn thực hành công tác xã hội     | 2015         | Hà Nội                  | Thư viện                   | x                |           |
| 2   | Bộ môn CTXH                             | Sổ tay thực hành Công tác xã hội cá nhân và nhóm | 2018         | ĐH ĐT (Lưu hành nội bộ) | Phòng BM                   | x                |           |
| 3   | Nguyễn Thị Thái Lan<br>Bùi Thị Xuân Mai | Giáo trình công tác xã hội cá nhân và gia đình   | 2014         | LĐ-XH                   | Phòng BM                   |                  | x         |
| 4   | Nguyễn Thị Thái Lan                     | Giáo trình công tác xã hội nhóm                  | 2008         | LĐ-XH                   | Thư viện                   |                  | x         |
| 5   | Nguyễn Kim Liên                         | Giáo trình phát triển cộng đồng                  | 2008         | LĐ-XH                   | Thư viện                   |                  | x         |

## 7. Quy định đối với sinh viên

### 7.1. Yêu cầu chung

- Trước khi đi thực tập, sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi hướng dẫn thực tập ở trên lớp;

- Căn cứ vào kế hoạch thực tập chung của Khoa và tình hình thực tế tại cơ sở thực tập, từng sinh viên chủ động lập kế hoạch thực tập của cá nhân chi tiết đến từng tuần của từng tháng trong suốt thời gian thực tập; Kế hoạch phải được kiểm huấn viên cơ sở thực tập và giảng viên hướng dẫn đồng ý;

- Sinh viên phải hoàn thành nhiệm vụ thực tập theo nội dung, yêu cầu của nhà trường, đồng thời phải tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, quy định của đơn vị thực tập;

- Trong quá trình thực tập, sinh viên phải chấp hành sự phân công công việc và chịu sự quản lý của cán bộ quản lý, kiểm huấn viên tại cơ sở thực tập như một nhân viên chính thức; tích cực tham gia các hoạt động chung và chủ động tham mưu các cấp có thẩm quyền giải quyết những vấn đề có liên quan đến hoạt động công tác xã hội.

- Thường xuyên trao đổi và báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch thực tập của cá nhân với giảng viên hướng dẫn.

## 7.2. Yêu cầu chọn cơ sở thực tập

Tuỳ theo điều kiện, sinh viên có thể thực tập tại các cơ sở sau:

- Các Phòng/ban của Sở/Phòng Lao động – Thương binh – Xã hội;
- Các cơ sở bảo trợ xã hội của nhà nước hoặc tư nhân: Trung tâm Công tác xã hội, Trung tâm Bảo trợ xã hội, Trung tâm Giáo dục Lao động – Xã hội;
- Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương;
- Các bệnh viện, trường học;
- Các cơ sở cung cấp dịch vụ Công tác xã hội của cơ quan nhà nước hay tư nhân: Mái ấm, Nhà tình thương, Trung tâm tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý;
- Các tổ chức đoàn thể, các hội: Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, Đoàn Thanh niên các cấp, Hội Chữ thập đỏ, Hội người khuyết tật...

## 7.3. Những công việc của sinh viên tại cơ sở thực tập

- Ghi chép nhật ký các công việc thực hiện hàng ngày khi thực tập;
- Viết tổng quan tìm hiểu về cơ sở thực tập;
- Ghi chép tiến trình các cuộc vấn đàm, vãng gia, thảo luận nhóm;
- Ghi chép tiến trình nhóm và trường hợp cá nhân đã tìm hiểu và theo dõi;
- Lượng giá thực tập giữa kỳ và cuối kỳ;

Lưu ý: Sinh viên nộp sổ nhật ký thực tập cho kiểm huấn viên 2 ngày trước mỗi lần họp lượng giá.

## 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề) | Chuẩn đầu ra | Trọng số |
|--------------|--------------------|--|--------------|----------|
|--------------|--------------------|--|--------------|----------|

|   |   |  |                        |     |
|---|---|--|------------------------|-----|
| 1 | Bảng điểm của Kiểm huấn viên tại cơ sở thực tập | Điểm đánh giá của kiểm huấn viên đối với từng sinh viên (có chữ ký của kiểm huấn viên và đóng dấu xác nhận của cơ sở thực tập).                              | 4.1.1; 4.2.1;<br>4.3.1 | 0.3 |
| 2 | Báo cáo thực tập                                | Bài báo cáo thực tập của sinh viên do kiểm huấn viên tại cơ sở đánh giá (có mặt của giảng viên hướng dẫn)  | 4.1.1; 4.2.1;<br>4.3.1 | 0.4 |
| 3 | Sổ nhật ký thực tập                             | Thái độ tham gia thực hành.<br>Khả năng làm việc nhóm, hợp tác nhóm.<br>Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tế.<br>Nộp đầy đủ các báo cáo và kế hoạch tuần. | 4.1.1; 4.2.1;<br>4.3.1 | 0.3 |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Trần Kim Ngọc**

## **TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**

**Khoa: Văn hóa- Du lịch**

**Bộ môn: Tổ Bộ môn Công tác xã hội**

### **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

#### **1. Thông tin về học phần**

Tên học phần: Thực tế chuyên môn 01

Mã lớp học phần: SO4405

Số tín chỉ: 01

Số tiết tín chỉ: 15

Học phần điều kiện (*nếu có*): ASXH & NVĐXH

Học kỳ: 1

Năm học: 2019-2020

#### **2. Thông tin về giảng viên**

Giảng viên 1:

Họ và tên: Đỗ Thị Thảo

Chức danh, học vị: ThS. Giảng viên

Điện thoại: 0939212945

E-mail: lethanhthaonguyen88@yahoo.com

Đơn vị: Tổ Bộ môn Công tác xã hội- Khoa Văn hóa - Du lịch

Giảng viên 2:

Họ và tên: Trần Kim Ngọc

Chức danh, học vị: ThS. Giảng viên

Điện thoại: 0983605208

E-mail: kimngoc208@gmai.com

Đơn vị: Tổ Bộ môn Công tác xã hội- Khoa Văn hóa - Du lịch

#### **3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần**

Thực tế chuyên môn 01 là môn học giúp cho sinh viên tiếp cận công việc của nhân viên xã hội trên thực địa. Thông qua đó sinh viên xác lập tình cảm, niềm tin, quyết tâm theo đuổi nghề công tác xã hội; có kế hoạch thu thập tri thức, tập luyện các kỹ năng nghề trong các học kỳ tiếp theo của bản thân.

#### **4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra**

## 4.1. Kiến thức

4.1.1. Sinh viên trình bày được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và nguyên tắc hoạt động của cơ sở xã hội;

4.1.2. Sinh viên trình bày các chương trình, kế hoạch hoạt động của các cơ sở xã hội;

4.1.3. Sinh viên trình bày, phân tích được giá trị xã hội các cơ sở xã hội mang lại cho đối tượng thụ hưởng;

4.1.4. Sinh viên trình bày được các nguồn lực tài chính đảm bảo cho hoạt động của các cơ sở xã hội.

4.1.5. Sinh viên nêu được những kinh nghiệm thực tế của nhân viên xã hội;

## 4.2. Kỹ năng

4.2.1. Giao tiếp với một số người yếu thế trong xã hội;

4.2.2. Quan sát, ghi chép các tổng hợp các thông tin trên thực địa;

## 4.3. Thái độ

Sinh viên có tuân thủ nghiêm qui định thực tế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp; chú tâm quan sát, lắng nghe và ghi chép các thông tin về cơ sở đi thực tế.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### A. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra (3)  | Phương pháp dạy – học (4)           | Chuẩn bị của sinh viên (5)  |
|--|---------|---|-------------------------------------|---|
| <b>Phần 1.</b><br>Giới thiệu tổng quan về các cơ sở xã hội đi thực tế chuyên môn.<br>1.1. Trung tâm bảo trợ xã hội<br>1.2. Trung tâm Công tác xã hội<br>1.3. Trung tâm chăm sóc nuôi dưỡng người bệnh tâm thần<br>1.4. Cơ sở cai nghiện ma túy<br>1.5. Phòng công tác xã hội bệnh viện<br>1.6. Doanh nghiệp xã hội<br>1.7. Nhà mở, mái ấm, nhà tình thương | 8       | 4.1.1.<br>4.1.2.<br>4.1.3.<br>4.1.4.<br>4.15.<br>4.2.1.<br>4.2.2.<br>4.3. | Hỏi đáp- giải thích<br>Thuyết giảng | Đọc Tài liệu theo chỉ dẫn của giảng viên nghiên cứu về các cơ sở xã hội<br>Quản lý nhà nước với các tổ chức xã hội công lập và tư lập;<br>Chức năng, nhiệm vụ của các cơ sở xã hội được biết như thế nào<br>Thực trạng hoạt động của các cơ sở xã hội<br>Xem clip, hình ảnh về các cơ sở xã hội trước khi đến |

|               |  |  |  |   |
|---------------|--|--|--|---|
| 1.8. Làng SOS |  |  |  | In ấn nhật kí thực tế chuyên môn để ghi chép<br>Tài chính và sức khỏe đi thực tế chuyên môn |
|---------------|--|--|--|---|

### B. Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có)

| Chương/Chủ đề   | Số tiết | Chuẩn đầu ra (3)  | Phương pháp dạy - học (4)           | Chuẩn bị của sinh viên (5)  |
|---|---------|---|-------------------------------------|---|
| Phần 2.<br>Thăm quan cơ sở xã hội<br>Giao tiếp với cán bộ, nhân viên của cơ sở xã hội<br>Giao tiếp với đối tượng thụ hưởng dịch vụ từ các cơ sở xã hội.<br>Nghe trình bày tổng quan chương trình hoạt động, khó khăn và thách thức; triển vọng phát triển của các cơ sở xã hội. | 10 tiết | 4.1.1.<br>4.1.2.<br>4.1.3.<br>4.1.4.<br>4.15.<br>4.2.1.<br>4.2.2.<br>4.3. | Hỏi đáp- giải thích<br>Thuyết giảng | Sinh viên ghi chép tất cả những gì được nghe, quan sát từ môi trường sống của các đối tượng thụ hưởng dịch vụ của cơ sở xã hội;<br>Phân tích điểm mạnh, điểm yếu<br>Đề xuất kiến nghị cải tiến dịch vụ của các cơ sở xã hội |

### 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả | Tên tài liệu  | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|-------------|---|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |             |   |              |              |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Chính phủ   | Các văn bản qui phạm pháp luật liên quan đến các cơ sở xã hội có giá trị pháp lý. |              |              | Giảng viên                 | x                |           |

### 7. Quy định đối với sinh viên

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh | Hình thức đánh giá | Nội dung được đánh giá | Chuẩn đầu ra | Trọng số |
|----------|--------------------|------------------------|--------------|----------|
|----------|--------------------|------------------------|--------------|----------|

| <b>giá</b> |   | <b>(Chương/Chủ đề)</b> |  |     |
|------------|---|------------------------|--|-----|
| <b>1</b>   | Viết thu hoạch cá nhân                                  | Phần 1                 | 4.1.1; 4.1.2.<br>4.1.3; 4.1.4.<br>4.1.5; 4.2.1.<br>4.2.2; 4.3. | 0.4 |
| <b>2</b>   | Chuyên cần, nhật kí thực , Báo cáo thực tế chuyên môn 1 | Phần 2.                | 4.1.1; 4.1.2.<br>4.1.3; 4.1.4.<br>4.1.5; 4.2.1.<br>4.2.2; 4.3. | 0.6 |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**Trưởng khoa**

**P. Trưởng bộ môn**

**Giảng viên**

Nguyễn Thị Song Thương

Trần Kim Ngọc

Đỗ Thị Thảo



# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

**Khoa: Văn hóa – Du lịch**

**Bộ môn: CTXH**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Thực tế chuyên môn 02

Mã lớp học phần: SO4406

Số tín chỉ: 01

Số tiết tín chỉ: 15 (10/10/30)

Học phần điều kiện:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước: Thực tế chuyên môn 01 (SO4405)

+ Học phần học song hành:

Học kỳ:

Năm học:

### 2. Thông tin về giảng viên:

#### 2.1. Giảng viên 1:

Họ và tên: Trần Kim Ngọc

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0983 605 208

Email: kimngoc208@gmail.com

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

#### 2.1. Giảng viên 2:

Họ và tên: Đỗ Thị Thảo

Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

Điện thoại: 0905712945

Email: [lethanhthaonguyen88@yahoo.com](mailto:lethanhthaonguyen88@yahoo.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt / Tổng quan về học phần

Môn học giúp sinh viên vận dụng những kỹ năng và kiến thức cơ bản cơ bản về hệ thống an sinh xã hội, hệ thống phúc lợi xã hội. Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam. Các nguồn lực để duy trì các cơ sở xã hội.

### 4. Mục tiêu học phần / Chuẩn đầu ra

#### 4.1. Kiến thức:

4.1.1. Tiếp cận môi trường làm việc thực tế của ngành nghề Công tác xã hội.

4.1.2. Biết được bối cảnh hình thành và sự tồn tại các cơ sở xã hội ở Việt Nam hiện nay.

#### **4.2. Kỹ năng:**

4.2.1. Học tập được những kinh nghiệm thực tế thông qua những buổi báo cáo, trao đổi giữa các cơ sở xã hội với sinh viên.

4.2.2. Biết các được nguồn lực cơ bản (Chính sách Cứu trợ xã hội) giúp cho cơ sở xã hội hoạt động.

4.2.3. Thực hành các vai trò của NVXH tại các cơ sở xã hội.

#### **4.3. Thái độ:**

4.3.1. Bồi dưỡng tâm huyết nghề nghiệp cho sinh viên.

4.3.2. Tích cực khi làm việc với các đối tượng thân chủ yếu thế.

4.3.3. Xây dựng tinh thần tự giác, làm việc nhóm cao.

### **5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học**

#### **5.1. Lý thuyết**

| <b>Chương/ Chủ đề</b>  | <b>Số tiết</b> | <b>Chuẩn đầu ra</b>  | <b>Phương pháp dạy – học</b>  | <b>Chuẩn bị của sinh viên</b>  |
|--|----------------|--|---|--|
| <b>1. Nội dung làm việc trên lớp</b><br><b>1.1. Trước khi đi thực tế chuyên môn</b><br>1.1.1. Trình bày mục tiêu, nội dung, hình thức tiến hành đợt thực tế chuyên môn<br>1.1.2. Phổ biến cách thức đánh giá các hoạt động khi tiến hành thực tế chuyên môn<br>1.1.3. Phổ biến các quy chế thực tế chuyên môn trong suốt chuyến đi.<br>1.1.4. Phân công nhiệm vụ cho các nhóm chuẩn bị trước khi tiến hành chuyến thực tế chuyên | 10             | 4.1.1;<br>4.1.2;<br>4.2.1;<br>4.2.2;<br>4.2.3;<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3. | -Thuyết trình nêu vấn đề.<br>-Thảo luận nhóm.<br>- Sử dụng máy chiếu, bảng. | Sinh viên tham khảo các thông tin trên các website của các cơ sở xã hội;<br>Đọc [1]. |

|   |  |  |  |  |
|---|--|--|--|--|
| môn<br><b>1.2. Sau khi đi thực tế chuyên môn</b><br>1.2.1. Họp đoàn rút kinh nghiệm chuyên đi.<br>1.2.2. Các cá nhân tiến hành viết báo cáo, trình bày các kết quả thu được từ quá trình thực tế chuyên môn tại điểm đến cũng như những kinh nghiệm và kỹ năng đã rèn luyện được trong suốt quá trình thực tế chuyên môn.<br>1.2.3. Tổ chức chia sẻ kinh nghiệm sau khi kết thúc chuyến đi cho các khối lớp sau.<br>1.2.4. Sinh viên nộp đầy đủ hồ sơ báo cáo, nhật ký chuyến đi. |  |  |  |  |
|---|--|--|--|--|

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra   | Phương pháp dạy – học   | Chuẩn bị của sinh viên  |
|--|---------|--|---|---|
| <b>2. Nội dung làm việc trong thực tế chuyên môn</b><br><b>2.1. Tổng quan về các vai trò của nhân viên xã hội tại các cơ sở xã hội công lập và ngoài công lập</b><br>2.1.1. Tác động của cơ sở xã hội đến cộng đồng xã hội<br>2.1.2. Tác động đến các thân chủ trong cơ các cơ sở<br><b>2.2. Các nguồn lực để duy trì các cơ sở xã hội</b><br>2.2.1. Dựa vào nhà nước<br>2.2.2. Dựa vào các tổ | 10      | 4.1.1;<br>4.1.2;<br>4.2.1;<br>4.2.2;<br>4.2.3;<br>4.3.1;<br>4.3.2;<br>4.3.3. | Tham gia đi thực tế chuyên môn tại các cơ sở xã hội (theo kế hoạch đã được phê duyệt) | Sinh viên tham khảo các thông tin trên các website của các cơ sở xã hội ;<br>Đọc [1]<br>Sinh viên hoàn thành bài báo cáo (theo mẫu)<br>Lời nói đầu<br>Chương 1. Nêu khái quát về lịch trình chuyến đi<br>Chương 2. Ghi nhận từ nghiên cứu thực tế<br>-Trình bày lịch sử hình thành, phát triển của các cơ sở xã hội<br>-Trình bày cơ cấu tổ chức các cơ sở xã hội hiện nay, nêu tên ban lãnh đạo các cơ |

|  |  |  |   |
|--|--|--|---|
| <p>chức tôn giáo</p> <p>2.2.3. Dựa vào các mạnh thường quân, do mạnh thường quân thành lập</p> <p>2.2.4. Dựa vào các tổ chức quốc tế</p> <p>2.2.5. Thuận lợi và khó khăn của các cơ sở</p> <p><b>2.3. Thực hành các vai trò của NVXH tại các cơ sở xã hội</b></p> <p>2.3.1. Quan sát các vai trò của NVXH</p> <p>2.3.2. Thực hành các vai trò của NVXH</p> |  |  | <p>sở xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng, nhiệm vụ của các cơ sở xã hội. Đối tượng phục vụ của các cơ sở xã hội. Nguồn lực tài chính để cho cơ sở hoạt động.</li> <li>- Xác định đâu là nguồn hỗ trợ từ Nhà nước (chính sách xã hội), đâu là nguồn hỗ trợ của cá nhân, công đồng, các tổ chức xã hội khác.</li> <li>- Quan sát, ghi nhận môi trường sống của các đối tượng xã hội, môi trường, điều kiện làm việc của nhân viên xã hội.</li> <li>- Mô tả kết quả làm việc chi tiết với đối tượng tại cơ sở xã hội</li> </ul> <p>Chương 3. Bài học kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những bài học kinh nghiệm thực tế sinh viên học được từ thông tin của các báo cáo viên, trao đổi với nhân viên xã hội.</li> <li>- Nêu nhận xét của sinh viên về môi trường sống của các đối tượng xã hội;</li> <li>- Theo sinh viên, Người nhân viên xã hội ở các cơ sở xã hội đến tham quan là ai, có chức năng nhiệm vụ như thế nào.</li> </ul> <p>Chương 4: Những ý nghĩa của đi thực tế chuyên môn 02 mang lại cho sinh viên</p> |
|--|--|--|---|

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất | Nhà xuất bản | Địa chỉ | Mục đích sử dụng |
|-----|-------------|--------------|----------|--------------|---------|------------------|
|-----|-------------|--------------|----------|--------------|---------|------------------|

|    |   |   | <b>bản</b> |        | <b>khai thác tài liệu</b> | <b>Tài liệu chính</b> | <b>Tham khảo</b> |
|----|---|---|------------|--------|---------------------------|-----------------------|------------------|
| 01 | Bộ Lao Động Thương binh và xã hội; UNICEF | Tài liệu hướng dẫn thực hành (dành cho cán bộ xã hội cấp cơ sở) | 2016       | Hà Nội | Bộ môn CTXH               | x                     |                  |

### 7. Quy định đối với sinh viên:

Sinh viên phải tham gia đi thực tế chuyên môn tại các cơ sở xã hội theo kế hoạch;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 5.

### 8. Đánh giá kết quả học tập

| <b>Lần đánh giá</b> | <b>Hình thức Đánh giá</b>             | <b>Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)</b>  | <b>Chuẩn đầu ra</b>                   | <b>Trọng số</b> |
|---------------------|---------------------------------------|--|---------------------------------------|-----------------|
| 01                  | Điểm chuyên cần                       | Tham dự lớp đầy đủ (10/10);<br>Tích cực thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến, quan điểm.<br>Tham gia đoàn đi thực tế (theo kế hoạch được phê duyệt);<br>Chấp hành tốt nội quy, quy định của Đoàn | 4.3                                   | 0.2             |
| 02                  | Báo cáo thực tế chuyên môn (theo mẫu) | Chương 1, 2  | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.2.1; 4.2.2; 4.2.3. | 0.8             |

*Đồng Tháp, ngày 17 tháng 8 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**TS. Nguyễn Thị Song Thương**

**ThS. Trần Kim Ngọc**

**ThS. Trần Kim Ngọc**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**  
**KHOA VĂN HÓA DU LỊCH**  
**BỘ MÔN CÔNG TÁC XÃ HỘI**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần**

Tên học phần: **CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI LGBT**

Mã lớp học phần:

Số tín chỉ: **02**

Số tiết tín chỉ: **30 tiết** (30/0/60)

Học kỳ:

Năm học:

**2. Thông tin về giảng viên:**

**2.1. Giảng viên 1**

Họ và tên: KIỀU VĂN TU

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0982103342

Email: [kvtu@dthu.edu.vn](mailto:kvtu@dthu.edu.vn)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

**2.2. Giảng viên 2**

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0989216484

Email: [nguyenbichhung82@gmail.com](mailto:nguyenbichhung82@gmail.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

**3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần**

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác xã hội với người LGBT và tiến trình làm việc với người LGBT. Môn học có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lý thuyết được xây dựng trên nền tảng cơ sở kiến thức của các môn học có liên quan như Tâm lý học đại cương, Xã hội học đại cương... Kết hợp với những đúc kết kinh nghiệm thông qua các tổ chức xã hội nghiên cứu về người LGBT

**4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra**

**4.1 Kiến thức**

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1.1. Trình bày được khái niệm, đặc điểm, đối tượng, nhiệm vụ của công tác xã hội với người LGBT cũng như lịch sử phát triển công tác xã hội với người LGBT trên thế giới và ở Việt Nam;

4.1.2. Phân tích được đặc điểm tâm lý, sinh lý của người LGBT; Tiến trình CTXH với người LGBT

4.1.3. Trình bày được các cơ sở pháp lý của công tác xã hội với người LGBT; một số chủ đề trong CTXH với người LGBT.

## 4.2. Kỹ năng

4.2.1. Nhận diện, phân tích, đánh giá để thích nghi với môi trường làm việc. Phát triển khả năng nhận thức của bản thân với mối quan hệ nghề nghiệp thực tế.

4.2.2. Vận dụng linh hoạt các lý thuyết về công tác xã hội có liên quan đến người LGBT vào thực tế.

4.2.3. Áp dụng kỹ năng khi làm việc với thân chủ như kỹ năng tham vấn, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng quan sát, kỹ năng thấu cảm cũng như kỹ năng giúp thân chủ nhận diện vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch trong tiến trình cùng thân chủ giải quyết vấn đề.

## 4.3. Thái độ

4.3.1. Tích cực tham gia các hoạt động học tập như: thảo luận, trải nghiệm, chia sẻ kinh nghiệm, sắm vai, xử lý tình huống;

4.3.2. Chủ động, tự tin hơn khi làm việc với học sinh, sinh viên ở các lứa tuổi khác nhau;

4.3.3. Tự giác tuân thủ các giá trị và đạo đức nghề nghiệp trong thực hành công tác xã hội trường học.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề  | Số tiết  | Chuẩn đầu ra                                       | Phương pháp dạy – học                          | Chuẩn bị của sinh viên   |
|--|----------|--|--|--|
| <b>CHƯƠNG 1 – Tổng quan về người LGBT</b><br>1.1. Khái niệm đồng tính<br>1.2. Những hiểu nhầm phổ biến về người đồng tính.<br>1.3. Phong trào quyền LGBT trên thế giới và Việt Nam | <b>8</b> | 4.1.1<br>4.1.2<br>4.2.1<br>4.3.1<br>4.3.2<br>4.3.3 | GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo. | <b>SV nghiên cứu và đọc [1], thực hiện các yêu cầu sau:</b><br><br>Những hiểu nhầm phổ biến về người đồng tính.<br><br>Phong trào quyền LGBT trên thế giới và Việt Nam |

|  |                  |  |   |   |
|--|------------------|--|---|---|
| <p><b>CHƯƠNG 2 – Đặc điểm của người LGBT</b></p> <p>2.1. Đặc điểm tâm lý</p> <p>Đồng tính không phải là bệnh rối loạn hay tâm thần</p> <p>Tâm lý người đồng tính phức tạp và nhạy cảm</p> <p>Tâm lý luôn ảnh hưởng bởi xã hội và gia đình</p> <p>Che dấu bản thân</p> <p>Sự khủng hoảng tâm lý của người LGBT</p> <p>Nhận thức của người LGBT</p> <p>2.2. Đặc điểm sinh lý</p> <p>Sức khỏe thể chất</p> <p>Sức khỏe tình dục</p>                             | <p><b>4</b></p>  | <p>4.1.3</p> <p>4.2.1</p> <p>4.2.2</p> <p>4.2.3</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> <p>4.3.3</p> | <p>GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo.</p> | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1], trả lời các câu hỏi sau:</b></p> <p>Đồng tính không phải là bệnh rối loạn hay tâm thần</p> <p>Tâm lý người đồng tính phức tạp và nhạy cảm</p>   |
| <p><b>CHƯƠNG 3 – Công tác xã hội với người LGBT</b></p> <p>3.1. Nguyên tắc làm việc với thân chủ LGBT</p> <p>3.2. Các tiếp cận khi làm việc với người LGBT</p> <p>3.3. Làm việc với thân chủ LGBT</p> <p>3.4. Làm việc với người LGBT nghiện chất</p> <p>3.5. Các vấn đề lâm sàng với đồng tính nữ</p> <p>3.6. Các vấn đề lâm sàng với đồng tính nam</p> <p>3.7. Các vấn đề lâm sàng với thân chủ song tính</p> <p>3.8. Các vấn đề trẻ em LGBT đường phố</p> | <p><b>8</b></p>  | <p>4.1.5</p> <p>4.2</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> <p>4.3.3</p>                             | <p>GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo.</p> | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1]; [2]; [3]; [6]; thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <p>Làm việc với người LGBT nghiện chất</p> <p>Các vấn đề lâm sàng với đồng tính nữ</p> <p>Các vấn đề lâm sàng với đồng tính nam</p> <p>Các vấn đề lâm sàng với thân chủ song tính</p> |
| <p><b>CHƯƠNG 4 – Một số chủ đề trong CTXH với người LGBT</b></p> <p>4.1. Quá trình tự xác định xu</p>  | <p><b>10</b></p> | <p>4.1.6</p> <p>4.2</p> <p>4.3.1</p>   | <p>GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và</p>          | <p><b>SV nghiên cứu và đọc [1]; [2]; [3]; [4], [5]; [6], thực hiện các yêu cầu</b></p>  |



|  |           |       |                                     |   |
|--|-----------|-------|-------------------------------------|---|
| hướng tính dụng, bản dạng giới và thể hiện giới                                      |           | 4.3.2 | báo cáo; Xử                         | <b>sau:</b><br>Xác định xu hướng tính dụng, bản dạng giới và thể hiện giới<br>Làm việc với gia đình của người LGBT<br>Vấn đề phân biệt đối xử của cộng đồng, gia đình và học đường đối với người LGBT |
| 4.2. Làm việc với gia đình của người LGBT  |           | 4.3.3 | lý bài tập tình huống mà GV đưa ra. |   |
| 4.3. Vấn đề phân biệt đối xử của cộng đồng, gia đình và học đường đối với người LGBT |           |       |                                     |   |
| 4.4. Một số chủ đề khác  |           |       |                                     |   |
| <b>TỔNG</b>  | <b>30</b> |       |                                     |   |

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả                             | Tên tài liệu                                    | Năm xuất bản | Nhà xuất bản             | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|---|---|--------------|--------------------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |   |   |              |                          |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Kiều Văn Tu (Tổng hợp)                  | Tài liệu học tập Công tác xã hội với người LGBT | 2018         | Lưu hành nội bộ          | Phòng BM                   | x                |           |
| 2   | Huỳnh Văn Chấn                          | Giáo trình CTXH với người LGBT                  | 2018         | Lưu hành nội bộ          | Phòng BM                   | x                |           |
| 3   | Bùi Thị Xuân Mai                        | Giáo trình Nhập môn CTXH                        | 2010         | LĐ-XH                    | Thư viện                   |                  | x         |
| 4   | Trần Đình Tuấn                          | CTXH lý thuyết và thực hành                     | 2010         | ĐHQG                     | Thư viện                   |                  | x         |
| 5   | Timothy I.Biblarz                       | Lesbian, Gay, Bisexual and Transgender family   | 2010         | Uni. Southern California | Internet                   |                  | x         |
| 6   | Nguyễn Thị Thái Lan<br>Bùi Thị Xuân Mai | Giáo trình Công tác xã hội cá nhân và gia đình  | 2014         | LĐ-XH                    | Thư viện                   |                  | x         |

## 7. Quy định đối với sinh viên

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 5.

## 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá         | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)  | Chuẩn đầu ra   | Trọng số |
|--------------|----------------------------|---|--|----------|
| 1            | Điểm chuyên cần            | Tham dự lớp đầy đủ (30/30); Tích cực thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến, quan điểm. | 4.3.1; 4.3.2; 4.3.3                                  | 0.1      |
| 2            | Báo cáo nhóm; Tiểu luận.   | Chương 1; 2; 3; 4;  | 4.1.1; 4.1.2; 4.2.3; 4.1.4; 4.1.5; 4.1.6; 4.1.7; 4.2 | 0.1      |
| 3            | Điểm kiểm tra giữa kỳ      | Chương 2; 3; 4  | 4.1.1; 4.1.2; 4.2.3; 4.1.4; 4.1.5; 4.1.6; 4.1.7; 4.2 | 0.2      |
| 4            | Điểm thi kết thúc học phần | Chương 1; 2; 3; 4;  | 4.1.1; 4.1.2; 4.2.3; 4.1.4; 4.1.5; 4.1.6; 4.1.7; 4.2 | 0.6      |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**P. TRƯỞNG KHOA**

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Kiều Văn Tu**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

**Khoa: Văn hóa – Du lịch**

**Bộ môn: Công tác xã hội**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Công tác xã hội với tội phạm

Mã lớp học phần: SO4118

Số tín chỉ: 02

Số tiết tín chỉ: 30

Học phần điều kiện: An sinh xã hội và Những vấn đề xã hội

Học kỳ: I

Năm học: 2018-2019

### 2. Thông tin về giảng viên:

#### Giảng viên 1:

Họ và tên: Đỗ Thị Thảo

Chức danh, học vị: ThS. Giảng viên

Điện thoại: 0905712945

Email: lethanhthaonguyen88@yahoo.com

Đơn vị: Khoa Văn hóa-Du lịch

#### Giảng viên 2:

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0989216484

Email: nguyenvichhung82@gmail.com

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

### 3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần

Môn học này được thiết kế để giúp cho sinh viên năm thứ 4 ngành CTXH, chuẩn bị làm việc trong lĩnh vực tư pháp, nhà tù. Môn học đáp ứng cho nhu cầu đòi hỏi của xã hội cần phải có lực lượng NVXH tăng lên trong lĩnh vực thực hành này.

Môn học cung cấp cho sinh viên công tác xã hội các kiến thức cần thiết bao gồm: các khái niệm cơ bản người phạm tội, người bị hại; tâm lý của người phạm tội, người bị hại; những nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc phạm tội; các phương pháp điều trị, tư vấn và phục hồi chức năng khác nhau được sử dụng trong các thiết lập cải huấn; quản lý trường hợp người phạm tội và người bị hại, can thiệp khủng hoảng; đánh giá các chương trình điều trị và phục hồi.

### 4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn tất chương trình môn học sinh viên đạt được các kết quả sau:

#### 4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Có kiến thức về người phạm tội, hành vi phạm tội, cưỡng chế thi hành hình phạt và phân biệt đối xử vì liên quan đến người phạm tội và nạn nhân.
- 4.1.2. Đạt được kiến thức về văn hóa, tổ chức xã hội, các giá trị cá nhân, trấn áp, ngoài lề, xa lánh, bắt công cho người phạm tội và nạn nhân.

- 4.1.3. Có tư duy phê phán, áp dụng vào thực hành công tác xã hội với người phạm tội và nạn nhân.
- 4.1.4. Đạt được những kiến thức cần thiết để kết hợp hành vi con người trong môi trường xã vào việc thực hành công tác xã hội với người phạm tội và nạn nhân.
- 4.1.5. Có kiến thức về chính sách, phúc lợi và các vấn đề đạo đức đối với người phạm tội, nạn nhân.
- 4.1.6. Sinh viên hiểu biết và áp dụng mô hình tiếp cận và can thiệp toàn diện tâm - sinh- lý người phạm tội, cho người phạm tội là trẻ vị thành niên và người trưởng thành trong đó có sự tham gia đánh giá, các dịch vụ và biện pháp can thiệp, thực hiện các dịch vụ và các biện pháp can thiệp, đánh giá của các dịch vụ và biện pháp can thiệp, chấm dứt dịch vụ và can thiệp,
- 4.1.7. Đạt được kiến thức nghiên cứu công tác xã hội để kiến nghị phát triển thực hành công tác xã hội với người phạm tội và nạn nhân.

## **4.2. Kỹ năng:**

- 4.2.1. Sinh viên sẽ được thực hành các kỹ năng tư duy phê phán của mình trong bài tập báo cáo viết và thảo luận trên lớp.
- 4.2.2. Sử dụng được các giá trị công tác xã hội để hướng dẫn áp dụng các chính sách xã hội giúp cho người phạm tội và nạn nhân.
- 4.2.3. Kỹ năng đánh giá sự khác biệt giữa con người.
- 4.2.4. Kỹ năng vận động chính sách kinh tế-xã hội, phúc lợi cho người phạm tội và nạn nhân.
- 4.2.5. Có kỹ năng để tham gia vào thực hành công tác xã hội đảm bảo công bằng bằng, phát triển kinh tế-xã hội cho người phạm tội và nạn nhân.
- 4.2.6. Đạt được các kỹ năng cần thiết để áp dụng lý thuyết sinh học, tâm lý và xã hội để thực hành công tác xã hội chung chung với người phạm tội và nạn nhân.
- 4.2.7. Đạt được các kỹ năng thực tiễn trong nghiên cứu khoa học.

## **4.3. Thái độ:**

- 4.3.1. Sinh viên sẽ nhận ra giá trị cá nhân của riêng mình và những thành kiến khi làm việc với người phạm tội và nạn nhân, và thúc đẩy công bằng xã hội trong thực tế với các quần thể này.
- 4.3.2. Sinh viên sẽ tìm hiểu giá trị của tư duy phê phán vì nó liên quan đến nghiên cứu khoa học, biện luận, và tầm quan trọng của nó để thực hành công tác xã hội có thẩm quyền với người phạm tội và nạn nhân.
- 4.3.3. Sinh viên sẽ áp dụng các giá trị công tác xã hội để vận động trong nỗ lực thúc đẩy công bằng xã hội và kinh tế với người phạm tội và nạn nhân.
- 4.3.4. Sinh viên sẽ tìm hiểu tầm quan trọng của đạo đức cách sử dụng công tác xã hội và các giá trị cốt lõi của nghề nghiệp để hướng dẫn các ứng dụng của họ về hành vi con người trong môi trường xã hội để chung chung thực hành công tác xã hội với người phạm tội và nạn nhân.

## **5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học**

### **5.1. Lý thuyết**

| Chương/Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra   | Phương pháp dạy – học                  | Chuẩn bị của sinh viên  |
|--|---------|--|--|---|
| <b>Chương 1. Tổng quan về tội phạm, nạn nhân.</b>  | 10      | 4.1.1.<br>4.1.3.<br>4.1.6.<br>4.1.7.<br>4.2.1.<br>4.2.3.<br>4.2.6.<br>4.2.7.           | Thuyết giảng, đọc tài liệu, thảo luận. | <b>SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 1 - 30]; [2, tr. 135 - 201]; thực hiện các yêu cầu sau:</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phân tích các khái niệm Tội phạm, hành vi phạm tội, nạn nhân, bị cáo; khái niệm nhân thân người phạm tội, nạn nhân, bị cáo; trình bày được cơ chế hình thành, quyết định thực hiện hành vi phạm tội.</li> <li>2. Phân loại được nguyên nhân và điều kiện củ tội phạm cụ thể.</li> <li>3. Phân tích được những điều kiện thuận lợi dẫn đến sự hình thành nhận thức sai lệch trong nhân cách cá nhân.</li> <li>4. Phân loại được các tình huống cụ thể trong việc gây ra tội phạm</li> <li>5. Phân tích được vai trò của nạn nhân trong cơ chế của hành vi phạm tội.</li> <li>6. Trình bày được khái niệm nhân thân người phạm tội.</li> <li>7. Phân tích được mối quan hệ tâm-sinh lí-xã hội trong nhân thân người phạm tội; các dấu hiệu đặc trưng của nhân thân phạm tội</li> <li>8. Phân loại được người phạm tội.</li> </ol> |
| <b>Chương 2. Tâm lý người phạm tội, nạn nhân, phương pháp tác động tâm lý người phạm tội, nạn nhân</b> |         | 4.1.1.<br>4.1.2.<br>4.1.3.<br>4.1.4.<br>4.2.1.<br>4.2.3.<br>4.2.6.<br>4.2.7.<br>4.3.2. |  | <b>SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 32 -45 ];[3, tr.54-66] thực hiện các yêu cầu sau:</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình bày những nét tâm lý đặc trưng của người phạm tội</li> <li>2. Trình bày diễn biến trạng thái tâm lý của người phạm tội sau khi thực hiện hành vi phạm tội</li> <li>3. Trình bày đặc điểm tâm lý của những người chưa thành niên phạm tội</li> <li>4. Phân tích tâm lí người phạm tội</li> </ol>   |

|   |  |   |  |  |
|---|--|---|--|--|
|   |  |   |  | <p>khi bị khám xét</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>5. Trình bày được tâm lý người phạm tội khi bị bắt</li> <li>6. Trình bày đặc điểm tâm lý của người phạm tội khi bị hỏi cung</li> <li>7. Trình bày đặc điểm tâm lý của người bị hại</li> <li>8. Trình bày đặc điểm tâm lý của người làm chứng</li> <li>9. Trình bày đặc điểm tâm lý của phạm nhân trong quá trình cải tạo</li> </ol>  |
| <p><b>Chương 3. Tình hình tội phạm, hệ thống cải huấn và các biện pháp xử lý tội phạm</b></p> |  | <p>4.1.1.<br/>4.1.2.<br/>4.1.3.<br/>4.1.4.<br/>4.2.1.<br/>4.2.3.<br/>4.2.6.<br/>4.2.7.<br/>4.3.2.</p> |  | <p><b>SV nghiên cứu và đọc</b><br/>[1, tr. 45 - 65]; [2, tr. 243 – 267; tr. 297 - 320]; [4]</p> <p><b>thực hiện các yêu cầu sau:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình bày khái niệm, các thuộc tính của tình hình tội phạm</li> <li>2. Trình bày được các biện pháp xử lý tội phạm</li> <li>3. Trình bày được khái niệm, đặc điểm tình hình phạm tội do người chưa thành niên thực hiện.</li> <li>4. Phân tích được các nguyên nhân và điều kiện của tình hình phạm tội do người chưa thành niên thực hiện.</li> <li>5. Trình bày được khái niệm, đặc điểm tình hình phạm tội về ma túy</li> <li>6. Phân tích được các nguyên nhân và điều kiện của tình hình phạm tội về buôn bán người</li> <li>7. Phân tích được các nguyên nhân và điều kiện của tình hình phạm tội về ma túy</li> <li>8. Trình bày được nhiệm vụ của hệ thống cải huấn ở Việt Nam</li> </ol> |
| <p><b>Chương 4. Vị trí, vai trò nhân viên công tác xã hội trong các tổ</b></p>                |  | <p>4.1.6.<br/>4.1.7.<br/>4.2.2.</p>   |  | <p><b>SV nghiên cứu và đọc</b><br/>[1, tr. 66 - 80];</p> <p><b>thực hiện các yêu cầu sau:</b></p>  |

|   |  |  |  |  |
|---|--|--|--|--|
| <b>chức liên quan đến nạn nhân, người phạm tội</b>  |  | 4.2.6.<br>4.3.1.<br>4.3.2.<br>4.3.3.<br>4.3.4.                               |  | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình bày vai trò NVCTXH với cộng đồng trong phòng ngừa tội phạm</li> <li>2. Trình bày vai trò NVCTXH với lực lượng thi hành pháp luật</li> <li>3. Trình bày vai trò NVCTXH trong công tác khởi tố</li> <li>4. Trình bày vai trò NVCTXH trong Tòa án</li> <li>5. Trình bày vai trò NVCTXH với giáo hóa phạm nhân</li> </ol>  |
| <b>Chương 5. Chính sách với tội phạm - Biện pháp can thiệp công tác xã hội đối với tội phạm, nạn nhân chuyên biệt</b> |  | 4.1.6.<br>4.1.7.<br>4.2.2.<br>4.2.6.<br>4.3.1.<br>4.3.2.<br>4.3.3.<br>4.3.4. |  | <b>SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 81 -100];</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình bày được các chính sách phòng chống, giúp đỡ nạn nhân, tội phạm là người chưa thành niên, người phạm tội về ma túy, buôn bán người</li> <li>2. Trình bày được phương pháp can thiệp người chưa thành niên là nạn nhân, người phạm tội.</li> <li>3. Trình bày được phương pháp can thiệp người phạm tội về ma túy</li> <li>4. Trình bày được phương pháp can thiệp nạn nhân/người phạm tội về buôn bán người</li> </ol> |

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả | Tên tài liệu                           | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|-------------|--|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |             |  |              |              |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Đỗ Thị Thảo | Bài giảng Công tác xã hội với tội phạm | 2018         |              | Tủ sách bộ môn CTXH        | x                |           |

|   |  |  |      |         |   |   |  |
|---|--|--|------|---------|---|---|--|
| 2 | Ths.Lý Văn Quyền                         | Giáo trình tội phạm học                              | 2008 | NXBCAND | fb.com/hocluat.vn   | x |  |
| 3 | ThS. Chu Liên Anh-<br>ThS.Dường Thị Loan | Giáo trình tâm lý học tư pháp                        |      | NXBGDVN | <a href="https://hocluat.vn">https://hocluat.vn</a><br>› Giáo trình luật  | x |  |
| 4 |  | Luật số 100/2015/QH13 của Quốc hội : Bộ Luật Hình sự |      |         | <a href="http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&amp;_page=1&amp;mode=detail&amp;document_id=183216">http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&amp;_page=1&amp;mode=detail&amp;document_id=183216</a> | x |  |

## 7. Quy định đối với sinh viên

## 8. Đánh giá kết quả học tập

| Lần đánh giá | Hình thức đánh giá         | Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)  | Chuẩn đầu ra   | Trọng số |
|--------------|----------------------------|---|--|----------|
| 1            | Điểm chuyên cần            | Tham dự lớp đầy đủ (30/30); Tích cực thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến, quan điểm. | 4.3  | 0.1      |
| 2            | Báo cáo cá nhân.           | Chương 1; 2   | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.2.1;<br>4.2.2 | 0.1      |
| 3            | Điểm kiểm tra giữa kỳ      | Chương 3; 4; ,5   | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.2.1;<br>4.2.2 | 0.2      |
| 4            | Điểm thi kết thúc học phần | Chương 1; 2; 3; 4; 5  | 4.1.1; 4.1.2;<br>4.1.3; 4.1.4;<br>4.1.5; 4.2.1;<br>4.2.2 | 0.6      |



*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

Nguyễn Thị Song Thương

Trần Kim Ngọc

Đỗ Thị Thảo

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**  
**KHOA VĂN HÓA DU LỊCH**  
**BỘ MÔN CÔNG TÁC XÃ HỘI**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần**

Tên học phần: KIỂM HUẤN TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI

Mã lớp học phần: **SO4119**

Số tín chỉ: **02**

Số tiết tín chỉ: **30 tiết (30/0/60)**

Học kỳ:

Năm học:

**2. Thông tin về giảng viên:**

**2.1. Giảng viên 1**

Họ và tên: Kiều Văn Tu

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0982103342

Email: [kieuvantu@gmail.com](mailto:kieuvantu@gmail.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

**2.2. Giảng viên 2**

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng

Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Điện thoại: 0989216484

Email: [nguyenbichhung82@gmail.com](mailto:nguyenbichhung82@gmail.com)

Đơn vị: Khoa Văn hóa – Du lịch

**3. Mô tả tóm tắt/Tổng quan về học phần**

Môn học giúp sinh viên vận dụng những kỹ năng cơ bản về kiểm huấn và các kỹ năng kiểm huấn, tiến trình kiểm huấn, phương pháp kiểm huấn. Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản nhất cho việc chuẩn bị thực hành, thực tập và làm việc tại cộng đồng hay các dự án phát triển.

**4. Mục tiêu học phần/Chuẩn đầu ra**

**4.1 Kiến thức**

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1.1. Vận dụng những lý thuyết về kiểm huấn, như khái niệm, mục đích, nguyên tắc hành động vào thực tế.

4.1.2. Nâng cao khả năng áp dụng các kiến thức nền tảng về kiểm huấn thông qua thực hành các kỹ năng kiểm huấn đối với cá nhân và nhóm.

**4.2. Kỹ năng**

4.2.1. Phát hiện, nghiên cứu về những vấn đề của người được kiểm huấn, phân tích được những nội dung, yêu cầu KHV

4.2.2. Vận dụng kiến thức đã học để có thể liên hệ thực tế, phân tích được vấn đề của các đối tượng được kiểm huấn, giúp người được kiểm huấn tự giải quyết vấn đề và nâng cao nhận thức.

4.2.3. Thực hiện được tiến trình kiểm huấn. Nâng cao khả năng làm việc nhóm, thuyết trình trước đám đông, tranh luận để đưa ra kết luận cho vấn đề.

### 4.3. Thái độ

4.3.1. Sinh viên học tập chuyên cần, và hiểu được vai trò của mình đối với thân chủ và nhóm thân chủ thông qua việc tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và các nguyên tắc hành động trong công tác xã hội.

4.3.2. Thái độ tích cực khi làm việc với cộng đồng nghèo, cộng đồng yếu thế. Xây dựng tinh thần tự giác, làm việc nhóm cao.

## 5. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

### 5.1. Lý thuyết

| Chương/Chủ đề  | Số tiết | Chuẩn đầu ra  | Phương pháp dạy – học  | Chuẩn bị của sinh viên   |
|--|---------|---|--|--|
| <p>Bài 1 GIỚI THIỆU VỀ KIỂM HUẤN</p> <p>1. Quá trình phát triển kiểm huấn</p> <p>2. Khái niệm kiểm huấn</p> <p>3. Mục đích và mục tiêu của kiểm huấn</p> <p>4. Cơ sở kiểm huấn: kiến thức, nguyên tắc, giá trị, thái độ, đạo đức</p> <p>5. Chức năng kiểm huấn</p> | 8       | <p>4.1.1</p> <p>4.1.2</p> <p>4.2.1</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p>              | <p>GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm;</p> <p>Xử lý bài tập tình huống mà GV đưa ra.</p> | <p>SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>Làm rõ những nguyên tắc, giá trị, thái độ, đạo đức trong kiểm huấn.</p> <p>Kiểm huấn có mấy chức năng</p> |
| <p>Bài 2 MÔ HÌNH VÀ LOẠI HÌNH KIỂM HUẤN</p> <p>1. Các mô hình kiểm huấn</p> <p>2. Các loại hình kiểm huấn</p>  | 6       | <p>4.1.1</p> <p>4.1.2</p> <p>4.2.1</p> <p>4.2.2</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p> | <p>GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo;</p>                                    | <p>SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>Phân tích mô hình kiểm huấn cá nhân, nhóm.</p>  |
| <p>Bài 3 TIỀN TRÌNH KIỂM HUẤN VÀ CÁC KỸ NĂNG</p> <p>1. Các thành phần của tiến trình kiểm huấn</p> <p>2. Các giai đoạn của tiến trình</p>  | 8       |   | <p>GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo;</p>                                    | <p>SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>Làm rõ những kỹ năng</p>  |

|   |          |  |  |   |
|---|----------|--|--|---|
| kiểm huấn<br>3. Các kỹ năng kiểm huấn   |          |  |  | <b>cơ bản của kiểm huấn</b>   |
| Bài 4 YẾU TỐ CON NGƯỜI TRONG KIỂM HUẤN<br>1. Kiểm huấn viên<br>2. Người được kiểm huấn<br>3. Môi quan hệ kiểm huấn<br>4. Phát triển nhân viên | <b>8</b> |  | GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo; | <b>SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4] thực hiện các yêu cầu sau:<br/>Làm sáng tỏ mối quan hệ trong kiểm huấn</b> |

## 5.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế

| Chương/Chủ đề | Số tiết | Chuẩn đầu ra | Phương pháp dạy – học | Chuẩn bị của sinh viên |
|---------------|---------|--------------|-----------------------|------------------------|
|               |         |              |                       |                        |

## 6. Tài liệu học tập

| STT | Tên tác giả                             | Tên tài liệu                                   | Năm xuất bản | Nhà xuất bản                         | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng |           |
|-----|---|--|--------------|--------------------------------------|----------------------------|------------------|-----------|
|     |   |  |              |                                      |                            | Tài liệu chính   | Tham khảo |
| 1   | Học viện Thanh thiếu niên               | Tài liệu hướng dẫn thực hành công tác xã hội   | 2015         | Hà Nội                               | Thư viện                   | x                |           |
| 2   | Kiều Văn Tu                             | Tài liệu Kiểm huấn trong CTXH                  | 2018         | ĐH ĐT (Lưu hành nội bộ)              | Phòng BM                   | x                |           |
| 3   | Nguyễn Thị Thái Lan<br>Bùi Thị Xuân Mai | Giáo trình công tác xã hội cá nhân và gia đình | 2014         | LĐ-XH                                | Phòng BM                   |                  | x         |
| 4   | Trần Đình Tuấn                          | Công tác xã hội – Lý thuyết và thực hành.      | 2010         | Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội | Thư viện                   |                  | x         |

## 7. Quy định đối với sinh viên

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi kết thúc môn học;

Có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả học tập theo quy định của giảng viên;

Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có);

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể.

## 8. Đánh giá kết quả học tập

| <b>Lần đánh giá</b> | <b>Hình thức đánh giá</b>  | <b>Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)</b>                                     | <b>Chuẩn đầu ra</b>                                  | <b>Trọng số</b> |
|---------------------|----------------------------|---|--|-----------------|
| 1                   | Điểm chuyên cần            | Tham dự lớp đầy đủ (30/30); Tích cực thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến, quan điểm. | 4.3.1; 4.3.2; 4.3.3                                  | 0.1             |
| 2                   | Báo cáo nhóm; Tiểu luận.   | Chương 1; 3; 4;   | 4.1.1; 4.1.2; 4.2.3; 4.1.4; 4.1.5; 4.1.6; 4.1.7; 4.2 | 0.1             |
| 3                   | Điểm kiểm tra giữa kỳ      | Chương 3; 4   | 4.1.1; 4.1.2; 4.2.3; 4.1.4; 4.1.5; 4.1.6; 4.1.7; 4.2 | 0.2             |
| 4                   | Điểm thi kết thúc học phần | Chương 1; 3; 4;   | 4.1.1; 4.1.2; 4.2.3; 4.1.4; 4.1.5; 4.1.6; 4.1.7; 4.2 | 0.6             |

*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

**P. TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Song Thương**

**Trần Kim Ngọc**

**Kiều Văn Tu**